

NGUYỄN LÀM
NGƯỜI HỌC TRÒ NHỎ
của
BÁC HỒ

NGUYỄN HẢI PHÚ

NGUYỄN LÀM
NGƯỜI HỌC TRÒ NHỎ
của
BÁC HỒ



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ



LỜI TÁC GIẢ

Thưa các đồng chí và các bạn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những vĩ nhân của nhân loại trong thế kỷ XX. Những người tiến bộ trên khắp các châu lục dành những lời tốt đẹp ca ngợi Bác. Tổ chức Văn hóa, Khoa học, Giáo dục của Liên hiệp quốc (UNESCO) đã vinh danh Người là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn của Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã dành cả cuộc đời tìm đường và dẫn dắt dân tộc ta giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước. Công lao của Người đối với dân tộc ta, nhân dân ta như trời biển. Tư tưởng của Người là đuốc sáng dẫn đường cho Đảng ta, dân tộc ta. Đức độ của Người chúng ta học suốt đời.

Hồ Chí Minh là bóng mát che chở cho từng con người lao khổ. Người là động lực, là nguồn sống, là chỗ dựa tinh thần và cảm hứng cho chúng ta vượt mọi khó khăn, gian khổ, quyết chiến và quyết thắng.

Thời chiến tranh, tôi bị Mỹ bắt bỏ tù ở trại giam tù binh Phú Quốc. Những lúc bị địch khủng bố, đánh đập, tra tấn dã man, ác liệt, tôi nhớ đến Bác Hồ, như được Bác tiếp thêm sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, mọi âm mưu thâm

độc của kẻ thù. Nghĩ về Bác, tôi luôn vững niềm tin vào con đường mình đã chọn, vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng Việt Nam.

Nay nghỉ hưu, có điều kiện nghiên cứu, tìm hiểu về Bác, lòng kính yêu Bác càng sâu sắc hơn. Tôi chợt nhớ câu thơ của Tố Hữu trong bài Sáng tháng Năm: *“Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta/ Ta bỗng lớn ở bên Người một chút...”*. Tôi nguyện phấn đấu là một người học trò nhỏ của Bác Hồ.

Qua mấy năm chú tâm viết về Bác Hồ, về công tác xây dựng Đảng, tôi chọn một số bài cảm thấy có chút ứng ý đã đăng trên Tạp chí Sở tay Xây dựng Đảng và Báo Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh để in thành cuốn sách này với tâm niệm góp phần nhỏ bé của mình vào việc quảng bá tư tưởng, tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, về công tác xây dựng Đảng. Cuốn sách như là một sự tri ân đối với sự giáo dục, rèn luyện của Đảng, của Bác Hồ trong suốt quá trình phấn đấu là người đảng viên cộng sản của bản thân tôi.

Trong một số bài viết, tôi có trích dẫn một vài tư liệu của các tác giả nghiên cứu về Bác Hồ. Do không có điều kiện để xin ý kiến, tôi chỉ cố gắng ghi chú nguồn rõ ràng và mong quý vị thông cảm, niệm thứ cho. Kính gửi đến các tác giả lòng biết ơn chân thành nhất của tôi.

Rất mong được lắng nghe những ý kiến đóng góp cho cuốn sách của quý bạn đọc.

Trân trọng.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng Tư, 2016.

TÁC GIẢ

BÁC HỒ

LUÔN Ở TRONG TRÁI TIM TÔI



BÁC HỒ LUÔN Ở TRONG TRÁI TIM TÔI

Ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, tôi mới có 4 tuổi, thấy các anh chị thanh niên trong làng vác tấm vòng vạt nhọn tập quân sự, đi đều một hai, một hai, tuy chưa hiểu gì nhưng cũng thấy thích thích. Chín năm kháng chiến chống Pháp, quê tôi nằm trong vùng độc lập do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quản lý, tôi được học dưới mái trường cách mạng suốt các lớp tiểu học. Lúc bấy giờ địch bao vây kinh tế vùng độc lập, có những năm bị thiếu đói do địch tăng cường đánh phá gây tổn thất về kinh tế nên đời sống người dân gặp nhiều khó khăn. Nhưng ai cũng một lòng một dạ với Cụ Hồ, ủng hộ công cuộc kháng chiến giành thắng lợi.

Quê tôi là nơi sản xuất muối, một nguồn thu tài chánh lớn từ thuế, góp phần đáng kể cho kháng chiến. Do đó thường xuyên có một trung đội bộ đội địa phương túc trực bảo vệ chống địch càn lên phá hoại. Các anh bộ đội là con em của nhân dân, họ cùng ăn cùng ở cùng làm với dân. Những dịp

lễ, tết các anh dạy cho thiếu niên nhi đồng chúng tôi học hát, múa, diễn kịch quanh đồng lửa trại, thật hào hứng vui tươi. Cùng với những bài học trong trường, tôi lớn dần từ thể chất đến tâm hồn, gắn tình cảm với cách mạng ngày một nhiều hơn. Thời ấy, quê tôi là vùng tự do hoàn toàn không có đồn giặc ở gần. Chỉ lâu lâu chúng cho tàu thủy từ biển vào đổ quân lên phá muối rồi rút xuống ngay, nên cuộc sống tuy thiếu thốn, nhưng khá yên bình. Hình ảnh về Bác Hồ cũng không có nhiều để treo trong nhà, chỉ có ảnh Bác trên những tờ giấy bạc gọi là tín phiếu lưu hành ở Liên khu 5, và những buổi lễ mới thấy có ảnh Bác và cả ảnh Các Mác, Lênin treo trên khán đài lễ. Những bài văn về Bác cũng không nhiều, vì tôi mới học tiểu học (sau đổi lại là cấp I).

Rồi giữa ta và Pháp ký Hiệp định Genève năm 1954, cán bộ, bộ đội tập kết ra miền Bắc, miền Nam dưới ách thống trị của Ngô Đình Diệm, máu người kháng chiến lại chảy dài do bị chúng tra tấn dã man.

Những năm 1956-1961, tôi sống ở Sài Gòn, lao động nuôi thân đi học, thấy rõ chế độ Mỹ - Diệm quá bất công, tàn ác, người nghèo khổ càng bị bóc lột đủ điều, lòng tôi luôn nhớ và tìm kiếm may gặp được tổ chức Học sinh Sinh viên Giải phóng Khu Sài Gòn - Gia Định và tham gia công tác khá sớm, năm 1961. Chính những bài hát, bài thơ cách mạng tôi học những năm Tiểu học và khi tham gia hoạt động cách mạng ở Sài Gòn những năm 60 đã nung nấu ý chí, khơi dậy trong tôi tình yêu cách mạng, theo con đường của Bác Hồ đã chọn.

Khi thoát ly ra vùng giải phóng, may mắn cho tôi được vào công tác ở Ban Tuyên huấn Khu ủy Khu Sài Gòn – Gia Định, làm công tác in mỹ thuật nên có điều kiện tiếp xúc nhiều tài liệu sách báo, hình ảnh về Bác Hồ. Sự kính yêu Bác lớn dần trong tôi như nước nguồn ngày càng dâng cao trên bước đường kháng chiến.

Cuối năm 1963, tôi bị viêm ruột thừa cấp, địch đang càn vào vùng giải phóng, bác sĩ tập trung ra mặt trận, khi có người mổ thì ruột thừa bị vỡ mủ, may cho tôi ruột thừa vỡ trong lúc đang mổ nên vượt qua được tử thần, nhưng ảnh hưởng nặng đến sức khỏe, không lao động nặng được nữa. Năm 1964, lãnh đạo Ban Tuyên huấn Khu ủy cho tôi đi học lớp sư phạm Trung cấp ở R, về chuyển sang công tác Giáo dục vùng giải phóng Củ Chi.

Rồi không may, tháng 9-1967, tôi bị trực thăng đổ quân chụp trên đường tôi đi họp, bị lọt vòng vây quân Mỹ bắt đày ở trại giam tù binh Phú Quốc. Hơn 5 năm rưỡi trong nhà tù Mỹ – ngụy, tôi trải qua bao lần đối mặt với quân thù. Đây là thử thách khắc nghiệt nhất mà tôi chịu đựng. Kẻ thù luôn tìm mọi mưu mô từ gian xảo, mua chuộc đến khủng bố, tra tấn đánh đập dã man, nhốt chuồng cọp, biệt giam, bắn cả vào trại giam hòng dè bẹp ý chí kháng cự của người tù quyết trung thành với Đảng. Bản thân tôi cũng bị địch tra tấn, nhốt biệt giam, có lúc tưởng không sống được. Nhưng mỗi lần gặp khó khăn, gian nguy là tôi nhớ đến Bác Hồ, đọc lại những bài thơ của Bác làm trong nhà tù Quốc Dân Đảng Trung Hoa, những bài thơ Bác chúc Tết... tự nhiên như được Người tiếp thêm sức lực vượt qua ác liệt. Lúc tình hình dễ thở, chúng tôi tổ chức học văn hóa, chính trị, kỷ niệm những ngày lễ

của đất nước như 2-9, 19-5 sinh nhật Bác. Trong cảnh tù đầy tuy chỉ làm kỷ niệm đơn sơ nhưng ý nghĩa thật lớn lao. Mỗi lần tổ chức lễ trong tù là mỗi lần chúng tôi nhớ Bác, nguyện trung thành với lý tưởng của Bác. Cũng có những anh em bị địch tra tấn vô cùng dã man, biết không thể sống được đã đồng dạc hô to khẩu hiệu “Hồ Chí Minh muôn năm” nhiều lần trước mặt quân thù. Những tiếng hô đó đã truyền thêm sức mạnh cho anh em còn sống chiến đấu kiên cường, vượt qua gian nan. Qua tôi luyện trong nanh vuốt kẻ thù, tình yêu đối với Đảng, với Bác Hồ trong lòng tôi càng sâu đậm hơn thêm, tôi đặt trọn niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, của Bác, nhờ vậy nên giữ vững được khí tiết người cộng sản cho tới ngày được trao trả sau hiệp định Paris 1973.

Được về trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa thân yêu, điều đầu tiên là tôi vô nhà sách mua ảnh Bác Hồ về treo ngay ở phòng mình. Khi trở về Nam, hành trang của tôi cũng là những tấm ảnh Bác để treo trong nhà mình và dành tặng người thân. Suốt từ đó nhà tôi luôn có ảnh Bác treo nơi trang trọng nhất.

Nhiều năm qua, tôi luôn tìm đọc các sách viết về Bác Hồ để học tập và làm theo đạo đức, tác phong của Người. Càng đọc tôi càng thấm, hiểu sâu về Bác, một con người vĩ đại, nhưng cũng là con người đời thường hơn bất cứ người dân thường nào trên đất nước ta. Công lao của Bác đối với dân tộc cao như núi Thái Sơn, rộng như đại dương không thể nào kể hết. Đức hy sinh của Bác thật vô bờ bến. Suốt cuộc đời Bác chỉ vì dân vì nước, không bao giờ chịu hưởng thụ cái gì làm hao tổn tiền bạc của cải nhân dân. Một lãnh tụ mà mặc áo vá, đi dép lố, đi xe hơi cũ, không dùng máy

lạnh điều hòa không khí, chỉ dùng quạt nan, từ chối ở nhà lầu sang trọng, ở một căn nhà sàn bình thường như một nông dân nghèo của bất cứ nơi nào trên đất nước ta. Người sống quá giản dị, từ ăn mặc đến sinh hoạt đều tiết kiệm từng đồng cho đất nước. Khi biết bộ đội phòng không trên Hội trường Ba Đình thiếu nước uống Bác đã rút toàn bộ tiền tiết kiệm của mình tặng bộ đội. Người không có một chút gì là riêng tư cho bản thân! Người đã để lại một hình tượng quá vĩ đại mà gần gũi cho chúng ta học tập noi theo. Phải nói rằng dù học suốt đời cũng không thể nào hết được điều cần làm theo Bác.

Học Bác những ngày còn công tác, tôi luôn tiết kiệm không bao giờ dùng lãng phí dù chỉ là sơ ý để đèn quạt chạy khi không làm việc. Cả một tờ giấy viết cũng theo gương Bác, tận dụng mặt chưa viết để thảo văn bản khi làm việc. Tôi cũng học Bác cả chuyện tận dụng bì thư đã dùng lộn mặt trong ra dán lại dùng tiếp lần nữa. Còn sinh hoạt cá nhân cũng luôn làm theo Bác, không bao giờ lãng phí tiền bạc khi không cần phải mua sắm. Ngay như chuyện quần áo, tôi tận dụng đồ cũ còn tốt mặc từ ngày nghỉ hưu tới nay đã 14 năm không phải may nữa.

Từ khi tôi biết dùng internet vào mạng tìm tài liệu, đọc được nhiều bài viết rất phong phú của nhiều tác giả viết về Bác Hồ, làm cho tôi hiểu sâu sắc thêm về Bác. Nhưng cũng gặp những bài viết của bọn chống cộng cực đoan nước ngoài, của kẻ bất mãn trong nước xuyên tạc, bịa đặt về Bác với dụng ý làm lu mờ hình ảnh tốt đẹp của Bác mà chúng ta đang tôn vinh học tập. Những bịa đặt, xuyên tạc ấy quá tồi bại và đê

hèn rất dễ nhận ra nên tôi cũng đủ sức phản bác và củng cố niềm tin cho mình ngày càng vững vàng hơn.

Học và làm theo Bác, tôi thấy luôn bổ ích từ việc nhỏ đến việc lớn, từ việc công đến việc riêng, chỉ có lợi không có thiệt thòi gì cả. Tôi thấy vui khi học và làm được điều tốt theo lời dạy của Bác. Vì vậy, tôi nguyện còn sống còn thờ là còn học tập và làm theo những điều Bác làm, Bác dạy. Tình yêu của tôi đối với Bác ngày càng sâu đậm hơn, đã ăn sâu trong huyết quản thành máu thịt của tôi, dù Bác đã đi xa. Ngày nay, có người tuy nói học và làm theo Bác, nhưng thực tế lại làm những điều trái với ý Bác mong, gây xấu hình ảnh người cán bộ, đảng viên, thật là đáng khinh thay. Nhưng những việc ấy không tác động được tôi, không giảm lòng tin yêu của tôi đối với Bác mà càng thương nhớ Bác hơn.

Con người ai rồi cũng phải từ giã cõi đời, phải sống sao cho trọn vẹn một lòng vì Đảng vì Bác kính yêu, để lại tiếng thơm cho mọi người tin yêu, thế mới là người học trò nhỏ của Bác, không phản bội Bác.

Nhớ ngày Bác Hồ qua đời 2-9-1969 – 2-9-2015.

BÁC HỒ VÀ BÔNG SEN

Nhiều người vẫn nhớ thời thơ ấu khi cắp sách đến trường được thầy cô giáo cho học những câu:

*“Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng
Nhụy vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”.*

Trên đất nước Việt Nam từ Bắc chí Nam rất nhiều nơi có sen – tự mọc hoặc do con người trồng. Sen được dùng làm thực phẩm, là vị thuốc trị bệnh, hoa sen được chưng trên bàn thờ Phật, tổ tiên những ngày đại lễ. Ở Việt Nam và nhiều nước trên thế giới như Ấn Độ, Hy Lạp, Ai Cập, Trung Quốc..., bông sen được con người tôn vinh vì sự mềm mại, thanh khiết, “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” của nó.

Tại một vùng quê nghèo miền Trung nước ta, ở đây nổi tiếng con người chịu khó, hiếu học. Nơi đây đã sản sinh rất nhiều nhân tài cho đất nước. Một trong những người tài ba xuất chúng đó đã có công lao vĩ đại: tìm đường, dẫn dắt dân

tộc ta giành độc lập. Đó là Nguyễn Sinh Cung – Nguyễn Ái Quốc – Bác Hồ kính yêu.

Có một sự trùng hợp rất thú vị về Bác Hồ với bông sen, xin được nêu ra đây.

Hồ Chủ tịch sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo, con cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan. Quê Bác có cái tên Kim Liên còn gọi là làng Sen – vì ở đây có rất nhiều sen. Chắc rằng quê hương làng Sen đã góp phần tạo nên khí chất, nhân cách con người Hồ Chí Minh. Đó là sự thanh cao, trong sạch, vĩ đại... được mọi người dân Việt Nam và những người yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới tôn kính.

Chị ruột của Bác là bà Nguyễn Thị Thanh, còn có tên là Nguyễn Thị Bạch Liên, nghĩa là sen trắng, thể hiện sự đẹp đẽ, thanh khiết.

Ngay những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, sống giữa bưng biển Đồng Tháp – dù chưa gặp Bác, chỉ nghe qua tin tức, sách báo, qua người khác kể và đặc biệt qua thu nhận tình cảm từ người dân Nam bộ đối với Bác, Bảo Định Giang đã viết:

*“Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”.*

Nhà thơ đã thể hiện đúng tấm lòng của biết bao người nên câu thơ phút chốc lan rộng rồi thành câu nói lời ca cửa miệng của mỗi người dân Việt.

Năm 1931, Bác Hồ với cái tên Tống Văn Sơ hoạt động cách mạng ở Hongkong (Trung Quốc). Do một cán bộ của

Quốc tế Cộng sản bị địch bắt tại Singapore làm lộ, Bác bị cảnh sát bắt giam vào nhà tù Victoria ở Hongkong. Ông Hồ Tùng Mậu, một người cùng quê cũng là đồng chí của Bác bị giam ở đây, vừa được trả tự do gặp được Bác, ông Mậu có quen biết với luật sư Loseby (Lô-dơ-bi) nên đến nhờ luật sư giúp đỡ. Từ người chồng tiếp xúc với Bác, phu nhân của luật sư thường đến nhà tù thăm Bác.

Một ngày nọ, bà Virginia Woolf, nữ văn sĩ, vợ của Phó Thống đốc Hongkong Thomas Southorns là bạn thân của bà Loseby, biết bạn mình đi tìm mua hoa sen để tặng cho một nhà cách mạng đang ngồi tù. Đoán là chuyện ly kỳ, Woolf mời bạn về nhà mình, bắt kể hết sự việc. Sau đó, hai người lại ra chợ tìm mua bằng được một bó hoa sen, thứ hoa không được ưa chuộng tại đây nên rất ít người bán... Họ vào nhà tù mang tên nữ hoàng Anh Victoria. Nữ văn sĩ hỏi ông Tổng về sinh hoạt trong nhà tù, về đất nước Anh và về những đề nghị giúp đỡ mà bà có thể làm được. Ông Tổng thành thực cảm ơn, nói rằng bà luật sư đã giúp đỡ ông về nhiều mặt và vì thế không dám phiền bà Woolf nữa. Nữ văn sĩ rút trong túi xách một chiếc lọ có sẵn nước và cắm hoa sen vào. Bà Loseby nói: “Những bông sen này sẽ giúp ông đỡ nhớ nhà”...⁽¹⁾.

Chuyện nhà thơ Bảo Định Giang ví Bác Hồ với bông sen diễn ra sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác đã là lãnh tụ, nhiều người hiểu biết nhân cách của Người. Nhà thơ viết được câu thơ trên là một sáng kiến tinh tế, một nhận định rất đúng về Bác Hồ. Dân tộc ta hiểu lãnh tụ của mình, đó là đương nhiên. Còn sự việc Bác đang bị giam ở

(1) Theo Lê Văn Hiếu, *Bản tin Mặt trận số tháng 5-2010*.

Hongkong, khi đó chưa được nhiều người biết đến. Vậy mà Bác đã được một người nước ngoài nhận rõ phẩm chất đáng kính của Bác. (Vợ chồng luật sư Loseby là ân nhân của Bác Hồ và của dân tộc Việt Nam vì đã có công lớn cứu Bác ra khỏi nhà tù Victoria). Việc bà luật sư Loseby tìm mua bằng được hoa sen để tặng Bác là hoàn toàn có dụng ý.

Cụ Nguyễn Sinh Sắc – phụ thân Bác Hồ, sau khi tù quan (tri huyện Bình Khê – Bình Định) đã vào Phan Thiết rồi nhiều tỉnh Nam kỳ, sang cả Phnom Pênh (Campuchia) tìm bạn tâm giao, bàn kế cứu nước, bằng nghề coi mạch bốc thuốc trị bệnh cứu người. Cuối cùng cụ chọn Đồng Tháp sống đến cuối đời. Tình người, tình đất, hương sen nơi này đã níu giữ cụ. Sen Kim Liên quê hương nơi cụ chào đời, sen Đồng Tháp mãi mãi tỏa hương bên lăng mộ cụ.

Sen Kim Liên, sen Tháp Mười, sen Việt Nam và cả sen nước ngoài đã gắn gũi, gắn bó như tấm lòng của biết bao người đối với người đã khai sáng dân tộc Việt từ trong nô lệ...

Ngày nay Bác Hồ đã đi xa, nhưng mỗi người dân Việt vẫn giữ sâu nặng tình yêu quý kính trọng Người, vẫn nhớ, vẫn hát:

*“Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”.*

Hiện nay, nhiều gia đình dành nơi trang trọng nhất trong nhà làm bàn thờ Bác. Cứ đến ngày sinh của Bác, Lễ độc lập 2-9, Tết Nguyên đán..., họ chưng bông sen lên bàn thờ để nhớ công ơn của Người.

TÌM HIỂU TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Mở đầu Tuyên ngôn Độc lập đọc tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh có trích dẫn Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ, của Pháp:

“Hỡi đồng bào cả nước,

Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do...”

Bà Lady Borton, một người Mỹ gắn bó với Việt Nam có bài viết về Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ:

“Bản Tuyên ngôn của Mỹ viết:

“... Chúng tôi coi đây là chân lý hiển nhiên, rằng mọi đàn ông (tôi gạch dưới) sinh ra đều bình đẳng...”

“We hold these truths to be self-evident, that all men (emphasis mine) are created equal...”

Khi Tuyên ngôn của Mỹ viết năm 1775⁽¹⁾, “mọi đàn ông” (all men) là “đàn ông da trắng có sở hữu”, mà “sở hữu” lúc đó thường là nô lệ da đen. Đàn ông da đen có quyền được đi bầu 95 năm sau đó; phụ nữ Mỹ được đi bầu 50 năm sau nữa.

Khác với Tuyên ngôn của Mỹ, “Tuyên ngôn Độc lập” của Hồ Chí Minh bắt đầu bằng câu:

Tất cả mọi người (tôi gạch dưới) đều sinh ra có quyền bình đẳng...”

“All people (emphasis mine) are created equal...”

Hơn nữa, cách chọn từ của Hồ Chí Minh trong lời kêu gọi của mình: “Hội đồng bào cả nước”, rõ ràng chỉ ra được ý định tập hợp mọi người dân. “Đồng bào” là “cùng trong một bọc trứng” mà theo huyền thoại gốc của Việt Nam do bà Âu Cơ sinh ra trăm trứng, nở ra trăm người con: 50 người lên núi và 50 người xuống đồng bằng.

(1) Theo en.wikipedia.org, Tuyên ngôn Độc lập Mỹ (United States Declaration of Independence) được viết vào khoảng tháng 6 đến đầu tháng 7-1776, tác giả chính là Thomas Jefferson (1743 – 1826, tổng thống thứ ba của Mỹ (1801 – 1809)). Nhưng tôn trọng tác giả, chúng tôi vẫn trích nguyên văn lời của bà Lady Borton.

“Tuyên ngôn Độc lập” của Cụ Hồ bao hàm ngôn ngữ tổng hợp như “dân” (people, common people); “nhân dân” (citizens) và “dân tộc” (nation, the people) cũng là từ chính thức để chỉ bất kỳ dân tộc nào trong 54 dân tộc của Việt Nam. Từ tiếng Việt để chỉ “đàn ông” không hề xuất hiện ở đây”.

Trước năm 1945, Việt Nam còn là một xã hội Nho giáo, phụ nữ phải tam tòng: còn nhỏ phải theo cha, lấy chồng phải theo chồng, khi chồng chết phải theo con trai. (Câu của Khổng Tử: Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử). Người phụ nữ lúc đó không bao giờ được tự thuộc về bản thân mình⁽¹⁾.

Bà Lady Borton giải thích cho người đọc ở Mỹ rằng Bác Hồ rất giỏi tiếng Anh không dịch sai. Cụ phân biệt được từ “men” (đàn ông) với “people” (mọi người). “Với việc chỉ sửa một từ trong bản dịch của mình, Cụ Hồ đã khôn khéo thông báo được cho nhân dân của Cụ và thế giới một cuộc cách mạng thứ hai: đó là Hồ Chí Minh đã tuyên bố độc lập cho phụ nữ Việt Nam”.

Đúng vậy, Bác Hồ đã có nhiều năm làm việc và học tiếng ở Anh quốc. Dụng ý của Bác còn có điều sâu sắc hơn.

Trong hành trình tìm đường cứu nước, tháng 12-1912 và đầu năm 1915, Bác đã đến nước Mỹ, chắc chắn Người có tìm đọc “Tuyên ngôn Độc lập” nước Mỹ, nên năm 1927 với tên Lý Thụy tại Quảng Châu (Trung Quốc) sách Đường khách mệnh viết lần đầu tiên giảng về lịch sử cách mạng Mỹ

(1) Theo Lady Borton, trích trong bài Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập Mỹ, Tạp chí Xưa & nay, số 81B tháng 11-2000, tr.3

cho lớp chiến sĩ cách mạng Việt Nam tiên phong, Bác đã ca ngợi cuộc cách mạng 1776 vì đó thực chất là một cuộc đấu tranh giải phóng, rồi dịch bản Tuyên ngôn bằng một lời lẽ thật độc đáo:

“Giời sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng. Hễ chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ chính phủ ấy đi”. Nhưng Bác lại kết luận: “Nhưng bây giờ (1927) chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh... Mỹ tuy cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công – nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ tính cách mệnh lần thứ hai...”⁽¹⁾.

Những cứ liệu trên cho ta nhận thấy: khi trích dẫn từ Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ đã được Bác chọn lọc và dùng có chủ đích: lấy ý chính rồi nâng lên theo yêu cầu của công cuộc cách mạng Việt Nam. Cách mạng Việt Nam có yêu cầu cao hơn, tiến bộ hơn nên Tuyên ngôn Bác viết cũng khác hơn Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ ra đời 169 năm trước. Đây là điểm đáng chú ý về sự tiến bộ của Tuyên ngôn Độc lập do Hồ Chí Minh viết so với Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ.

Bác Hồ là người nhìn xa trông rộng, đi tiên phong và nắm vững thời cơ giành độc lập, đưa nước ta chuyển sang thời đại mới, xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân – chế độ

(1) Theo Dương Trung Quốc, trích trong bài Bác Hồ với nước Mỹ, Tạp chí đã dẫn, tr.7

xã hội tiến bộ nhất Đông Nam Á, trong lúc ở châu Á, châu Phi nhiều nước còn là nô lệ của một số nước phương Tây.

Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945 là một văn kiện không chỉ có giá trị lịch sử, văn học của Việt Nam mà còn có giá trị đối với nhiều nước, nhiều học giả tiến bộ trên thế giới. Chúng ta có quyền tự hào về bản Tuyên ngôn bất hủ đó.

BÀI THƠ XUÂN ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

Cứ mỗi độ Xuân về, quân dân cả nước trông chờ nghe Bác đọc thơ chúc Tết trên Đài Tiếng nói Việt Nam hoặc nhận được thiệp thơ Bác chúc Tết do các cơ quan gửi tặng.

Từ 1955, Bác Hồ luôn có thơ chúc Tết đều đặn hàng năm. Ở miền Bắc, thiệp chúc mừng năm mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh do Văn Phòng Chủ tịch nước in màu đỏ, có Quốc huy trang trọng, phát hành đến cơ sở. Ở miền Nam, trong hoàn cảnh chiến tranh, thơ Bác do từng tỉnh in và phát hành. Tại khu Sài Gòn – Gia Định, Ban Tuyên huấn Khu ủy tổ chức làm thiệp thơ Bác Hồ chúc Tết rất đặc biệt để phục vụ nhiều đối tượng khác nhau, trong đó có các trí thức, văn nghệ sĩ... ở nội thành. Từ ngày 1-1 Dương lịch, thơ Bác đã được gửi vào theo đường vô tuyến. Trước tiên anh Đoàn Vi Đức (Sáu Tích), tổ trưởng tổ in litho, người viết chữ rất đẹp được vinh dự viết trên giấy bóng cứng, chữ to. Kế đến anh Tư Họa (Đào Hữu Phước – họa sĩ) kẻ chữ nhan đề và trang

trí ảnh Bác. Sau cùng đến anh Dương Thanh Phong (Hai Hình), tổ trưởng tổ nhiếp ảnh chụp lại, in trên giấy ảnh, làm ra hàng loạt nhỏ bằng tấm danh thiếp, vừa gọn, đẹp, dễ cất giữ, khi cần lấy ra xem để nhớ và làm theo lời dạy của Bác nên ai được tấm thiếp thơ chúc Tết của Bác Hồ là vui lắm. Đây là món quà quý không phải ai cũng có (số lượng có hạn, không đủ cho tất cả).

Ở chung với các anh, một căn cứ trong rừng mấy năm, tôi nhận công tác mới đi nơi khác, nhưng Tết năm nào các anh cũng gửi tặng tôi thiếp thơ Bác Hồ chúc Tết đều đặn. Trước Tết Mậu Thân 1968, trực thăng Mỹ đổ quân, lọt vòng vây, tôi bị bắt, địch giam ở Phú Quốc.

Bài thơ Xuân năm 1969 của Bác Hồ được anh em mới vào truyền lại:

*Năm qua thắng lợi vẻ vang
 Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to
 Vì độc lập, vì tự do
 Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào
 Tiến lên, chiến sĩ đồng bào
 Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn.*

Bài thơ đã góp phần củng cố niềm tin, tiếp sức cho chúng tôi thêm vững vàng vượt qua mọi âm mưu thâm độc của quân thù, chiến thắng trở về với Đảng với dân sau Hiệp định Paris đầu năm 1973.

Sau ngày giải phóng miền Nam gặp lại anh Hai Hình, anh nói: “Từ năm 1970 mình vẫn in bài thơ Bác Hồ chúc Tết năm 1969 để mọi người nhớ lời Bác, hoàn thành nhiệm vụ

Bác trao”. Bài thơ “cũ” của Bác, nhưng với cán bộ, chiến sĩ ở chiến trường, nhân dân ở hậu phương vẫn còn mới. Bác như vẫn đi thăm ruộng đồng, nhà máy. Bác cùng các đoàn quân ra mặt trận. Bác đang thúc giục mọi người xông lên chiến đấu...

Mỗi năm trong thơ chúc Tết, Bác đề ra nhiệm vụ để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cần phấn đấu thực hiện. Đến bài thơ Xuân 1969, trước khi đi xa, Bác đã nói rất rõ chiến lược giải phóng miền Nam. Thực tế chiến đấu diễn ra đúng như lời Bác: “Đánh cho Mỹ cút” đầu năm 1973, rồi tiếp “đánh cho ngụy nhào” ngày 30-4-1975. Cuộc chiến vô cùng ác liệt, vùng giải phóng Củ Chi (Gia Định), Bến Cát (Bình Dương), Trảng Bàng (Tây Ninh), Mỹ dùng máy bay rải chất độc hóa học, cho xe ủi phát quang cây cối, hầm bí mật nhiều nơi bị đánh sập chôn vùi nhiều thứ quý giá. Dù vậy, đến ngày đại thắng, nhiều người còn giữ được tấm thiệp thơ Bác Hồ chúc Tết do các anh làm từ năm 1969. Cầm tấm thiệp mới chụp lại do anh Hai Hình tặng, tôi thật cảm động. Tôi nhớ những kỷ niệm sống, công tác cùng các anh thời gian khổ, thương tiếc anh Sáu Tích, Tư Họa đã hy sinh vì bom đạn Mỹ!

Bác đã đi xa, nhưng Bác vẫn đang dõi theo công cuộc xây dựng để đất nước “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”. Lời Bác vẫn vang vọng khi cán bộ, chiến sĩ, nhân dân làm tốt công việc, Bác thường nói: “Thế là tốt...”

Bài thơ chúc Tết năm 1969 của Bác Hồ có tính lịch sử đặc biệt. Đó là bài thơ cuối cùng của Bác, Bác chỉ “đường đi nước bước” rõ ràng nhất. Bài thơ được dùng lại nhiều lần vào Tết sau để hiệu triệu tiếp mọi người nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ Quốc. Đây cũng là lời “Di chúc bằng thơ” Bác để lại cho chúng ta trước lúc đi xa!.

BÁC HỒ Ở PÁC BÓ

Ngày 28-1-1941, Bác Hồ về nước qua cột mốc 108, thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, Cao Bằng, ở tại nhà ông Máy Lì, một cơ sở của cách mạng. Sau mấy ngày thấy bất tiện, Bác bàn tìm chỗ vào ở núi.

Theo Hồi ký của đồng chí Lê Quảng Ba, người đã theo dẫn đường Bác về nước và bảo vệ Bác thời gian ở Pác Bó. “Bác Hồ đã chỉ thị cho chúng tôi phải nghiên cứu từng nơi làm việc cho thích hợp, kín đáo hơn. Bác nói đại ý: “Ở đây dựa vào dân thì có nhiều thuận lợi, nhưng cũng có cái không lợi cả cho yêu cầu hoạt động bí mật của ta mà cũng không tiện cho sinh hoạt của dân, nên phải “sáu sán” thôi... “Sáu sán” tiếng địa phương có nghĩa là vào núi. Mà đã vào núi thì phải ở hang hoặc dựng lán... Bác đã hỏi ông Máy Lì ở đây có chỗ nào mưa không hắt tới không? Như vậy chúng tôi hiểu ý Bác là phải ở hang. Chúng tôi bàn cách tìm hang. Cụ Máy Lì cho biết, gia đình cụ có một cái hang sâu và rất kín dùm lánh nạn khi có phi về cướp, giết người. Cụ đưa chúng tôi và Bác đi xem. Xem hang nhà cụ Máy Lì, Bác ưng ngay. Chúng

tôi quyết định tiến hành công tác chuẩn bị vào hang. Anh Phùng Chí Kiên giao cho tôi (Lê Quảng Ba) liên hệ với cơ sở để chuẩn bị các thứ. Anh Cáp, anh Lộc được phân công trở lại hang nghiên cứu thêm lối vào, đường ra và tình hình cụ thể trong hang.

Cụ Máy Lì cho chúng tôi mượn năm tấm ván gỗ nghiêng. Ván hơi ngắn nên khi kê để ngủ phải nằm hơi co mới đủ chỗ cho năm người. Chúng tôi chặt cây làm một cái giá trên có lúp nửa để Bác và anh em đặt túi đựng quần áo.

Cùng ở hang có có các anh Phùng Chí Kiên, Hoàng Sâm, Thế An, anh Cáp, anh Lộc và tôi. Nhóm công tác của chúng tôi do anh Phùng Chí Kiên phụ trách, còn các anh Quốc Vân, Đức Thanh (tức Đàm Minh Viễn) là đường dây liên lạc và đồng thời phụ trách lực lượng vũ trang bảo vệ vòng ngoài.

Ở hang được ít lâu, chúng tôi thấy trong người rất mệt. Sức khỏe của Bác lúc đó cũng không được tốt lắm. Người gầy, nước da xấu, ăn uống kham khổ mà Bác lại làm việc căng thẳng nên chúng tôi rất lo.

Tuy nói là bảo vệ Bác, nhưng thực chất Bác là người dạy chúng tôi rất nhiều trong công tác bảo vệ. Bác quan tâm giáo dục chúng tôi rất chi li từng việc rất bổ ích. Những việc tiếp xúc với dân trước hết phải được nhân dân quý mến, tin tưởng nhưng đồng thời phải hóa trang hợp lý để đảm bảo giữ bí mật công việc cách mạng đang làm. Và thực tế chúng tôi đã làm tốt lời Bác dạy. Những cơ sở cách mạng ở vùng Pác Bó ngày cả như anh Đại Lâm cũng chỉ biết là có cán bộ

Trung ương quan trọng về nhưng không biết có bao nhiêu người, cụ thể là ai, hiện nay ở đâu.

Còn chuyện nhận lương thực do dân giúp đỡ, Bác dạy mỗi lúc phải có giờ giấc, cách làm cách đi lại khác nhau không để địch nắm được quy luật hoạt động của ta, ngày nhận lương thực chuyển đến phải luôn thay đổi, mang lương thực trên đường phải hóa trang hợp lý và đường đi phải có hướng thay đổi luôn. Gạo và muối do các cơ sở vận động quyên góp không nên tập trung để ở một nhà, phải phân tán mỗi nơi một ít. Đồ dùng cho hậu cần mượn của dân phải mỗi nhà một thứ, thậm chí có thứ phải mượn nhiều nhà... Bác kể cho chúng tôi nghe rất nhiều những mẫu chuyện về đời hoạt động của Bác khi còn ở nước ngoài, nội dung mỗi chuyện tuy xảy ra ở các nước khác nhau nhưng đều nhằm giáo dục chúng tôi ý thức giữ bí mật. Cuối cùng Bác dạy: “Trong điều kiện và hoàn cảnh cách mạng nước ta hiện nay, bí mật phải được coi là nguyên tắc trong mọi hoạt động của Đảng...”

Pác Bó lúc đó là khu vực an toàn hơn các khu vực khác trong vùng, nhưng là nơi kẻ địch luôn dòm ngó, tìm kiếm, tổ chức phục kích các ngã đường nghi có cán bộ ta đi qua. Cách nơi Bác ở về phía bản Lũng mười cây số, chúng dựng đồn với hơn một trung đội lính đồng do Pháp chỉ huy tổ chức tuần tra, kiểm soát, bắt bớ hoặc càn quét những bản nghi có cán bộ ta hoạt động. Đồng thời hoạt động của bọn phi này rất táo tợn nên chúng tôi cũng lo lắng, trăn trở về nhiệm vụ bảo vệ Bác.

Hằng ngày, sau giờ làm việc buổi chiều, Bác thường đi dạo leo núi, nhưng thực ra Bác đi nắm tình hình khu vực,

phần lớn anh em chúng tôi hoạt động ở vùng này lâu nay quen với lối suối treo đèo nhưng đôi lúc phải vừa đi, vừa chạy mới theo kịp Bác. Có nhiều việc rất đơn giản nhưng Bác hỏi, anh em chúng tôi không trả lời được. Cũng có việc chúng tôi đã làm nhưng khi nghe Bác giảng giải mới biết mình còn đơn giản và khờ dại quá. Ý thức cảnh giác có nghĩ đến nhưng cách giữ bí mật còn tùy tiện, non kém. Bác dạy chúng tôi hoạt động ở vùng núi, dân thưa, khi đi công tác tốt nhất là phải mang theo cơm nắm. Như vậy vừa được việc mà không gây phiền hà cho dân. Kẻ địch lại rất tinh quái, ở đâu mà chúng chẳng cài người vào. Những bang tá, trưởng bản,... và ngay cả những gia đình người dân tộc sống ven đường đi, địch thường dùng vật chất như bạc hoa xòe, muối, vải để mua chuộc làm chỉ điểm. Mình phải sâu sát giáo dục ý thức ủng hộ cách mạng cho đồng bào, nhưng phải chú ý phát hiện tay chân của chúng. Trên đường đi, khi ăn cơm phải tìm nơi suối sạch sẽ, ăn cơm xong lá đùm cơm phải chôn sâu, tiện khi rửa tay khoát cho nước gội hết những hạt cơm vãi xuống suối, cá được ăn mà ta xóa được dấu vết, làm cho kẻ địch có mắt cũng như mù. Hoạt động bí mật phải “lai vô ảnh, khứ vô hình”. Chúng ta đến địch không biết mà rút đi chúng cũng không hay, thì mới bảo vệ được mình và có nhiều thuận lợi diệt địch.

Tới đây lực lượng cách mạng sẽ phát triển. Kẻ địch lại càng tìm mọi cách tiêu diệt lực lượng cách mạng. Tình hình sẽ căng thẳng và phức tạp hơn nhiều. Chúng ta phải vừa chiến đấu vừa tăng gia sản xuất và làm nhà ngoài rừng để ở... Tăng gia hoặc làm nhà cũng phải biết giữ bí mật. Trồng rau hay gieo ngô cũng phải làm đúng kiểu cách của dân tộc

nơi mình ở. Làm lán ở cũng phải giống kiểu lán của đồng bào. Nếu ta làm khác đi là địch và bọn xấu sẽ phát hiện được ngay. Khi làm lán cũng phải tính toán sao cho có lợi đôi đường. Mỗi lán chỉ nên làm đủ một đến hai người ở là cùng. Nơi làm lán phải xem xét vừa lợi cho việc quan sát phát hiện địch từ xa nhưng đồng thời phải có đường rút lui khi bị vây. Liếp che xung quanh lán không nên dùng nứa đan vững chắc mà nên dùng cỏ tranh tết nẹp lại thành tấm để che. Trường hợp bị địch vây hoặc đến gần mới bị phát hiện được thì chỉ việc lách nhẹ qua liếp tranh cho dễ dàng. Muốn bảo vệ Đảng, trước hết mỗi đảng viên phải suy nghĩ tự bảo vệ mình. Nghĩ lại những năm trước đây, khi Đảng bị khủng bố, nhiều đồng chí bị bắt bị tù tội và hy sinh, anh em chúng tôi càng thấm thía lời Bác dạy.

Ở hang đến tuần thứ hai, chúng tôi thấy tình hình sức khỏe của Bác có hiện tượng mệt mỏi hơn. Chúng tôi ai nấy đều lo lắng cho sức khỏe của Bác. Có hôm dọn vệ sinh, anh Hoàng Sâm phát hiện thấy rắn độc chui vào hang, nằm dưới tấm phản ngay chỗ Bác nằm. Hằng ngày Bác vẫn mãi miết làm việc, ít khi thấy Bác rảnh rỗi. Mỗi buổi đi dạo, chúng tôi vẫn thấy Bác nhanh nhẹn, vui vẻ hoạt bát nên cũng yên lòng. Cứ năm ba ngày cụ Máy Lì lại đem lương thực vào một lần. Bác tiếp cụ rất thân mật và chuyện trò thật vui vẻ. Ngay cả cụ Máy Lì cũng không biết Bác là ai. Một lần, trong câu chuyện vui, cụ hỏi tên Bác, Bác cười rồi chậm rãi giải thích: “Sáu sán” là vào núi, còn có nghĩa là “Thu Sơn”. Tên tôi là Thu Sơn. Từ đó mỗi lần gặp cụ Máy Lì thường chào Bác bằng câu: Chào ké Thu Sơn (Già Thu). Chúng tôi và một số anh em khác cũng từ đó dùng cái tên “Già Thu” để giải thích

cho các đồng chí khác khi bị hỏi về Bác mà theo nguyên tắc không được nói rõ hơn.

Chúng tôi có ý định làm một lán để Bác ở, đảm bảo sức khỏe hơn. Khi báo cáo ý định đó, được Bác đồng ý, chúng tôi rất vui mừng. Công việc chuẩn bị được khẩn trương tiến hành. Việc tìm một địa điểm làm lán theo Bác dạy cũng rất khó. Một hôm, sau giờ làm việc buổi chiều, Bác đi dạo đến một đoạn suối cách cửa hang không xa, Bác dừng lại quan sát và gợi ý chỗ này nên làm lán ở thì tiện nhất. Nơi Bác chỉ là một khoảng đất bằng ngay cạnh bờ suối. Con suối nước rất trong và ngay bờ có nhiều tảng đá to và đẹp. Phải đi ngược theo dòng nước chảy mới vào được cửa hang nơi Bác ở. Nhưng đứng ở đây nhìn lên thì không thấy được cửa hang. Khi có biển, có thể theo dòng suối rút vào hang hoặc lên triển núi có rừng cây rậm cũng rất tiện.

Thế là chúng tôi bắt tay ngay vào công việc dựng lán. Lán rộng chỉ vừa chiếc chiếu đôi. Cửa lán hướng xuống con đường mòn dưới thung lũng. Chung quanh cũng dùng cỏ tranh thay liếp nửa như lời Bác dạy, nhưng bên ngoài có treo thêm một số tàu lá cọ trông giống như những cái lán canh nương của đồng bào. Anh Lộc hướng dẫn chúng tôi vào rừng lấy nửa tếp (loại nửa chỉ lớn bằng ngón chân cái), vót nhọn làm hàng rào chung quanh. Anh giải thích, đây là kinh nghiệm của đồng bào dân tộc thường dùng loại cây này để rào vườn nhà vì con hổ trông thấy rất sợ.

Lán làm xong, chúng tôi mời Bác ra xem. Bác rất ưng và ngay ngày hôm sau, anh Kiên mời Bác xuống lán ở và làm

việc. Bác đồng ý và chỉ ban ngày mới xuống lán làm việc, ăn nghỉ còn ban đêm lại vào hang.

Lương thực do đồng bào giúp đỡ thường là gạo ngô (bắp bẹ) xay nhỏ và muối. Có hôm thấy gạo gần hết, Bác bảo chúng tôi nấu cháo ngô (cháo bẹ) ăn thay bữa. Còn rau xanh chủ yếu là măng tịt kiếm trong rừng. Có hôm câu được con cá hoặc hái được ít rau rớn (loại giống cây dương xỉ mọc ven bờ suối) thì bữa ăn được cải thiện và ngon miệng hơn. Một hôm Bác và chúng tôi đang ăn cháo ngô, có người nói đùa đây là bánh đúc, thì Bác ung dung đọc mấy câu thơ:

*Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang...*

Thơ Bác làm hiện thực với cuộc sống quá, chúng tôi mỗi người đọc lại một câu và giải nghĩa luôn. Đến lượt anh Hoàng Sâm đọc câu “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng” thì tất cả ai cũng cười vang.

Thật vậy, tôi chen vào: “Đúng hòn đá chông chênh thật nhưng vững lắm đấy. Thế mà có hôm anh Kiên thấy Bác ngồi làm việc lại sợ Bác ngã”.

Chúng tôi vui vẻ tranh nhau và đọc đi đọc lại những câu thơ của Bác. Bác nhìn chúng tôi cười hiền hậu và với giọng ấm áp. Bác nói:

– Thôi các chú ăn tiếp đi kéo cháo bẹ nguội mắt!...

Bác đã đi xa, nhưng biết bao kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời những người chiến sĩ bảo vệ Bác mãi mãi là những bài học truyền thống vẻ vang không bao giờ phai.

Ý kiến người sưu tầm:

Tôi rất xúc động khi đọc đoạn hồi ký này của đồng chí Lê Quảng Ba, qua đó cho chúng ta hiểu thêm trí tuệ của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Thuở Bác ra đi tìm đường cứu nước Người còn rất trẻ. Tuy là người ở nông thôn nhưng Bác của chúng ta đâu đã hoạt động cách mạng, chưa có kinh nghiệm về vấn đề giữ bí mật. Ba mươi năm lăn lộn xứ người, Bác cũng chưa bao giờ ở rừng. Thế mà khi về nước vào ở hang Bác Pó, Bác đã dạy cho những học trò từng hoạt động ở rừng núi cách thức giữ bí mật thật phù hợp với thực tế tình hình nơi ở. Đây cho ta hiểu Bác rất sâu sắc, cẩn trọng trong từng công việc, một đức tính mà người cán bộ nào cũng phải rèn luyện cho tốt.

Chúng ta khi chưa có dịp “về nguồn” thăm thực địa những “địa chỉ đỏ” như Pác Bó thì việc “nhớ nguồn” từ việc đọc những hồi ký của các đồng chí cán bộ cách mạng tiền bối như trên đã mang đến nhiều điều bổ ích, nuôi dưỡng thêm lòng biết ơn của người đang sống được “uống nước” hôm nay.

BÁC HỒ VỚI MIỀN NAM, MIỀN NAM VỚI BÁC HỒ

BÁC HỒ VỚI MIỀN NAM

Cả cuộc đời mình, Bác Hồ dồn toàn tâm, sức lực công cuộc giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ mới trên toàn đất nước Việt Nam. Bác Hồ cũng luôn dành tình cảm đặc biệt cho đồng bào miền Nam ruột thịt bởi “miền Nam đi trước về sau”. Cuộc đấu tranh với thực dân Pháp giành được nửa nước, rồi phải chiến đấu với đế quốc Mỹ vô cùng khó khăn, gian khổ, vì vậy Bác Hồ không chỉ dành cho miền Nam nhiều tình thương mà lo cho miền Nam ngày đêm không nguôi.

Ngay khi từ Liên Xô về Trung Quốc đang tìm đường về nước, năm 1940, lúc Bác đang ở Trung Quốc thì nghe tin cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã nổ ra, Người liền viết thư chỉ đạo, nhưng không thể chuyển đi được.

Khi về nước thời gian ở Pác Bó Người lo toan vô vàn công việc chuẩn bị mọi điều kiện để giành chính quyền khi

thời cơ đến. Dù bận như thế, Bác vẫn luôn quan tâm đến miền Nam. Trong tập diễn ca: “Lịch sử nước ta”, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

*“Nam Kỳ im lặng đã lâu,
Năm kia khởi nghĩa đương đầu với Tây”.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 163-SL ngày 14 tháng 4 năm 1948 thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất cho Đội quân Khởi nghĩa Nam Kỳ. Sắc lệnh ghi: “Đội quân khởi nghĩa Nam Bộ năm 1940, đã nổi lên chiến đấu oanh liệt với địch và đã biểu dương được ý chí quật cường của dân tộc”.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, cả nước giành được chính quyền về tay nhân dân, ngày 2 tháng 9, Hồ Chủ tịch đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại vườn hoa Ba Đình báo với đồng bào cả nước, mọi người trên thế giới rằng từ nay nước Việt Nam đã độc lập. Ngay ngày hôm đó ở Sài Gòn địch đã khiêu khích bắn vào người dân biểu tình và 20 ngày sau Pháp được quân Anh hỗ trợ đánh chiếm trụ sở Ủy ban hành chính Nam Bộ.

Trước tình hình ấy nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam Kỳ đã đứng lên chống thực dân Pháp một lần nữa. Hồ Chủ tịch ủng hộ chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ và làm nhiều việc cho Nam Bộ.

Ngày 29-10-1945, Bác ra lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ và lời kêu gọi thanh niên Nam Bộ, vạch rõ phương hướng hoạt động của toàn dân thực hiện: “Vì công lý, cuộc kháng chiến của dân tộc ta phải hoàn toàn thắng. Quân Pháp đi đến đâu sẽ gặp cảnh đồng không nhà vắng, không người, không

lượng thực... Đồng bào miền Nam trong một tháng nay, đã tỏ rõ tinh thần vững chắc, hùng dũng, đáng làm gương cho lịch sử thế giới... Các bạn thanh niên Nam Bộ đã là bức vạn lý trường thành vững chắc”.

Ngày 1-6-1946, trước khi lên đường sang Paris để đàm phán với chính phủ Pháp tại Hội nghị Phông-ten-nơ-blô, Hồ Chủ tịch lại có thư gửi đồng bào Nam Bộ:

“Cùng đồng bào Nam Bộ yêu quý!

Được tin tôi cùng đoàn đại biểu qua Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức, đồng bào cả nước, nhất là đồng bào Nam Bộ đều lấy làm bâng khuâng. Bâng khuâng vì chưa biết tương lai Nam Bộ thế nào?

Tôi xin đồng bào cứ bình tĩnh. Tôi xin hứa với đồng bào rằng Hồ Chí Minh không phải là người bán nước. Đồng bào Nam Bộ cùng hy sinh tranh đấu mấy tháng trường để giữ gìn non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ. Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi...”

Tuyên bố với quốc dân khi đi Pháp trở về, ngày 23-10-1946, Bác lại khẳng định: “Đối với gan vàng, dạ sắt của đồng bào Nam Bộ, toàn thể quốc dân không bao giờ quên, Tổ quốc không bao giờ quên, Chính phủ không bao giờ quên. Tôi kính cẩn cúi đầu chào trước linh hồn các liệt sĩ và xin lỗi những đồng bào đang khổ sở, hy sinh...”

Chủ trương hòa hoãn thông qua đàm phán tại Fontenay-le-Comte và ký tạm ước 14-9-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh là hết sức sáng suốt và đúng đắn, tạo điều kiện để quân dân cả nước, đặc biệt là đồng bào, chiến sĩ Nam Bộ có thời gian để xây dựng lực lượng chiến đấu lâu dài. Phân tích và đánh giá chủ trương đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Các đồng chí và đồng bào Nam Bộ cho rằng chủ trương này đúng. Mà đúng thật. Vì đồng bào và đồng chí ở Nam Bộ đã khéo lợi dụng dịp đó để xây dựng và phát triển lực lượng của mình...”

Bác Hồ và Trung ương Đảng gửi cán bộ, chiến sĩ chi viện cho Nam Bộ, những chuyến xe hỏa nườm nượp chở bộ đội, vũ khí liên tục vào Nam. Khi đường bộ bị phong tỏa, cán bộ trong Nam ra Bắc tiếp tục chở vũ khí về tới Phú Yên rồi tiếp tục chở theo đường biển về Nam phục vụ kháng chiến chống Pháp. Đồng chí Nguyễn Thị Định là người ra Bắc từng được Bác Hồ tiếp vào thời kỳ này.

Ngay sau khi quân Pháp đánh chiếm Sài Gòn và lan ra các tỉnh Nam Bộ, Bác Hồ đã trực tiếp trao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Bình vào Nam hợp nhất các lực lượng vũ trang Nam Bộ và chỉ huy quân sự Khu 7 rồi cả Nam Bộ. Năm 1948, Trung ương Đảng, Bác Hồ cử đồng chí Lê Đức Thọ vào Nam Bộ làm Phó Bí thư Xứ ủy cùng đồng chí Lê Duẩn lãnh đạo kháng chiến.

Năm 1952, đồng chí Lê Duẩn ra Việt Bắc gặp Bác được Bác giữ lại làm việc gần Người. Khi Hiệp định Genève 1954 được ký kết Bác lại cử đồng chí trở về Nam Bộ lo cho Cách

mạng miền Nam, tới năm 1956, Bác gọi trở ra Hà Nội lo công tác của Đảng.

Chủ trương giải phóng miền Nam bằng vũ trang của Đảng ta không được lãnh đạo của Đảng Liên Xô và Trung Quốc ủng hộ, vì họ e ngại đánh với Mỹ. Bác Hồ đã tranh thủ thuyết phục họ dần và cuối cùng họ ủng hộ ta giúp đỡ nhiều vũ khí, tài chính, v.v... cho công cuộc chống Mỹ cứu nước.

Trong suốt những năm từ khi miền Nam Đồng khởi 1959 cho tới ngày Bác đi xa, Người dành nhiều tâm trí, tình cảm cho miền Nam về nhiều mặt. Tết năm 1962, trong tám câu Thơ chúc Tết, Bác có hai câu cho miền Nam:

*“Chúc miền Nam đấu tranh tiến tới,
Sức triệu người hơn sóng Biển Đông”.*

Năm 1963, Bác Hồ gửi Thơ chúc Tết nhân dân cả nước, Người nhắc lại:

*“Nước Việt Nam ta là một,
Dân tộc Việt Nam ta là một.
Dù cho sông cạn đá mòn,
Nhân dân Nam, Bắc là con một nhà”...*

Thơ chúc Tết năm 1964, Bác cũng dạy:

*“Bắc Nam như cội với cành,
Anh em ruột thịt, đấu tranh một lòng.
Rồi đây thống nhất thành công,
Bắc Nam ta lại vui chung một nhà”...*

Bác từng nói: miền Nam luôn trong trái tim tôi. Bác thương quân dân miền Nam “đi trước về sau”, Bác tặng miền Nam hai chữ “Thành đồng”.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh kể lại câu chuyện Bác Hồ với miền Nam:

...“Năm 1963, ba năm sau Đồng khởi, Bác Hồ và Bộ Chính trị Trung ương Đảng triệu tập tôi ra Hà Nội báo cáo tình hình. Ra đến nơi, vừa vào nhà nghỉ đã có đồng chí đến báo: “Bác kêu anh đấy”. Tôi vội vàng đến chỗ Bác. Vào đến phòng họp, tôi thấy trên chiếc bàn lớn đã trải sẵn tấm bản đồ miền Nam. Vừa ngồi được một tí đã thấy Bác bước vào với bộ quần áo nâu, đi chân đất. Bác nói:

– A, chú Cúc đấy phải không. Chú ở miền Nam ra, trước hết là Bác khen ngợi tinh thần đấu tranh của nhân dân miền Nam. Chú ngồi xuống chỉ cho tôi xem bây giờ Trung ương Cục đóng ở đâu?

Tôi chỉ Tây Ninh và thưa:

– Thưa Bác đóng ở Tây Ninh ạ.

Bác liền hỏi:

– Tôi nghe ở Tây Ninh trước kia, hồi kháng chiến chống Pháp, các đồng chí Phạm Hùng, Trần Văn Trà và ban lãnh đạo Phân khu miền Đông rất khó khăn về gạo, phải tích từng lon. Thế bây giờ thế nào? Mỗi tháng mỗi người được bao nhiêu?

– Thưa Bác, gần 30 ki-lô-gam.

– Tới gần 30 ki-lô-gam cơ à. Nhưng mà đó là các chú hay chiến sĩ?

– Dạ, đó là anh em chiến sĩ thanh niên, chú chúng cháu không ăn hết được.

– Thế thì tốt lắm. Nhưng làm sao để được như vậy?

– Dạ, đó là nhờ sự lãnh đạo của Đảng, từ sau Đồng khởi bà con ở miền Đông Nam Bộ đẩy mạnh đấu tranh chính trị, theo đường lối “hai chân, ba mũi”, vừa chống địch càn quét đánh phá, vừa đẩy mạnh sản xuất nên bây giờ bà con đã có đủ gạo ăn và nuôi kháng chiến. Ta cũng đã phá được thế bao vây chia cắt của địch ở các vùng. Cho nên bảo đảm được nhu cầu cần thiết yếu cho cả đồng bào và chiến sĩ, không đến nỗi khó khăn như thờ kháng Pháp.

– Tốt lắm các chú và nhân dân giỏi đấy. Thế nhưng liệu có được lâu không?

– Thưa Bác, khi chưa làm thì chưa có kinh nghiệm. Đã làm rồi thì càng thấy rõ trên thực tế là đường lối của Đảng rất đúng. Cho nên chắc chắn là sẽ giữ được lâu dài.

Quả thật, những năm về sau, mãi đến mùa xuân 1975, đồng bào và chiến sĩ miền Đông vẫn không bị đói. Hồi năm 1952, ở miền Đông Nam Bộ ta chỉ có hai trung đoàn, mà chỉ sau một trận lụt, cả nhân dân và bộ đội đều bị đói, phải ăn củ mì, phải đưa bộ đội xuống miền Tây (vùng Đồng Tháp) để có gạo ăn. Số còn lại mỗi người mỗi tháng chỉ có 5 lít gạo.

Tôi rất xúc động trước sự quan tâm của Bác đối với việc chăm lo đời sống cho đồng bào, chiến sĩ cán bộ, từ câu hỏi

đó Bác hỏi đến phong trào tình hình chung, rồi Bác phân tích, Bác khen làm như thế là giỏi và hướng dẫn, chỉ vẽ thêm cách làm cho thời gian tới.

Năm 1968, tôi lại có dịp ra báo cáo tình hình. Lúc này Bác đang mệt. Lần đó tôi đi cùng với đồng chí Trần Độ. Được Bác mời cơm là một vinh hạnh lớn, nhưng nghe Bác mệt, cả tôi và anh Trần Độ hơi ngại ngại.

Hôm đó, cả tôi, anh Trần Độ và anh Vũ Kỳ cùng ăn với Bác. Tôi thấy Bác ăn rất ngon lành. Bác ăn tới hai bát cơm và bảo anh Vũ Kỳ xúc cho thật đầy. Bác vừa ăn vừa bảo mọi người ăn cho hết thức ăn, không để thừa. Tôi và anh Trần Độ thấy vậy mừng quá. Bác đang mệt mà Bác vẫn ăn được.

Sau đó, anh Vũ Kỳ cho biết: Bác cố gắng ăn như thế để các anh về nói lại với đồng bào miền Nam yên tâm! Bác biết rằng nếu đồng bào và chiến sĩ miền Nam hay tin Bác mệt sẽ lo lắng biết bao nhiêu.

Năm 1969, tôi lại được triệu tập ra Trung ương. Lúc này Bác đã mệt nhiều, khi tôi được vào thăm thì Bác đã không còn ngồi dậy để tiếp chuyện nữa. Tôi ngồi bên chiếc ghế bên cạnh giường Bác. Trên bức tường cạnh giường, tôi vẫn thấy như mọi lần có treo sẵn tấm bản đồ miền Nam với các mũi tên chỉ tình hình chiến sự trong những ngày gần nhất. Đồng chí Vũ Kỳ cho biết tuy yếu mệt như vậy nhưng hàng ngày Bác vẫn yêu cầu cán bộ Bộ Tổng tham mưu sang báo cáo tình hình chiến sự ở miền Nam. Tôi xúc động quá!

Cho đến hôm gần thở hơi cuối cùng, Bác cho mời các đồng chí trong Bộ Chính trị đến bên cạnh. Tôi lúc đó không

ở trong Bộ Chính trị nhưng là cán bộ duy nhất ở miền Nam ra, nên Bác cũng cho kêu đến. Bác cố nắm tay từng đồng chí trong Bộ Chính trị và sau đó nắm lấy tay tôi. Khi ấy Bác đã không còn nói được nữa. Nhưng đôi mắt và vẻ mặt của Bác thể hiện tình cảm thật sâu sắc không bút nào tả xiết. Riêng đối với tôi, tôi hiểu rằng tình cảm của Bác không phải đối riêng với tôi, mà Bác muốn qua cái nắm tay cuối cùng, gửi tấm lòng của Bác đối với đồng bào, chiến sĩ miền Nam trước khi Bác từ biệt cõi đời để theo các cụ Mác, Lênin”.

Lần đầu vào thăm Quảng Bình, Hồ Chủ tịch khi ngồi ở bãi biển đã tâm sự với cán bộ đi cùng: “Mình sinh ra ở Nghệ An, ra đi tìm đường cứu nước từ bến cảng Nhà Rồng. Qua Pháp, qua Anh, qua Mỹ, các nước châu Phi đến Liên Xô rồi về Trung Quốc, thế mà đến nay mới vào đến Đồng Hới, chưa được vào tới miền Nam”.

Bác luôn nghĩ đến đồng bào miền Nam, Người nói: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”.

Nguyễn vọng vào thăm quân và dân miền Nam của Bác chưa lúc nào nguôi. Năm 1963, trong một lần mời Thượng tướng Trần Văn Trà đến ăn cơm chia tay trước khi lên đường vào Nam chiến đấu, Người đã tặng ông một hộp xì gà Cuba do Chủ tịch Fidel Castro gửi tặng. Bác nói:

“Bác gửi món quà này mang về cho anh em trong đó hút để nhớ Bác và nhớ đến Cuba anh em. Cố gắng giải phóng nhanh để Bác được vào thăm đồng bào miền Nam”.

Ngày 8-5-1963, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa II, Bác từ chối nhận huân chương Sao vàng và đề nghị: “Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hòa bình thống nhất, Bắc – Nam sum họp một nhà. Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi huân chương cao quý. Như vậy, thì toàn dân ta sung sướng, vui mừng”.

Vào tháng 2-1966, tại ngôi nhà sàn ở Phủ Chủ tịch, Bác nói với các đồng chí trong Bộ Chính trị: Đã bao lần tôi yêu cầu vào Nam, sao các chú không thu xếp cho tôi đi... Sao các chú không để tôi đi... Bây giờ tôi còn đang khỏe, đi lại thuận tiện... không vào Nam Bộ được thì vào Khu 5 hay một vùng giải phóng nào đó cũng được... Các chú định lúc nào mới cho tôi đi? Tôi đề nghị mãi mà các chú vẫn cứ từ chối”.

Ngày 10-3-1968, trong thư gửi đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bác nói rõ ý định, nêu cách đi, thời gian và lịch trình theo chuyến đi vào Nam của mình. Đọc bức thư của Người chúng ta rất xúc động vì lúc này tuổi Bác đã cao, sức khỏe đã yếu đi nhiều.

“Nhớ lại Nô-en năm ngoái, chú có khuyên B. đi thăm miền Nam sau ngày thắng lợi hoàn toàn B. rất tán thành.

Nhưng nay chỉ đổi chữ “sau” thành chữ trước ngày thắng lợi hoàn toàn, tức là đi thăm anh em trông (trong ấy) đang chuẩn bị mở màn thứ ba. Đi thăm đúng lúc đó mới có tác dụng khuyến khích thêm anh em...

Có lẽ chú và đồng chí khác e rằng sức khỏe B. không cho phép B, đi xa. Nhưng, thay đổi không khí, hô hấp gió

biển và sinh hoạt với quần chúng trong hoàn cảnh chiến đấu sẽ giúp sức khỏe tiến bộ mau hơn”.

Vì chưa một lần vào thăm đồng bào, cán bộ chiến sĩ miền Nam, nên khi có đoàn đại biểu miền Nam ra Bắc dù là đi công tác, đi họp, học tập hay tham quan, chữa bệnh, các đồng chí đều sắp xếp để Bác gặp dù là lúc còn ở chiến khu Việt Bắc hay ở Hà Nội.

Ngày 3-10-1948, Bác tiếp đoàn đại biểu quân dân chính Nam Bộ do đồng chí Phạm Văn Bách dẫn đầu ra công tác và thăm Người tại Việt Bắc. Các đại biểu Nam Bộ đã đem theo những tặng phẩm của nhân dân miền Nam gửi kính biểu Bác và Chính phủ, trong đó có bức họa vẽ bằng máu của họa sĩ Diệp Minh Châu. Bức họa vẽ hình Bác và ba em thiếu nhi ba miền Bắc – Trung – Nam vây quanh Bác. Khi xem bức họa Người rất xúc động.

Đầu tháng 5-1961, Bác tiếp đồng chí Bông Văn Dĩa từ Nam ra nhận nhiệm vụ lái con tàu mở đường Hồ Chí Minh trên biển. Tiếp đó Người tiếp đồng chí Võ Bẩm, Trưởng đoàn vận tải quân sự 559 và căn dặn: “Đoàn phải làm tốt, làm nhiều hơn nữa, phải giữ bí mật, bất ngờ, hoàn thành tốt nhiệm vụ tiếp sức cho cách mạng miền Nam..

Ngày 20-10-1962, lần đầu tiên Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc, xúc động ôm hôn giáo sư Nguyễn Văn Hiếu, Bác đã đặt tay lên ngực mình và nói: “Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn trong trái tim tôi”.

Bác thường tiếp các đoàn đại biểu miền Nam ra thăm miền Bắc, tiếp các Anh hùng chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, các cháu thiếu nhi dũng sĩ miền Nam. Người xem triển lãm tranh tượng của các họa sĩ điêu khắc miền Nam tập kết ở miền Bắc, gửi thư cho các cán bộ và học sinh miền Nam, thăm nơi an dưỡng dành cho đồng bào miền Nam, thăm trại thiếu nhi miền Nam.

Bước sang năm 1969, Bác đã 79 tuổi, cái tuổi “xưa nay hiếm” nhưng khi gặp đồng chí Phạm Hùng và Hoàng Văn Thái từ miền Nam ra Bắc họp (Tháng 3-1969), Bác vẫn nhắc tới việc thu xếp để Người vào Nam. Trước khi hai đồng chí trở lại chiến trường, Bác hỏi: Các chú có thể chuẩn bị cho Bác sớm vào thăm đồng bào miền Nam được không? Đồng chí Hoàng Văn Thái và Phạm Hùng đã xúc động thưa: “Chúng cháu nhất định hoàn thành nhiệm vụ để sớm rước Bác vào Nam”. Bác nói: “Hai chú cho Bác gửi lời thăm hỏi đồng bào miền Nam, thăm cán bộ dân chính Đảng, thăm cán bộ và chiến sĩ trong quân đội. Các chú phải nhớ chuyển lời này cho Bác”. Đó là tình những cảm mà Bác đã dành cho nhân dân miền Nam.

Trong hàng ngàn bức thư, bức điện, bài nói, bài viết, trả lời phỏng vấn... Bác Hồ luôn dùng những lời lẽ cao quý nhất, trang trọng và tha thiết nhất để ca ngợi tinh thần bất khuất, kiên cường, lòng yêu nước sâu sắc của đồng bào, chiến sĩ miền Nam. Người tặng danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc” cho nhân dân miền Nam, tặng phụ nữ miền Nam tám chữ vàng “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”... Tư tưởng được quán xuyên suốt 24 năm làm Chủ tịch nước là sự toàn vẹn lãnh thổ, quét sạch giặc ngoại xâm, thống nhất đất nước.

Người kêu gọi: “Vì miền Nam ruột thịt, mỗi người làm việc bằng hai”, dồn sức người, sức của chi viện cho quân dân miền Nam chiến đấu. Mùa Xuân năm 1969, dù sức khỏe đã yếu nhưng Bác vẫn dành thời gian tiếp đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam. Bác nói: “Trong thư chúc Tết năm nay tôi có nói là: “Tiến lên, chiến sĩ, đồng bào/ Bắc Nam sum họp Xuân nào vui hơn!”. Trong lúc viết như thế, tôi cũng không chắc là câu thơ đó được thực hiện sớm trong năm nay... Để hoan nghênh phái đoàn miền Nam ruột thịt thì có thể nói mấy trăm câu, mấy nghìn câu, mấy vạn câu cũng không thể hết được. Tôi chỉ xin nói một câu thôi: “Bao giờ Nam – Bắc một nhà/ Việt Nam đại thắng chúng ta vui mừng”. Và Bác xúc động nhắc lại điều Bác đã nói nhiều lần: “Miền Nam ở trong trái tim tôi...”

Trước khi đi xa, Người để lại bản Di chúc với những dòng tha thiết, thương nhớ hướng về miền Nam và khẳng định cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta sẽ thắng lợi hoàn toàn. “Dù khó khăn, gian khổ mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi... Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam – Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà... Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn. Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam, Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ, chiến sĩ...”

Đoàn đại biểu cuối cùng của miền Nam được gặp Bác trước khi Người đi xa là đoàn đại biểu Liên minh các dân tộc, dân chủ và hòa bình miền Nam do Luật sư Trịnh Đình Thảo làm Chủ tịch dẫn đầu ra thăm miền Bắc. Ngày 5-8-1969, ngày thứ hai trên đất Bắc, đoàn đã vô cùng xúc động

và vui mừng khi được đón Bác và Thủ tướng Phạm Văn Đồng tới thăm tại nơi nghỉ của đoàn ở Hà Nội. Tình cảm và sự quan tâm sâu sắc của Bác đã động viên tinh thần rất lớn và góp phần vào những chiến công của quân dân miền Nam.

Thời gian nằm trên giường bệnh, Bác vẫn thường hỏi: “Hôm nay miền Nam thắng ở đâu?”...

Cả cuộc đời Bác từ khi còn ba nơi xứ người trở về nước không lúc nào Bác không nghĩ tới đồng bào ruột thịt ở miền Nam, khi miền Bắc được giải phóng, miền Nam còn rên siết dưới gót giày thực dân đế quốc Bác càng ngày đêm lo cho miền Nam đến hơi thở cuối cùng.

Tiếc rằng nguyện vọng đó chưa một lần thực hiện thì Bác đã đi xa.

Đồng bào miền Nam dành cho Bác sự kính yêu sâu nặng...

MIỀN NAM VỚI BÁC HỒ

Tình cảm đồng bào cán bộ chiến sĩ miền Nam dành cho Bác Hồ cũng mênh mông như biển rộng sông dài, cao như núi Thái Sơn đáp lại tình thương vô bờ của Bác dành cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ miền Nam.

Năm 1941, khi Bác về Pác Bó lãnh đạo chuẩn bị lực lượng để giành chính quyền cho đến năm 1945, đồng bào cả nước không mấy người biết được Bác là Nguyễn Ái Quốc. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Bác đọc Tuyên ngôn Độc lập tại vườn hoa Ba Đình cũng chưa được nhiều người biết rõ về

Bác. Miền Nam ở xa, lúc đó thông tin liên lạc còn khó khăn nên tin tức từ ngoài Bắc đến không nhiều. Nhưng khi Pháp trở lại xâm chiếm Nam Bộ một lần nữa thì đồng bào, nhất là cán bộ chiến sĩ miền Nam có được thông tin nhiều hơn, hiểu biết về Bác Hồ cũng rõ ràng hơn. Ấy là nhờ đoàn quân Nam tiến từ miền Bắc liên tiếp vào chi viện cho chiến trường Nam Bộ mang theo những thông tin, báo chí từ Hà Nội vào. Từ khi ông Nguyễn Bình được Bác Hồ cử vào Nam để hợp nhất các lực lượng vũ trang, từ thư của Bác gửi động viên nhân dân Nam Bộ kháng chiến, khi Bác Hồ đi Pháp trở về rồi toàn quốc kháng chiến thì hình ảnh tình cảm của Bác đã lan tỏa sâu rộng trong hàng ngũ cán bộ chiến sĩ và đồng bào miền Nam. Điều này thể hiện rõ nhất từ việc họa sĩ Diệp Minh Châu.

Họa sĩ Diệp Minh Châu từng lấy máu của mình vẽ Bác Hồ và ba cháu thiếu nhi ba miền Nam Trung Bắc gửi ra Việt Bắc tặng Bác Hồ và kèm theo một bức thư của họa sĩ gửi cho Bác ông gọi Bác là Cha già. Xin ghi lại bức thư này:

“Kính gửi Cha già Hồ Chí Minh,

Kính cha.

Từ hai năm nay, tin Cha, vang theo tiếng gọi của Cha, con đã đưa nghệ thuật của con nhảy vào hàng ngũ của Vệ quốc đoàn khu Tám, Cách mạng Tháng Tám mà Cha già lãnh đạo đã giải phóng cho nghệ thuật của con. Hôm nay, trong cảnh vĩ đại của ngày lễ Độc lập chưa từng có ở Nam Bộ, sau khi nghe lời “Tuyên ngôn độc lập” của Cha, lời kêu gọi thống thiết hùng mạnh của Cha và lời ca Hồ Chí Minh

muôn năm của đoàn thiếu sinh Nam Bộ, con đã cảm xúc vô cùng và vừa khóc, con vừa cắt lấy dòng máu trong cánh tay niên thiếu của con để vẽ hình Cha và ba em nhỏ Trung, Nam, Bắc đương xúm đầu lại dưới chòm râu của Cha, trên nền lụa mà quân dân ta đánh tan quân địch đã chiếm được ở trận Giồng Dưa hồi tháng 4 năm 1947.

Thấy máu con chảy, mọi người hoảng hốt băng bó, lo ngại. Con trả lời: Máu con là máu của Cha truyền cho, máu của con là máu của dân tộc, con có dám làm gì hao phí máu con đâu! Tất cả thân con, đời con là của Cha rồi.

Con trân trọng gửi bức họa bằng máu của con đây lên Cha già để tỏ lòng biết ơn Cha già đã giải phóng cho nghệ thuật của con, để tạo xác và linh hồn con thành lợi khí đấu tranh cho cuộc giải phóng dân tộc.

Kính chào Cha

Khu 8, 2/9/1947
Diệp Minh Châu.”

Bác Hồ rất xúc động đã nhờ ông Lê Đức Thọ khi vào Nam Bộ công tác trực tiếp gặp ông Diệp Minh Châu chuyển lời cảm ơn của Bác (năm 1948).

Năm 1950, ông Châu được Bác gọi ra Việt Bắc ở gần Bác một thời gian vẽ nhiều hình ảnh của Người. Sau được Bác và Trung ương cử sang Tiệp Khắc học hội họa và điêu khắc rồi trở về nước làm công tác hội họa. Họa sĩ Diệp Minh Châu đã tạc nhiều tượng Bác Hồ, tiêu biểu nhất là tượng Bác

với thiếu nhi đặt trước trụ sở UBND TP Hồ Chí Minh. (nay tượng này dời sang Nhà Truyền thống Thiếu nhi Thành phố).

Ngay những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, sống giữa bưng biển Đồng Tháp Mười, dù chưa gặp Bác, chỉ nghe qua tin tức, đọc sách báo, qua người khác kể và đặc biệt qua thu nhận tình cảm từ người dân Nam Bộ đối với Bác Hồ, Bảo Định Giang đã viết:

*Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ.*

Nhà thơ đã nói đúng tấm lòng của biết bao người nên câu thơ phút chốc lan rộng thành câu nói cửa miệng của mỗi người dân Việt.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh viết:

“Tấm lòng của nhân dân miền Nam đối với Bác Hồ cũng mệnh mông vô bờ bến. Như hồi kháng chiến chống thực dân Pháp, địch bắt được hai em đi rải truyền đơn. Nó tra tấn, đánh đập dữ dội, nhưng cuối cùng hai em tuổi vị thành niên, nó phải thả. Nhưng trước khi thả, nó giở âm mưu xảo quyệt. Trước cửa xà lim nhốt hai em, nó trải hình Bác dưới đất và bảo: “Tụi bây muốn ra khỏi đây thì phải bước qua tấm hình đó!”. Hai cháu quay trở vào chứ không bước qua.

... Hay như những năm 1955 – 1956, sau khi Mỹ – ngụy dẹp xong Bình Xuyên và các giáo phái, chúng tập trung đánh vào nhân dân cách mạng, vào những người cộng sản rất khốc liệt. Thế mà ngày 1 tháng 5 năm 1955 và năm 1956, hàng triệu quân chúng tập hợp nhau lại ở vườn Tao Đàn đi biểu tình rất có trật tự, nêu cao khẩu hiệu đòi giải quyết quyền

lợi thiết thực, đòi địch phải thi hành Hiệp định Genève 1954 thống nhất nước nhà. Địch huy động cảnh sát tới ngăn chặn, đồng bào nêu khẩu hiệu đòi tăng lương cho binh lính và cảnh sát ngụy. Thấy vậy, đám cảnh sát để cho bà con đi. Đó cũng là những kinh nghiệm trong đấu tranh chính trị, kinh nghiệm xuất phát từ tinh thần đại đoàn kết, từ lời dạy của Bác Hồ: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công!

Khi Bác mất, rất nhiều bàn thờ được đặt ngay giữa các vùng địch tạm chiếm. Ở Viện Bảo tàng Cách mạng, tôi thấy có bức ảnh anh em xích lô sắp hàng ngổi mặc niệm Bác. Hay như việc lập bàn thờ Bác ở xã Long Đức, thị xã Trà Vinh (Cửu Long), ở xã Viên An (huyện Ngọc Hiển, Cà Mau). Nhiều nhà trí thức công giáo như anh Lý Chánh Trung đã viết bài tỏ lòng thương tiếc Bác đăng trên báo công khai ở Sài Gòn, v.v...

Để đàn áp phong trào đấu tranh chính trị, địch khủng bố rất ác liệt. Ở Mỹ Tho, trước khi Đồng khởi, có chi bộ bị chúng bắn giết chết hết, phải lập đi lập lại, lột xác tới ba bốn lần. Tôi nhớ lúc đó, Xứ ủy chúng tôi có nhận được bức thư của 30 lão nông ở Thủ Dầu Một chất vấn rằng tình hình như vậy không biết Xứ ủy có báo cáo lên Trung ương, lên Bác Hồ hay không? Các cụ yêu cầu gửi bức thư đó cho Bác Hồ và yêu cầu phải đấu tranh vũ trang trở lại, nếu không thì không thể thắng được. Bức thư phản ánh ý kiến chung của đồng bào, nhân dân miền Nam lúc đó.

Sau đó, Xứ ủy đã bàn bạc, phân tích tình hình địch - ta và góp ý kiến với đồng chí Lê Duẩn và Xứ ủy Nam Bộ xây

dựng Đề cương cách mạng miền Nam làm cơ sở Nghị quyết 15 là phong trào bật lên. Và ngay trong Nghị quyết 15, Bác đã đóng góp rất nhiều ý kiến.

Tôi nói những điều đó để nói lên lòng tin yêu, kính trọng của nhân dân miền Nam với Bác. Lòng tin yêu, kính trọng đó bắt nguồn từ những chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng mà Bác là lãnh tụ tối cao, từ những lời chỉ dạy của Bác. Và đó chính là nguồn gốc của sức mạnh tạo nên mọi thắng lợi của chúng ta cho đến ngày nay”.

*(Trích “Bác Hồ với miền Nam – miền Nam với Bác Hồ”
Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1986)*

Trong nhà tù của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng có rất nhiều chiến sĩ cách mạng đã thể hiện sự kính yêu Bác Hồ. Xin ghi lại những trường hợp tiêu biểu nhất:

* Liệt sĩ Anh hùng Nguyễn Đình Chính: Nguyễn Đình Chính quê ở huyện Đông Hưng, Thái Bình. Năm 1944, vào Sài Gòn. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Nguyễn Đình Chính được giao làm Trưởng ban Võ khí ở Lái Thiêu rồi Trưởng ban công tác Một, đơn vị tiền thân Biệt động giữa sào huyệt giặc Pháp ở Sài Gòn. Ban công tác Một chiến đấu trong hoàn cảnh thiếu thốn vũ khí, nhưng dưới sự chỉ huy tài trí, dũng cảm của ông, tinh thần chiến đấu kiên cường của toàn ban, đơn vị đã lập nhiều chiến công, làm cho quân thù khiếp sợ, báo hiệu cuộc kháng chiến chống Pháp quyết liệt đã bắt đầu ngay tại sào huyệt của chúng. Nhiều tên xâm lược và tay sai bị trừng trị.

Trưa ngày 16-2-1947, Nguyễn Đình Chính bị mật thám Pháp bắt ở Phú Nhuận. Tra tấn, mua chuộc không được, địch đưa Nguyễn Đình Chính ra tòa án binh hai lần xử tử hình.

Trong những ngày ở hầm tối khám lớn Chí Hòa, Nguyễn Đình Chính đã nhờ má nuôi mua chuộc lính gác đưa ảnh Bác Hồ vào cho ông chụp ảnh khi nằm trong xà lim với tấm ảnh Bác. Ngay sau khi lãnh thẻ bài tử hình lần thứ hai, về đến hầm tối, trước tấm ảnh người Cha già dân tộc kính yêu Nguyễn Đình Chính đã lấy máu của mình viết liền 4 trang huyết thư gửi ra cho má nuôi nhờ chuyển tới Bác Hồ, trong thư có đoạn:

“Thưa Cha, con sung sướng vì người Cha bắt diệt sẽ nhận được vài hàng vĩnh biệt của đứa con yêu... Gần hai năm trôi đi theo tiếng gọi của Tổ quốc, con, một chiến sĩ ly hương chỉ biết đem xương máu ra phụng sự Tổ quốc. Con đã thi hành hết nhiệm vụ và bốn phạm để xứng đáng là trai thời loạn, là con của Cha... Ngày chết của con lặng lẽ tới lúc nào? Con chưa hề thấy nao lòng với cái chết. Con thiết nghĩ đã là chiến sĩ thì chết ở cảnh nào cũng vì Tổ quốc. Bao cái chết anh dũng của các chiến sĩ Việt Nam vẫn sáng tỏ và in sâu trong tâm trí con... Sau khi dừng bút con trịnh trọng đặt bức thư này trên bàn thờ Tổ quốc, bày biện đơn sơ, quay mặt về hướng Bắc, gửi tới Cha tất cả lòng kính trọng của đứa con yêu sắp trả xong nợ nước”.

Sáng 9-2-1949, giặc Pháp đã đem tử hình Nguyễn Đình Chính tại trường bắn Chí Hòa. Nguyễn Đình Chính lúc này mới 24 tuổi. Ngày nay ở Phú Nhuận có con đường được mang tên Nguyễn Đình Chính.

* Mười lăm năm sau, cũng tại trường bắn khám Chí Hòa lại xuất hiện người anh hùng với những hành động, lời nói hiên ngang bất khuất, một tình yêu đất nước nồng nàn, một tấm lòng kính yêu Bác vô hạn. Đó là liệt sĩ Anh hùng Nguyễn Văn Trỗi. Bất chấp mọi ngón đòn tra tấn dã man của kẻ thù Mỹ - nguy, Nguyễn Văn Trỗi vẫn giữ lòng trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân. Trên pháp trường anh Trỗi bình thản nhìn thẳng vào mười họng súng của kẻ thù. Trước khi hy sinh anh đã gọi Bác kính yêu: Hồ Chí Minh muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!

* Liệt sĩ Anh hùng Võ Thị Sáu, người con gái Đất Đỏ, Bà Rịa. Suốt từ khi ra tòa án cho tới lúc địch đưa đi bắn chị luôn hiên ngang đồng dạ nói những lời bất khuất trước quân thù. 7 giờ ngày 23-1-1952, chị bị xử bắn tại Côn Đảo. Biết sắp hành hình, suốt đêm 22, chị hát những bài ca Lên đảng, Tiến quân ca, Cùng nhau đi hồng binh... Tất cả anh em, đồng chí trong ngục cũng đứng dậy hát vang bài Chiến sĩ ca - bài hát dành để tỏ lòng cảm phục, tiếc thương và tiễn đưa những người đồng đội ra pháp trường.

Ra pháp trường, chị nói: “Không cần bịt mắt tôi. Hãy để cho đôi mắt tôi được nhìn đất nước thân yêu đến giây phút cuối cùng và tôi có đủ can đảm để nhìn thẳng vào họng súng của các người”. Nói xong chị hát bài Tiến quân ca. Khi lính xử bắn lên đạn, chị ngừng hát và hô vang những lời cuối cùng “Đả đảo bè lũ thực dân Pháp. Việt Nam độc lập muôn năm, Hồ Chủ tịch muôn năm”.

* Liệt sĩ Anh hùng Nguyễn Văn Ni. Ông người Củ Chi, bị Mỹ bắt giam tại trại giam tù binh Phú Quốc. Trong tù ông

được đồng chí của mình bầu làm Bí thư Đảng ủy trại giam. Ông lãnh đạo đấu tranh chống lại khủng bố của địch, đòi chúng thực hiện quyền dân sinh, dân chủ cho tù binh. Tháng 9-1969, địch bắt ông tra tấn dã man hòng tìm tổ chức Đảng trong tù. Ông giữ vững khí tiết của người Cộng sản, không khai với chúng nửa lời. Địch đã đóng vào gối, mắt cá chân ông nhiều cây đinh dài một tấc. Ông chửi thẳng mặt chúng là quân bán nước, đả đảo đế quốc Mỹ, đả đảo Nguyễn Văn Thiệu làm tay sai đế quốc và hô Hồ Chí Minh muôn năm ba lần. Ông đã được Chủ tịch nước Trần Đức Lương truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Ở miền Nam có nhiều dân tộc thiểu số rất kính yêu Bác, trong đó người Vân Kiều, Pa Cô, Kor đã lấy họ Hồ của Bác làm họ cả dân tộc mình.

Tình yêu Bác Hồ của người dân miền Nam đã ảnh hưởng đến nhiều người nước ngoài đến làm việc ở miền Nam trước ngày giải phóng. Điển hình nhất là bà Lady Borton – người Mỹ và ông André Marcel – người Pháp.

Bà Lady Borton đến miền Nam lần đầu vào năm 1969, hoạt động thiện nguyện tại Quảng Ngãi. Tại vùng chiến sự ác liệt miền Trung đó bà đã giúp đỡ nạn nhân chiến tranh ở cả hai phía. Bà kể: “Vào tháng 9 năm đó, tôi ngạc nhiên khi thấy người Việt Nam tuy ở hai chiến tuyến nhưng đều tỏ lòng thương tiếc khi được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Thú thật bản thân tôi lúc ấy không biết nhiều về Hồ Chí Minh và cũng không hiểu nổi hiện tượng lạ lùng này”. Chính điều này đã góp phần cho bà sau khi Việt Nam thống nhất bà ra Hà Nội tìm hiểu và đến nay là một trong những người ngoại

quốc dành nhiều công sức, thời gian tìm hiểu về Bác Hồ, có những tác phẩm có giá trị về Hồ Chí Minh. Bà là người bạn tốt của nhân dân ta.

Ông André Menras tới miền Nam dạy tiếng Pháp tại Lycée Blaise Pascal ở Đà Nẵng năm 1968, năm 1969 dạy tại trường phổ thông trung học Lê Quý Đôn (tên cũ Jean-Jacques Rousseau) ở Sài Gòn. Ông tham gia phản đối chiến tranh và bày tỏ ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, ông đã cùng bạn là Jean - Pieree Debris leo lên tượng Thủy quân Lục chiến trước Hạ nghị viện Việt Nam Cộng hòa (nay là Nhà hát lớn) ở Sài Gòn để treo cờ xanh đỏ sao vàng, rải truyền đơn đòi Mỹ và quân đồng minh rút khỏi Việt Nam. Vì hành động này, André Menras và Jean-Pieree Debris đã bị xử tù người ba năm, người bốn năm. Trong tù André lấy họ của Bác Hồ đặt tên Việt Nam cho mình là Hồ Cương Quyết. (Tháng 11-2009, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết ký quyết định công nhận André Menras chính thức trở thành công dân Việt Nam với tên Hồ Cương Quyết. Trước đó, năm 2002, ông được công nhận là công dân danh dự của Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi Bác mất không chỉ cán bộ, chiến sĩ ở chiến trường mà những người bị giam giữ trong các nhà tù bằng nhiều hình thức tổ chức lễ truy điệu nhớ công ơn Người. Nhiều nơi xây đền thờ cử người canh giữ và sẵn sàng đấu tranh không để địch phá hoại cho tới ngày giải phóng. Ngày nay, ở nhiều địa phương trong cả nước đều có tượng đài để tôn vinh ghi nhớ công ơn Người. Nhiều nhà dân, chùa chiền lập bàn thờ Bác Hồ rất trang trọng.

Còn họa sĩ Lê Duy Ứng đã vẽ bức hình Bác Hồ bằng máu của mình khi chiến đấu bị thương. Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn, họa sĩ Lê Duy Ứng thuộc đơn vị C20, E101, F325, quân đoàn II. Ngày 28-4-1975, tại căn cứ Nước Trong, Lê Duy Ứng bị thương rất nặng ở mắt. Trong lúc giành giật giữa sự sống và cái chết, họa sĩ Ứng lấy ngón tay làm ngòi bút, thấm máu trên đôi mắt bị thương của mình để vẽ chân dung Bác Hồ cùng lá cờ Tổ quốc, cờ Đảng và ghi đậm dòng chữ: “Ánh sáng niềm tin! Con xin nguyện dâng Người tuổi thanh xuân”. Bức tranh đã gây xúc động biết bao nhiêu người con đất Việt và bạn bè quốc tế.

Uy tín của Bác Hồ còn vượt biên giới ra nhiều nước ngoài, nhiều gia đình Việt kiều ở Thái Lan, Lào, Campuchia, Na Uy... lập bàn thờ Bác trong nhà. Không chỉ người Việt, nhiều nước ở Bắc Phi, Tây Phi cũng kính trọng Hồ Chí Minh, tên Người được đặt tên đường ở nhiều nước như Nga, Cuba...

Thơ ca, tranh, ảnh, tượng, thể hiện tình yêu kính Bác được các nhạc sĩ, họa sĩ cả nước trong đó có nhiều tác giả là người miền Nam, và cả ở nước ngoài thực hiện rất nhiều, không thể kể hết. Xin nêu hai bài thơ:

“Cháu nhớ Bác Hồ” của Thanh Hải – người Huế, viết ở miền Nam lúc Bác còn sống.

*Đêm nay trên bến Ô Lâu
Cháu ngồi cháu nhớ chòm râu Bác Hồ.
... Càng nhìn càng lại ngẩn ngơ
Ôm hôn ảnh Bác mà ngờ Bác hôn...*

Bài “Viếng Lăng Bác”, Viễn Phương đã thể hiện tình cảm của những người con miền Nam kính yêu Bác:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác.
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát...
Mai về miền Nam, thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hát quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.”*

Nhạc sĩ Hoàng Hiệp phổ thơ, thêm câu, thay vài chữ làm cho bài hát lay động lòng bao người: “*Mai về miền Nam thương trào nước mắt/ Mai về miền Nam nhớ Bác khôn nguôi/ Muốn làm con chim ca hát quanh lăng/ Muốn làm đóa hoa hương tỏa đâu đây/ Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*”.

Tôi chưa kể hết được những việc làm thể hiện sự kính yêu của đồng bào miền Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xin bạn đọc cảm thông cho sự thiếu sót này, và cho phép tôi được kết thúc bài viết:

Người miền Nam nói riêng, cả dân tộc Việt Nam nói chung lập đền thờ Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v... để nhớ công lao những anh hùng dân tộc ngày xưa.

Người miền Nam nói riêng, cả nước và không ít người con đất Việt xa xứ lập đền thờ, đúc tượng Người là để ghi nhớ công ơn trời biển của người Anh hùng dân tộc thời nay – Hồ Chí Minh.

VỤ ÁN NGUYỄN ÁI QUỐC Ở HỒNG KÔNG

Gần đây kẻ chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam lại “khai thác” tình tiết Tống Văn Sơ (tức Nguyễn Ái Quốc) đã chết trong tù năm 1933. Họ lấy tư liệu của Quốc tế Cộng sản, của Đảng Cộng sản Đông Dương phát ra thời đó để xuyên tạc nói rằng Hồ Chí Minh là giả, Nguyễn Ái Quốc thật đã chết trong nhà tù Hồng Kông rồi.

Người viết bài này có loạt bài đã đăng trên Tuần báo Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh chứng minh Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc. Nay trước sự kẻ xấu tiếp tục khai thác nguồn tin cũ về Bác Hồ, tôi phải viết thêm bài này, mong muốn trao đổi thêm với quý độc giả trong và ngoài nước, góp phần đả phá luận điệu xuyên tạc xuyên tạc của họ.

1. Vụ bắt giữ Nguyễn Ái Quốc (Tống Văn Sơ) ở Hồng Kông

Bà Lady Borton – một người bạn Mỹ lâu năm của Việt Nam – có chuyến đi sang nước Anh để tìm tài liệu về Nguyễn Ái Quốc, bà đã thu thập được 200 trang tư liệu từ Cục Thuộc

địa (*Colonial Office*) trong hồ sơ những năm 1931-1933 có liên quan đến vụ án đế quốc Anh bắt giữ Bác Hồ ở Hồng Kông. Bà Lady Borton đã trao cho Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh những tài liệu quý giá đó mà từ trước chúng ta chưa thu thập được. Cùng với băng ghi âm lời luật sư Loseby hơn 10 tiếng đồng hồ lúc ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời sang thăm Việt Nam vào Tết Nguyên đán năm 1960, nay khoảng trống về thời Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Hồng Kông đã có tư liệu tương đối để các nhà làm sử nước ta và thế giới chấp nối cuộc đời làm cách mạng của Bác. Xin ghi lại bài viết có nhan đề “Đi tìm tài liệu về “VỤ BẮT GIỮ NGUYỄN ÁI QUỐC” ở Hồng Kông” của bà Lady Borton, đây là một tư liệu xác nhận Nguyễn Ái Quốc còn sống, được nhà cầm quyền Hồng Kông phóng thích. Bài do Trần Thái Bình dịch, đăng trên Tạp chí Xưa & Nay, số 93, tháng 6-2001:

“Bài viết này thật chỉ là kết quả của một sự ngẫu nhiên.

Trong ít ngày nhập cư lướt nhanh vào nước Anh để tra cứu các hồ sơ lưu trữ của Cục Lưu trữ Quốc gia Anh (*British national archives*) nhằm thử tìm ra những tên gọi khác của Nguyễn Tất Thành, xem liệu có khả năng xác định được là Hồ Chí Minh đã từng đến nước Anh trong khoảng thời gian muộn là 1913 hoặc sớm là 1914, tôi không tìm ra được một thông tin nào. Buổi sáng sau chót, đột nhiên tôi đã bấm ra mục “Nguyễn Ái Quốc” trên bảng danh mục của máy tính dữ liệu.

Ôi!

Tôi đưa cả hai bàn tay lên miệng. Cạnh tôi, nhiều vị cao niên tóc bạc đang tìm tôi trong các hồ sơ về chiến tranh thế giới lần thứ hai, ngước mắt nhìn lên, cau mặt sau cặp kính.

Tôi khẽ cúi đầu, nói lời “xin lỗi” mà trong lòng quả không cảm thấy gì là hối tiếc.

Bởi hãy trông đây, trước mắt tôi là bảng kê những chỉ dẫn nguồn tham khảo ở trong hai ô hồ sơ của Cục Thuộc địa Anh (*British Colonial Office*), có tựa đề “Vụ bắt giữ Nguyễn Ái Quốc” (*Nguyễn ái Quốc, Arrest of*).

Tôi chỉ còn một ít thì giờ trước khi phải lên máy bay trở về Hà Nội. Tôi rút cặp hồ sơ ra và nhìn khắp nơi để tìm ra người sao chụp vi-phim tốt nhất. Tôi đã tham lam sao chụp tất mọi thứ. Về đến Hà Nội, tôi mới bắt đầu lọc ra từ hơn 225 trang tài liệu của hai ô hồ sơ của Cục Thuộc địa, ghi nhãn năm 1931 và năm 1932, 1933.

Mỗi ô được chia thành hai phần:

1. Những tài liệu đánh máy (65 trang, về năm 1931 và 194 trang, về năm 1932) gồm những bức điện cấp đã giải mã trao đổi giữa Cục Thuộc địa và Thống đốc Hồng Kông; thư từ liên lạc giữa Cục Thuộc địa với Bộ Ngoại giao, phần những thư từ của đại sứ quán Pháp gửi Bộ Ngoại giao (Anh) và của Bộ Ngoại giao (Anh) gửi Cục Thuộc địa (Anh); phần thư tín của Cục Thuộc địa trao đổi với các luật gia thụ lý vụ việc; phần lượm lặt từ các báo tiếng Anh ở Hồng Kông.

2. Một vở chép tay (34 trang về năm 1931 và 30 trang về năm 1932) trong đó có cả một lô tài liệu và đặc biệt đáng quan tâm là một bản chép tay lời bình luận giữa các nhân viên Cục Thuộc địa.

Bản viết tay lời bình luận được ghi bằng một kiểu chữ cầu thả nhếch nhác và đầy những chữ viết tắt. Sao chép lại

những ghi chú này thành những câu chữ tiếng Anh đọc được đã là một việc “làm phiên dịch” gay go mà tôi xin đảm trách.

Kính phóng đại cầm trên tay, tôi xem xét kỹ lưỡng các trang viết, giải đoán những câu bình luận, xác định những chữ đầu viết tắt tên người đối chiếu với bảng danh sách các nhân viên trong các sách niên giám hành chính của Cục Thuộc địa, sắp xếp lại các lời bình luận sao cho vụ việc tự bộc lộ được qua dòng diễn biến của thời gian đúng như nó đã xảy ra.

Công sức được đền bù thật là thú vị, như một vài dẫn chứng dưới đây:

Bức điện mật của Thống đốc Hồng Kông gửi về Cục Thuộc địa ngày 24-7-1931 có câu ghi nhận:

“Những giấy tờ này cho thấy Nguyễn Ái Quốc là một người cộng sản hăng hái và sự trục xuất ông ta sẽ được khuyến cáo cho Hội đồng Hành pháp (*Executive Council*).

Cũng trong cùng bức điện, còn có lời bình của Walter d. Ellis, Vụ Phương Đông, Cục Thuộc địa nhận xét rằng:

“Chủ nghĩa cộng sản cũng như chế độ quân chủ chuyên chế không phải là một trọng tội, theo luật pháp của chúng ta”.

Những tài liệu trên cho chúng ta ngày nay một ý niệm về tính nghiêm ngặt của hệ thống pháp lý Anh quốc, về thái độ của thực dân Anh, và về mối quan hệ Anh – Pháp thời ấy. Nhưng tất nhiên, điều lý thú nhất trong mọi điều, là những sự kiện mới về Hồ Chí Minh.

Các tư liệu Hồng Kông đều dùng bí danh của Hồ Chí Minh bằng tiếng Trung Quốc, Sung Man Cho (Tổng Văn Sơ). Chúng tôi biết rằng Sung Man Cho bị bắt không phải một lần mà là ba lần, và đã bị giữ ở Hồng Kông cùng lúc với một nhà hoạt động trong Quốc tế Cộng sản người Indônêxia, là Tan Malaka.

Trong tập san *Hồng Kông Weekly Press and China Overdand Trade Report* ngày 28-8-1931, có đăng lời cải chính của Sung Man Cho không nhận mình là Nguyễn Ái Quốc:

“Tôi năm nay 36 tuổi. Tôi sinh ở thị trấn Đông Hưng, thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Tôi đã liên kết chặt chẽ với phong trào cách mạng ở An Nam và nói chung là Đông Dương, một phong trào có mục tiêu lật đổ chính quyền Pháp ở đây, để thay thế nó bằng một chính phủ quốc gia đặt dưới quyền của người bản xứ. Tôi đã tích cực dẫn thân vào phong trào, nhất là trong thời điểm trước khi bị bắt ở Hồng Kông ngày 6-6-1931.

Tham gia vào một phong trào như thế là mắc vào một tội là tội bị kêu đến án tử hình.

Tôi bị các nhà đương chức Pháp ở Đông Dương truy nã về tội ấy.

Trong lần thẩm vấn thứ ba với ông Trợ lý Thư ký Trung Hoa vụ (Assistant secretary for Chinese Affairs) ông đã bảo tôi rằng cái đơn khiếu nại dựa vào đoạn tường trình thứ 6 đã thể khẳng định ngày 14-8-1931, là bằng chứng không thể chối cãi rằng chính tôi là Nguyễn Ái Quốc, và lời khuyên tốt nhất của ông đối với tôi, cũng như việc tốt nhất mà tôi có thể làm được,

là nhận rằng tôi là Nguyễn Ái Quốc. Ông đã nói với tôi rằng: Đó sẽ là điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ tôi.

Cũng trong cuộc thẩm vấn, vị quan chức ấy đã chỉ cho tôi xem một mẫu báo nước ngoài đăng tin rằng mặc dù sự dẫn độ đối với một tội phạm chính trị là trái với luật pháp quốc tế, chính quyền Hồng Kông vẫn có thể trao Nguyễn Ái Quốc cho người Pháp bằng cách dẫn ông xuống một chiếc tàu thủy của Pháp.

Ông bảo tôi: Đó là điều chúng tôi sẽ làm đấy.

Chủ đích thực của chính quyền Hồng Kông khi tiến hành những thủ tục trục xuất tôi, là để giải thoát tôi khỏi sự giao nộp cho các nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương, cốt để tôi có thể thương lượng với những nhà đương cục nào đó về các tội kể trên”.

Vụ Sung Man Cho được đưa ra trước Tòa án tối cao Hoàng gia. Từ lời bình luận của các quan chức Cục Thuộc địa, chúng ta biết được rằng việc kháng cáo lên tòa Đại hình tối cao được tiến hành vào ngày 24-6-1932, do bởi các luật sư đại diện cho Cục Thuộc địa sợ rằng Sung Man Cho có thể thắng án.

Chẳng bao lâu, qua các tài liệu và bình luận, người ta nhận xét được về các luật gia của cả hai bên, và ngay cả Cục Thuộc địa cùng với các luật gia của họ cũng tranh cãi kịch liệt với nhau chung quanh việc trục xuất Nguyễn Ái Quốc đi đâu? Cuối cùng sự bất đồng ý kiến tập trung vào chỉ một câu trong bức điện cấp của Cục Thuộc địa đánh sang Hồng Kông một năm trước.

Bộ Nội vụ Anh chắc chắn là không chấp thuận cho Nguyễn Ái Quốc vào nước Anh (Home Office most milikely to agree to Nguyễn coming to England). Nhưng một sự hiểu lầm đã xảy ra:

Nhân viên ghi mã bức điện đã không truyền ghi các tiền tố “un” – “not”, do đó đã xảy ra một cuộc cãi lộn ba tháng ròng giữa các quan chức.

Cuối cùng, người ta biết được tình tiết từ Thống đốc Hồng Kông về việc Hồ Chí Minh đã được/ bị trục xuất lên con tàu *An-Huy*. Đó là ngày 22-1-1933, vào lúc 5 giờ chiều. (Nguyễn Hải Phú nhấn mạnh)

Hồ Chí Minh đã bị bắt ngày 6-6-1931. Sau một năm rưỡi, Sung Man Cho kháng nghị với quan chức Giám quan cao cấp của các nhà tù, đã khảo xét quyền lực của Thống đốc Hồng Kông khi vận dụng khoản bổ sung lệnh trục xuất số 7 năm 1931, được chấp thuận ngày 2 tháng 4, hai tháng trước cuộc bắt giữ ông Hồ. Không đến hai tháng sau khi ông Hồ được phóng thích, Thống đốc Hồng Kông Sir William Peel hãy còn đệ trình lên Bộ Ngoại giao một dự án sắc lệnh khác nữa đối với những “tội phạm chính trị” từ bất cứ một nơi khác đến tị nạn ở một thuộc địa Anh, như những trường hợp của Nguyễn Ái Quốc và Tan Malaka.

Câu chuyện còn lại là lỗ hổng: đó là bản phán quyết của Tòa án Tối cao Hồng Kông, cho đến nay không còn thấy trong các hồ sơ của Cục thuộc địa.

Tôi cũng đã hy vọng tìm ra những hồ sơ lưu trữ của cảnh sát về thời gian ở tù của Nguyễn Ái Quốc trong nhà lao

Victoria, nhưng đã không thấy còn lại gì. Có lẽ nếu có được ít nào thì cũng đã bị hủy hoại trong chiến tranh – ngay cả những giấy tờ của Russ và Cty, cái văn phòng luật sư của F. H. Loseby (Lô-giơ-bi) xưa kia đã nỗ lực cứu thoát Nguyễn Ái Quốc, nay cũng không còn di tích gì.

Tuy nhiên, điều được biết là Việt Nam đã có được 10 tiếng đồng hồ phỏng vấn ghi âm lời của luật sư Loseby trong lần ông đến thăm Hà Nội năm 1960. Ông đã nói ra những hồi ức của mình về những sự kiện từng đã qua khoảng gần 30 năm trước. Những hồ sơ lưu trữ của Anh đã sửa một số chi tiết từ các cuộc phỏng vấn ấy của Loseby.

Bản sao một số tư liệu, nhất là biên bản lưu của vụ xử ở Tòa án Tối cao Hồng Kông, có thể còn tìm thấy được trong các hồ sơ của Bộ Ngoại giao ở Luân Đôn. Mặc dù nếu các ô hồ sơ của Cục Thuộc địa như hai cục vàng đồ sộ thì các giấy tờ bên Bộ Ngoại giao là những mảnh hạt rải rác, lưa thưa. Tìm tòi trong đấy là cả một quá trình phải đãi cát để lấy vàng. Tôi hiện có một vài ô hồ sơ về năm 1931 và những con số tư liệu ở trong các ô khác. Tôi hy vọng sẽ góp thêm nó vào vấn đề, trong một cuộc đến Luân Đôn vào tháng sáu. Ông đại sứ Anh tại Việt Nam đã có hảo ý giới thiệu cho tôi tên một vị nghiên cứu viên ở Bộ Ngoại giao (Anh), người mà chúng tôi hy vọng là có thể giúp đỡ tôi tiếp cận với những tư liệu khó kiếm hơn.

Ngoài ra, cũng còn có thể có những ô hồ sơ chưa được khai thác ở Pháp. Các nhà nghiên cứu người Việt đã sục sạo ở kho Lưu trữ Hải ngoại (Dépôt des Archives d' Outre-mer), Cục Lưu trữ Quốc gia ở Aix-en-Provence để tìm kiếm những

thông tin về Hồ Chí Minh. Dù thế nào mặc lòng, những tư liệu liên quan đến vụ bắt giữ Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông, cũng có nhiều khả năng còn lại hơn ở kho Lưu trữ của Bộ Ngoại giao Paris, bởi vì cuộc trục xuất Nguyễn Ái Quốc đã là một hệ quả giữa Anh và Pháp và một xứ sở thuộc địa. Tháng sáu này, hai người bạn thân giỏi tiếng Pháp sẽ giúp tôi tìm kiếm trong các hồ sơ Pháp.

Ngày 6 tháng 6 năm nay là kỷ niệm lần thứ 70 vụ bắt giữ Hồ Chí Minh ở Hồng Kông. Chúng tôi hy vọng sẽ hoàn tất việc thu thập cho các độc giả Việt Nam gần 300 trang tư liệu gốc bằng tiếng Anh, tiếng Hồng Kông và tiếng Pháp chung quanh “Cuộc bắt giữ Nguyễn Ái Quốc”.

2. Một sự kiện cả hai phía đều sử dụng

Thông tin Nguyễn Ái Quốc chết trong nhà tù Hồng Kông được tung ra có dụng ý cho cả hai phía. Bên nhà đương cục ở Hồng Kông và những luật sư nhận biện hộ cho Nguyễn Ái Quốc.

Bên nhà đương cục Hồng Kông họ phải đối phó với nhiều phản ứng mạnh mẽ của báo chí ở đây và các nước có quan tâm. Mặt khác, mật thám Pháp dành cho mật thám Hồng Kông số tiền khá lớn giúp họ bắt dẫn độ Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương. Họ muốn vụ việc này được giữ bí mật, nhưng báo chí nhiều nước trong đó có báo Anh, báo Pháp đưa tin gây phản ứng mạnh trong dư luận quốc tế. Quốc tế Cộng sản, lực lượng cánh tả và cả những người tiến bộ vận động, bảo vệ tính mạng Nguyễn Ái Quốc. Vì vậy, mật thám Anh và Pháp bị động không thực hiện được ý muốn bí

mật đưa Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương để xử theo bản án chúng đã đưa ra. Việc tung tin Nguyễn Ái Quốc đã chết trong nhà tù Hồng Kông là để lừa mị dư luận hòng thực hiện ý đồ của họ. Nhưng họ không thực hiện được, do nhóm luật sư Loseby tranh luận tại tòa, phản đối những vi phạm của cảnh sát khi bắt Nguyễn Ái Quốc yêu cầu trả tự do cho Người. Theo luật pháp của Anh, Nguyễn Ái Quốc được tha bổng.

Tin Nguyễn Ái Quốc chết cũng có lợi cho Pháp ở Đông Dương với mong muốn nó sẽ gây hoang mang trong những người cộng sản vì bị mất lãnh tụ của mình. Vì vậy, họ khai thác triệt để nguồn tin này. Những lãnh tụ của Đảng Cộng sản trong nước lúc đó việc liên lạc với Nguyễn Ái Quốc bị cắt, chỉ nắm tin qua báo chí từ Hồng Kông và của Pháp, nên cho rằng Nguyễn Ái Quốc đã chết trong nhà tù Hồng Kông, những tài liệu của Đảng Cộng sản Đông Dương và của Quốc tế Cộng sản lúc đó viết theo nguồn tin này.

Sau khi Nguyễn Ái Quốc được phóng thích, luật sư Loseby cùng Phó thống đốc Hồng Kông giúp Bác Hồ đi Ma Cao, rồi Bác sang Trung Quốc, gặp bà Tống Khánh Linh liên hệ được với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Bác xuống tàu biển của Liên Xô về lại đất nước của Lênin. Thời gian này “bật tin” về Nguyễn Ái Quốc nên dư luận Nguyễn Ái Quốc đã chết càng làm nhiều người tin. Riêng luật sư Loseby là người biết rõ Nguyễn Ái Quốc đã ra khỏi Hồng Kông, nhưng để bảo vệ an toàn cho “thân chủ” của mình, luật sư cũng lợi dụng tin Nguyễn Ái Quốc chết để đánh lạc hướng mật thám Pháp.

Nguồn tin giả tạo ngày ấy về Nguyễn Ái Quốc đối với những người hoạt động cách mạng không phải là lạ lắm. Tất

nhiên về sau, Đảng ta đã xác định được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc còn sống sau một thời gian Bác đến Mátxcova.

3. Cái chết của Nguyễn Ái Quốc là bịa đặt

Người viết bài này đã có loạt bài về Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc đăng trên nhiều số Tuần báo Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh⁽¹⁾ chứng minh rõ Bác Hồ không chết ở nhà tù Hồng Kông năm 1932-1933. Bác Hồ có mang tên Hồ Quang, đóng vai Thiếu tá Bát lộ quân Trung Quốc trong thời gian Người tìm đường về nước năm 1941. Hồ Quang chính là Hồ Chí Minh.

Việc có tin Hồ Chí Minh chết trong tù như trên đã phân tích là tin bịa đặt có dụng ý của những người có trách nhiệm trong việc bắt giữ, những người cứu Nguyễn Ái Quốc. Nguồn tin này ngày nay không còn giá trị gì nữa, vì nó không phải là sự thật. Nhưng đối với những kẻ chống phá Đảng, Nhà nước ta là chỗ cho họ khai thác xuyên tạc, hòng thực hiện ý đồ xấu xa, mong muốn gây hoang mang ở một số người không am hiểu vụ việc. Nhưng không lừa được dư luận, vì ngày nay tài liệu về cuộc đời của Bác có khá nhiều, được công khai nên rất dễ tìm kiếm để mọi độc giả đối chiếu kiểm định đâu đúng, đâu sai trái. Vậy thì những kẻ lu loa Nguyễn Ái Quốc đã chết trong tù Hồng Kông chỉ làm những người hiểu biết khinh thường họ mà thôi.

(1) Bài Hồ Chí Minh người trọn nghĩa vẹn tình, số 361, ngày 9-7-2015.

4. Cần tỉnh táo khi đọc những tin trái chiều trên Internet

Mạng Internet cho người sử dụng nhiều lợi ích, tìm kiếm thông tin, tư liệu dễ dàng và nhanh chóng, nó đóng góp vào sự phát triển các mặt trong đời sống của mọi dân tộc, đất nước nếu “biết” sử dụng. Phải nói cái lợi là rất to lớn.

Nhưng Internet cũng là một công cụ cho kẻ xấu lợi dụng thực hiện những ý đồ đen tối của họ để chống phá người khác hoặc chính quyền mà họ không ưa. Họ tung ra những nguồn tin “bịa như thật” dựa vào những dữ liệu có thật đang được công khai, thêm những chi tiết bịa đặt, giả tạo vào cho có vẻ logic tung “hỏa mù” làm người đọc không phát hiện được sự xảo trá ấy. Như vậy họ mới đạt được mục đích mong muốn.

Ngoài việc kẻ thù tuyên truyền xuyên tạc chống phá Nhà nước nào họ cần – Việt Nam chúng ta đang có một số người này. Trên Internet có vô số điều xấu, rất tai hại như: Game bạo lực, phim ảnh, truyện đồi trụy... rất bất lợi cho ai không thận trọng khi sử dụng nó. Chính vì những tác động xấu ấy đã gây ảnh hưởng đến tính cách, lối sống của một số người, nhất là thanh thiếu niên. Những vụ án giết người rùng rợn kẻ thù ác đều có ảnh hưởng từ việc xem phim bạo lực trên mạng.

Vì vậy, Internet có thể nói là con dao hai lưỡi rất sắc, người dùng không khéo sẽ “đứt tay” như chơi. Mọi người phải tỉnh táo, có trách nhiệm với bản thân và người thân, không xem, ngăn chặn người nhà xem những gì không tốt. Khi gặp những tin tức gây “sốc”, người đọc phải thận trọng, tỉnh táo phân tích, tìm hiểu kỹ nguồn gốc, xuất xứ để nhận rõ ý đồ kẻ đưa tin, biết thật giả để không bị mắc lừa kẻ xấu.

Trở lại chuyện Nguyễn Ái Quốc đã chết trong nhà tù Hồng Kông gần đây có kẻ lập lại đưa lên mạng không có gì mới, cũng là sự kiện cũ, nhưng họ bỏ công nghiên cứu khai thác phần có nêu trong các văn bản của Đảng hòng làm cho người đọc dễ ngộ nhận. Văn bản của Đảng ghi lại sự kiện này theo diễn biến về việc Bác Hồ bị bắt giữ ở Hồng Kông, lãnh đạo trong nước biết tin theo báo chí lúc Bác ở tù, *chứ không xác nhận nguồn tin đó là chính xác*. Vậy mong mọi người hãy theo thông tin chính thống của Đảng, lấy đó làm căn cứ để hiểu đúng về lịch sử cuộc đời Hồ Chủ tịch kính yêu của nhân dân ta.

Xin nêu một ý cuối: nhiều người ngoại quốc trong đó có bà Lady Borton, bà J. Stenson họ kính trọng Bác Hồ của chúng ta, bỏ công sức, tiền bạc đi đến nhiều nơi Bác từng sống hoạt động tìm hiểu, viết cho đúng về cuộc đời của Bác. Qua nghiên cứu họ hiểu rõ và khẳng định Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc như lịch sử Đảng ta đã công bố, thì lại có kẻ dã tâm xuyên tạc, bịa đặt, chống phá nhằm bôi xấu lãnh tụ của nhân dân ta. Điều này đã gây phẫn nộ trong lòng người dân Việt yêu nước. Tôi muốn nhắc với những kẻ làm những việc tối bại này rằng: chỉ có người ngu xuẩn mới làm cái điều ấy. Các người hãy dừng lại nếu còn có chút lương tri, đừng mất công vô ích, không ai nghe những chuyện bậy bạ ấy đâu.

NGUYỄN ÁI QUỐC TÌM ĐƯỜNG VỀ NƯỚC

Gần đây những người chống phá chế độ do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo lại tung ra chiêu lừa bịp mới: Hồ Quang là người Trung Quốc. Chúng nghĩ rằng cứ nói đi nói lại nhiều lần sẽ có người tin nghe theo?

Chúng ta đã nghe, đọc câu chuyện của một người Đài Loan tên Hồ Tuấn Hùng viết sách nói Hồ Chí Minh là Hồ Tập Chương, đóng giả. Nguyễn Ái Quốc đã chết trong nhà tù Quốc dân Đảng Trung Hoa khi bị bắt giam ở Hồng Kông năm 1932. Cuốn sách này không đủ lý lẽ, thiếu cơ sở khoa học nên bị người đọc phản biện, phê phán chỉ ra điều tác giả nói không đúng nên đã đi vào dĩ vãng. Nay họ lại bịa chuyện về Hồ Quang. Họ dựa vào tiểu sử của Hồ Chí Minh, khai thác ở những giai đoạn Bác hoạt động bí mật, có những tình tiết bí ẩn để tung hỏa mù làm người đọc bán tín bán nghi. Địch chú ý khai thác tiểu sử của Nguyễn Ái Quốc bất cứ chỗ nào họ thấy có thể. Ngay chuyện lúc mới sang Pháp Bác viết đơn xin vào học trường thuộc địa chúng cũng đã kích. Với

cách nhìn chủ quan, áp đặt của họ cho rằng việc Bác xin học như vậy thì sao gọi là có tư tưởng chống Pháp?

Lần này họ dùng tới giai đoạn Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về phương Đông, đóng vai thiếu tá Hồ Quang quân đội Trung Quốc, họ dựng lên vở kịch Hồ Quang là người Trung Quốc, Hồ Chí Minh là giả, không phải người Việt Nam.

Tư liệu về giai đoạn Nguyễn Ái Quốc lấy tên Hồ Quang ở Trung Quốc từ cuối mùa thu năm 1938 đến cuối tháng 1-1941, khi Người về nước có nhiều. Bài này chủ yếu sử dụng tư liệu bộ sách Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử và vài tài liệu khác.

Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô

Từ năm 1934 sau khi thoát khỏi nhà tù ở Hồng Kông trở lại Liên Xô cho đến năm 1938, trong thời gian 5 năm này Nguyễn Ái Quốc gặp phải sự nghi ngờ của Quốc tế Cộng sản, không chỉ bị đặt dấu hỏi làm sao ra khỏi nhà tù của đế quốc mà còn bị đánh giá về đường lối cách mạng dân tộc dân chủ. Vì vậy gần như Nguyễn Ái Quốc không được bố trí công tác. Sau nhiều tranh thủ, đến năm 1938, nhờ Dimitorốp thông cảm sâu sắc với Nguyễn Ái Quốc, đã quyết định tạo điều kiện để người chiến sĩ cách mạng kiên cường và sáng tạo này sớm được trở về nước hoạt động.

Ngày 29-9, Nguyễn Ái Quốc rời khỏi biên chế của Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Một buổi chiều se lạnh, Nguyễn Ái Quốc đáp xe lửa ở ga Iarôxlápki rời Mátxcova đi về phương Đông.

Nhờ mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đến Văn phòng Lan Châu của Giải phóng quân Trung Quốc để từ đó đi Tây An.

Ngày 30-9-1938, Phòng cán bộ của Viện nghiên cứu các vấn đề về dân tộc và thuộc địa đã ra quyết định số 60 (mật), nội dung như sau:

Sinh viên mang số hiệu 19 (Lin) từ ngày 29-9-1938 đã rời khỏi biên chế của Viện (về nước).

Trưởng phòng cán bộ Ninkapê Nôvicốp

Tình hình hợp tác Quốc cộng ở Trung Quốc

Trước sự xâm lăng của phát xít Nhật, quần chúng nhân dân có nguyện vọng hai đảng lớn của Trung Quốc là Đảng Cộng sản và Quốc dân Đảng cần hợp tác nhau chống Nhật. Dù âm mưu tiêu diệt Cộng sản, nhưng Tưởng Giới Thạch phải chấp nhận ý muốn này. Đảng Cộng sản Trung Quốc mở Biện sự xứ trên đất quân Tưởng còn chiếm đóng để làm việc với nhau. Lợi dụng điều kiện này, Nguyễn Ái Quốc được Đảng Cộng sản Trung Quốc bố trí đóng vai thiếu tá Bát lộ quân để đi lại tìm cách móc nối với tổ chức Đảng của ta đang hoạt động ở Trung Quốc (trong vùng do quân Tưởng quản lý).

Nguyễn Ái Quốc trong vai Hồ Quang trên đất Trung Quốc

Tại Lan Châu (thủ phủ tỉnh Cam Túc, tây bắc Trung Quốc, điểm trọng yếu trên tuyến giao thông từ Urumsi (thủ phủ Tân Cương) vào nội địa Trung Quốc. Người được Ngũ

Tu Quyên - Chủ nhiệm Văn phòng tiếp đãi chu đáo. Theo sắp xếp của tổ chức, Người nhận quân phục và phù hiệu Bát lộ quân, quân hàm thiếu tá với bí danh Hồ Quang.

Sau vài ngày ở Tây An, Người cùng mấy đồng chí Trung Quốc “hộ tống” mấy xe bò, xe ngựa, xe trâu chở vài rách (mua về để bện dép) đi Diên An.

Khoảng một tuần sau Người đến Diên An (thị trấn của tỉnh Thiểm Tây, bấy giờ là căn cứ đầu não của 18 vạn quân cách mạng và khu giải phóng Hoa Bắc).

Ở Diên An hai tuần, Nguyễn Ái Quốc trở lại Tây An. Lần này, Người đi cùng 5 chiếc xe hơi chở học sinh và cán bộ trung, cao cấp. Trên đường qua vùng “trắng”, bọn đặc vụ Quốc dân Đảng lục soát xe, dọa giữ xe, giữ người. Trước thái độ cứng rắn của quân cách mạng, quân “trắng” phải lùi.

Rời Tây An, Nguyễn Ái Quốc tìm đường đi Quảng Tây. Cùng đi có đồng chí L. là cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Để được an toàn trên đường đi, Nguyễn Ái Quốc sắm vai lính hầu của quan trưởng L.

Nguyễn Ái Quốc trong vai thiếu tá Bát lộ quân Hồ Quang cùng tướng Diệp Kiếm Anh đến Quế Lâm, ở trong trụ sở Văn phòng Bát lộ quân (Văn phòng Bát lộ quân ở Quế Lâm có trụ sở đối ngoại tại nhà số 138, đường Trung Bắc - nay là số 98, đường Trung Sơn Bắc - các bộ phận hậu cần, cơ yếu, giao thông, điện đài... đóng ở thôn Lộ Mạc. Thôn này nằm ven đường sắt, cách Quế Lâm khoảng 6 km về phía bắc, chia làm hai bộ phận ở hai bên đường sắt. Nguyễn Ái Quốc

ở bộ phận phía tây đường, cùng với phần lớn cán bộ Văn phòng. Người phụ trách lúc đó là ông Lý Khắc Nông).

Vào một ngày cuối năm nhận được chiếc máy đánh chữ của Pháp sản xuất, do Lý Bội Quân, một đồng chí Trung Quốc mua hộ từ Hải Phòng về, Nguyễn Ái Quốc rất vui. Buổi chiều, Người cảm ơn đồng chí Lý bằng một bữa khao ở Quế Lâm từu quán.

Người dùng chiếc máy chữ này để đánh các bài báo gửi về Việt Nam và các báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản.

Về sau Lý Bội Quân viết trong hồi ký:

“Đồng chí Hồ Quang nhận được máy đánh chữ do tôi mua từ Hải Phòng về thì hết sức mừng rỡ. Hồi ấy, cuộc sống của mọi người hết sức khó khăn, thế mà ông Hồ đã thết tôi một bữa tại hiệu ăn Quế Lâm. Bữa “thết” chỉ có hai món xào nấu, một bát canh và hai chén rượu, nhưng tình cảm thì rất chân thành, phấn khởi...”

Nguyễn Ái Quốc trong vai thiếu tá Hồ Quang - công tác tại Phòng Cứu vong thuộc Văn phòng Bát lộ quân ở Quế Lâm, là Ủy viên y tế kiêm Ủy viên bích báo, tham gia lãnh đạo Phòng. Người còn phụ trách biên tập tờ Sinh hoạt tiểu báo, tờ báo nội bộ cơ quan.

Năm 1939, với bí danh Hồ Quang, Nguyễn Ái Quốc đến Trùng Khánh. Người ở lại Văn phòng Bát lộ quân Trùng Khánh đặt tại thôn Hồng Nham. Người thường đến thăm Chu Ân Lai ở đó.

Từ Văn phòng Bát lộ quân Quế Lâm, Nguyễn Ái Quốc đi với Diệp Kiếm Anh đến lớp huấn luyện cán bộ du kích Nam Nhạc thuộc Hoàng Dương, tỉnh Hồ Nam.

Tại Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài báo nhan đề “*Thư từ Trung Quốc*” gửi đăng trên báo Notre Voix với bút danh P.C. Lin phân tích tình hình cách mạng Trung Quốc, đấu tranh chống bọn Tờ-rốt-kít ở Trung Quốc, tình hình chính trị ở Đông Dương...

Với bí danh Hồ Quang, Nguyễn Ái Quốc tham gia khóa 2 lớp huấn luyện cán bộ du kích Nam Nhạc (Hồ Nam, Trung Quốc). Tại đây, Người còn phụ trách việc nghe đài lấy tin tức cho lớp huấn luyện.

Đầu tháng 10, Nguyễn Ái Quốc đến Quế Lâm, rồi từ Quế Lâm qua Liễu Châu, Nam Ninh đi Long Châu để bắt liên lạc với các đồng chí Việt Nam ở trong nước phái ra. Cùng đi có một đồng chí Trung Quốc là Lý Bội Quân, có công vụ qua Việt Nam đi Hồng Kông kết hợp làm nhiệm vụ hộ tống.

Tại Long Châu, Nguyễn Ái Quốc không gặp được người từ Việt Nam cử sang. Người lại quay về Quế Lâm.

Trích tiếp hồi ký của Lý Bội Quân:

“Vào khoảng tháng 10, 11 năm 1939, tôi lại nhận nhiệm vụ từ Quế Lâm qua Việt Nam đến Hương Cảng. Trước khi lên đường, đồng chí Lý Khắc Nông tìm tôi nói chuyện, cho tôi biết lai lịch của đồng chí Hồ Quang, đồng thời giao cho nhiệm vụ đưa đồng chí Hồ Quang đi Long Châu...”

“Tôi hộ tống đồng chí Hồ Quang đi Liễu Châu, Nam Ninh rồi xuống Long Châu. Dọc đường, tôi hết sức cẩn thận. Sau khi tới Long Châu chúng tôi ở lại một quán trọ nhỏ cạnh bờ sông. Nhưng đợi luôn ba ngày vẫn không thấy bóng một đồng chí

Việt Nam nào đến liên lạc với đồng chí Hồ Quang. Ông Hồ đành phải quay trở lại Quế Lâm, còn tôi thì tiếp tục nhiệm vụ của mình, từ Long Châu sang Việt Nam để đi Hương Cảng... Mãi về sau này, khi cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc đã thành công, tôi mới biết sự trục trặc hồi ấy là do đồng chí liên lạc viên của Đảng Cộng sản Đông Dương bị người ta lừa gạt, mất hết tiền nên phải trở về nước ba ngày trước khi tôi đưa ông Hồ tới Long Châu...

Trở về Quế Lâm, đồng chí Hồ Quang không hề thất vọng. Búi tơ vò đã gỡ ra đầu mối. Đường dây liên lạc tuy còn trục trặc, nhưng không chóng thì chầy sẽ phải chấp nối được. Ông như con chim đại bàng tung cánh bay vạn dặm, nay đã gần về tới tổ...”

HỒ QUANG LÀ AI?

Nguyễn Ái Quốc gặp cán bộ ban hải ngoại của Đảng và cán bộ trong nước sang Trung Quốc

Trong bộ Âu phục cổ cồn, thắt còravát, Nguyễn Ái Quốc với biệt danh “ông Trần” đến liên hệ với Trịnh Đông Hải (tức Vũ Anh) tại hiệu dấu cù là Vinh An Đường ở Côn Minh.

Người hỏi về tình hình trong nước, những hoạt động ở Côn Minh... và bắt liên lạc với Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng.

Đầu tháng 3-1940, tại Côn Minh, theo sự bố trí của Ban chỉ huy ở ngoài, Nguyễn Ái Quốc đến nhà ông Tống Minh Phương trong một gian buồng nhỏ ở trên gác, số nhà 77, đường Kim Bích.

Về sau, theo gợi ý của Nguyễn Ái Quốc, hiệu may Tổng Minh Phương chuyển thành hiệu cà phê Tân Nam.

Sau lần Quốc dân đảng khám xét hiệu cà phê Tân Nam của ông bà Tổng Minh Phương, Ban chỉ huy ở ngoài bố trí Người chuyển đến gian gác Nhà xuất bản Sinh hoạt đọc sách, ở số nhà 67, Hoa Sơn Nam, Côn Minh.

Nguyễn Ái Quốc đi thăm một số cơ sở cách mạng dọc đường xe lửa Vân Nam - Hồ Kiều. Người lấy giấy chứng nhận của tổ chức quần chúng “Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện hội”. Đây là tổ chức được nhà đương cục Trung Quốc công nhận hoạt động hợp pháp. Lấy danh nghĩa kiểm tra công tác Hội, Người đến ga Nghi Lương, Khai Viễn, Chỉ Thôn (Xì Xuyên)... Phùng Chí Kiên cùng đi với Người.

Tại Chỉ Thôn (huyện Mông Tự, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc đến cơ sở của Hoàng Quang Bình (lúc này làm nghề cắt tóc). Người cùng đồng chí Kiên nghỉ tại gác xép của nhà đồng chí Bình. Sau khi nghe báo cáo tình hình, Người cùng đồng chí Kiên mở lớp huấn luyện cho chi bộ ở đây. Người còn khuyên đồng chí Bình nên năng giặt sạch vải choàng để có nhiều công nhân đến cắt tóc.

Với danh nghĩa “ông Trần”, Nguyễn Ái Quốc tham gia lễ cầu hồn cho 20 Việt kiều ở Bích Sắc Trại bị bom Nhật giết hại. Tại ngôi đền do ông Tự Thanh trông coi, dành cho đồng bào ở Chỉ Thôn, “ông Trần” đã ứng khẩu đọc bài sớ:

Nam mô Phật tổ Như Lai

Chúng sinh nheo nhóc dưới trời Tây phương

*Trăm tầng áp bức thảm thương
Thân gầy như củi, xác nuờng thây ma*

...

*Thù nhà nợ nước đòi đường
Đã vì người chết càng thương giống nòi
Đừng tin vào số mệnh trời
Mà do quân Nhật giết người gây nên
Hồn ơi, hồn có linh thiêng
Hãy cùng người sống báo đền nước non
Người còn thì nước phải còn.*

Theo sự gợi ý của Nguyễn Ái Quốc, tờ báo cách mạng lâu nay mang tên Truyền tin, ra số kỷ niệm ngày 1-5, là số đầu tiên đổi tên thành Đ.T. với lời “Kính chào độc giả”:

Đ.T. vẫn theo đuổi mục đích và tôn chỉ của Truyền tin mà phấn đấu. Hy vọng khiếu nại sẽ giúp đỡ cho Đ.T. cũng như giúp đỡ cho Truyền tin trước, có tiền giúp tiền, có ý kiến giúp ý kiến, và ra sức cổ động cho Đ.T. được lan rộng.

Đế quốc chiến tranh đang kịch liệt và mở rộng. Cuộc vận động dân tộc giải phóng đứng trong bước gay go. Đ.T. có thể gánh vác một phần nhiệm vụ lớn của dân tộc, là nhờ sự giúp đỡ của đồng bào.

Còn hai chữ Đ.T. là ý nghĩa gì, khiếu nại thử đoán xem”.

Trong mục Văn tuyển có bài thơ nhạc *Chinh phụ ngâm* do Nguyễn Ái Quốc sáng tác, nói lên sự thông cảm với nỗi khổ của con người trong chiến tranh, đồng thời khéo léo kêu gọi chuyển chiến tranh đế quốc thành chiến tranh cách mạng.

Sau một tháng ở Chí Thôn, Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ cho những người ở lại: tiếp tục gây cơ sở, giữ gìn bí mật, đồng thời ủng hộ Trung Quốc kháng chiến. Người còn nói với các đồng chí ở cơ sở này: “Chúng tôi ở đây lâu, nay đi, đề nghị các đồng chí nhận xét và phê bình” và “Các đồng chí ở đây cần giúp đỡ các đồng chí qua lại hoạt động. Phải cần đến tiền. Tôi đưa một số tiền vào tiền ăn của chúng tôi...”. Sau đó, Người lên đường trở lại Côn Minh.

Tại Côn Minh, Nguyễn Ái Quốc quyết định cho rải truyền đơn dọc tuyến đường sắt Côn Minh đến biên giới Việt - Trung, vạch trần tội ác của giặc Pháp, giặc Nhật và kêu gọi quần chúng ủng hộ nhân dân Trung Quốc chống Nhật.

Nguyễn Ái Quốc ở Côn Minh, Phùng Chí Kiên dẫn Đặng Văn Cáp đến gặp Người.

Người thân mật hỏi đồng chí Cáp về những người quen cũ hồi ở Xiêm (nay là Thái Lan) cách đây đã hơn 10 năm. Người cho biết định về nước bằng đường Côn Minh - Lào Cai qua huyện Khai Viễn nếu không có đường nào thuận lợi hơn. Người phái Bùi Thanh Bình về Hồ Kiều thăm dò đường sá và cử Hoàng Văn Lộc cùng về theo.

Lúc này Nguyễn Ái Quốc mang bí danh “đồng chí Vương”, gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp vừa từ trong nước sang tại công viên Thúy Hồ, Quế Lâm, Trung Quốc.

Người nói chuyện với các đồng chí, hỏi thăm về các khó khăn đi đường, về Mặt trận dân chủ trong nước gần đây, về chuyện làm báo... Trả lời câu hỏi (do Hoàng Văn Thụ dẫn xin

ý kiến Nguyễn Ái Quốc) về vấn đề “Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông”, Người nói: “Vấn rất cần, nhưng điều kiện tổ chức thì hiện nay chưa chín nên chưa đặt ra” và nói thêm: “Các đồng chí ra được thế này là tốt. Vài ngày nữa sẽ bố trí công tác cho các đồng chí”...

Nguyễn Ái Quốc với bí danh Hồ Quang, giới thiệu Phạm Văn Đồng (bí danh Lâm Bá Kiệt) và Võ Nguyên Giáp (bí danh Dương Hoài Nam) đi học Trường Quân chính của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trước khi hai đồng chí lên đường, Người căn dặn: “Cố gắng học thêm quân sự”. Người viết một tờ giấy ký tên Hồ Quang giới thiệu hai đồng chí này đến Quý Dương, để từ đó đi Diên An.

Ở Côn Minh, sau khi nghe tin Paris bị quân Đức chiếm (20-6-1940), Nguyễn Ái Quốc triệu tập cuộc họp tại ngôi nhà nhỏ là phòng họp và tòa soạn của báo Đ.T. Người phân tích: “Việc Pháp mất nước là một cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng”.

Hội nghị tán thành nhận định trên. Khi có người băn khoăn vì không có vũ khí để cướp chính quyền, Người vạch rõ: “Khởi nghĩa thì phải có vũ khí. Đó là một trong những vấn đề quan trọng của cách mạng. Nhưng nếu bây giờ có vũ khí thì lấy ai mà vác vũ khí? Cho nên, cứ tìm cách về nước đã, sau đó chúng ta sẽ vận động quần chúng. Khi quần chúng đã giác ngộ cao thì ta sẽ có vũ khí.

Nguyễn Ái Quốc điện cho Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp (đang chờ xe ở Quý Dương) không đi Diên An

nữa, mà đợi tại Quế Lâm để tìm cách về nước. Vì Chính phủ Pháp đã đầu hàng phát xít Đức chiếm đóng.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại trong hồi ký của mình:

“Một tuần sau khi đến Côn Minh, chúng tôi chuyển sang nhà một đồng chí Trung Quốc cho ở nhờ... Anh Cao Hồng Lĩnh mới từ Diên An về cùng đến ở với chúng tôi... Chúng tôi vẫn phải đợi đồng chí Vương về để giải quyết công tác. Hằng ngày, sau bữa cơm, chúng tôi ra Thúy Hồ học tiếng Trung Quốc... Nhớ đến lời anh Hoàng Văn Thụ nhắn trước khi ra đi là sang đây sẽ gặp đồng chí Vương, tôi cứ tin rằng đồng chí Vương là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Sang đầu tháng 6, một hôm anh Phùng Chí Kiên rủ chúng tôi đi Thúy Hồ. Đọc đường đi anh nói:

- Đồng chí Vương đã đến và hẹn gặp chúng ta.

Đến Thúy Hồ, tôi thấy anh Vũ Anh ngồi trong một chiếc thuyền với một người đứng tuổi, gầy gò, có đôi mắt rất sáng, mặc bộ quân áo Tôn Trung Sơn màu xám, đội mũ phớt. Tôi nhận ra ngay đúng là đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà tôi đã thấy trong ảnh ngày trước. Nếu so với ảnh thì trông Bác ở ngoài linh hoạt và sắc sảo hơn nhiều.

Bác và chúng tôi rời thuyền lên bờ, vừa đi dạo quanh hồ vừa nói chuyện. Bác hỏi chúng tôi về những khó khăn khi đi đường, hỏi tình hình trong nước gần đây, hỏi tình hình Mặt trận dân chủ và hỏi chuyện chúng tôi làm báo. Bác nói:

- Các đồng chí ra được thế này là tốt. Vài ngày nữa sẽ bố trí công tác cho các đồng chí.

Một lần Bác bảo anh Đồng và tôi:

- Các đồng chí sẽ đi Diên An, lên trên ấy vào Trường Đảng học tập chính trị, cố gắng học thêm quân sự...

Các đồng chí Trung Quốc tại Côn Minh tổ chức cho chúng tôi đi Quý Dương, để từ đó đi tiếp lên Diên An. Sinh hoạt thu điểm giới thiệu chúng tôi với đồng chí lái chiếc xe hồng thập tự có nhiệm vụ chở thuốc từ Côn Minh lên Quý Dương. Xe này là của bọn Quốc dân Đảng, nhưng người lái xe là một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc”.

Nguyễn Ái Quốc cho Phùng Chí Kiên, Vũ Anh đến Quý Dương để cùng Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp “đi Quế Lâm tìm cách về nước”.

Nguyễn Ái Quốc cử Trần Văn Hinh (vừa ở Nam kỳ sang) đi Diên An để xây dựng quan hệ mới, đón chuyển biến mới của tình hình thế giới.

Nguyễn Ái Quốc lên đường đi Trùng Khánh (bằng máy bay). Trước khi đi, Người dặn đi dặn lại Vũ Anh và các đồng chí ở Côn Minh lo chuẩn bị mọi mặt để khi Người trở lại có thể lên đường về nước ngay.

Trong Báo cáo của Việt Nam gửi Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc nêu những thông tin về địa lý, dân tộc, chế độ chính trị, tài nguyên của Việt Nam, chế độ thống trị của thực dân Pháp và về “Phong trào giải phóng” của nhân dân Việt Nam từ các cuộc khởi nghĩa Cần Vương đến trước chiến tranh thế giới thứ hai. Phân tích tình hình từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương) ra đời, Người khẳng định: “Ở Đông Dương chỉ có Đảng Cộng

sản là một chính đảng chân chính, có tính chất toàn quốc và có quần chúng”. Người trình bày về “Tình hình Việt Nam sau khi chiến tranh châu Âu bùng nổ” và “Tình hình sau khi Pháp đầu hàng Đức”, để từ đó xác định “Động cơ hành động của chúng tôi” - củng cố sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng căn cứ địa, mở rộng Mặt trận thống nhất các dân tộc bị áp bức... mong Quốc tế Cộng sản giúp đỡ.

Nguyễn Ái Quốc từ Trùng Khánh trở lại Côn Minh.

Nguyễn Ái Quốc đề tặng Phương Sĩ Tân - đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc được cử đi học ở Khu Xô Viết, vốn là người cùng đơn vị với Hồ Quang - bốn chữ Hán “Hữu chí cánh thành” (Có chí thì nên). Ký tên Hồ Quang.

Nguyễn Ái Quốc đưa ra nhận định:

Đông Minh sẽ thắng Nhật, Pháp ở Đông Dương chóng chầy sẽ bắn nhau.

Việt Nam sẽ giành được độc lập.

Chiến tranh du kích dần dần phát triển với những vũ khí thô sơ, gươm, giáo mác và một số ít khẩu súng cướp được của giặc.

Nguyễn Ái Quốc cho người bắt liên lạc với Hồ Học Lãm. Sau khi tiếp xúc với Trương Bội Công, ông Lãm thông báo rằng thời cơ về nước đã tới.

Người cử cán bộ đi Liễu Châu gặp Trương Bội Công và đi Quế Lâm gặp Lý Tế Thâm.

Nguyễn Ái Quốc đến Quế Lâm. Người được bố trí ở một ngôi nhà nhỏ, vách đất, lợp lá, thuộc ngoại thành. Nhiều đồng chí của ta cũng tập trung ở đây.

Trong một cuộc họp triệu tập tại một bãi cỏ vùng ngoại ô Quế Lâm, Nguyễn Ái Quốc nhận xét về những diễn biến tình hình vừa qua và chỉ dẫn những đối sách của ta: “Tình hình hợp tác Quốc Cộng hiện nay đang trải qua một bước rất gay go... Từ nay kỷ luật bí mật của Đảng phải được chấp hành triệt để. Sách vở, tài liệu phải hết sức cẩn thận. Mua sách báo về chủ nghĩa cộng sản, đọc xong hủy đi trước khi về nhà. Trong lúc giao dịch với bọn Quốc dân đảng tuyệt đối không để lộ mình là cộng sản”.

“Trong việc giao dịch với Quốc dân đảng không mong chi nhiều. Điều chủ yếu là làm sao cho chúng không cản trở công việc của ta. Phải hết sức bí mật. Về chuyện “Hoa quân nhập Việt”, đừng chỉ nhìn mặt thuận lợi. Hiện nay chỉ có Hồng quân Liên Xô và Hồng quân Trung Hoa mới là những đội quân anh em, mới là đồng minh thực sự của ta. Còn quân đội Tưởng Giới Thạch dù có vào Việt Nam để đánh Nhật cũng chỉ là đồng minh tạm thời, về bản chất chúng là kẻ thù. Phải thấy hết tính phản động của nó, nếu không thấy thì nguy hiểm. Chúng nó không vào Việt Nam càng tốt cho ta hơn”.

Người cũng nhận định tình hình chung trên thế giới và Đông Dương càng có lợi cho ta, không nên ở Quế Lâm lâu, phải chuyển về biên giới tìm cách về nước ngay để hoạt động.

Được tin hơn 40 thanh niên yêu nước các dân tộc Cao Bằng vì bị đế quốc Pháp khủng bố mạnh đã vượt biên giới

sang Quảng Tây (Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc nói với các đồng chí cùng hoạt động ở Quế Lâm: “Chúng ta sẽ tổ chức một lớp huấn luyện cho các anh em, sau đó đưa anh em trở về củng cố và mở rộng phong trào Cao Bằng và tổ chức đường liên lạc về nước”. Người còn nhận định: “Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nổi phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ”.

Nguyễn Ái Quốc cử các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Cao Hồng Lĩnh và Vũ Anh đến Tĩnh Tây (thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) để tìm cách liên lạc với số thanh niên ấy.

Một buổi tối tại Quế Lâm, Nguyễn Ái Quốc đến nơi ở của Hạ Diển, lúc đó là Tổng Biên tập tờ Cứu vong nhật báo (của Đảng Cộng sản Trung Quốc) trên đường Thái Bình, mang theo một bản thảo.

Hạ Diển đề nghị Người sao một bản bỏ vào phong bì gửi bằng đường bưu điện đến cho tòa báo, để phòng khi bọn Quốc dân đảng lục soát thì Hạ Diển sẽ mang chiếc phong bì có dấu bưu cục ra đối phó.

Bài “Ông-Trời-Co-mat” (Ông Trời có mắt), đăng trên Cứu vong nhật báo, với bút danh Bình Sơn, Người vạch rõ bọn thực dân Pháp xâm lược, bóc lột nước ta bây giờ lại để cho Đức đánh chiếm và cướp bóc nhân dân Pháp. Chúng

còn khinh Trung Quốc, nhưng nhân dân Trung Quốc lại anh dũng đấu tranh chống Nhật. Hai dân tộc Trung Quốc và Việt Nam “có thể sát cánh chặt chẽ với nhau, đánh cho đế quốc đang áp bức chúng ta rút đi, thế thì ông trời chẳng những có mắt mà còn có chân nữa!”.

Từ cuối tháng 11 tới tháng 12, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài báo đăng trên Cứu vong nhật báo ký tên Bình Sơn.

Sau khi đọc tin về khởi nghĩa Nam kỳ trên báo Quế Lâm, trong một buổi họp, Nguyễn Ái Quốc nhận định: “Tình hình chung thế giới và Đông Dương ngày càng có lợi cho ta, nhưng thời cơ chưa đến, chưa thể khởi nghĩa được. Song nay đã nổ ra rồi, thì cần tổ chức rút lui cho khéo để duy trì phong trào”.

Người viết ngay một bức điện gửi Đảng bộ Nam kỳ (bức điện này sau không có cách nào chuyển được về nước).

(Xem tiếp số sau)

Nguyễn Ái Quốc chủ trương chuyển hoạt động về sát biên giới và tìm cách về nước

Tại Quế Lâm, Nguyễn Ái Quốc nhận được thư báo cáo của nhóm công tác ở Tĩnh Tây (gồm Võ Nguyên Giáp, Vũ Anh, Cao Hồng Lĩnh) và báo cáo của Phạm Văn Đồng về bức điện của Trương Bội Công gửi Văn phòng Đệ tứ chiến khu nhờ mời ông Hồ Học Lãm và ông Lâm Bá Kiệt, Chủ nhiệm và Phó chủ nhiệm Biện sự xứ Việt Minh tại Quế Lâm đưa hội viên về Tĩnh Tây (Quảng Tây) để tổ chức Đại hội

hợp nhất “Việt Nam độc lập đồng minh hội” với “Việt Nam dân tộc giải phóng ủy viên hội”.

Cũng tại Quế Lâm, Nguyễn Ái Quốc chủ trương biến bức điện mời của Trương Bội Công thành “giấy đi đường” của một đoàn cán bộ ta về Tỉnh Tây.

Đoàn cán bộ gồm Nguyễn Ái Quốc, Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng... mua vé ô tô rời Quế Lâm đi Nam Ninh.

Từ Nam Ninh, Nguyễn Ái Quốc trong vai một nhà báo Trung Hoa, Phạm Văn Đồng trong vai phiên dịch cùng Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp... đi thuyền về Điền Đông. Trên thuyền Người thường nói tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc để Phạm Văn Đồng dịch lại.

Đến Điền Đông, Nguyễn Ái Quốc lưu lại đó, cử Phạm Văn Đồng cùng một số đồng chí về Tỉnh Tây trước để nắm tình hình và tìm Vũ Anh lên gặp Người.

Sáng hôm sau, Nguyễn Ái Quốc được các đồng chí Vũ Anh, Hoàng Sâm từ Tỉnh Tây đến đón.

Đến Tỉnh Tây, Nguyễn Ái Quốc được bố trí ở nhà một cơ sở vốn là một gia đình người Trung Quốc nghèo. Người bảo Vũ Anh về nước tìm một địa điểm bí mật, có hàng rào quần chúng bảo vệ và có đường rút lui.

Tại Tỉnh Tây, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên và Đặng Văn Cáp bàn việc mở lớp huấn luyện để chuẩn bị về nước.

Từ ngày 1-12 đến 18-12, Nguyễn Ái Quốc với bút danh Bình Sơn đã có 6 bài đăng trên *Cứu vong nhật báo*, trong

đó Bài Việt Nam “phục quốc quân” hay là “mại quốc quân”, Người vạch rõ âm mưu của Chính phủ Nhật “đối xử rất tốt với những thanh niên Việt Nam sang Nhật, và lợi dụng phong trào chống Pháp để hù dọa Pháp”. Song, sau đó lại cấu kết với Pháp, trục xuất số thanh niên này, chỉ giữ lại một số người, trong đó có Trần Mỗ, tức Trần Văn An, trên thực tế là một tên bán rẻ dân tộc, lập ra tổ chức phục quốc quân để lừa bịp nhân dân, phục vụ ý đồ của Nhật. Bài báo phê bình sai lầm của một số tờ báo Trung Quốc coi Việt Nam “phục quốc quân” là “đội tiên phong cách mạng dân tộc” và chỉ rõ: “chúng ta cần phân biệt rõ các đoàn thể chính trị và vũ trang của Việt Nam, không nên nhầm các tổ chức Việt gian thành “phong trào dân tộc”, càng không nên nhầm phong trào dân tộc chân chính của Việt Nam là “bọn thổ phỉ” hoặc “bị kẻ địch xúi giục”.

Tại Tỉnh Tây, Nguyễn Ái Quốc gặp Lê Thiết Hùng. Hai người nói chuyện thân mật trên bãi cỏ.

Nghe Thiết Hùng báo cáo về hoạt động của mình trong Bộ Tổng tham mưu Quốc dân Đảng Trung Quốc cùng ông Hồ Học Lãm, thu thập được một số tin tức về các kế hoạch tuyệt mật của Tưởng Giới Thạch, Người nói:

- Ông Hồ Học Lãm là một nhà chí sĩ giàu lòng yêu nước cùng với cụ Phan Sào Nam...

Về nhiệm vụ mới của Lê Thiết Hùng, Người nói:

- Trong số anh em ta ở đây, đồng chí là bậc “phú hào” về khả năng quân sự. Đồng chí sẽ nhận một công tác quân sự.

Nguyễn Ái Quốc về nước

Ngày 1-1-1941:

Nguyễn Ái Quốc ở làng Tân Khư (Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc).

Khoảng ngày 5-1-1941:

Đồng chí Lô (Hoàng Văn Thụ) được Thường vụ Trung ương cử sang Tĩnh Tây gặp Nguyễn Ái Quốc để báo cáo tình hình trong nước, những công tác đã thực hiện, việc chuẩn bị Hội nghị Trung ương lần thứ tám và đề nghị Người nên về nước theo hướng Cao Bằng vì trình độ giác ngộ của nhân dân vùng biên giới này cao, cán bộ lãnh đạo ở đây khá vững vàng.

Nguyễn Ái Quốc cùng với Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên và Đặng Văn Cáp được Hoàng Sâm đưa đi dọc theo đường Long Lâm qua Nậm Bo xuống Nậm Quang, một làng ở sát biên giới Việt Trung.

Tại làng Nậm Quang (Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc), Nguyễn Ái Quốc tổ chức lớp học và trực tiếp huấn luyện chính trị cho 43 cán bộ cách mạng Việt Nam. Cộng sự của Người có Phùng Chí Kiên, Vũ Anh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp...

Ngày 26 (29 Tết âm lịch, tháng Chạp (thiếu), năm Canh Thìn), kết thúc lớp chính trị gần một tháng, Nguyễn Ái Quốc cùng Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên, Thế An, Đặng Văn Cáp và Hoàng Văn Lộc chuẩn bị về nước.

Ngày 27-1 (mồng 1 tháng Giêng Tân Tỵ), Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí trong cơ quan đi chúc Tết nhân dân hai làng Nậm Quang và Nậm Tẩy (Tỉnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc). Người mặc bộ quần áo Nùng màu chàm, đầu quấn khăn, tay chống gậy. Người đi thăm hỏi từng gia đình. Theo phong tục người Nùng ở đây, Nguyễn Ái Quốc tặng mỗi nhà một tờ giấy hồng điều, trên đó Người viết dòng chữ Hán “Cung chúc tân niên” (Chúc mừng năm mới). Các cháu nhỏ nhận được tiền phong bao, mỗi gói một xu đồng.

Những ngày chuẩn bị về nước này, Bác quyết định đưa Lâm Bá Kiệt và Dương Hoài Nam trở lại Tỉnh Tây để cùng với Lý Quang Hoa duy trì quan hệ với Đệ tứ chiến khu, cùng với anh em cán bộ còn lại theo dõi động thái “Hoa quân nhập Việt”.

Ngày 28-1-1941 tức mồng 2 Tết Tân Tỵ, Nguyễn Ái Quốc trong bộ quần áo chàm dân tộc Nùng, lên đường về nước. Khoảng gần trưa tới cột mốc 108 nằm trên biên giới Việt - Trung (thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng), Người đứng lặng hồi lâu, cúi đọc những dòng chữ Hán và chữ Pháp khắc sâu trên phiến đá mốc giới, xúc động... Đến trưa Bác và các đồng chí trong đoàn đến ở nhà ông Máy Lì, người dân tộc Nùng, cơ sở cách mạng của ta⁽¹⁾.

(1) Trước đây có nhiều tài liệu đã viết ngày Bác về nước là 8-2-1941. Tuy vậy, hồi ký của hai đồng chí trong đoàn 5 người cùng với Bác gồm Phùng Chí Kiên, Thế An, Hoàng Văn Lộc, Lê Quảng Ba và Đặng Văn Cáp kể cũng khác nhau. Viện Hồ Chí Minh thuộc Viện Mác - Lênin trong cuốn “Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử” tập 2, do Nxb Chính trị quốc gia ấn hành đã công bố ngày Bác về nước là 28-1-1941- sau khi nghiên cứu, xác minh nhiều nguồn, cả sách “Vừa đi đường, vừa kể chuyện” do Bác

Thấy ở nhà ông Máy Li đông bất tiện khi làm việc, ngày 8-2-1941, Bác đến ở hang Cốc Bó (nghĩa là “đầu nguồn”), cách nhà ông Máy Li chừng 200 mét do chính ông chỉ cho và cho mượn bộ ván để lót chỗ nằm của Bác trong hang. Lúc này Bác dùng bí danh là Già Thu.

Thu xếp chỗ ở xong, Người phái Hoàng Văn Lộc đi Tĩnh Tây.

*

Kính thưa quý độc giả,

Thời gian Bác Hồ từ Mátxcova đến Trung Quốc trên đây chỉ hơn hai năm trong hành trình gần 30 năm Người bôn ba khắp châu Âu, Á, Phi, Mỹ tìm đường cứu nước. Buổi ban đầu, chỉ có hai bàn tay trắng, phải chịu đựng muôn vàn gian khổ trong làm việc, học tập, đối phó với quân thù... Bây giờ trở lại Trung Hoa, Bác 50 tuổi đời, đã có trình độ của một lãnh tụ và lực lượng cách mạng do Người trực tiếp hay gián tiếp đào tạo từ năm 1925-1930 tại đây, trong nước, cả ở Xiêm (Thái Lan) và có cách mạng nước bạn làm chỗ dựa thuận lợi hơn trước. Dù vậy, do Trung Hoa có lực lượng phản động Quốc dân đảng còn rất mạnh, đang quản lý phần đất nước phía Nam nên việc Bác tìm bắt liên lạc với cán bộ của Đảng Cộng sản Đông Dương không dễ dàng, dù trong bối cảnh Quốc - Cộng Trung Quốc đang “hợp tác”.

viết dùng bút danh T.Lan và thực địa tại bản Nậm Quang (thôn Linh Quang, xã Thiên Bàn, Trung Quốc) nơi Bác và đoàn ở những ngày cuối cùng trước khi về nước.

Bác không chỉ cảnh giác với địch mà xử lý mọi tình huống có lợi nhất đối với cách mạng nước ta cho hiện tại và cả thời gian về sau. Người đã tạo lập được mối quan hệ nhất định với những người có trách nhiệm của Quốc dân đảng Trung Hoa để hóa giải một phần âm mưu của họ trong ý đồ “Hoa quân nhập Việt” sau này.

Tôi cung cấp đến quý độc giả tư liệu một giai đoạn lịch sử mà Bác Hồ và các đồng chí cách mạng tiền bối đã hoạt động trên đất Trung Quốc những năm trước khi Người về nước là chính. Qua đó, chúng ta thấy rõ những khó khăn vất vả, công lao của Bác và các cán bộ buổi đầu đối với đất nước. Việc người ta bịa đặt Hồ Quang là người Trung Quốc, những dẫn chứng và phân tích trong bài **“Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc”**, đăng trên Văn Nghệ TP.HCM số 305, ngày 12-6-2014 đã đủ chứng minh cho cả hai sự việc họ xuyên tạc Hồ Chí Minh không phải Nguyễn Ái Quốc và Hồ Quang là người Trung Quốc. Nếu cần nói thêm, chỉ nhấn mạnh hai điểm:

Một là, khi Nguyễn Ái Quốc sang Pháp năm 1946, mật thám Pháp đã theo dõi và kết luận Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc. Họ căn cứ vào vành tai chụp Nguyễn Ái Quốc những năm 20 ở Pháp và năm Bác sang (1946) là đủ cơ sở kết luận đúng, chính xác nhất.

Hai là, nếu Hồ Quang là người của Đảng Cộng sản Trung Quốc đóng giả Nguyễn Ái Quốc thì năm 1942, khi Bác sang Trung Quốc, bị lính Tưởng Giới Thạch bắt giam hơn một năm qua hàng chục nhà tù thì khó mà qua mặt được đối với bộ máy mật vụ của Tưởng Giới Thạch, khó có

chuyện được họ trả tự do và đối xử tử tế với Người để “mời cộng tác”.

Hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trên đây cũng cho chúng ta biết Hồ Quang chính là Nguyễn Ái Quốc⁽¹⁾.

- (1) Nếu có ai còn phân vân nghi ngờ Hồ Chí Minh không phải Nguyễn Ái Quốc xin mời đọc mẩu chuyện sau:

Tháng 11-1946, ông Cả Khiêm (anh ruột của Bác Hồ) cùng hai người cháu là Hồ Quang Chính và Nguyễn Sinh Thọ đến Bắc Bộ phủ thăm Bác Hồ. Ba ông cháu được các cán bộ giúp việc ở Bắc Bộ phủ mời lên tầng hai ngồi đợi ở phòng bên, kế phòng Bác Hồ làm việc.

Khoảng 10 phút sau, lúc gần 11 giờ 30 phút (ngày 3-11-1946) cánh cửa phòng từ từ mở. Bác Hồ vẫn đôi mắt sáng ngời và hiền từ, trong bộ kaki vàng, bạc màu, đi thẳng về phía ba ông cháu. Ông Cả Khiêm chạy lại ôm chầm lấy Bác Hồ, nét mặt cảm động và giọng cười khoan khoái.

Ông hỏi:

- Chú, chú Cung, chú có khỏe không? Anh em mình xa nhau lâu quá! Chòm râu của Bác Hồ rung rung vào má ông Khiêm, nét mặt Bác Hồ cũng rất cảm động, nhưng vui tươi, Bác hỏi:

- Anh mới ra, anh khỏe không? Quý hóa quá...

Bác hỏi thăm bà Thanh về quê ra sao rồi mời ông Khiêm hút thuốc lá.

Ông Khiêm huơ tay không nhận:

- Tôi hút thuốc lá Cẩm Lệ quen rồi, thuốc đó nhẹ để chú dùng.

Bác Hồ cười và đọc một câu thơ:

“Chốc đà mấy chục năm trời

Còn non, còn nước, còn người hôm nay”

Ông Khiêm nói:

- Hôm nay ông cháu đến thăm chú, tôi mang biếu chú ít quả cam Xã Đoài.

Bác Hồ cười vui. Người chớp chớp mắt, yên lặng và hỏi anh mình về tình hình Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, huyện Nam Đàn quê hương, về các hoạt động của chính quyền và các đoàn thể ở địa phương.

Bác hỏi thăm đời sống, công việc của một số người thân và bạn bè hồi niên thiếu của Bác. Ông Khiêm lần lượt trả lời và nói:

- Chú đi lâu mà chú nhớ tài thế?

Liền đó, Bác Hồ hỏi ông Khiêm:

Qua những tư liệu trên, cho thấy lúc nào Bác cũng hoạt động, lo toan việc giành lại độc lập cho dân tộc. Ở đâu Người cũng nghĩ đến chuyện tìm cách về nước để lo cho công tác cách mạng. Chỉ có Nguyễn Ái Quốc mới có tấm lòng vì dân vì nước Việt Nam như thế. Chúng ta cũng học được phương pháp làm việc của Bác.

Công lao của Bác và các bậc cách mạng tiền bối đã khắc phục vô vàn khó khăn, trở ngại của tình hình lúc đó, hy sinh lợi ích riêng tư vì sự nghiệp cách mạng Việt Nam không chút đắn đo.

Ngày nay có độc lập, tự do, chúng ta hưởng phải nhớ công ơn của người xưa, đừng làm điều gì phản lại lợi ích của nhân dân mà bậc tiền bối đã cống hiến cả cuộc đời mình vì cách mạng, vì nhân dân; phải có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ thành quả cách mạng mà cha anh đã mang lại cho chúng ta.

- Anh còn nhớ chuyện Khom Công không?

Và Người nói luôn:

- Chẳng những mình Khom Công mà hàng chục triệu đồng bào hồi đó cũng “khom công”.

“Khom Công” là tên ông Khiêm và Bác Hồ từ bé, nói chệch đi một tí theo giọng địa phương là Khom và Công. “Khom công” nói lái là “không com”, ý nói thời niên thiếu của Bác và gia đình cụ Phó bảng Sắc túng thiếu.

Ông cả Khiêm hỏi Bác Hồ:

- Chú có ý định lúc nào về thăm quê?

Bác Hồ thông thả trả lời:

- Về đây cũng là về đến nhà rồi, tình hình và công việc thế này chưa cho phép nghĩ tới, chắc việc đó còn lâu.

Đúng như lời dự đoán của Bác Hồ, mãi 11 năm sau, cũng là ngày chủ nhật (16-5-1957), Bác Hồ mới trở về thăm quê lần đầu tiên. (Theo sách “Chuyện kể bên mộ bà Hoàng Thị Loan” và một số sách khác).

TÌM HIỂU TƯ DUY NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH

Thưa quý độc giả,

Những năm qua phong trào Học tập và làm theo đạo đức Hồ Chí Minh từ trong nội bộ cán bộ, đảng viên, công chức ra đến quần chúng nhân dân ngày có nhiều người học theo chủ đề do Đảng đưa ra và cả tự chọn những đề tài mình cần học tập để nâng trình độ, hiểu biết và để thêm kính yêu vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Hiện nay có rất nhiều sách của nhiều tác giả trong và ngoài nước viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, có điều kiện cho người đọc tìm hiểu. Cuốn **“Hồ Chí Minh, Sự hình thành một nhân cách lớn”** của Trần Thái Bình, Nxb Trẻ xuất bản tháng 5-2009, có bốn phần, 13 chương, nhiều đề mục rất bổ ích. Xin trích nội dung chính của Chương I, (Phần ba): “Phong cách tư duy” của Bác.

Chương này giải đáp cho chúng ta hiểu vì sao có người ca ngợi Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đưa trí tuệ Việt Nam lên ngang hàng trí tuệ tiên phong của thời đại.

...“Tư duy của Người như một quy luật của cuộc sống, là quá trình suy nghĩ đi từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính, từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng khái quát, từ đó đi sâu vào các tầng bản chất của sự vật, đối tượng. Tư duy của Người nảy sinh từ thực tiễn đời sống và bắt đầu từ một tư duy nhân đạo.

1. Tư duy nhân đạo

Cuộc đời đã sớm mang đến cho Nguyễn Sinh Cung quá nhiều thử thách ngay từ còn nhỏ tuổi.

Năm cậu Cung lên 3, cậu đã phải chịu tang ông ngoại mất (ngày 7 tháng 4 năm Quý Tỵ, tức 22-5-1893).

Năm mới lên 5 tuổi, Nguyễn Sinh Cung đã cùng anh theo cha vào Huế, khi cha học để đi thi.

Năm Nguyễn Sinh Cung 11 tuổi, thân mẫu là bà Hoàng Thị Loan lâm bệnh đã qua đời tại Huế, (ngày 22 tháng 12 năm Canh Tý, tức 10-2-1901). Lúc này ông Nguyễn Sinh Sắc vắng nhà, việc mai táng mẹ trông nhờ những người láng giềng giúp đỡ. Khi ấy, Nguyễn Sinh Xin, em trai Nguyễn Sinh Cung, sinh cuối năm 1900, mới đầy 1 tuổi. Cậu Cung đã phải bế em đi xin sữa nhờ hàng xóm, khi đưa về quê cho bà ngoại chỉ mấy tháng sau thì chết.

Năm 1904, ngày 18 tháng 4, tức ngày 28 tháng 2 năm Giáp Thìn), Nguyễn Tất Thành lại phải chịu tang bà ngoại, cái tang thứ tư đến với cậu bé 14 tuổi. Đây là cái tang lớn của gia đình. Ông Nguyễn Sinh Sắc học hành đỗ đạt được là nhờ sự giúp đỡ của gia đình vợ. Bà ngoại cũng đã dành cho

mấy chị em Nguyễn Sinh Cung – những người cháu – sớm mồ côi mẹ, lòng yêu thương sâu sắc, những săn sóc tận tình.

Tuy mới qua tuổi lên mười phải chịu bốn cái tang của ông, bà, em, mẹ và chịu nỗi long đong vất vả, nhưng cậu bé Cung ngay từ tấm bé đã thấm thía được ân sâu, nghĩa nặng của cha mẹ ông bà cũng như cái tình làng nghĩa xóm của bà con thân thương.

Từ cuộc sống thực, Nguyễn Sinh Cung đã nắm được cái ý nghĩa sâu xa của những chữ *Tình gia tộc, nghĩa đồng bào*.

Từ nỗi đau của người con mất mẹ, người anh mất em, người cháu mất ông bà, đến nỗi đau của người anh ẵm đứa em khát sữa đi xin bú ở những người hàng xóm, Nguyễn Tất Thành đã thấm sâu ý nghĩa thế nào là nhân đạo, tình yêu thương con người. Có thể nói từ những ngày thơ ấu gian khổ, được người thương, Sinh Cung – Tất Thành đã sớm có lòng trắc ẩn thương lại người cùng khổ.

Nền móng tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự vững chắc khi Người ra nước ngoài, đến với nước Pháp, châu Âu, châu Phi gặp những người cùng khổ đã trở thành tình yêu thương đồng loại, đi đến chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng và cao đẹp. Chính vì vậy mà Nguyễn Ái Quốc không phân biệt màu da, làm bạn với tất cả mọi người có cùng chí hướng, mục đích “*giải phóng người bị áp bức khỏi những lực lượng thống trị, thực hiện tình yêu thương hữu ái*” đã thực sự nảy nở một tư duy nhân đạo cao.

Tư tưởng nhân đạo của Hồ Chí Minh thể hiện rõ trong những lời kêu gọi và tìm mọi biện pháp từ trong nước cho

đến phải qua Pháp cố gắng ngăn cuộc chiến tranh người Pháp ngoan cố gây ra sau Cách mạng Tháng Tám, mà còn ngay cả việc kêu gọi đối xử nhân đạo với tù binh hai bên. Chính Người đã cải trang gặp một đoàn tù binh Pháp bị bắt trong Chiến dịch Biên giới năm 1950, Bác cởi cả áo ấm đang mặc khoác cho một tù binh Pháp bị thương. Người căn dặn cán bộ giữ tù đối xử tử tế với họ, coi họ như người dân Pháp không phải như khi ngoài mặt trận.

Cử chỉ ấy đã làm kinh ngạc cả đoàn chiến binh Pháp, họ ngỡ ngàng và vô cùng xúc động trước cử chỉ nhân đạo đó. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác chỉ thị trả tự do sớm cho một nữ y tá, không phải đợi trao trả tù binh.

Đến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, sáng nào Bác cũng đợi nghe tin tức về các trận đánh ở miền Nam đêm trước. Có một lần một cán bộ báo cáo với Bác: vừa “có một trận đánh đẹp”, thắng lớn. Bác lặng lẽ suy tư, rồi nói một câu khiến đồng chí ấy hiểu hết ý nghĩa sâu sắc của Bác:

– Sao lại nói là trận đánh đẹp?

Câu nói của Bác cho người cán bộ hiểu rõ tư tưởng của Bác. Mặc dù trận đây ý chí quyết chiến và quyết thắng nhưng theo quy luật chiến tranh, trận đánh thắng nào mà chả có thương vong, tổn thất ở phía ta và phía địch? Dù ở phía nào chẳng nữa, Bác cũng không có sự nhần tâm.

Nói tình thương, chỉ mới là nói cảm xúc, một biểu hiện của tình cảm.

Còn trong trường hợp này, phải nói “lòng thương” rộng lớn của Bác đã bắt nguồn sâu xa từ một *tư duy nhân đạo*, nó chi phối mọi hành động, ứng xử của con người.

2. Tư duy biện chứng

Ngay từ năm 1907, lúc 17 tuổi vào học trường Quốc học Huế được nhận vào lớp Trung đẳng, học tiếng Pháp biết đến những chữ Liberté, Égalité, Fraternité (Tự do, Bình đẳng, Bác ái) Nguyễn Tất Thành “đã muốn xem đằng sau những chữ ấy thực có những cái gì”, dân Đông Dương có được những thứ ấy không?

Nhìn hiện tượng để suy đến bản chất. Người đã thấy bản chất của chế độ thực dân thực ra chỉ là lừa bịp. Người đã trông thấy sự thất bại của phong trào Đông du, những bế tắc của nhà chí sĩ Phan Bội Châu, nên một lần gặp nhà văn Mỹ Anna Louise Strong, Người nói:

“Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp?”

Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ.

Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ.

Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”.

Năm 1911, lúc 21 tuổi, Người đã sống những ngày đầu tiên trên đất Pháp. Trong thời gian chờ tàu đỗ hàng, Người

được thấy ở Pháp cũng có những người nghèo như xứ mình, nhận thấy người Pháp trên đất Pháp tốt và lịch sự hơn những tên thực dân Pháp ở Đông Dương. Người nói với một người bạn điều mình suy nghĩ:

“Tại sao, người Pháp không khai hóa đồng bào của họ, trước khi đi khai hóa chúng ta?”

Năm 1912, tháng 12, Người đến nước Mỹ, nơi nghe có bản tuyên ngôn độc lập, để xem bản chất của nền độc lập Mỹ như thế nào? Người đã viết những bài báo sau đăng ở Paris về tàn sát người da đen dã man, tàn bạo do đảng 3K (Ku Kux Klan) gây ra. Người đã thấy tính chất của cuộc cách mạng dân chủ tư sản năm 1776 “chưa phải là một cuộc cách mạng đến nơi”, bởi nó chưa giải phóng được mọi người trên đất Mỹ.

Người sang Anh (năm 1913), tham gia vào tổ chức Hội những người lao động hải ngoại có những người châu Á, ủng hộ các cuộc đấu tranh của các dân tộc thuộc địa.

Trong tư duy của Nguyễn Ái Quốc, chữ “Thời” là một nhân tố quan trọng.

Đón thời cơ cuộc chiến thế giới thứ nhất bùng nổ, Người từ Anh liền sang Pháp, nơi có nhiều kiều bào yêu nước để thừa cơ tập hợp đồng bào, đẩy mạnh đoàn kết quốc tế, đẩy công cuộc đấu tranh chống thực dân tiến lên một bước mới.

Đón thời cơ cuộc chiến tranh thế giới thứ II, Người đã khẩn trương từ Trung Quốc về nước từ tháng 2 năm 1941, để xây dựng lực lượng chính trị, quân sự tiến tới tổng khởi

nghĩa, liên kết với các lực lượng Đồng Minh, dẹp tan các thế lực đô hộ của thực dân Pháp và phát xít Nhật.

Một đêm sau cơn sốt nặng vừa tỉnh dậy giữa rừng Việt Bắc, Người căn dặn đồng chí Võ Nguyên Giáp: – Thời cơ đã đến. Phen này dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải giành cho được độc lập, tự do.

Một trong những bài thơ trong tập *Ngục trung nhật ký* Người viết khi Người bị Tưởng Giới Thạch bắt giam ở Trung Quốc có câu:

*“Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ
 Kiên quyết, không ngừng thế tiến công
 Lạc nước, hai xe đành bỏ phí
 Gặp thời, một tốt cũng thành công”.*

3. Tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo

Nét đặc sắc trong phong cách tư duy của Nguyễn Ái Quốc đã bộc lộ từ rất sớm. Đó là một tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo. Tư duy độc lập là không bắt chước, không theo đuôi. Tư duy tự chủ là tự mình làm chủ suy nghĩ của mình, làm chủ bản thân và công việc của mình, không lệ thuộc vào bất cứ ai. Sáng tạo là sẵn sàng từ bỏ những cái gì cũ đã được thực tiễn kiểm nghiệm là không đúng, tìm tòi để xuất những cái mới có thể đáp ứng những yêu cầu do cuộc sống đặt ra.

Tính độc lập của tư duy đã khiến Nguyễn Ái Quốc ngay từ khi đặt chân lên đất Pháp đã phát hiện ra được có hai nước Pháp: một nước Pháp giàu có của bọn tư bản đế quốc

thực dân và một nước Pháp của nhân dân lao động, có thể là bạn của ta.

Tư duy độc lập tự chủ đã làm cho suy nghĩ của Nguyễn Ái Quốc nhanh chóng khác biệt so với suy nghĩ về con đường cứu nước của Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu.

Tính độc lập, tự chủ và sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh thực sự có bước phát triển nhảy vọt khi Người tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin.

Và ngay cả khi theo con đường Mác - Lênin, Người cũng đã có những bước phát triển, sáng tạo rất quan trọng về chất.

Năm 1930, Người chủ trì họp nhất ba Đảng Cộng sản tại Cửu Long, Hồng Kông - Trung Quốc, trong Cương lĩnh văn tắt, Điều lệ văn tắt,... Nguyễn Ái Quốc đã đề ra cách mạng ở Việt Nam chưa làm cách mạng thổ địa, tập hợp những người yêu nước kể cả họ là địa chủ nhỏ, tư sản dân tộc cùng làm cách mạng... Quốc tế Cộng sản đã cho rằng tư tưởng Nguyễn Ái Quốc mang tính dân tộc chủ nghĩa, hữu khuynh, cử Trần Phú về họp hội nghị Đảng, tháng 10-1930, xóa bỏ tất cả các văn bản do Nguyễn Ái Quốc đề ra khi họp nhất Đảng. Những năm sau khi ra khỏi nhà tù Tưởng Giới Thạch lần thứ nhất trở lại Liên Xô, Người không được giao nhiệm vụ đến 5 năm từ 1933 đến 1938. Khi trở về nước, lãnh đạo cách mạng, năm 1941, Nguyễn Ái Quốc vẫn trung thành với đường lối, chủ trương đề ra từ năm 1930, tổ chức ra Mặt trận Việt Minh, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia cách mạng cướp chính quyền và kháng chiến chống Pháp thắng lợi trên nửa nước phía bắc. Khi phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người lại tiếp tục phát huy đường

lối, chính sách trong chống Pháp để tập hợp mọi người dân yêu nước ở miền Nam đóng góp công lao trực tiếp hay gián tiếp tham gia kháng chiến và đã giành thắng lợi hoàn toàn. Thực tiễn đã chứng minh tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh hoàn toàn đúng đắn. (Đoạn này NXB viết thêm)

4. Tư duy cách mạng

Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh có tư duy sáng tạo và chính tư duy đó hướng dẫn cho những hành động cách mạng của Người đến thắng lợi.

Luận điểm sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn rất quan trọng trong hoạt động cách mạng của Người ở Pháp cũng như lúc sang Nga.

Trong khi tìm hiểu và vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn xã hội Việt Nam và các nước phương Đông, Người đã sớm phát hiện ở phương Đông có những đặc điểm khác với các nước phương Tây mà thời Mác chưa có điều kiện nghiên cứu. Đây là một phát hiện đã làm cho Nguyễn Ái Quốc vượt lên về nhận thức so với một số người khác cùng thời cùng hoàn cảnh.

Trong báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ gửi Quốc tế Cộng sản năm 1924, lúc 34 tuổi, Người viết:

“Cuộc đấu tranh giai cấp ở phương Đông không giống như ở phương Tây.

Dù sao thì cũng không thể cấm bỏ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà thời Mác không có được.

Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một cơ sở triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại.

Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, cũng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô viết đảm nhiệm.

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, trang 464, 465)

Từ phương pháp tiếp cận đúng đắn, mạnh dạn, khoa học trong kế thừa và phát triển học thuyết Mác-Lênin, đồng thời bám sát thực tiễn Việt Nam, rõ ràng Nguyễn Ái Quốc đã có những luận điểm sáng tạo quan trọng góp phần làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX.

Nguyễn Ái Quốc đúng là đã làm được cái điều “cần phải làm” ấy. Người đã có những đóng góp mới, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin ngay trong những năm mới 30 đến 34 tuổi.

Nguyễn Ái Quốc có được phương pháp tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo như vậy là do cuộc đời hoạt động thực tiễn của Người những năm 20-30 tuổi bôn ba nhiều nước từ châu Phi, châu Mỹ, châu Âu, châu Á, chúng ta có thể tìm thấy lời giải đáp:

Thứ nhất, mọi suy nghĩ của Người đều xuất phát từ mục tiêu duy nhất, “một ham muốn – ham muốn tột bậc – là làm sao cho đất nước ta hoàn toàn độc lập, dân tộc ta được hoàn

toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”; “làm sao cho nước Việt Nam ta lúc ấy chưa có tên trên bản đồ thế giới theo kịp được các nước trên hoàn cầu” và “sánh vai với các cường quốc năm châu”.

Mọi hành động của Người, dù ở nơi nào, lúc nào, cũng là những hành động nhằm tiến tới mục tiêu cao cả ấy.

Thứ hai, mọi suy nghĩ của Người đều xây dựng trên cơ sở thực tiễn bám sát thực tế Việt Nam; dù ở ngoài nước, cũng không bao giờ quên hoàn cảnh xã hội bên nước nhà và môi trường sinh sống của các tầng lớp đồng bào trong nước.

Không thoát ly thực tế Việt Nam, nên tránh được những sai lầm trong cách nhìn và lựa chọn những giải pháp.

Quá trình tư duy của Người là quá trình suy ngẫm, so sánh, phân biệt cái đúng, cái sai, cái hay, cái dở, cái tiến bộ, cái lạc hậu, cái phù hợp và cái không phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Thứ ba, quá trình tư duy của Người còn là một quá trình tư duy rộng mở, dựa trên nền những kiến thức tự trao đổi tự học, về những học thuyết đã có, để thẩm định các giá trị cần kế thừa và những gì cần vượt lên.

Nguyễn Ái Quốc đã lấy tự học làm phương thức chủ yếu, vừa tự học vừa tổng kết kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, để từng bước đi đến đỉnh cao của trí tuệ, của văn hóa.

Quan điểm biện chứng dựa trên cơ sở thực tiễn ngày càng củng cố thêm một tư duy cách mạng trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc nhìn xã hội Mỹ với những bất công kỳ thị

chúng tộc và chênh lệch giàu nghèo, nhìn xã hội Pháp với những bất bình đẳng, còn tồn tại sau các cuộc cách mạng tư sản, Người sớm kết luận được rằng đây là những cuộc cách mạng không triệt để, không giải quyết được “đến nơi” những khát vọng bình đẳng, tự do.

Chỉ khi đọc *Luận cương* của Lênin và tận mắt sang nhìn quê hương cách mạng tháng Mười, Người mới thấy một hình mẫu mới; hình mẫu cách mạng xã hội chủ nghĩa, lối thoát duy nhất cho cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam.

Từ một người đi tìm đường, Người sẽ trở thành người dẫn đường cho cả dân tộc, từ một người yêu nước, một người cộng sản trở thành người cách mạng xã hội chủ nghĩa, gánh trách nhiệm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin để giải quyết các yêu cầu của cách mạng Việt Nam, Người vừa học tập được ở chủ nghĩa Mác-Lênin rất nhiều điều bổ ích cho cách mạng Việt Nam; lại đồng thời bằng phong cách tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, Người đã có những quan điểm mới, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trên nhiều mặt, như ta thấy. Chúng ta có được vinh dự, có thể nói rằng: Người đã phát triển tư tưởng Mác - Lênin lên một tầm cao mới, một chiều rộng mới, đưa trí tuệ Việt Nam lên ngang hàng trí tuệ tiên phong của thời đại”.

Đôi điều suy nghĩ

Trong phần bốn của cuốn sách: *Đôi dòng suy tưởng*, Chương I: “Ngọn nguồn của nhân cách cao quý”, Trần Thái

Bình viết: “Lúc nào Đảng ta và nhân dân ta thực hiện đúng tư tưởng chỉ đạo của Người thì những lúc ấy, chúng ta đã giành được thắng lợi to lớn. Ngược lại, lúc nào xa rời tư tưởng của Người, không nói và làm như Người đã chỉ dẫn, là chúng ta không tránh được những sai lầm nghiêm trọng hại Đảng, hại dân”. Rất đồng tình với tác giả, và xin có vài dòng suy nghĩ ngắn gọn.

– Suốt cuộc đời cách mạng của mình, Hồ Chí Minh không mắc phải sai lầm nào cả. Cải cách ruộng đất ở miền Bắc tiến hành từ năm 1952 đến 1956, nhất là sau năm 1954 có sai lầm Bác phải khóc và xin lỗi nhân dân. Đây là Bác chịu trách nhiệm tối cao chứ không phải chủ trương của Bác thực hiện như vậy.

– Những cán bộ lãnh đạo của Đảng ta là cán bộ giỏi, đóng góp cho cách mạng nhiều thành tích lớn đều là người hoạt động, luôn *sâu sát thực tiễn*. Từ đó đề ra chủ trương đúng đắn. Ngược lại, khi không bám sát thực tế tình hình nước ta, không giữ được tư duy độc lập thì mắc sai lầm lớn, thậm chí nghiêm trọng.

– Ngày nay, cán bộ từ Trung ương xuống cơ sở muốn giữ mình là người cán bộ tốt trong con mắt nhân dân thì phải thật sự học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách tư duy của Hồ Chí Minh cho nghiêm túc; phải có tác phong sâu sát thực tiễn, luôn vì lợi ích chung, vì nhân dân mà làm việc; không gọn riêng tư cá nhân thì họ luôn được nhân dân quý mến, tin tưởng.

NGUYỄN ÁI QUỐC NGƯỜI CỘNG SẢN VIỆT NAM

Trong hành trình tìm đường cứu nước Nguyễn Tất Thành sau đổi tên là Nguyễn Ái Quốc đã qua nhiều nước châu Phi đến Mỹ rồi Anh quốc để tìm hiểu học hỏi mong tìm ra con đường cứu nước đúng đắn nhất. Cho tới khi đọc được bản Luận cương dân tộc và thuộc địa của Lênin, Người mừng đến khóc vì đã nhận ra con đường đang tìm. Nguyễn Ái Quốc tìm cách sang Liên Xô để gặp lãnh tụ Lênin (nhưng không gặp được Lênin) và nghiên cứu, học tập nhận thức sâu về chủ nghĩa Mác-Lênin.

Chúng ta thấy ở Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh có cách học hỏi rất khác với các nhà yêu nước của ta đi trước và cũng khác với nhiều nhà cách mạng nhiều nước trên thế giới. Người tiếp thu những tư tưởng tiến bộ bất kể của chủ nghĩa Mác-Lênin hay của chủ nghĩa Tư bản. Chính vì vậy, khi soạn Bản Tuyên ngôn Độc lập đọc tại vườn hoa Ba Đình Hà Nội, Người đã trích dẫn có sửa đổi một số từ của Bản Tuyên ngôn Độc lập Mỹ năm 1776 và nhắc Tuyên ngôn nhân

quyền của Pháp. Không chỉ có thế, Hồ Chí Minh không rập khuôn những lý luận của Mác một cách cứng nhắc mà còn có ý bổ sung vào kho tàng chủ nghĩa Mác cái còn thiếu là thực tiễn tình hình ở phương Đông. Việc vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào Cách mạng Việt Nam cũng không như ở Liên Xô, Trung Quốc trong việc đề ra đường lối chủ trương, việc vận động, tranh thủ các tầng lớp giai cấp tham gia ủng hộ cách mạng. Khác với các nước đàn anh trong xử lý những vấn đề xã hội, giai cấp, định nghĩa về chủ nghĩa xã hội nữa. Người nói gọn chỉ có mấy từ về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là Lý đi đôi với Tình. Tư tưởng này là quán triệt trong suốt cuộc đời cách mạng của Bác. Bác áp dụng từ việc nhỏ đến việc đại sự của quốc gia. Ngày nay chúng ta nhận ra khi nào giải quyết vấn đề đúng như Bác thì mọi việc đều mang lại kết quả tốt đẹp, khi nào giải quyết khác với tư tưởng ấy thì mắc phải sai lầm khuyết điểm, gây tổn thất cho cách mạng, cho đất nước. Như khi cải cách ruộng đất ở miền Bắc, do ảnh hưởng cách làm của nước ngoài ta phạm sai lầm nghiêm trọng, Bác phải xin lỗi nhân dân. Sau khi giải phóng miền Nam cũng lại bị tư tưởng tả khuynh trong cải tạo nông nghiệp và công thương nghiệp ở miền Nam đã kéo tụt hậu nền kinh tế đất nước đến mức người nông dân không mặn mà sản xuất, không đủ gạo nuôi dân. Cho đến khi Đảng thấy sai lầm về chủ trương tiến hành Đổi mới là làm theo tư tưởng của Bác thì lực lượng sản xuất được cởi trói, lúa gạo ngày càng tăng, hàng hóa càng dồi dào, đời sống người dân được cải thiện.

Các nhà quản lý nói làm đúng quy luật thì sự vật tiến triển, làm trái quy luật thì kìm hãm, bị quy luật trừng phạt.

Còn những người ít lý luận thì nghe lời Bác nói đơn giản dễ hiểu như trên: Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là Lý kết hợp với Tình. Khi người ta giải quyết vấn đề mà thiên về Lý dễ làm cho quá đà, dẫn đến quá tả, mà tả khuynh rất có hại. Còn giải quyết vấn đề nghiêng về Tình mà thiếu Lý sẽ hữu khuynh sai nguyên tắc, cũng dẫn đến sai lầm. Thế cho nên Hồ Chí Minh dạy rằng giải quyết vấn đề phải: “Phải trái phân minh, lý tình đầy đủ” là cách xử sự đúng đắn nhất.

Muốn giải quyết vấn đề cho thấu tình đạt lý phải tìm hiểu sự việc cho đầy đủ, phân tích cho thấu đáo, xem nó đang ở tình trạng nào, những ảnh hưởng chi phối khách quan, chủ quan, tác hại ra sao... tham khảo ý kiến những người hiểu biết, lắng nghe ý kiến người trong cuộc trình bày sai đúng, cân nhắc kỹ giải quyết sao cho có lợi nhất, khi đưa ra quyết định. Như vậy mới đảm bảo thấu tình đạt lý.

Về mặt duy vật thì đây là cách tôn trọng thực tiễn, tôn trọng sự thật, dạy cho người ta bám sát cuộc sống, gắn bó với hoạt động thực tiễn. Đây là điều Hồ Chí Minh đã tiếp thu được trong quá trình hoạt động học tập nhận thức từ cuộc sống, từ lý thuyết của chủ nghĩa Mác-Lênin. Từ đó những sáng tạo của Người cũng xuất phát từ thực tiễn cuộc sống. Tư tưởng này của Nguyễn Ái Quốc bộc lộ rất sớm, khi Người đưa ra Chính cương Điều lệ vắn tắt... sáp nhập ba đảng cộng sản tại Hương Cảng năm 1930.

Cái hay của tư tưởng Hồ Chí Minh là không bảo thủ, luôn tiếp thu điều hay lẽ tốt của người khác, tôn trọng từng mỗi một cá nhân con người, tùy trình độ khả năng mỗi người mà sử dụng nên ai cũng có vị trí của mình trong

sự nghiệp cách mạng miễn là họ thật sự yêu nước và chân thành ủng hộ, không chống lại cách mạng. Vì vậy Hồ Chí Minh đã tập hợp được rất nhiều trí thức, quan chức chế độ cũ đi theo Người phục vụ Cách mạng, tham gia kháng chiến chống Pháp. Đọc lịch sử ta thấy vua Quang Trung kêu gọi La Sơn Phu Tử ra giúp nước. Dù bị từ chối nhưng ông vẫn kiên trì vận động cho đến thành công. Thời Bác Hồ cũng vậy, với cụ Huỳnh Thúc Kháng, Bác kiên trì thuyết phục đến khi cụ nhận lời ra làm việc dù trước đó từ chối vì tuổi cao sức yếu. Khi phải đi Pháp Bác tin tưởng giao cho cụ Huỳnh quyền Chủ tịch nước ở nhà lo việc nước. Điều này cho ta học ở Người không chỉ cách dùng người mà thể hiện tư tưởng của Bác giải quyết vấn đề thấu tình đạt lý thật là tuyệt vời. Tất nhiên, phía sau cụ Huỳnh còn cả đội ngũ cán bộ lãnh đạo lo công việc quốc gia đại sự nhưng về biểu tượng thì đưa vai trò, hình ảnh một trí thức yêu nước lên sẽ có lợi hơn cho việc đoàn kết, xử lý những vấn đề xảy ra giữa lực lượng ta và các đảng phái phản động.

Tư tưởng thấu tình đạt lý của Bác chúng ta còn thấy ở Người trong quan hệ với lãnh tụ các nước trong phe XHCN, với cán bộ chiến sĩ là cấp dưới của Bác và cả với kẻ thù nữa.

– Đối với lãnh tụ, nhân dân các nước trong phe XHCN Người luôn khiêm nhường, tôn trọng và tìm cách tranh thủ sự giúp đỡ cho ta trong công cuộc kháng chiến chống Pháp chống Mỹ. Những gì người ta gây bất lợi cho ta ví như ký kết Hiệp định Genève, Bác đã gặp Thủ tướng Chu Ân Lai thống nhất lấy vĩ tuyến 16 tạm chia hai đất nước chờ hai năm sau Tổng tuyển cử. Nhưng khi đi vào ký kết phải lấy vĩ tuyến 17,

ta bị thiệt nhưng Bác không hề trách cứ vì nói ra chẳng có lợi gì cho mối quan hệ giữa hai nước.

Lùi về thời gian trước, khi quân Tàu Tưởng sang nước ta tước vũ khí quân Nhật, tướng Tiêu Văn hống hách đòi hỏi nhiều điều rất khó khăn cho nước ta. Như phải cung cấp lương thực thực phẩm cho chúng, trong khi dân ta đang thiếu đói. Nhiều cán bộ bức tức nói với Bác phải phản đối chúng. Bác ân cần giải thích: giận con chuột đánh nó làm bể cái bình quý là hại cho mình. Sự nhẫn nhịn của Bác xét về lý đó cũng xuất phát từ cách giải quyết vấn đề cho thấu tình đạt lý. Ở đây thấu tình không hẳn có lợi cho địch mà cho ta, cái lợi cho ta lớn nhiều lần cái ta thiệt vì phải cung cấp lương thực cho chúng.

– Lần Bác đi Pháp năm 1946 trở về trên chiếc tàu binh của Pháp. Khi tàu ghé Cam Ranh, Dácgiănglie và tướng Moóclie lên tàu tiếp đón Bác, nhưng thực chất muốn gây áp lực với Bác. Bác ôm hôn một người trong đó. Khi có người hỏi tại sao Bác lại hôn nó? Bác nói: đánh thì đánh, nhưng hôn người ta một cái có mất mát gì đâu. Khi tên Dácgiănglie nói với Bác là ngài bị đóng khung giữa hai con người của chúng trên tàu để rúng tinh thần, Bác ung dung trả lời hắn: chính cái khung mới làm cho bức tranh tăng thêm giá trị. Khi toàn quốc kháng chiến nổ ra, Bác vẫn viết thư tranh thủ chỉ huy lính Pháp trong việc đối xử nhân đạo với tù binh của ta. Về phía ta, Bác chỉ đạo đối xử với tù binh bị bắt như người dân của nước Pháp vì họ đã không còn cầm súng chống lại chúng ta. Từ chính sách khoan dung ấy đã lay động tư tưởng nhiều sĩ quan của Pháp, về sau họ ủng hộ chúng ta.

Giải quyết theo tư tưởng thấu tình đạt lý của Hồ Chí Minh còn mang một nội dung nhân đạo cao cả mà Bác đã chịu ảnh hưởng từ lý thuyết Nho giáo của Khổng Tử khi người theo học chữ Hán lúc còn nhỏ. Chính vì tiếp thu văn hóa của phương Đông, phương Tây, của Chủ nghĩa Mác-Lênin mà Hồ Chí Minh có khác những người Cộng sản khác ở cách cư xử với con người như nói ở trên. Vì vậy có người cho rằng Hồ Chí Minh là một người Cộng sản đặc biệt, một người Cộng sản Việt Nam mang màu sắc khác với những người Cộng sản các nước khác.

Chính tư tưởng của Người như trên đã làm cho một số lãnh tụ Quốc tế Cộng sản đánh giá là có tư tưởng dân tộc chủ nghĩa, hữu khuynh. Điều này làm cho Nguyễn Ái Quốc gặp nhiều khó khăn trong nhiều năm từ 1933 tới 1938 ở Mátxcova. Nhưng khi về nước Người vẫn giữ quan điểm của mình, không theo đường lối tả khuynh của Quốc tế Cộng sản, vẫn theo đường lối đã vạch ra từ năm 1930 khi hợp nhất ba đảng Cộng sản ba kỳ của Việt Nam. Chính vì vậy mà cách mạng Việt Nam mới quy tụ được lực lượng quần chúng nhân dân đông đảo ủng hộ đi theo Hồ Chí Minh kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

HỒ CHÍ MINH - VỊ LÃNH TỤ THIÊN TÀI

Cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ tuổi thanh niên, lăn lộn với cuộc sống, chiến đấu, học tập, đã rèn luyện cho Bác có một phẩm chất vượt lên hơn người về rất nhiều lĩnh vực. Chính những hiểu biết sâu sắc về chính trị, bám sát tình hình thế giới và trong nước, từng thời kỳ đã giúp Người có những nhận định, dự báo trước như một nhà tiên tri đại tài.

Bài viết này xin nhắc lại một số việc điển hình nhất Bác đã viết, đã nói, nhận định về tình hình sẽ diễn biến trong thời gian tới. Có trường hợp Bác nói trước nhiều năm, sau đó đã xảy ra đúng như những chỉ ra của Bác. Cũng nhờ vậy mà Cách mạng Việt Nam, Quân đội nhân dân đã có chuẩn bị chủ động trong chiến đấu giành thắng lợi trước sức mạnh của quân thù hơn ta nhiều lần.

Cũng xin đề cập đến những điều Bác nắm bắt, hiểu biết rõ nhưng không nói ra vì không có lợi. Người lãnh tụ biết

việc gì nên nói, nói lúc nào, nói thế nào và việc chưa nên nói ra khi chưa phải lúc, và có cả việc không thể nói.

1. Những dự báo Bác đã nói, viết ra

Năm 1940, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Võ Nguyên Giáp sang Trung Quốc gặp Bác ở Thúy Hồ, Côn Minh. Lúc này Bác lấy tên là Hồ Quang, (tên nội bộ là đồng chí Vương) mang vai thiếu tá trong lực lượng quân đội của Trung Quốc. Bác giới thiệu hai đồng chí Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng đi Diên An để học về quân sự. Khi nghe tin phát xít Đức tấn công Liên Xô, Bác gọi hai đồng chí không học nữa mà trở lại chuẩn bị về nước. Vì Bác biết Đức, Ý, Nhật sẽ thua Liên Xô và Đồng Minh, đây là cơ hội để Cách mạng Việt Nam giành độc lập.

Tết năm 1941, Bác về nước ở trong hang Pác Bó, chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8. Sau đó Người viết cuốn Lịch sử Việt Nam bằng Thơ lục bát. Mở đầu tập thơ:

*“Dân ta phải biết sử ta
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”.*

Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: “Bác đã viết vào trang cuối phần trang mục: “Việt Nam độc lập năm 1945. Anh em người nói sớm, kẻ nói muộn. Bác nghe trao đổi chỉ nói: “Đề rồi xem”. Một đoạn khác, Đại tướng kể:

“Trong những đêm đông giá lạnh, tránh bọn lính đông đi lùng càn tại vùng Pác Bó, Bác Hồ đã tiên đoán ngày cách mạng thành công:

“45, sự nghiệp hoàn thành”.

Đó là câu thơ kết thúc tập Việt Nam lịch sử diễn ca Bác đã làm, được in đá từ hồi đó. Gần đây, các đồng chí sưu tầm của Viện Bảo tàng Cách mạng đã kiếm được một tập trong ống bương của một ngôi nhà sàn ở vùng Pác Bó. Chủ nhà vốn là một hội viên cứu quốc ngày trước”.

Đại tướng cho biết:

“Bác không bao giờ nhắc lại câu chuyện này. Từ đó đến nay, bị lôi cuốn vào công việc, anh em chúng tôi cũng chưa ai kịp hỏi lại Bác vì sao Bác đã có được sự tiên đoán như vậy. Điều đó đã trở thành một trong những điều ta chưa hiểu hết về con người và cuộc đời hoạt động cách mạng vĩ đại gần sáu mươi năm của Bác”.

Khi cách mạng thành công, chuẩn bị về Hà Nội, Bác gặp Phạm Văn Đồng, Chu Văn Tấn và mấy cán bộ nữa giao ở lại Việt Bắc giúp đồng bào và chuẩn bị căn cứ phòng khi phải trở lại làm cuộc kháng chiến. Và tình hình diễn ra như Bác đã lường trước. Trước khi chủ động nổ súng ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quốc kháng chiến mấy tháng, Bác đã cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng về Nam Định gặp đồng chí Trần Quốc Hương, tổ chức chuyển lên Việt Bắc một lượng muối đủ cho quân dân vùng chiến khu dùng trong 10 năm. Bác dặn: “Kháng chiến tất nhiên phải lâu rồi, nhưng bao lâu thì ta chưa biết được. Các chú phải để phòng từ 5 đến 10 năm, phải làm thế nào đến khi thắng lợi bộ đội và nhân dân Việt Bắc vẫn có muối dùng”. Bác còn dặn thêm: “Chú phải đưa hết số muối này đi. Vàng bạc để lại cũng được. Việt Bắc mà không có muối là không sống được”.

(Lúc đó đồng chí Trần Quốc Hương giữ kho muối khoảng hai vạn tấn)⁽¹⁾.

Cụ Lê Văn Hiến, cố Bộ trưởng Tài chính, trong cuốn *Nhật ký của một Bộ trưởng*, cũng kể: “Là người thận trọng, thiết thực và có trực giác tiên tri thiên tài, Bác giao cho ông Nguyễn Lương Bằng, lúc đó là Trưởng ban Tài chính Trung ương, lo việc vận chuyển hai vạn tấn muối từ kho Vạn Lý (Nam Định) lên Việt Bắc và Tây Bắc trước khi quân Pháp đánh chiếm miền ven biển nước ta. Số muối ấy, về sau vừa vận đủ cho cán bộ, nhân dân vùng căn cứ dùng trong suốt 8 năm kháng chiến trường kỳ. Sự tiên đoán của Bác chính xác đến mức diệu kỳ!”

Luật sư Phan Anh, thành viên Chính phủ kháng chiến, kể:

“Đầu xuân năm 1953, Hội đồng Chính phủ có giao trách nhiệm cho hai Bộ: Bộ Tài chính lúc đó do anh Lê Văn Hiến làm Bộ trưởng và Bộ Công thương do tôi làm Bộ trưởng, tìm hiểu và tổ chức một hội nghị rộng rãi nhằm thực hiện kế hoạch quân lương và quân nhu cho bộ đội hoàn thành xuất sắc chiến dịch Đông Xuân năm đó. Trong không khí đầy phấn khởi, tràn ngập niềm vui, hội nghị đi vào giờ phút bế mạc.

Bác Hồ nhắc tôi đọc mấy vần thơ. Tôi đọc mấy câu ca dao và lấy Kiều.

(1) Báo Công an nhân dân, số Xuân Giáp Thân 2004.

*Con cò lặn lội bờ sông
Thóc thuê gánh gồng, tiếng hát véo von.
Mấy lời Bác dạy sắt son,
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua.
Diệt thù giải phóng quê ta,
Ấy là nghĩa nặng, ấy là tình sâu.*

Hội nghị nồng nhiệt vỗ tay, nhưng Bác giờ tay ra hiệu cho mọi người yên lặng và Bác đọc mấy câu:

*Đành lòng chờ đó ít lâu,
Chầy ra thì một năm sau vội gì.*

Rồi Bác cầm lấy cái áo ngoài vắt ở thành ghế cạnh bàn tiếp thêm một câu:

Nói rồi xách áo ra đi.

Cả hội nghị reo to như không muốn dứt.

Thật là thần kỳ. Chỉ hơn “một năm sau” là “lùng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu” đã đưa cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm đến ngày toàn thắng⁽¹⁾.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể trong tác phẩm *Chiến đấu trong vòng vây*:

“Mặc dù bị địch phong tỏa chặt chẽ miền biển, khi mở Chiến dịch Biên giới năm 1950, chúng ta vẫn còn 40 tấn muối để chuyển lên Cao Bằng”.

(1) Những kỷ niệm về Bác Hồ của LS. Phan Anh, Tạp chí Xưa & Nay số 97, tháng 8-2001.

Khi ta mở Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác đã chỉ đạo lực lượng vũ trang ta cần phải “dĩ độc trị độc”. Ta sẽ giải phóng Hà Nội, nhưng không đánh vào Hà Nội. Ta phải tập trung lực lượng và vũ khí quyết đánh thắng thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ thì ở Hà Nội ta không cần đánh, giặc cũng tan”⁽¹⁾.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng kể:

“Tháng 4-1954, cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ đang ác liệt, tôi đến chào Bác trước khi đi Genève, Bác cho biết là sẽ có món quà quý tặng đoàn đại biểu của ta, và chiến thắng Điện Biên Phủ, món quà vô giá ấy, đã đến ngay chiều hôm trước ngày Hội nghị Genève khai mạc”⁽²⁾.

Cũng trích dẫn lời cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, báo Người Hà Nội, số 19 ra ngày 9-5-2003 đã có lời bình:

“Đây là ngẫu nhiên hay tất yếu? Trong lịch sử lắm khi ngẫu nhiên là tất yếu, và Bác Hồ là người cực kỳ nhạy cảm với cái ngẫu nhiên là tất yếu và cái tất yếu là ngẫu nhiên này”.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn kể rằng:

– “Khi quân ta đã đánh thắng, tôi nhớ chiều ngày 7-5-1954, tôi điện về báo cáo với Bác và Bộ Chính trị. Hôm sau 8-5, Bác Hồ gửi điện khen ngợi cán bộ, chiến sĩ, thanh niên xung phong, dân công, khen ngợi đồng bào các dân tộc. Trong đó có câu “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”... “Một tuần sau, tôi về chiến khu Định Hóa ở Việt Bắc, đi thẳng đến lán của Bác Hồ. Tôi vừa xuống ngựa, Bác ở trong lán ra, ôm

(1) Báo Công an Nhân dân, số Xuân 2004.

(2) Báo Nhà báo và Công luận, số 11 từ 12 đến 18-3-2004.

tôi và bảo: “Chúc mừng chú chiến thắng trở về”. Rồi Bác nắm tay tôi: “Nhưng còn phải đánh Mỹ nữa”. Đúng là một nhà chiến lược nhìn xa trông rộng. Người đã tiên đoán tình hình hết sức chính xác. Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta là một lãnh tụ thiên tài của đất nước⁽¹⁾.

Ngày 2 và 8-5-1964, Mỹ bắt đầu tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc nước ta bằng “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”. Chúng chuyển từ chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Từ đầu năm 1965, quân viễn chinh Mỹ ồ ạt xâm lược nước ta.

Trước đó 5 tháng, ngày 27 và 28 tháng 3 năm 1964, Bác Hồ đã cho triệu tập Hội nghị Chính trị đặc biệt, vạch rõ “tội ác tày trời của đế quốc Mỹ làm cho cả loài người văn minh sục sôi căm giận”, đồng thời kêu gọi toàn quân toàn dân ta quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Bác khẳng định Cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam nhất định sẽ thắng lợi vẻ vang.

Ngày 22-12 năm đó, tại lễ kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Người đã đọc diễn văn ngắn, nhưng có một câu tiên đoán mà hơn 10 năm sau trở thành sự thật:

“Thắng lợi nhất định sẽ về ta!”

Vào cuối năm 1967, đầu năm 1968, sau khi đồng chí Phùng Thế Tài báo cáo tình hình chiến đấu, Bác Hồ đã chỉ

(1) Theo báo Nhân dân, số ra ngày 7-5-20004.

thị: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua. Phải dự kiến trước mọi tình huống càng sớm càng tốt để có thời gian mà suy nghĩ, chuẩn bị. Nhớ là, trước khi thua ở Triều Tiên, đế quốc Mỹ đã hủy diệt Bình Nhưỡng. Ở Việt Nam, Mỹ sẽ nhất định thua. Nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”.

Việc Bác dự đoán đã làm cho quân dân ta chủ động và đã diễn ra đúng vào tháng 12-1972.

Xin ghi lại bài thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh chúc Tết năm 1969, trước khi Người đi xa:

*“Năm qua thắng lợi vẻ vang
 Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to
 Vì độc lập, vì tự do
 Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào
 Tiến lên!
 Chiến sĩ đồng bào.
 Bắc Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!”.*

Bài thơ này Bác Hồ nói trước năm năm: Mỹ cút, bầy năm ngụy nhào!

Trong bản Di chúc Bác dành 5 năm để viết, suy nghĩ, sửa chữa, bổ sung, ngày 10-5-1969, Bác viết thêm: “*Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn...*”

Bác khẳng định như một cam kết thiêng liêng với cả dân tộc trước khi từ giã cõi đời. Lời Bác nói với nhân dân ta vào thời điểm này vô cùng quan trọng, cần thiết, đúng lúc, không

chỉ gieo vào lòng mọi người niềm tin mà còn nâng cao ý chí quyết tâm đánh Mỹ. Lời Bác đã tiếp thêm sức mạnh cho đoàn quân Cách mạng quyết chiến, quyết thắng, thực hiện đúng như Bác mong muốn.

2. Những điều Bác biết nhưng không nói ra, khi chưa phải lúc

Năm 1954, khi Bộ Chính trị quyết định quyết chiến với thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ giành thắng lợi có tính quyết định và Hiệp định Genève được ký kết. Lúc này Mỹ đã có âm mưu sẽ can thiệp vào cuộc chiến ở Việt Nam, Bác biết rất rõ. Đồng chí Lê Duẩn được Bác gọi ra Việt Bắc nhận chỉ thị chuẩn bị việc tổ chức chuyển vùng tập kết, trên đường trở lại miền Nam đã khóc khi nghĩ đến miền Nam sẽ chịu đau khổ vì tội ác của quân thù. Khi tiễn đồng chí Lê Đức Thọ trên tàu đi tập kết, đồng chí Lê Duẩn nhờ ông Lê Đức Thọ thưa với Bác và nói có thể hai mươi năm nữa mới gặp lại. Chúng ta có thể hiểu cuộc làm việc của Bác Hồ với đồng chí Lê Duẩn, Bác đã có những dự báo cho Lê Duẩn khi ta phải đối đầu với Mỹ phải mất thời gian dài như thế. Với diễn kiến của Bác, điều này không khó dự đoán. Mặc dù chiến tranh Triều Tiên xảy ra và kết thúc chỉ có ba năm. Nhưng Việt Nam sẽ đánh với Mỹ không như ở Triều Tiên. Việt Nam cần sự giúp đỡ, ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, nhưng Việt Nam sẽ không nhận chi viện về người lớn như ở Triều Tiên mà tự sức người mình là chủ yếu. Như vậy, tất nhiên phải có thời gian lâu để “chuyển hóa” sức mạnh của địch đánh nhau lâu sẽ bộc lộ nhược điểm, bị nhân dân nước Mỹ và thế giới

phản đối, còn lực lượng ta sẽ “càng đánh càng trưởng thành, càng mạnh”. Nhưng trong khi động viên mọi người thực hiện và đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước thì nói ra dự đoán sẽ đánh với Mỹ vài mươi năm là hoàn toàn không có lợi, chẳng những Bác mà các đồng chí lãnh đạo của ta cũng không được nói ra.

Và đến khi Mỹ đưa máy bay bắn phá miền Bắc, đổ quân vào miền Nam trực tiếp chiến đấu với quân giải phóng, đã đến lúc nên trong “Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước” ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh mới nói: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm, hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”...

Chúng ta còn nhớ: sau khi tuyên ngôn Độc lập được Bác long trọng tuyên bố với nhân dân cả nước và thế giới chiều ngày 2-9-1945 ở Hà Nội thì ở Sài Gòn, Pháp đã gây hấn và mười ngày sau nổ ra cuộc chiến giữa ta với Pháp. Một nhà nước mới ra đời còn non trẻ, nạn đói đang hoành hành nhiều nơi ở miền Bắc, lực lượng cách mạng còn yếu, vũ khí kém cỏi, phải làm chiến tranh với một quân đội nhà nghề chuyên đi cướp nước rõ ràng rất bất lợi cho ta. Vì muốn ngăn không để cuộc chiến xảy ra và có thời gian cho ta chuẩn bị nên Đảng và Bác phải đối phó vô cùng căng thẳng: “thù trong, giặc ngoài”, trong Nam ngoài Bắc tình thế vô cùng phức tạp, đè nặng như “ngàn cân treo trên sợi tóc”. Vì vậy, Bác phải nhượng bộ với Pháp từ đòi “độc lập”, chấp nhận xuống một

mức là “tự do”, ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 rồi tạm ước 14-9, nhằm ngăn cho được chiến tranh sẽ mất người tổn của cả hai dân tộc. Lúc đó, không phải ai cũng hiểu Bác, những kẻ chống đối thì kết tội Bác bán nước (!). Nhưng Bác chỉ nói với quốc dân một câu: Hồ Chí Minh không bán nước! Và thời gian, việc làm của Bác đã chứng minh điều Người làm là đúng đắn, nhiều người nể phục và ủng hộ Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Có hai việc liên quan với Trung Quốc:

– Hội nghị Liễn Châu năm 1954:

Hội nghị Genève 1954 bàn về chấm dứt chiến tranh Việt Nam giữa ta với Pháp rất căng thẳng. Trưởng đoàn của ta Phạm Văn Đồng đòi lấy vĩ tuyến 13 tạm làm giới tuyến chia đôi chờ hai năm sau tổng tuyển cử. Phía Pháp có Mỹ trợ sức phản đối kịch liệt, họ đòi chia ở vĩ tuyến 18 và còn đòi giữ cảng Hải Phòng nữa. Trước tình hình ấy, Thủ tướng Chu Ân Lai, Trưởng đoàn đàm phán Trung Quốc điện về báo cáo cho Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu Kỳ và đề nghị mời Bác Hồ sang gặp tại Liễn Châu thảo luận để thống nhất chủ trương giải quyết tại hội nghị Genève. Cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 1954, Bác Hồ, có Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Hoan (Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc) sang dự họp. Sau 8 lần họp trong 3 ngày, giữa Bác Hồ và Thủ tướng Chu Ân Lai thống nhất lấy vĩ tuyến 16 làm ranh giới tạm chia hai miền. Khi trở lại Genève, Chu Ân Lai và Mô-lô-tốp, Trưởng đoàn Liên Xô lại lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới chia hai miền Việt Nam, ép Phạm Văn Đồng phải chấp nhận. Việc này làm cho nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao của ta không thỏa mãn,

thắc mắc... Với Bác Hồ, đây là việc làm không đúng của Chu Ân Lai sau khi đã thống nhất với Bác tại Liễu Châu. Nhưng Bác Hồ không nói gì với bạn cả. Bởi sự việc đã rồi, nói ra chẳng giải quyết được mà làm mất tình cảm, không có lợi cho mối quan hệ giữa lãnh đạo hai nước.

– Cuộc cách mạng văn hóa của Trung Quốc diễn ra những năm 1960, do chủ tịch Mao Trạch Đông chủ trương. Bác Hồ và Bác Mao là hai người bạn, hai người đồng chí; công cuộc giải phóng miền Nam của Việt Nam đang rất cần sự ủng hộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trung Quốc “ép” Đảng ta tuyên bố ủng hộ. Dù vậy, nhưng Đảng ta, Bác Hồ không thể chiều theo, đồng tình cuộc cách mạng văn hóa của Đảng bạn phát động, vì biết là chủ trương sai.

Ngày 4-8-1966, Bác Hồ chủ trì họp Bộ chính trị Trung ương Đảng bàn về tình hình quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng.

Giữ mối quan hệ hữu hảo Việt – Trung là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng ta. Bác làm bài thơ nhan đề “Ký Mao Chủ tịch” gửi và Nhân Dân nhật báo (Trung Quốc) đăng tải vào ngày 9-8-1966:

*“Hân văn Nhẫn sướng vịnh Trường Giang,
Quần chúng hoan hô Nhẫn kiện khang.
Ngã tại Việt Nam mang kháng Mỹ,
Dao chúc Nhẫn “vạn thọ vô cương””.*

Dịch nghĩa:

*“Vui nghe, Người bơi thỏa Trường Giang,
Quần chúng mừng Người được kiện khang*

Tôi ở Việt Nam lo đánh Mỹ
Xa chúc Người “vạn thọ vô cương”⁽¹⁾.

(Bản dịch của Phạm Văn Các)

Dù không có tuyên bố ủng hộ CMVH nhưng bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cho Mao Trạch Đông vui vẻ, thấy Hồ Chí Minh vẫn dành cho ông tình cảm thân thiết.

Chúng ta thấy Bác Hồ là vị lãnh tụ có một phong cách ứng xử luôn tế nhị, nhân ái, vị tha từ việc lớn tới việc nhỏ, không bao giờ làm mất lòng người khác nếu họ không xâm phạm lợi ích của ta.

Chắc chắn còn nhiều điều về Bác người viết bài này chưa biết, chưa nói hết.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một bậc thánh nhân sống. Nói như vậy mới chính xác những gì Người đã tiên lượng. Có Người lãnh đạo, có sự sáng suốt của Bác, mọi người ai cũng tin tưởng, yên tâm làm theo Bác. Vì vậy, sức mạnh được nâng cao, giành chiến thắng hoàn toàn – dù thực dân, đế quốc vô cùng hùng mạnh và dã man – là tất yếu.

(1) Theo sách “Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử”, tập 9.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - VĨ NHÂN CỦA THẾ GIỚI

Dại Hội đồng của tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (Tiếng Anh United Nations Educational Scientific and Cultural Organization, viết tắt là UNESCO), khóa họp lần thứ 24 tại Paris, từ ngày 20-10 đến ngày 20-11-1987, đã thông qua Nghị quyết 24C/18.65 về kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghị quyết đã ghi nhận năm 1990, đánh dấu 100 năm kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam. Nghị quyết khẳng định rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng xuất sắc về sự cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nghị quyết khuyến nghị các quốc gia thành viên tham gia kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng việc tổ chức các hoạt động cụ thể tưởng niệm Người, qua đó làm cho mọi người hiểu rõ tầm vóc vĩ đại của những

tư tưởng và những cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Người. Nghị quyết đề nghị Tổng Giám đốc UNESCO triển khai các biện pháp thích hợp để kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và hỗ trợ các hoạt động kỷ niệm tổ chức nhân dịp này, đặc biệt những hoạt động sẽ diễn ra ở Việt Nam.

Với tinh thần của Nghị quyết UNESCO, Hội thảo quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa lớn đã được tổ chức tại Hà Nội. Có 70 đại biểu quốc tế thuộc 34 nước, với hơn 1.000 đại biểu Việt Nam gồm các nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội tham dự hội thảo. Tại hội thảo này, Tiến sĩ Át Mết (Modagat Ahmed), Giám đốc UNESCO khu vực châu Á Thái Bình Dương, đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO đã khẳng định “một phương diện khác của con người Hồ Chí Minh đó là một nhà văn hóa lớn”.

Đã hơn 35 năm qua từ khi có Nghị quyết của UNESCO, nhưng hiện nay vẫn còn nhiều ý kiến của các thế lực thù địch nhất là số người Việt Nam rời bỏ Tổ quốc chạy ra nước ngoài làm việc tại các trung tâm chống cách mạng Việt Nam cho rằng không có Nghị quyết của UNESCO về kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhân kỷ niệm 125 năm ngày sinh Hồ Chủ tịch, xin cung cấp những tài liệu chứng minh rõ ràng việc tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa UNESCO đã vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam.

Trên thế giới, chưa có một danh nhân nào được 88 quốc gia ra “Nghị quyết kỷ niệm” như Bác Hồ của ta.

1. Từ ngày 20-10 đến 30-11-1987, Đại hội đồng UNESCO khóa 24 họp, có mục xét các danh nhân kỷ niệm vào các năm “tuổi chẵn”. Đến dự có 159 quốc gia (lúc đó phe Xã hội Chủ nghĩa có 8 thành viên, với bối cảnh các nước Đông Âu đang đổ vỡ), với nguyên tắc đủ 100% số phiếu (nếu là khóa họp của Ban chấp hành, chỉ cần đủ đa số phiếu).

Với nội dung: Trong ba năm 1988, 1989, 1990, những danh nhân đúng vào tuổi 100 để thế giới kỷ niệm. Mức độ danh nhân có thể khác nhau: Danh nhân văn hóa, Nhà hoạt động kiệt xuất, Nhà thơ vĩ đại... Kỳ này, có ba vị được xét:

1. Ông Nê-ru, Ấn Độ, sinh năm 1889.
2. Ông Hồ Chí Minh, Việt Nam, sinh năm 1890.
3. Ông Hadara (nhà sử học vĩ đại) Liên Xô.

Ông Nêru, dễ xét hơn, chỉ trong 45 phút là xong, vì Ấn Độ là nước lớn, trung lập, ổn định về kinh tế, đạt mức cao “Nhà quán quân của phong trào giải phóng dân tộc”.

Bác Hồ được xét với nội dung khác, phải 7 tiếng đồng hồ mới xong. Vì Bác là danh nhân văn hóa tiêu biểu cho nền văn hóa nhân loại, Anh hùng giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Cũng còn bởi có ba nước “ăn tiền” của nước khác đến gây khó khăn. Tất nhiên không dám gây trực tiếp, bởi chạm đến lòng tôn kính của đại biểu các nước đối với Bác Hồ, họ đành quanh co: Cuộc họp Đại hội đồng UNESCO kỳ này chỉ xét danh nhân có năm tuổi chẵn vào năm 1989, còn danh nhân có năm tuổi chẵn vào năm 1990 thì tạm hoãn để bàn lại tiêu chuẩn, bởi lâu nay ta xét vĩ nhân chưa chặt chẽ, còn có kẽ hở..., số còn lại hoãn đến năm đầu tiên của thế kỷ

XXI! (nghĩa là 10 năm sau, mà đời người chỉ có một lần 100 tuổi). Thế là đại biểu các nước phản ứng mạnh mẽ, cho rằng Hồ Chí Minh là ngọn cờ đầu tranh giải phóng dân tộc, không xét là không công bằng. Cuối cùng 100% chấp nhận xét.

Kỳ họp này, bà Chủ tịch UNESCO là người Thái Lan, làm chủ tọa phiên họp. Dù lúc đó quan hệ giữa nước ta và Thái Lan chưa thuận như bây giờ, nhưng bà lại có bản tham luận rất hay về Hồ Chí Minh.

Những điểm chính các nước tôn vinh về Bác: Cách đây gần 45 năm, các nước thuộc địa trên thế giới chìm trong một đêm dài nô lệ, chưa có nước nào giành được độc lập, thì nước Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã dám đương đầu với một nước có nhiều thuộc địa và giành thắng lợi, mở đầu cho thời kỳ giải phóng dân tộc. Liên hợp quốc thấy rằng, Hồ Chí Minh đã đề ra phong trào xóa nạn mù chữ đầu tiên vào năm 1945 (Liên hợp quốc vào đầu thập niên 90 mới đề ra cho thế giới). Đây là nguyên thủ một quốc gia nhỏ mà có tầm nhìn dự báo chiến lược. Đã thấy được dân còn đói, dân còn dốt thì nguy cơ mất nước còn bị đe dọa. Hồ Chí Minh là người đề ra Tết trồng cây đã hơn 30 năm để bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái. Đó là nhà văn hóa kiệt xuất.

Thế giới ngày nay là thế giới đối thoại (tránh đối đầu), thì Hồ Chí Minh đã có tư tưởng đối thoại từ năm 1946. Thật vậy, khi muốn quân Tưởng rút khỏi nước ta (lúc đó ta chưa đủ mạnh), ta đã đúc một tượng người bằng vàng nặng 54 ký để tặng cho viên tướng cầm quân Tưởng, trong lúc tuần lễ vàng năm 1946 ta chỉ thu được 375 ký. Khi Tưởng rút quân, để cố tránh cuộc chiến tranh Pháp – Việt, Bác phải sang

Pháp 4 tháng để đối thoại, đi từ ngày 30-5 đến ngày 20-10-1946 mới về đến Hải Phòng. Do đó, UNESCO coi Hồ Chí Minh là người đầu tiên đề ra đối thoại và đã tiến hành đối thoại (kể từ khi có Liên hợp quốc).

UNESCO còn xét Hồ Chí Minh về mặt đạo đức: 24 năm là nguyên thủ quốc gia mà không tha hóa. Hồ Chí Minh là một nhân cách của người cầm quyền kiểu mới. Khi chưa có chính quyền, Người sống với nhân dân, khi giành được chính quyền, Người phục vụ nhân dân. Người tiêu biểu cho thế kỷ XX – thế kỷ mà thế giới đang đứng trước một thảm họa tha hóa về văn minh vật chất. Khi Người qua đời, ngoài căn nhà sàn (để lại), không có một cái gì của riêng mình. Hồ Chí Minh là người cộng sản hội tụ được cả tinh hoa, trí tuệ của Đông – Tây...

Bác Hồ của ta là danh nhân văn hóa thứ 21. Được ghi là “Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất”. Cũng cần nói thêm: Trên thế giới, chưa có một danh nhân nào lại được 88 quốc gia ra “Nghị quyết kỷ niệm” như Bác Hồ ta. Có nước viết Đề cương kỷ niệm 100 năm ngày sinh Hồ Chí Minh, dày đến 84 trang...”

(Bài của VÕ GIÁP)

2. Xin giới thiệu bài phát biểu của Tiến sĩ Át Mết (Modagat Ahmed), Giám đốc UNESCO khu vực châu Á Thái Bình Dương, đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO tại Hội thảo quốc tế kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

“Đây thật sự là một niềm vinh dự cho tôi được phát biểu trước các nhà trí thức và thông thái cao quý tập hợp ở đây

ngày hôm nay để kỷ niệm 100 năm ngày sinh Hồ Chí Minh, người chiến sĩ dũng cảm đã giải phóng dân tộc mình khỏi một thế kỷ đô hộ thực dân, bằng sự lãnh đạo khôn khéo và quyết tâm vững chắc. Người là một trong những động lực đầu tiên của phong trào chống thực dân thời kỳ sau Đại chiến thế giới thứ hai ở châu Á, và là một trong những lãnh tụ có ảnh hưởng nhiều nhất của các dân tộc ở thế kỷ 20. Hội nghị UNESCO phiên thứ 24 đã quyết định kỷ niệm 100 ngày sinh của Người vào năm 1990. Đây là cử chỉ tôn kính đối với một nhân vật vĩ đại đã cống hiến trọn đời mình cho sứ mệnh tự do và độc lập. UNESCO rất vui sướng được tham gia vào sự kiện đáng ghi nhớ này. Điều đó biểu hiện sự cam kết sâu sắc của tổ chức này trong việc duy trì các giá trị và công lao của các nhân vật vĩ đại được nhân loại công nhận và kính trọng. Những tình cảm này được thể hiện trong Nghị quyết của Đại hội đồng với sự nhấn mạnh rằng: tư tưởng của người chứa đựng nguyện vọng của nhân dân muốn khẳng định nền văn hóa riêng của mình và xúc tiến sự hiểu biết lẫn nhau. Nghị quyết này cũng yêu cầu Tổng Giám đốc UNESCO giúp đỡ cho các hoạt động kỷ niệm được tổ chức trong dịp này, đặc biệt ở Việt Nam.

Tên gọi cuộc Hội thảo khoa học là “Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa lớn” nhằm nêu bật nhiều mặt của nhân cách con người vĩ đại này. Do đó, tôi thấy sẽ không khiếm tốn nếu bàn về cuộc đời và các thành tựu của Người khi bao nhiêu điển giả nổi tiếng có mặt tại đây và là những người mà tôi tin chắc sẽ góp phần quan trọng là điều sẽ rất đáng ca ngợi và làm phong phú kinh nghiệm cho mọi người.

Đây là một thành tựu không nhỏ đối với Người, con một nhà nho của một nước nghèo. Người trở thành nhà lãnh đạo không thể chối cãi của nhân dân Việt Nam và riêng mình đã phải chịu đựng những khó khăn khủng khiếp suốt trên ba thập kỷ. Nếu ta nhìn về thời niên thiếu của Người, chúng ta thấy một con người đang lo tìm một nơi cắm neo. Người không thể hoàn tất việc học tập của mình và sau đó đã trở thành một thầy giáo. Người vào học một trường kỹ thuật. Trong vài năm trời, Người trở thành một thủy thủ đi hết hải cảng này đến hải cảng khác. Giữa chiến tranh thế giới thứ nhất, ta lần lượt gặp Người là người coi vườn, quét tuyết, hầu bàn, rửa ảnh và thợ đốt lò. Dĩ nhiên Người cảm thấy không thanh thản và lo tìm một ý nghĩa cho cuộc sống của mình.

Chính ở Pháp giữa 1917 và 1932, Người trở thành một nhà XHCN tích cực và chính vào lúc này, ta thấy bản chất thực sự của người bùng nổ. Năm 1920 được cổ vũ bởi thành công của cách mạng cộng sản Nga, Người đứng về phía những người cộng sản Pháp khi họ rút khỏi Đảng Xã hội. Đây là một bước ngoặt lớn và về sau dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930. Người tích cực xây dựng lực lượng của phong trào yêu nước ở Việt Nam và bắt tay với Đồng Minh chống Nhật. Khi cuộc chiến tranh kết thúc, cuộc tổng khởi nghĩa đã nổ ra trong cả nước. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, trước một cuộc mít tinh lớn ở quảng trường Ba Đình, Hồ Chủ tịch tuyên bố Việt Nam độc lập, Người nói:

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Nhưng người đã không được nghỉ ngơi. Thế nhưng người không bỏ cuộc, Người khôn khéo kết hợp chiến thuật với ngoại giao, kiên trì thương lượng, bởi Người biết rằng thời gian thuộc về mình. Quan điểm sáng suốt và khả năng làm chủ sự kiện giúp Người đạt được mục tiêu của mình. Lòng yêu nước của Người được phát huy cùng với sự hiểu biết sâu sắc về khoa học chính trị và quân sự, về lịch sử và văn hóa và trên tất cả Người hết lòng yêu mến nhân dân. Trong khi chiến đấu cả đời mình chống lại ách thống trị thực dân, Người vẫn là một nhà văn chân chính trong tư tưởng và hành động.

Bây giờ cho phép tôi đề cập đến một phương diện khác về con người Hồ Chủ tịch, đó là một nhà văn hóa lớn. Việt Nam là một nước tương đối đồng nhất về mặt xã hội, xét theo quan điểm dân tộc thì vào khoảng 85% toàn bộ nhân dân cùng có chung một nền văn hóa Việt Nam chủ đạo. Tuy nhiên, sự tồn tại của nhiều nhóm thiểu số tôn giáo cùng với nhóm thiểu số dân tộc thật sự tạo ra nhiều khó khăn trong việc hình thành một xã hội liên kết. Tuy vậy, Hồ Chí Minh đã thành công trong việc liên kết nhiều sắc thái văn hóa vào một nền văn hóa Việt Nam duy nhất. Người đã làm được việc này nhờ hiểu biết sâu sắc và tôn trọng những đặc điểm văn hóa khác nhau. Người đã hoàn thành nhiệm vụ này, và trong việc làm và lời nói của Người, ta có thể nhìn thấy hình ảnh, tư tưởng của nhà thơ, nhà văn, nhà nghệ sĩ dân ca, những người đem lại nguồn cảm xúc cho nhiều thế hệ nhân dân Việt Nam. Cuộc đời của Người mang ảnh hưởng của những giá trị truyền thống dân tộc, có những đóng góp vào việc tạo nên một nền văn hóa Việt Nam hiện đại.

Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một người trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này. Tôi hy vọng cuộc hội thảo này sẽ làm sáng tỏ thêm cuộc đời và thành tích của Hồ Chí Minh. Đó là một đóng góp có ý nghĩa nhất vào việc tưởng niệm nhân vật vĩ đại.

(Trích từ sách “Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh – trích tham luận của các đại biểu quốc tế”, UNESCO và Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Nxb KHXH, 1990).

3. BÀI PHÁT BIỂU CỦA BÀ KATHERINE MULLER-MARIN – TRƯỞNG ĐẠI DIỆN UNESCO TẠI VIỆT NAM

Những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực hoạt động của UNESCO

Katherine Muller-Marin

Tôi có mặt tại đây ngày hôm nay để hoàn thành sứ mệnh của nghị quyết được Đại hội đồng UNESCO thông qua tại khóa họp lần thứ 24 của cơ quan này tại Paris năm 1987, về việc kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng dân tộc và nhà văn hóa lớn. Đại hội đồng cho rằng việc thế giới kỷ niệm ngày sinh của những nhà văn hóa và trí thức kiệt xuất sẽ góp phần đạt được những mục tiêu của UNESCO và thúc đẩy sự hiểu biết giữa các quốc gia.

Đại hội đồng cũng coi Người là một biểu tượng nổi bật về tinh thần quả cảm của dân tộc bởi Người đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước và dân tộc Việt Nam, qua đó góp phần vào cuộc đấu tranh chung của toàn nhân loại vì hòa bình, độc lập dân chủ và tiến bộ xã hội. Đại hội đồng cũng cho rằng những đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Người trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật kết tinh truyền thống văn hóa của Việt Nam, một truyền thống có từ nhiều nghìn năm trước, và những lý tưởng của Người tiêu biểu cho khát vọng các dân tộc khác trên thế giới bởi họ đấu tranh nhằm khẳng định bản sắc văn hóa của mình và thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau.

Trên cơ sở những suy xét này, Đại hội đồng đã khuyến nghị các quốc gia thành viên tham gia vào việc kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua việc tổ chức các sự kiện thể hiện tưởng nhớ về Người nhằm phổ biến tầm vóc lớn lao của lý tưởng và sự nghiệp giải phóng dân tộc của Người.

Đại hội đồng cũng đề nghị Tổng Giám đốc UNESCO có những biện pháp thích hợp để kỷ niệm ngày sinh của Người và hỗ trợ các hoạt động kỷ niệm được tổ chức trong dịp này, đặc biệt là những sự kiện diễn ra tại Việt Nam.

Quyết định của UNESCO cũng căn cứ vào những đóng góp của Hồ Chí Minh cho năm lĩnh vực hoạt động của UNESCO. Tôi xin được nhắc lại một vài đóng góp đó:

Trong lĩnh vực Văn hóa, chúng ta thấy Hồ Chí Minh bên cạnh tư cách là một nhà thơ, rất quan tâm đến việc bảo vệ và bảo tồn di sản. Sắc lệnh Số 65 được Chủ tịch Chính phủ

lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành tháng Mười một năm 1945 quy định rằng việc bảo tồn di tích lịch sử là một nhiệm vụ rất cần thiết để xây dựng nước Việt Nam. Quyết định này còn cấm phá hủy đình, chùa, đền đài, điện thờ, hoặc những nơi thờ cúng, các lầu đài, thành quách, và lăng mộ, cũng như các đồ vật, sắc chỉ, văn bằng, tư liệu, sách báo có giá trị cho lịch sử, dù có tính tín ngưỡng hoặc không. Người cũng quan tâm đến việc khôi phục nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống trên khắp đất nước.

Bảo vệ và bảo tồn là những nhiệm vụ rất quan trọng trong UNESCO. UNESCO khuyến khích việc nhận diện, bảo vệ và bảo tồn di sản văn hóa cũng như di sản thiên nhiên, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên khắp thế giới – những di sản được coi là có giá trị nổi bật đối với nhân loại, như đã được thể hiện trong Công ước của UNESCO liên quan đến việc Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và trong Công ước 2003 của UNESCO về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.

Một ví dụ khác của Hồ Chí Minh liên quan đến công tác bảo vệ và bảo tồn này là Sắc lệnh công nhận Lễ hội Giỗ tổ Hùng vương, một sự kiện yêu nước nhằm mục đích ghi nhớ công lao to lớn của ông cha, đồng thời nhấn mạnh sức mạnh tinh thần của một dân tộc thống nhất.

Từ thuở ban đầu, Hồ Chí Minh đã nhận ra bản chất hỗn hợp của nền văn hóa Việt Nam. Người nói: “Văn hóa Việt Nam là kết quả của sự tác động qua lại giữa Đông và Tây”. Người cũng tin rằng văn hóa là kim chỉ nam cho mọi dân tộc với ý nghĩa là nó giúp nâng cao nhận thức của công

chúng, phục hồi sức sống của dân tộc, và đảm bảo các quyền con người, trong khi khẳng định các quyền kinh tế, chính trị và Người cũng quan tâm đặc biệt tới mối quan hệ giữa văn hóa, kinh tế và chính trị và tin rằng văn hóa phải thấm thấu vào toàn xã hội và đến với từng thành viên để phát huy tiềm năng sáng tạo của họ.

Trong lĩnh vực Truyền thông và Thông tin, chúng ta thấy vai trò của Người trong việc phát triển báo chí. Ví dụ như Người đã lập ra tờ báo riêng của mình, tờ *Le Paria*, có nghĩa là “Người cùng khổ”, vào năm 1921, và sáng lập ra *Thanh niên*, tờ báo cách mạng đầu tiên của Việt Nam, vào năm 1925 và trở thành tổng biên tập đầu tiên của ấn phẩm này. Người cũng lập ra tờ báo quốc gia chính của Đảng Cộng sản Việt Nam, báo *Nhân Dân*, được xuất bản tại Hà Nội và là cơ quan ngôn luận chính thức của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã đưa một phong cách làm báo mới ở Việt Nam, lấy dân tộc và người dân làm chủ đề thời sự chính. Viết cho giai cấp lao động, các tờ báo cách mạng phải lột tả thực tế đời sống của người lao động và hướng dẫn họ trong cách cư xử và hành động nhằm giúp họ cải thiện điều kiện sống của mình.

Một số người nói rằng Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho nền báo chí Việt Nam, một giả định hợp với logic bởi suốt đời mình, Người là một nhà báo. Người viết nhiều thể loại văn chương và báo chí: bút ký, truyện thời sự, xã luận, thơ, cùng các thể loại khác. Các bài báo của Người, đi thẳng

vào vấn đề và được viết một cách giản dị, rõ ràng và súc tích, rất dễ hiểu với độc giả đông đảo của Người.

Hội Nhà báo Việt Nam cũng được thành lập dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh; khởi đầu chỉ với 200 hội viên nhưng giờ đây đã lên đến hơn 16.000 người.

Tôi nhận thấy một điều lý thú là vào năm 1946, trên cương vị Chủ tịch lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh thành lập Bộ Kinh tế Quốc gia, trong đó có một đơn vị thống kê chịu trách nhiệm tập hợp các số liệu về dân số, tình hình tài chính, kinh tế, chính trị, và lý thú hơn nữa là cả các số liệu về văn hóa.

Giờ đây, chúng ta đang làm việc với sự hỗ trợ của Viện Thống kê UNESCO cùng Tổng cục Thống kê và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch của Việt Nam để xây dựng một Khung hành động cho Thống kê Văn hóa Việt Nam nhằm trợ giúp cho việc xây dựng và triển khai chính sách dựa vào thực tiễn, bởi lẽ văn hóa đang trở thành một nhân tố chủ chốt của phát triển bền vững.

Trên những lĩnh vực khác, tôi nhận thấy trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn chú ý đến các vấn đề của phụ nữ. Người cho rằng để giúp chị em tham gia vào các hoạt động xã hội, sự phân biệt giữa nam và nữ cần xóa bỏ và chính phủ cần phải có chính sách khuyến khích phụ nữ cùng nam giới tham gia vào sản xuất, quản lý kinh tế và hoạt động văn hóa. Người cũng viết trong Di chúc là Đảng và Chính phủ nên có những kế hoạch để đảm bảo ngày càng có nhiều

phụ nữ tham gia vào mọi lĩnh vực hoạt động, kể cả lãnh đạo, và rằng chị em cần phải phấn đấu vươn lên.

Đối với UNESCO, bình đẳng giới là một quyền cơ bản của con người, một giá trị chung, và cũng là một điều kiện cần thiết để đạt được các mục tiêu phát triển quốc tế, trong đó có tất cả các Mục tiêu Phát triển của Thiên niên kỷ. Suy cho cùng, việc nâng cao quyền lực của phụ nữ và bình đẳng giới là những vấn đề chính trị cần có sự hưởng ứng và cam kết của các nhà lãnh đạo thế giới và những người làm chính sách.

Liên quan đến Khoa học Xã hội và với những khái niệm về hợp tác hòa bình và hiểu biết lẫn nhau trên thế giới được UNESCO quảng bá, Việt Nam đang ra sức đóng góp cho khu vực và thế giới. Một phong cách mới của ngoại giao Việt Nam đã xuất hiện khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Bộ Ngoại giao được thành lập trong tháng Tám 1945 khi nội các lâm thời được công bố. Ý thức được tầm quan trọng của ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiêm nhiệm chức Bộ trưởng Ngoại giao cho đến tháng Ba 1947.

Về Khoa học Tự nhiên, Hồ Chí Minh đã sớm thể hiện sự quan tâm của Người đối với các vấn đề liên quan đến môi trường và tới mối quan hệ hòa hợp giữa con người và thiên nhiên trong sự phát triển của một quốc gia. Người ủng hộ sự cần thiết phải chống thiên tai, duy trì và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cùng môi trường sinh thái và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc trồng rừng, thủy lợi và cải thiện chất đất.

Sự quan tâm của Người đối với việc trồng cây và bảo vệ môi trường đã vượt qua biên giới tới mức, trong các chuyến thăm nước ngoài hoặc mỗi khi tiếp đón khách ngoại quốc, Người hay tổ chức lễ trồng cây và gọi những cây này là “cây hữu nghị”, biểu tượng cho quan hệ giữa Việt Nam và thế giới cũng thể hiện thái độ tích cực đối với môi trường. Tôi có thể hiểu được tại sao chúng tôi luôn được mời tới các lễ trồng cây. Ngay cả trong Di chúc của mình, Hồ Chí Minh khuyến nghị những người viếng thăm trồng cây tưởng niệm.

Người còn kêu gọi mọi người “trồng và bảo vệ rừng, như bảo vệ ngôi nhà của mình”. Để nêu gương, Người đã tạo ra một môi trường tự nhiên tuyệt vời quanh nơi ở của mình và chăm sóc cây cối, hồ cá, và chim chóc, nhấn mạnh là chúng cần được bảo vệ bởi chúng là những báu vật của thiên nhiên.

Trong lĩnh vực Giáo dục, tôi nhận thấy điều thú vị là Người cho rằng xóa bỏ nạn mù chữ có nghĩa là tạo nên một phong trào giáo dục đại chúng. Người chỉ ra rằng học đọc và học viết có thể được tiến hành ở bất cứ đâu, dùng than, mặt đất, hoặc lá chuối làm bút và giấy. Người sáng suốt khi chỉ ra rằng một người đã biết đọc, người đó cần tiếp tục học tập bởi người biết chữ có thể quên cách đọc nếu họ không có gì để đọc. Người tuyên bố rõ ràng rằng Chính phủ và Bộ Giáo dục có nhiệm vụ cung cấp sách báo phù hợp với từng cấp độ của người đọc.

Từ khi được thành lập vào năm 1946, UNESCO đã đi đầu trong nỗ lực xóa bỏ nạn mù chữ trên toàn cầu với những chương trình như Giáo dục cho mọi người. Đây là một yếu tố cần thiết cho việc xóa nghèo, giảm tỷ lệ tử vong ở

trẻ em, kiểm chế sự phát triển dân số, đạt được sự bình đẳng giới, và đảm bảo phát triển bền vững, hòa bình và dân chủ. Hơn thế, thật thú vị khi đọc trong Công báo Quốc gia Việt Nam 1945 thấy rằng Bộ Giáo dục được thành lập ngay sau khi Hồ Chí Minh trở thành Chủ tịch Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Có một mối tương liên giữa ý nghĩ của Hồ Chí Minh rằng “mục tiêu cuối cùng của việc học là trở thành con người theo đúng nghĩa của từ này” với bốn trụ cột của việc học đã được Ủy ban về Giáo dục cho Thế kỷ XXI xác định trong báo cáo của họ trình lên UNESCO trong thập kỷ 1990 như là những nguyên tắc cơ bản cho việc định hình lại giáo dục. Ủy ban cảm thấy là giáo dục suốt đời dựa trên bốn trụ cột:

Học để biết, ngụ ý cung cấp những công cụ nhận thức cần có để hiểu thế giới và những điều phức tạp của nó một cách tốt hơn, và để có nền tảng đủ và phù hợp để học tập trong tương lai.

Học để làm, có nghĩa là cung cấp các kỹ năng giúp các cá nhân tham gia một cách có hiệu quả vào nền kinh tế và xã hội toàn cầu.

Học để làm người có nghĩa là cung cấp những kỹ năng tự phân tích và kỹ năng xã hội để giúp các cá nhân phát huy đầy đủ nhất tiềm năng của mình về mặt tâm lý - xã hội, về tình cảm cũng như thể chất, để trở thành một “con người toàn diện” về mọi mặt.

Học để chung sống ngụ ý là hướng các cá nhân vào những giá trị tiềm ẩn trong các nguyên tắc dân chủ, sự hiểu

biết giữa các nền văn hóa, tôn trọng và hòa bình ở mọi cấp bậc xã hội và quan hệ giữa người với người nhằm giúp cho các cá nhân và các xã hội cùng sống trong hòa bình và hòa thuận.

Tôi xin kết thúc bài phát biểu của mình với những ý nghĩ sau:

Nếu một con thuyền ra khơi mà không định trước bến đỗ, thì gió thổi hướng nào là không quan trọng? Con thuyền có thể cập bất kỳ bến nào. Biết được bến đỗ mà ta muốn đến có nghĩa là ta có một tầm nhìn rõ ràng về nơi đó. Điều đó có nghĩa là kiểm soát tốc độ gió và sức lực để tới được bến đỗ đó.

Có được một vị Chủ tịch như Hồ Chí Minh, người được nhiều người không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới tôn vinh như anh hùng dân tộc, giống như có được một biểu tượng giúp chúng ta có được một tầm nhìn, chỉ cho đất nước một bến đỗ an toàn cho đất nước. Và hơn thế, một lãnh tụ như thế cũng chỉ cho ta cách kiểm soát phong ba bão táp thông qua lòng tự hào, lao động cần cù và quan hệ hòa hiếu.

Giờ đây, tôi xin cùng dân tộc Việt Nam kỷ niệm ngày sinh của một nhân vật vĩ đại, người đã để lại một dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại và trong lịch sử của đất nước này. Xin chúc tất cả quý vị một tương lai phồn thịnh và thái bình.

4. NGHỊ QUYẾT CỦA UNESCO VỀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (NĂM 1987)

Ghi chép của Đại Hội Đồng
Kỳ họp thứ 24, Paris,
20 Tháng Mười đến 20 Tháng Mười Một 1987
Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa
của Liên Hợp Quốc UNESCO

Nghị quyết 18.65 được thông qua bởi Đại Hội Đồng tại kỳ họp lần thứ 24.

18.65 Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Đại Hội Đồng

Căn cứ Việc tổ chức lễ kỷ niệm quốc tế của những danh nhân có văn hóa và trí tuệ kiệt xuất góp phần thực hiện mục tiêu của UNESCO và sự hiểu biết chung toàn thế giới,

Căn cứ Nghị quyết 4.351 kỳ họp thứ 18 của Đại Hội Đồng liên quan tới các hoạt động kỷ niệm ngày sinh của những nhân cách lớn và sự kiện để lại dấu ấn trên sự phát triển của loài người.

Chú ý rằng: năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và Danh nhân văn hóa (note: có thể dịch là ‘nhà văn hóa lớn’ hoặc ‘nhà văn hóa kiệt xuất’)

Xem xét đến: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một hiện tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng nhân dân Việt Nam, góp

phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ,

Xem xét đến: Những đóng góp quan trọng và nhiều chiều của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa, giáo dục và nghệ thuật kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc Việt Nam trải dài mấy nghìn năm lịch sử, và Tư tưởng của Hồ Chí Minh tiêu biểu cho nguyện vọng của các dân tộc khẳng định nền văn hóa thống nhất của họ và thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau,

1. Khuyến nghị các nước thành viên tham gia vào các hoạt động kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách tổ chức các sự kiện khác nhau tỏ lòng kính trọng tới Chủ tịch, để tuyên truyền rộng rãi những hiểu biết về sự vĩ đại của những tư tưởng và những việc Hồ Chí Minh đã làm cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

2. Đề nghị Tổng giám đốc UNESCO có những bước làm thích hợp để tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và hỗ trợ thêm cho các hoạt động kỷ niệm nhân dịp này, đặc biệt là các hoạt động diễn ra ở Việt Nam.

(Bản dịch của website thehehochiminh.net)

Những tài liệu trên đây minh chứng rõ việc Đại hội đồng UNESCO đã có Nghị quyết từ năm 1987 vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất và khuyến khích các nước thành viên tổ chức kỷ niệm Người vào năm 1990. Hai tham luận của TS. Át-Mét và bà Katherine Muller-Marin đã xác nhận điều này và còn cho mọi người thấy tổ chức UNESCO hiểu biết rất sâu về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Có Nghị quyết của UNESCO Việt Nam mới tổ chức được cuộc Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh lớn có nhiều đại biểu từ nhiều nước đến dự như vậy.

Có Nghị quyết của UNESCO Việt Nam mới mời được hai vị Đại diện của tổ chức này dự phát biểu như trên.

Tất cả những điều nói trên là sự thật cả thế giới biết rõ, nhiều người dự Hội thảo nay vẫn còn sống.

Điều này cho mọi người thấy rõ lời lẽ của những kẻ chống phá Việt Nam là bịa đặt, xuyên tạc; đây là cách thức, thủ đoạn tuyên truyền họ vẫn dùng để tung hỏa mù, mục đích lừa mị những người ít hiểu biết.

Những người chân chính, trung thực, có tự trọng không bao giờ mở miệng nói những điều trái sự thật.

Những người thận trọng luôn tìm hiểu kỹ một vấn đề khi có những luồng tin trái ngược nhau. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh lại cần phải thật thận trọng tìm hiểu vì những kẻ chống phá cách mạng Việt Nam vẫn luôn tìm cách tung tin xuyên tạc nhằm hạ uy tín lãnh tụ chúng ta.

Là người Việt Nam yêu nước, ai ai cũng rất tự hào, vui mừng đất nước ta có được một lãnh tụ được thế giới ngợi ca và tôn vinh như nêu trên đây.

Nguyên: Cổng thông tin tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh

ĐỘC ĐÁO HỒ CHÍ MINH

Lịch sử nước ta cho thấy, khi tranh giành quyền lực với nhau thất bại, không ít người chạy sang nước lân bang cầu viện để “phục quốc”. Nhà Lê có Lê Chiêu Thống chạy sang Tàu, thời Nhà Nguyễn có Gia Long chạy sang Xiêm đưa quân ngoại bang về nước bị Nguyễn Huệ đánh toi bời không còn manh giáp tại Rạch Gầm (Mỹ Tho). Không đạt được mong muốn, Gia Long cầu viện người Pháp, tạo điều kiện cho họ xâm lăng nước ta dẫn đến mất nước.

Một dân tộc có truyền thống quật cường đánh tan bao quân ngoại xâm đầu để khuất phục, chịu để người dè dàu cõi cổ. Bao nhiêu người đứng lên chống quân Pháp, nhưng đều thất bại. Các chí sĩ yêu nước nối nhau tìm kiếm con đường cứu dân cứu nước. Hầu như lập lại con đường người xưa đã đi, đến những nước gần để mong thấy con đường cần tìm. Cụ Phan Bội Châu là bậc tiên sinh đi về phương Đông, sang Nhật Bản với ý nghĩ người da vàng sẽ giúp nhau...

Nguyễn Sinh Cung lúc nhỏ thường nghe cha là ông Nguyễn Sinh Sắc đàm đạo với cụ Phan Bội Châu về con

đường cứu nước. Nhưng Nguyễn Tất Thành – tên mới của Nguyễn Sinh Cung – lại có suy nghĩ khác với bậc trưởng thượng là cụ Phan. Không đi về phương Đông mà sang Pháp, mục đích tận nơi cái xứ sở của những người xưng là đi gieo văn minh cho dân ta... Đây là độc đáo đầu tiên của Nguyễn Tất Thành.

Ông cha ta có câu: Phải vào hang cọp mới bắt được cọp con, không biết câu nói ấy có tác động đến tư duy của Nguyễn Tất Thành hay không. Nhưng câu khẩu hiệu dán ở trường học: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” đã tác động trực tiếp khiến cho Nguyễn Tất Thành đặt câu hỏi: “Văn minh” của người Pháp tại nước họ như thế nào? Phải đến tận nơi xem xét cho rõ mới hiểu đúng sự vật, mới có thể tìm ra con đường cứu nước đúng đắn. Quả thật như Người suy nghĩ, đến nước Pháp đã giúp cho Nguyễn Tất Thành sáng ra nhiều điều. Người kết luận: người Pháp ở Việt Nam không giống người Pháp ở chính quốc. Nhưng Người cũng nhận xét về chủ nghĩa đế quốc như con đĩa có hai cái vôi, một đầu hút máu người lao động chính quốc, một đầu hút máu người dân thuộc địa. Cái độc đáo của Nguyễn Tất Thành là chống Pháp ngay trên đất Pháp, chống một cách tích cực nhất. Một trong những việc làm của Nguyễn Tất Thành gây tiếng vang sâu rộng ở Pháp là *Bản yêu sách tám điểm của những người yêu nước An Nam*” ký tên Nguyễn Ái Quốc và từ đó tên gọi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện. Đây là hành động vô cùng dũng cảm, không phải ai cũng làm được. Từ một người chỉ biết đòi chút chữ Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tự học để giao tiếp, viết báo, và xa hơn là tự mình xuất bản một tờ báo lấy tên *Người cùng khổ* để đấu tranh và hướng dẫn không chỉ người

Việt trong nước mà còn bạn bè các nước đấu tranh chống lại áp bức bất công.

Độc đáo trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc được tiếp nối sau khi Người đọc được “*Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*” của V.I. Lênin. Sau này Bác nhớ lại: “Trong luận cương ấy có những chữ chính trị khó hiểu, nhưng cứ đọc đi, đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang trước quần chúng đông đảo. “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta.” Từ đó tôi hoàn toàn theo Lênin, tin theo Quốc tế Ba. Trong bài trả lời phỏng vấn Sác-lơ Phuốc-ni-ô, phóng viên báo *L'Humanité* (Pháp), ngày 15-7-1969, nghĩa là sau lần hoàn thiện bản Di chúc lịch sử và trước khi mất chưa đầy hai tháng, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại một lần nữa khẳng định: “về phần chúng tôi, chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam... mà chúng tôi đã chiến đấu và giành được những thắng lợi to lớn...” Nguyễn Ái Quốc cùng góp sức thành lập Đảng Cộng sản Pháp, tích cực đấu tranh làm chuyển biến tư tưởng nội bộ quan tâm ủng hộ cuộc đấu tranh của các nước thuộc địa chống thực dân Pháp trong Đảng Cộng sản Pháp. Vì thế, khi Việt Nam làm cuộc kháng chiến chống Pháp đã có sự hậu thuẫn tích cực của Đảng Cộng sản Pháp, một nhân tố quan trọng giúp chúng ta giành chiến thắng không chỉ mặt ngoại giao mà cả về chính trị, quân sự và kinh tế nữa.

Nguyễn Ái Quốc hiểu rằng dừng lại trên đất Pháp đấu tranh đòi độc lập cho Việt Nam khó thành công. Sau giai đoạn tạo cơ sở tại nước Pháp ủng hộ cuộc chiến đấu giành độc lập của Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đi Liên Xô để tìm hiểu kỹ về chủ nghĩa Mác-Lênin, trực tiếp tìm hiểu công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga Xô Viết, tiếp tục học hỏi và khẳng định con đường cứu nước. Chính Người đã nói: Ngày nay chủ nghĩa thì nhiều, nhưng chủ nghĩa Mác-Lênin là con đường đúng đắn nhất.

Độc đảo Hồ Chí Minh cho ta thấy nhiều người sinh ra ở châu Á cùng thời đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin, trong đó có những người nổi tiếng về lý luận, nhưng chỉ mỗi Nguyễn Ái Quốc nghiên cứu tiếp thu vận dụng chủ nghĩa này không phải theo lối giáo điều, kinh viện, mà có sự phát triển, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện lịch sử mới. Người không bao giờ coi chủ nghĩa Mác-Lênin là “cái gì đã xong xuôi hẳn”, là “cái đơn thuốc vạn năng”, mà như Người nói: “Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó là chưa phải là toàn thể nhân loại”.

Độc đảo của Nguyễn Ái Quốc khi đang ở Nga và trên bước đường Người về phương Đông:

Chỉ có Nguyễn Ái Quốc là người nêu ý kiến sự khác nhau của cách mạng vô sản giữa phương Tây và phương Đông. Năm 1924, tại Mátxcova, Nguyễn Ái Quốc đã được

mời đến giảng tại một lớp học của người cộng sản Đức, văn bản đã được nhà sử học Pháp Alain Ruscio công bố dưới đề mục “Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ”. Người đọc báo cáo này được đánh giá là “một người am hiểu sâu sắc chủ nghĩa Mác và thực tế lịch sử Việt Nam trong quá khứ và hiện tại...” Nguyễn Ái Quốc nói: “Cuộc đấu tranh giai cấp ở (Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ) không diễn ra giống như ở phương Tây”. Nguyễn Ái Quốc, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, với một tư duy độc lập, nhằm mục đích cao nhất là tìm ra một phương pháp tối ưu, phù hợp với Việt Nam để giải phóng dân tộc, đã lập luận rằng: “Xã hội Đông Dương về mặt cấu trúc kinh tế không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó (ở Đông Dương, Việt Nam) không quyết liệt như ở đây (ở châu Âu). Ta thấy Nguyễn Ái Quốc có tư duy độc đáo kết hợp triết học phương Tây và phương Đông, triết học phương Tây thiên về lý, duy lý, có lúc đơn thuần, duy nhất, cực đoan; triết học phương Đông, ở Việt Nam có một triết lý khác: Có cả lý và tình. Trong cái xấu còn có thể tìm ra cái tốt, ở cái mạnh vẫn bộc lộ điểm yếu, trong âm có dương...”

Người rất khéo, không để bị Stalin đưa vào diện đưa đi cưỡng bức lao động cải tạo ở các trại Gu lác; dù Người bị Quốc tế Cộng sản nghi ngờ sau khi bị bắt ở Hồng Kông với lý do “Yên lành thoát khỏi ngục tù đế quốc”, thậm chí không phải không có khả năng, có ý kiến cho rằng Nguyễn Ái Quốc là nhân viên của Intelligence Service (Cơ quan tình báo Anh), cũng không ít người và cho rằng Nguyễn Ái Quốc có tư tưởng dân tộc chủ nghĩa. Theo nhận định của một số Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc

được coi như một người chịu ảnh hưởng “chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi”, chệch hướng đấu tranh, đoàn kết với tư sản, có vấn đề tư tưởng về đấu tranh giai cấp... trái với những luận điểm của Stalin. Vì vậy, Quốc tế Cộng sản đã ra nghị quyết đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, giao trách nhiệm cho Trần Phú, một trong những học trò của Nguyễn Ái Quốc đã theo học tại trường Đại học Phương Đông về Trung Quốc, triệu tập Đại hội Đảng với những tài liệu cơ bản do Quốc tế Cộng sản đã chuẩn bị.

Chỉ thấy ở Nguyễn Ái Quốc mới có hàng trăm tên khác nhau nhằm để đánh lạc hướng theo dõi của mật thám Pháp và những kẻ phản động để tự bảo vệ mình khi hoạt động cách mạng.

Độc đáo Nguyễn Ái Quốc trong việc không thành lập ngay Đảng Cộng sản mà tổ chức “Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội” để rèn luyện, thử thách chọn lựa những người xứng đáng khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam về sau.

Khi bị địch bắt vẫn thể hiện rõ tính cách độc đáo của một người yêu nước, không chỉ lần ở Hồng Kông năm 1931 được luật sư Loseby cứu mà lần bị quân Tưởng bắt năm 1942 ở Túc Vinh (Trung Quốc) với tên mới là Hồ Chí Minh, tướng Trương Phát Khuê phải trả tự do, trân trọng mời Người hợp tác và cho về nước.

Giai đoạn Người về nước trực tiếp xây dựng lực lượng, lãnh đạo nhân dân ta làm Cách mạng có nhiều độc đáo liên tiếp:

Độc đáo Hồ Chí Minh ở chỗ thành lập Mặt trận Việt Minh tập hợp lực lượng cứu nước, trung thành với đường lối người đưa ra tại Hội nghị hợp nhất ba Đảng Cộng sản tháng 2-1930, tại Hương Cảng, Trung Quốc.

Độc đáo còn thể hiện Người nắm bắt kịp tình hình, bắt tay với Đồng Minh, trực tiếp sang Trung Quốc gặp phái đoàn OSS của Mỹ, tạo mối quan hệ, tranh thủ họ ủng hộ Việt Minh.

Độc đáo Hồ Chí Minh về đối ngoại, tranh thủ được cả Liên Xô, Trung Quốc từ chỗ không đồng tình đến tích cực ủng hộ ta trong công cuộc giải phóng miền Nam thống nhất Tổ Quốc.

Độc đáo Hồ Chí Minh từ tư tưởng, phong cách, phẩm hạnh, đến sinh hoạt đều thể hiện ở tầm cao, nhưng Người luôn hạ mình xuống gần gũi với mọi người: ra đồng tát nước với nông dân, vào nhà máy, nông trường với công nhân, mình trần ngồi tâm tình cùng ngư dân (ở bãi biển Sầm Sơn), cùng ra trận với chiến sĩ... Lịch sử dân tộc Việt Nam trước đó chưa hề có một nguyên thủ quốc gia nào như Hồ Chí Minh. Người là cái bóng che mát, là người dẫn đường dù dắt từng người đi về hướng thiện. Cách mạng Tháng Tám thành công, vua Bảo Đại không bị trừng trị mà được Hồ Chí Minh mời ra Hà Nội làm cố vấn tối cao cho chính phủ, Bác cư xử thấu tình với cựu hoàng dù biết ông này chẳng đóng góp bao nhiêu cho cách mạng. Trong thư Bảo Đại gửi cho mẹ ở Huế nói Bác Hồ đối xử tốt với con, như người cha thân thiết.

Độc đáo Hồ Chí Minh thể hiện ở Cần kiệm liêm chính, Chí công vô tư. Người dạy tiết kiệm là không chi tiêu lãng

phí, chi cái không cần thiết chứ không phải keo kiệt, hà tiện. Người không chấp nhận vì tình riêng làm điều không có lợi cho đất nước, chống mọi biểu hiện lợi dụng chức quyền làm điều không đúng với dân, càng chống cán bộ tham lam, hủ hóa, là ông/ bà “quan cách mạng”. Suốt đời Người hy sinh quên mình lo cho sự nghiệp cách mạng, tương lai đất nước dân tộc.

Độc đáo về sự hiểu học của Hồ Chí Minh, chính nhờ điều này, Người không chỉ biết nhiều thứ tiếng mà hiểu biết sâu rộng nhiều lĩnh vực, nâng Người lên ngang tầm một vĩ nhân của thời đại. Người quan tâm sâu sắc lịch sử dân tộc ta, ngay khi bệnh nặng đầu giường của Người đang đọc dở một quyển sách về lịch sử.

Độc đáo Hồ Chí Minh trong nghệ thuật lãnh đạo, tổ chức cuộc kháng chiến chống Pháp từ hai bàn tay trắng: *Châu chấu đá xe, tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng*. Nghệ thuật kháng chiến chống Mỹ giành chiến thắng thống nhất nước nhà. Cuộc kháng chiến này rất khó, ngay cả Liên Xô, Trung Quốc đều ngán ngại lực lượng quân sự, tiềm lực kinh tế vô cùng mạnh của Mỹ. Vậy mà Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng.

Cả cuộc đời Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh có những độc đáo nối tiếp nhau cho tới ngày Người đi xa, từ việc lớn tới việc nhỏ, thể hiện tầm nhìn đi trước thời đại, dám làm những việc người khác không dám làm, xử trí sự việc không phải ai cũng hiểu, nhất là thời kỳ đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”; nhưng rồi người ta hiểu Hồ Chí Minh là người “cao tay” đáng nể phục nhất. Dám đánh

và biết tổ chức lực lượng để chiến đấu và chiến thắng. Thành công trong công cuộc giải phóng đất nước, giành độc lập tự do là công lao trời biển của Hồ Chí Minh đối với dân tộc. Chính vì vậy nhân dân ta đã tôn vinh Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại nhất trong thời đại ngày nay. Điều văn của Ban Chấp hàng Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đọc trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9 tháng 9 năm 1969 tại thủ đô Hà Nội: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra HỒ CHÍ MINH, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta và non sông đất nước ta”. Cũng vì vậy Hồ Chí Minh được nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, các dân tộc bị áp bức, tổ chức UNESCO ca ngợi, tôn vinh là Anh hùng giải phóng dân tộc, là danh nhân văn hóa.

Độc đáo Hồ Chí Minh đã và đang được Đảng Cộng sản Việt Nam học tập noi theo, phát huy trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước cho hôm nay và mai sau.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo của ta.

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp sức thì không xong.

3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải cần có quần chúng giúp sức mới được.

(Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG,
H 2002, T 5, tr. 285-286).

Chúng ta phải kiên quyết bỏ sạch lối quan liêu, lối chật hẹp, lối mệnh lệnh. Chúng ta phải kiên quyết thực hành theo nguyên tắc sau đây:

1. Việc gì cũng phải học hỏi và bàn bạc với dân chúng, giải thích cho dân chúng.

2. Tin vào dân chúng. Đưa mọi vấn đề cho dân chúng thảo luận và tìm cách giải quyết. Chúng ta có khuyết điểm, thì thật thà thừa nhận trước mặt dân chúng. Nghị quyết gì mà dân chúng cho là không hợp thì để họ đề nghị sửa chữa. Dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta.

3. Chớ khư khư giữ theo “sáo cũ”. Luôn luôn phải theo tình hình thiết thực của dân chúng nơi đó và lúc đó, theo trình độ giác ngộ của dân chúng, theo sự tình nguyện của dân chúng mà tổ chức họ, tùy hoàn cảnh thiết thực trong nơi đó, và lúc đó, đưa ra đấu tranh.

4. Chúng ta tuyệt đối không nên theo đuôi quần chúng. Nhưng phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hóa nó thành cách chỉ đạo nhân dân.

5. “Phải đưa chính trị vào giữa dân gian”. Trước kia, việc gì cũng từ “trên dội xuống”. Từ nay việc gì cũng phải từ “dưới nhoi lên”.

Làm như thế, chính sách, cán bộ và nhân dân sẽ nhất trí, mà Đảng ta sẽ phát triển rất mau chóng và vững vàng.

Sách đã dẫn (Sđd), t 5, tr. 297-298.

Muốn chống bệnh quan liêu, bệnh bàn giấy; muốn biết các nghị quyết có được thi hành không, thi hành có đúng

không; muốn biết ai ra sức làm, ai làm qua chuyện, chỉ có một cách, là khéo léo kiểm soát.

Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi.

Song, muốn kiểm soát có kết quả tốt, phải có hai điều:

Một là, việc kiểm soát phải có hệ thống, phải thường làm.

Hai là, người kiểm soát phải là những người rất có uy tín.

Sđd, tập 5, tr. 287.

(Theo www.xaydungdang.org, Việt Nam).

HỒ CHÍ MINH NGƯỜI TRỌN NGHĨA VỆ TÌNH

Trong thời gian hoạt động tại Hồng Kông, do một chiến sĩ quốc tế Công sản tên là Séc Lofrăng, người vừa gặp Nguyễn Ái Quốc tại Hồng Kông. Khi khám xét trong người của Séc Lofrăng có tài liệu ghi địa chỉ của cuộc gặp trên, mật thám Anh hý hửng báo ngay với mật thám Pháp ở Đông Dương để được số tiền lớn, vì chúng tin rằng ở địa chỉ trên là nhân vật quan trọng trong phong trào chống Pháp ở Đông Dương và Hồng Kông là thuộc địa của Anh, cho nên Pháp phải thuê mật thám Anh thực hiện vây bắt. Nhận được tin báo, chính quyền Đông Dương liền gửi công văn khẩn cấp tới chính quyền Hồng Kông yêu cầu thực thi vây ráp ngôi nhà có địa chỉ trên. Nếu xác định người ở trong ngôi nhà này chính xác là Nguyễn Ái Quốc, bắt được và trục xuất về Đông Dương thì mật thám Anh ở Hồng Kông sẽ nhận được một số tiền rất lớn. Tòa án Vinh tỉnh Nghệ An, tháng 10-1929, đã kết án tử hình vắng mặt Nguyễn Ái Quốc, chỉ chờ bắt được là chúng nhanh chóng thực thi bản án.

Ngôi nhà 186 Tam Lung, thuộc Cửu Long, Hương Cảng, sau khi thống nhất các tổ chức tiền thân của Đảng, được Nguyễn Ái Quốc chọn làm trụ sở liên lạc. Những người cộng sự tin cậy thường lui tới có Hồ Tùng Mậu, Minh Khai... trao đổi công tác, nhận chỉ thị, tài liệu. Ngôi nhà khá thuận tiện cho việc hoạt động bí mật. Từ tầng hai có thể nhìn rõ từ xa, khi gặp biến cố có thể bí mật xuống cầu thang để ra cổng hậu, ở gác hai sáng sáng Tống Văn Sơ (tên bí danh của Nguyễn Ái Quốc) sau khi rửa mặt xong là phơi khăn ngay ngắn để báo hiệu với các đồng chí là tình hình ổn có thể vào được, nếu không có khăn ở đấy anh em biết bất ổn không đến gần.

Ngày 6-6-1931, khi trời còn sớm, Tống Văn Sơ chưa kịp phơi khăn làm ám hiệu thì mật thám ập vô. Trong nhà lúc đó chỉ có hai người. Chúng xích tay cả hai và lục soát không sót thứ gì ở trong nhà. Sau đó chúng đưa cả hai đến Sở Mật thám Hồng Kông. Một thời gian dài sau đó chúng chẳng bẫy định bắt thêm những người có mối liên hệ hoạt động tại đây. Nhưng ám hiệu an toàn không còn, nên chúng không bắt được ai.

Mật thám Hồng Kông điện báo cho mật thám Pháp ở Đông Dương biết tin “đã bắt được người mang tên là Tống Văn Sơ – chắc là Nguyễn Ái Quốc”. Bọn Pháp ở Đông Dương mừng rỡ vội vàng báo gấp về Bộ Thuộc địa Pháp ở Paris... Theo luật định, quyền thả Nguyễn Ái Quốc là do tòa án của anh quyết định vì người bị bắt ở trên đất thuộc địa của Anh. Do đó chính quyền Đông Dương và Bộ thuộc địa Pháp rất lo sợ tòa án Anh tha bổng Nguyễn Ái Quốc. Chúng đánh giá vai trò Nguyễn Ái Quốc cực kỳ quan trọng đối với phong

trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương. Bằng mọi giá chúng ta sức can thiệp, mua chuộc để cảnh sát, tòa án Anh trục xuất Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương hoặc lưu đày ở một thuộc địa xa xôi nào đó của Anh để sau này Pháp có bắt được lãnh tụ cộng sản ở Ấn Độ (thuộc địa của Anh và một số nước) ở thuộc địa của Pháp thì sẽ trao đổi cho nhau. Cuộc chạy đua cứu Nguyễn Ái Quốc và trục xuất Nguyễn Ái Quốc bắt đầu diễn ra gay go phức tạp. Ai là người đứng ra bào chữa cho Nguyễn Ái Quốc? Và lấy tiền đâu để thuê luật sư bào chữa? Quốc tế Cộng sản và những cộng sự của Nguyễn Ái Quốc không có đủ điều kiện để đứng ra giải quyết việc này được. Hoàn toàn phụ thuộc ở tài trí của Nguyễn Ái Quốc và sự phối hợp giúp đỡ phần nào ở bên ngoài mới hy vọng thoát khỏi nanh vuốt tử thần.

Rất may là sáng hôm bị giải tới nhà giam, bắt gặp Hồ Tùng Mậu trong nhà tù bước ra, Nguyễn Ái Quốc kịp làm ám hiệu. Sau đó Hồ Tùng Mậu đến gặp Loseby – một luật gia dân chủ tiến bộ người Anh, ông là Chủ tịch Hội Luật gia Hồng Kông, để nhờ giúp đỡ.

Tin Nguyễn Ái Quốc dưới cái tên Tống Văn Sơ bị bắt được truyền nhanh chóng đi khắp nơi trên thế giới. Báo chí đưa tin ca ngợi người chiến sĩ cách mạng đấu tranh không mệt mỏi cho quyền lợi những người cần lao. Báo *L'Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp viết: “Bọn đế quốc đã liên kết với nhau. Người Anh bắt giữ nhà cách mạng An Nam Nguyễn Ái Quốc” và lên tiếng phản đối việc bắt bớ này, đòi thả nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc, gây nên một làn sóng đấu tranh và áp lực chính trị lớn trên trường quốc tế. Còn bọn đế quốc xem đây như là một thắng lợi lớn: “Việc bắt giữ Nguyễn Ái

Quốc ở Trung Quốc sẽ ngăn chặn được phong trào An Nam”. Rõ ràng việc bắt giữ Nguyễn Ái Quốc đã làm xôn xao dư luận thế giới. Điều này mật thám Pháp và Anh không hề mong muốn một tí nào. Chúng muốn cuộc bắt lén này được giữ kín, tự giải quyết với nhau. Để sau này coi như “chuyện đã rồi”. Nhưng sự việc bị “lộ ra”, chúng phải tính kế khác.

Địch đưa Bác về giam trong một xà lim riêng ở khám lớn Hương Cảng, có cảnh sát đặc biệt canh gác. Nhà giam có ba tầng, mỗi tầng hai dãy xà lim. Xà lim giam Bác chật hẹp, bề dài không đầy 2 mét, bề rộng chỉ vừa một người nằm nghiêng nghiêng. Cao chót vót trên đầu tường là một cửa sổ nhỏ hình nửa mặt trăng tỏa sáng lờ mờ, bị song sắt và lưới sắt bưng kín. Ban ngày, từ cái cửa sổ ấy, ánh sáng lọt vào xà lim một cách rụt rè, bỡ ngỡ. Ở xà lim rệp rất nhiều. Vì vậy, sẵn rệp môn thể thao duy nhất để giết thì giờ.

Mỗi ngày người tù được ra ngoài xà lim 15 phút, dạo quanh một cái sân hẹp. Bốn phía sân đều là nhà giam cao ngất ngều với những bức tường kín mít, âm u. Người ta có cảm giác như đang đi dưới đáy một cái giếng, ngẩng đầu lên chỉ thấy một mảng trời hẹp như một chiếc khăn tay...

Mỗi ngày, Bác ăn hai bữa cơm gạo xay mà một phần tư là thóc. Hôm nay, buổi sáng, thức ăn là rau xanh, bữa chiều có mắm thối hoặc cá ươn. Ngày sau, thay đổi “khẩu vị”, bữa sáng có mắm thối hoặc cá ươn, bữa chiều có rau xanh.

Trong nhà giam, tâm trạng Bác có mấy điều lo lắng: lo những công việc mình đang làm bên ngoài tiếp tục ra sao? Ít nhiều kinh nghiệm Bác đã gom góp được trong bao nhiêu năm, tiếp tục truyền lại cho đồng chí khác như thế nào? Đảng

ta ngày một lớn mạnh, nhưng bọn thực dân ra tay khủng bố. Nhiều đồng chí bị bắt, bị hy sinh... Từ nay công tác Đảng sẽ gặp nhiều khó khăn...

Khi nghe Hồ Tùng Mậu trình bày về việc “nhà hoạt động chính trị lỗi lạc Tống Văn Sơ đã bị đế quốc Pháp kết án tử hình vắng mặt, nay bị nhà cầm quyền Anh bắt để trao cho Pháp” và đề nghị ông can thiệp giúp đỡ. Hôm sau luật sư Loseby đến Sở Cảnh sát tìm cách gặp bằng được Tống Văn Sơ, mặc dù lúc đầu Sở Cảnh sát không cho gặp.

Tống Văn Sơ trả lời rõ ràng bằng tiếng Anh những câu hỏi luật sư Loseby nêu ra để nắm rõ vụ án: “Ngôi nhà 186 Tam Lung do một người tên Vương nhượng lại cho Tống Văn Sơ thuê. Khi bị bắt trong nhà không có tài liệu gì cả, khi bắt cảnh sát không đọc lệnh bắt...”. Tống Văn Sơ tỏ ra vui mừng khi được tiếp xúc với luật sư và rất cảm ơn sự quan tâm nhiệt tình của ông với hoàn cảnh khó khăn này. Tống Văn Sơ thật thà thưa với luật sư là mình không có tiền để trả công cho luật sư. Luật sư chân tình nói:

– Tôi nhận cãi hộ, giúp anh vì danh dự chứ không vì tiền. Chỉ mong anh giúp tôi cung cấp những điều mà tôi có thể dựa vào đó để bênh vực cho anh...”. Hình ảnh người thanh niên An Nam tuy gầy, da hơi xanh vì trải qua những tháng năm gian nan vất vả nhưng toát lên một vẻ thông minh, đầy dũng khí, nghị lực có sức cảm hóa mãnh liệt. Tuy gặp lần đầu nhưng để lại trong ông những tình cảm dễ gần, dễ mến. Về đến nhà, luật sư bàn bạc với người phụ tá là luật sư J.C. Jenkin, ông đem câu chuyện tiếp xúc với người bạn phương Đông kể lại cho vợ nghe. Bà Loseby dù chưa gặp ông

Tống nhưng cũng có cảm tình qua lời kể của chồng. Bà mua quà, thuốc men cùng chồng vào nhà tù Victoria thăm người bạn mới của chồng. Qua tiếp xúc lần đầu với Tống Văn Sơ, bà ngạc nhiên và cảm phục trước phong thái, đức độ giàu tính cảm hóa của người thanh niên An Nam này. Hôm sau và hôm sau nữa bà vẫn tiếp tục và thăm nói chuyện với con người đáng khâm phục này. Bà đem câu chuyện Tống Văn Sơ kể cho những người bạn là các quý phu nhân nghe và không ngớt lời ca ngợi con người đó. Những người bạn ấy là vợ Phó Thống đốc Hồng Kông, bà Tômat Xao Thuộc... cùng vào nhà tù cho biết Tống Văn Sơ. Được gặp những người nổi tiếng, Nguyễn Ái Quốc tận dụng mọi khả năng có được kể về quê hương Việt Nam, nơi thiên nhiên đất nước tươi đẹp, giàu có, nhân dân yêu lao động, yêu hòa bình, nhưng suốt hàng nghìn năm lịch sử hết kẻ thù này đến kẻ thù khác muốn bắt dân tộc này phải làm nô lệ. Quý phu nhân dành sự khâm phục và quý mến thể hiện ở mỗi lần đến thăm đều có hoa quý hiếm tặng Tống Văn Sơ. Hơn nữa, họ thuyết phục quý phu quân bằng mọi cách can thiệp với người có chức trách trả tự do và bảo vệ tính mạng người vô tội Tống Văn Sơ.

Từ tháng sáu đến tháng chín, tòa án họp đi họp lại chín phiên. Mỗi phiên họp đều có cảnh sát vũ trang Anh và Ấn gác khắp các cửa ra vào. Có nhiều quan chức cao cấp đến xem tòa xử.

Các quan tòa đều mặc áo thụng đen và mang tóc giả theo lối đời xưa đời xưa. Trên bàn, trước mặt mỗi vị có những chồng sách to tướng về luật lệ. Họ luôn luôn giở sách ra để dẫn chứng những lời họ trình bày. Thật là “nói có sách

mách có chúng!”. Tuy vậy, các vị ấy đã bị các luật sư cãi bâng. Lý lẽ của các ông ấy tóm tắt là:

1. Việc bắt giam Bác là trái phép, vì Bác bị bắt giam từ ngày 6 tháng 6 năm 1931, nhưng đến ngày 12 tháng 6, thống đốc Anh mới ký lệnh chính thức cho phép bắt.

2. Người công chức lấy cung đã làm trái phép, vì y đã hỏi Bác những điều ngoài khuôn khổ pháp luật đã quy định được hỏi.

3. Buộc Bác phải đáp tàu Pháp đi về Đông Dương tức là cố ý giao Bác cho Pháp để chúng hãm hại Bác, thế là trái phép.

Hai điểm trên, chính phủ và công tố đã phải nhận sai lầm. Nhưng tòa án và công tố vẫn quyết định trục xuất Bác về Đông Dương.

Ông Loseby chống án lên “Hội đồng nhà vua” và nhờ luật sư Noel Pritt ở Luân Đôn cãi hộ cho Bác.

Đến tháng giêng năm 1933, gần Tết Âm lịch, “Hội đồng nhà vua” xóa án và ra lệnh: Cho Bác tự do đi đâu thì đi, miễn là ra khỏi Hương Cảng.

Thế là thắng lợi bước đầu! Nhưng đi đâu? Đi thế nào cho thoát? Nếu không khéo thì ra khỏi nhà giam sẽ lại rơi vào tay thực dân Pháp.

Nhất cử nhất động của Bác đều bị bọn mật thám Pháp và Tưởng theo dõi, mật thám Pháp đã thất bại trong việc vận động trục xuất Bác, vì vậy chúng chỉ đợi Bác ra khỏi Hương Cảng là đưa Bác vào một cạm bẫy khác.

Bác yêu cầu đi Anh, ông Loseby chuyển thư yêu cầu của Bác sang Luân Đôn.

Bác đáp tàu bí mật đi, không đợi chính phủ Anh trả lời.

Đến Tân Gia Ba (Singapore), Bác lại bị bắt trở lại Hương Cảng. Mật thám Hương Cảng lấy cớ Bác đi vào thuộc địa không có giấy phép và bắt Bác một lần nữa.

Ông Loseby lại bênh vực Bác, cứu Bác ra khỏi nhà tù và với sự giúp đỡ của vợ và bạn ông, ông bí mật tổ chức cho Bác trốn.

Việc đi trốn được tổ chức rất chu đáo. Mật thám Pháp rình mò xung quanh nhà tù, sở cảnh sát trung ương và nhà ông Loseby mà không hay biết gì hết.

Bác trốn đi, đóng vai một nhà buôn to Trung Quốc. Từ Hương Cảng đến nhà một người bạn thân của ông Loseby ở một thành phố khác. Ở đây Bác sống như một người giàu đi nghỉ. Bác đi dạo trong rừng, đi thăm các chùa. Bác làm quen với các nhà văn nghệ. Bác viết bài cho những tờ báo địa phương bằng tiếng Anh và tiếng Trung Quốc, ký tên khác nhau. Bác thường tập thể dục để lấy lại sức.

Sau này khi nhắc đến chuyện cũ ở Hương cảng, Bác nói với các bạn:

Bác nhớ ơn ông Loseby và gia đình ông. Không có người luật sư tốt bụng này có lẽ Bác đã chết rồi. Không những thế trong suốt thời gian Bác ở tù, ông Loseby và gia đình ông đã tìm mọi cách giảm nhẹ nỗi đau đớn về tinh thần và vật chất

của Bác. Sau những phiên tòa kết án, ông Loseby cố hết sức giúp Bác thoát nạn.

Ngày nay kể lại chuyện này, chúng ta có thể nói không những ông Loseby đáng được Bác biết ơn, mà ông còn xứng đáng được nước Việt Nam biết ơn vì đã cứu được một con người ưu tú của dân tộc Việt Nam.

Vai trò của một số nhà báo Anh ở Hồng Kông trong việc này cũng được nhắc lại. Không bị kiểm duyệt như báo tiếng Trung Quốc, nhiều tờ báo Anh đã đăng lại tường tận những buổi xét xử. Khi Bác được tha bổng, những báo ấy nhiệt liệt hoan hô ông Loseby và nghiêm khắc công kích chính phủ Hương Cảng. Những báo ấy viết: Một người bị cáo như ông Nguyễn may mắn tìm được một luật sư tốt để bênh vực, nhưng còn biết bao nhiêu người vô tội khác bị bắt và bị xử oan. Và các báo ấy kết luận: Phải có xét xử công minh đối với mọi người.

Trái lại, báo chí thực dân Pháp ở Đông Dương có một thái độ ti tiện. Các báo này nói xấu Bác và bịa đặt những lời nói láo hết sức vô liêm sỉ.

Khi Bác đã bí mật rời Hương Cảng, những tờ báo này phao tin là Bác đã chết trong nhà thương. Những báo Anh đập lại. Họ đã dạy cho báo Pháp ở Đông Dương phải có một tí tự trọng trong nghề làm báo, dù là báo chí thuộc địa.

Những tờ báo Pháp thuộc địa trả lời một cách trơ tráo: “No speak English” (không biết nói tiếng Anh). Bác lại mất tích!

Bác mất tích khá lâu, lâu hơn những lần trước. Trong thời gian bị cầm tù ở Hương Cảng, rất nhiều mật thám và người khác đã biết mặt Bác. Vì vậy Bác phải cẩn thận và tuyệt đối giữ bí mật.

*

Tấm lòng biết ơn người cứu mình của Bác Hồ và của nhân dân ta trong đấu tranh cách mạng, thời kháng chiến chống Pháp chưa có dịp biểu lộ...

Cho đến năm 1956, nhân một đoàn nhà báo Anh sang thăm Việt Nam, trong đoàn có một đảng viên Cộng sản Anh, Hồ Chủ tịch đã tiếp thân mật và riêng nhà báo Cộng sản Anh. Biết nhà báo sẽ đến Hồng Kông, Bác có nhờ đồng chí ấy tìm đến luật sư Loseby theo địa chỉ cũ và trao trực tiếp lá thư viết tay cho luật sư.

Nhận được thư và hai tấm ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một tặng ông bà, một tặng cô Patricia, cả gia đình đều rất vui mừng. Thật ra, không phải ông bà không biết Chủ tịch nước Việt Nam là Nguyễn Ái Quốc, là Tống Văn Sơ năm nào. Nhưng do đức tính khiêm tốn, và do nhiều lý do khác, ông bà chưa liên lạc với Hồ Chủ tịch. Nay, được tin của Hồ Chủ tịch, ông bà liền viết thư trả lời, chúc mừng sức khỏe của “Tống Văn Sơ”.

Ít lâu sau, Bác Hồ có gửi qua đường bưu điện tặng ông bà Loseby một bức thư chùa Một Cột và một quyển sách dán ảnh bằng sơn mài kèm theo một thư mời ông bà và cô Patricia sang Việt Nam.

Nhân có đại diện thương mại nước Việt Nam tại Hồng Kông là Nguyễn Văn Phối và Đỗ Xuân Phương đến thăm, ông bà Loseby dẫn hai vị khách vào thăm phòng ngủ của mình. Phòng ngủ của gia đình theo phong tục châu Âu là nơi riêng biệt, có tính chất thiêng liêng nên chỉ treo ảnh người thân trong gia đình. Nhưng trong phòng này của ông bà luật sư Loseby lại có ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, “khách hàng Tổng Văn Sơ” năm nào.

Khi được biết là Hồ Chí Minh vẫn ghi nhớ lòng tốt của ông bà và tình cảm của cô cháu gái Patricia, ông bà Loseby đã chấp tay vái theo phong tục Việt Nam để đáp lại tấm lòng quý báu, tình thâm, nghĩa trọng của Bác.

Vào dịp Tết Canh Tý 1960, Bác Hồ đến ngôi nhà số 58 phố Nguyễn Du, Hà Nội, Bác cho mời các đồng chí phục vụ lại. Bác nói đại ý: Sắp có đoàn khách, không phải khách của Đảng, của Chính phủ mà là khách của Bác mời. Bác biết họ từ mấy chục năm nay, bây giờ mới được gặp lại. Lẽ ra các cô, chú được về ăn Tết với gia đình, lẽ ra khách của Bác, Bác phải lo liệu, nhưng quá nhiều việc Bác không phục vụ được, Bác nhờ các cô, các chú. Rồi Bác hỏi:

– Có giúp Bác được không nào?

Mọi người nhất trí thưa:

– Dạ, được ạ...

Tết năm ấy đối với ông và Loseby và nhất là cô Patricia thật là một ngày hội. Cô bé Patricia năm nào nay đã ngoài 30 tuổi và ông bà Loseby xấp xỉ 80!

Những con người hai mươi bảy năm trước, nay được gặp nhau trong hoàn cảnh mới, trong không khí ngày hội cổ truyền Việt Nam thật chứa chan tình nghĩa, đậm đà nhân ái. Bác đã cùng gia đình ông luật sư đi thăm nhiều cảnh đẹp ở Thủ đô, một số nhà máy và Viện Bảo tàng Cách mạng.

Đồng chí Viện trưởng Đặng Xuân Thiều đã giới thiệu quá trình cách mạng Việt Nam với nhiều hiện vật quý. Riêng trong giai đoạn 1931-1932, với việc Chủ tịch Hồ Chí Minh bị bắt rồi thoát khỏi Hồng Kông là chưa có nhiều tư liệu. Sau đó, ông bà Loseby còn được mời tới dự một số buổi tọa đàm tại Bảo tàng Các mạng và đã để lại cơ quan lưu trữ nhiều tư liệu quý báu qua lời kể được ghi lại trong băng.

Luật sư cho biết sau năm 1933, gia đình có nhận được một bức thư của Tống Văn Sơ⁽¹⁾, đề nghị luật sư viết gửi tới địa chỉ kèm theo, nhưng luật sư e ngại, sợ đó là một “trò ú tim” của cảnh sát nên không thực hiện. Ít lâu sau lại có một thư nữa, và cũng như lần trước, luật sư vẫn im lặng, coi như Tống Văn Sơ đã mất...

Sau chuyến thăm Việt Nam về, ông bà Loseby đã tìm may một bộ “tà xám” bằng vải, theo kiểu mà năm 1933 ông bà may tặng “Tống Văn Sơ” để tặng lại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

(1) Theo lời luật sư Loseby, bức thư ký tên “Niu – men” (New man – người mới?) (tư liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương) (New man John Henry, tên một nhà thơ nước Anh, có thể là một bút hiệu được giao ước giữa Bác và ông Loseby).

Hàng năm sau đó, nhân dịp các ngày lễ Nô-en, Tết Dương lịch, Bác Hồ vẫn gửi thư, quà đến chúc mừng ông bà luật sư và cô Patricia. Bác còn dặn cán bộ ta ở Hồng Kông tìm hiểu khéo léo xem ông bà thích hoa quả, bánh trái gì để mua hợp ý ông bà. Và cứ ngày Quốc khánh hàng năm, Văn phòng đại diện Thương mại Việt Nam tại Hồng Kông đều có mời ông bà luật sư Loseby, gia đình luật sư Jenkin, đại diện Thống đốc Hồng Kông tới dự.

Năm 1967, luật sư qua đời, gia đình thông báo xin không nhận hoa viếng. Nhưng Bác Hồ đã cho người đến đặt một vòng hoa với dòng chữ “Hồ Chí Minh kính viếng luật sư Loseby” bên cạnh linh cữu của ân nhân mình. Gia đình luật sư và những người đến viếng đều rất xúc động.

Năm 1969, Bác ra đi cùng với cụ Mác-Lênin, nhưng các đồng chí lãnh đạo Đảng ta, Nhà nước ta vẫn nhớ lời Bác dặn, năm nào cũng thăm hỏi, chúc mừng gia đình luật sư, có dịp lại mời gia đình sang thăm quê hương đất nước “Tổng Văn Sơ”.

NGHĨ VỀ VIỆC “LÀM NGƯỜI HỌC TRÒ NHỎ” CỦA BÁC HỒ

1. Đảng ta có khẩu hiệu “Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Thời kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, cán bộ, đảng viên tự giác nỗ lực công tác, làm việc, rèn luyện phẩm chất đạo đức theo gương Bác Hồ. Vì thế Đảng ta đã có một đội ngũ cán bộ, đảng viên, chiến sĩ hùng hậu, tài năng, đạo đức góp công sức đánh thắng kẻ thù, thống nhất đất nước.

Thời đó, cán bộ đảng viên từ trên xuống dưới ai cũng làm đúng theo lời dạy của Bác: việc gì có lợi cho dân thì dù ít cũng làm, việc gì có hại cho dân thì dù nhỏ cũng hết sức tránh; lo thì trước thiên hạ, hưởng thì sau thiên hạ. Vì vậy mà Đảng với dân như cá với nước, như máu với thịt, họ nuôi giấu, che chở, giúp đỡ cán bộ, chiến sĩ như người ruột thịt với mình. Uy tín của Đảng trong dân rất cao, Đảng, Nhà nước nói là dân nghe, làm theo, họ không tiếc của cải có khi cả tính mạng của mình vì Đảng. Ngoài xã hội có rất ít tệ nạn, cuộc sống người dân rất yên lành.

Lúc đó do đất nước có chiến tranh, mọi người đều vì lợi ích quốc gia, dân tộc mà lo việc chung, ít có điều kiện nghĩ tới việc riêng. Nhưng phần quan trọng nhất chi phối tất cả là ta có lãnh tụ Hồ Chí Minh, một con người luôn đặt lợi ích của dân tộc, của nhân dân lên trên, không chấp nhận hưởng bất cứ thứ gì mà Người thấy cao sang hơn cuộc sống của người dân bình thường. Bác đã trả lời cho một cán bộ: “Bác sống thế này mà ở dưới có chú còn những nhiều làm khổ dân. Bác mà sống xa hoa thì ở dưới các chú đục khoét hết của dân à?”⁽¹⁾

Tấm gương của Bác có sức thuyết phục mọi cán bộ, đảng viên sống trong sạch....

2. Từ khi đất nước hòa bình, thống nhất, nhất là từ khi đổi mới, kinh tế phát triển, đời sống khá lên thì nhiều người chạy theo lối sống hưởng thụ; đồng tiền có một sức mạnh mới làm biến đổi con người. Đồng tiền đưa con người lên cao; Đồng tiền cũng dễ dìm người ta xuống vực sâu! Không ít người có chức quyền để có tiền họ bất chấp, làm những điều sai trái, có hại đến uy tín của Đảng trước dân. Họ không còn làm theo lời dạy của Bác Hồ mà chỉ vì lợi ích riêng. Cái xấu dễ lây lan nên đã phát triển trong Đảng “có một bộ phận không nhỏ thoái hóa, biến chất...”. Chuyện tham nhũng không phải ai và lúc nào cũng thấy được. Kẻ xấu lại có nhiều mưu kế che giấu, ô dù nên rất khó phát hiện. Đã vậy, việc xử lý kỷ luật người vi phạm có lúc, có nơi còn chưa nghiêm nên không đủ sức răn đe.

(1) Theo Trần Đăng Khoa, trong bài “Vài suy nghĩ tản mạn khi học tập làm theo tấm gương đạo đức của Bác Hồ”, Tạp chí Hỗn Việt, tháng 12-2012.

Ngoài xã hội tội phạm diễn biến phức tạp. Một số cơ quan thông tin đại chúng đưa nhiều chuyện xấu hơn người tốt, việc tốt. Lớp trẻ ít nhiều cũng bị ảnh hưởng.

Nguyên nhân có nhiều, nhưng cái chính, cái cốt lõi ở đây chính là “chủ nghĩa cá nhân” đã xâm nhập sâu vào con người ta. Tư tưởng làm giàu, muốn thụ hưởng sang trọng mà không từ công sức lao động của mình làm ra đã làm biến chất con người, nhất là khi họ có quyền lực (vì vậy nên sinh ra chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp..., cuối cùng là chạy tội).

3. Việc học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh do Đảng ta phát động đã mang lại một số kết quả. Nhưng nhìn chung chưa đạt như mong muốn. Vì việc học tập và làm theo Bác vừa dễ, vừa khó. Khó là việc Bác làm được thì không phải ai cũng có thể làm được. Bác toàn tâm, toàn ý cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, sự nghiệp của Đảng, quên thân mình. Ai nặng cá nhân thì khó mà học Bác, có chăng chỉ là lời nói để đối phó che giấu mọi người mà thôi. Còn dễ là đối với ai muốn học, chịu học một cách tự giác (không được học nhiều thì cũng học ít). Như thế cần phải hy sinh quyền lợi cá nhân, phải thật sự đặt lợi ích chung của dân lên trên hết.

Ngày nay, người dân, đảng viên tốt có quyền đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo phải liêm khiết, trong sạch. Họ có quyền hưởng thụ theo tiêu chuẩn, chế độ mà Đảng, Nhà nước dành cho họ, do công sức lao động chân chính mà có. Họ không có quyền hưởng thứ không chính đáng. Con cái họ cũng phải sống, học tập bình đẳng như con em của người dân. Nói là phải làm, phải tôn trọng và giữ chữ tín với dân...

Đảng, Nhà nước ta nên sửa đổi và thực hiện thật nghiêm pháp luật theo hướng minh bạch về thu nhập kinh tế, tài chính... trong việc chế áp các loại tội phạm. Đảng cần tìm cho được địa chỉ “ai” nằm trong “một bộ phận thoái hóa, biến chất”... để thấy rõ họ sai đến mức nào mà giúp cho họ sửa chữa hay xử lý bằng kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thời nay, rất nên học lại vụ án Trần Dự Châu trong kháng chiến chống Pháp để ngăn ngừa tội phạm, nhất là tội phạm tham nhũng.

Từng cán bộ, đảng viên cần thấm thía sâu sắc rằng, nhờ có Đảng mà mình trưởng thành, có cái mà người bình thường không có được. Đó là sự tự giác về lý tưởng cộng sản, là vinh dự, là tế bào máu thịt của Đảng. Trước đây, trong chiến tranh vô cùng ác liệt, gian khổ, thiếu thốn, hy sinh... nhưng đã có biết bao người con ưu tú của Đảng làm được. Ngày nay, sống trong hòa bình, được tự do, đời sống được cải thiện nhiều... thì vì lẽ gì ta không làm được? Không thể để bất cứ sự cám dỗ nào làm phai nhạt lời thề suốt đời trung thành, chiến đấu vì sự nghiệp của Đảng, của đất nước. Sự nghiệp của Đảng là vĩ đại, là vinh quang, cao vời so với sự nghiệp bé nhỏ của từng cá nhân.

Mỗi người chúng ta phải thật thà gột rửa bệnh “cá nhân chủ nghĩa”, thật sự học tập theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, hun đúc ngọn lửa nhiệt huyết cách mạng của mình. Thế hệ đảng viên lớp trước đã hoàn thành nhiệm vụ giành độc lập, nêu gương tốt cho thế hệ hôm nay. Thế hệ hôm nay phải làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng đất nước giàu mạnh, bảo vệ toàn vẹn Tổ quốc Việt Nam thân yêu, để lại truyền thống gương sáng cho thế hệ mai sau. Như vậy mới xứng đáng là những “học trò nhỏ của Bác Hồ”.

HỌC CÁCH BÁC HỒ CỤ XỬ

Muốn tìm hiểu sâu để học tập đạo đức của Bác Hồ, tôi đã đọc rất nhiều sách của nhiều tác giả viết về Người. Có thể nói cuộc đời tôi chưa đọc sách nào cùng chủ đề nhiều như đọc về Bác Hồ kính yêu. Tất nhiên nhiều điều rất bổ ích đọng lại trong tư tưởng, nhận thức, tình cảm của tôi đối với Bác. Tôi học được ở Bác rất nhiều điều. Trong bài viết này xin đề cập một khía cạnh về sự ứng xử, cách uốn nắn, giáo dục cán bộ của Bác rất tình cảm nhưng rất hiệu quả.

Tôi nhận thấy: Những người được sống gần, được gặp Bác, ai cũng là người có phẩm cách tốt, rất tốt. Chẳng những Người là tấm gương sáng về đạo đức cho mọi người noi theo mà việc giáo dục con người cũng cho chúng ta những bài học tuyệt vời.

Có rất nhiều mẩu chuyện viết về việc Bác dạy cán bộ chiến sĩ. Tất cả những câu chuyện tôi đọc được đều nói lên cái tình người, yêu thương của Bác với bất cứ ai khi Bác

gặp. Lời nói nhẹ nhàng, cử chỉ thái độ thân tình, vị tha, cảm thông, nhắc nhở rất khéo. Chưa thấy lần nào Bác nóng giận, lớn tiếng với bất cứ một cán bộ, một chiến sĩ dù người đó có sai phạm đáng trách.

Bác giáo dục cán bộ chiến sĩ

Xin chép lại vài câu chuyện trong sách *Kể chuyện Bác Hồ* ra đây chứng minh những điều nêu ở trên.

NƯỚC NÓNG NƯỚC NGUỘI

Buổi đầu kháng chiến chống Pháp, có một đồng chí cán bộ trung đoàn thường hay quát mắng chiến sĩ. Đồng chí này đã từng là giao thông, bảo vệ Bác đi ra nước ngoài trước Cách mạng Tháng Tám.

Được tin nhân dân “dư luận” về đồng chí này, một hôm Bác cho gọi lên Việt Bắc. Bác dặn trạm đón tiếp khu ATK, (An toàn khu - NHP chú thích) dù có đến sớm, cũng giữa trưa mới cho đồng chí ấy vào gặp Bác.

Trời mùa hè, nắng chang chang, đi bộ đúng ngọ, đồng chí cán bộ vã cả mồ hôi, người như bốc lửa.

Đến nơi, Bác đã chờ sẵn. Trên bàn có đặt hai cốc nước, một cốc nước sôi ý chừng vừa mới rót, bốc hơi nghi ngút, còn cốc kia là nước lạnh.

Sau khi chào hỏi xong, Bác chỉ vào cốc nước nóng nói:

– Chú uống đi.

Đồng chí cán bộ kêu lên:

– Trời nắng thế này mà Bác lại cho nước nóng, làm sao cháu uống được.

Bác mỉm cười:

– À ra thế. Thế chú có thích uống nước nguội, nước mát không?

– Dạ có ạ.

Bác nghiêm nét mặt, nói:

– Nước nóng, cả chú và tôi đều không uống được. Khi chú nóng, cả chiến sĩ của chú, cả tôi cũng không tiếp chú được. Hòa nhã, điềm đạm cũng như cốc nước nguội để uống, dễ tiếp thu hơn.

Hiểu ý Bác giáo dục, đồng chí cán bộ nhận lỗi và hứa sửa chữa...⁽¹⁾

Một câu chuyện khác:

NỤ CƯỜI PHÊ PHÁN

Dịp đó Bác đi công tác xa một tháng. Lớp trẻ chúng tôi như lũ học trò lợi dụng lúc vắng thầy để xả hơi tí chút. Những buổi tập chúng tôi thường được anh em “co giãn”, “bớt xén”. Có những buổi “lỡ quên” tập luyện. Đến bữa được tin Bác đi công tác sắp về tới nhà, anh em chúng tôi bấm nháy nhau ra ra bãi tập lấy chân đào xới cật lực để cho ra cái điều là lúc nào chúng tôi cũng nghiêm túc với nhiệm vụ.

(1) Sách “Kể chuyện Bác Hồ”, NXB Văn Học, Hà Nội. Xuất bản năm 2011, tr. 131.

Bạn đọc thông cảm cho, dẫu sao lúc ấy chúng tôi đang ở lứa tuổi 20 “ăn không no, lo không đến”. Sau khi thấy bãi tập đã nhào nhuyễn như mảnh ruộng đã cày sâu, bừa kỹ, chúng tôi an tâm chờ đón Bác về. Nhưng “hàng giả” thì sao được như “hàng thật”. Vì bên lề bãi tập còn những chỗ “rêu phong dấu giày” mà chúng tôi không để ý. Bữa sau, khi Bác đi ngang qua chỗ chúng tôi đang “hăng hái” tập luyện, tôi bỗng thấy Bác mỉm cười. Nhìn theo hướng Bác nhìn, chúng tôi nhanh chóng phát hiện ra chỗ “rêu phong dấu giày” đó. Nụ cười của Bác thì quá đổi hồn hậu nhưng anh em chúng tôi thì rất bần khoản. Sau đó, chúng tôi tìm dịp để “tự thú” với Bác, Bác chỉ cười và nhắc nhẹ chúng tôi: “Việc rèn luyện là phải tự mình thường xuyên và tự giác hơn.”⁽¹⁾

Xin tóm tắt câu chuyện khác:

– Cũng có một cán bộ cấp chỉ huy hay la mắng cấp dưới. Khi biết được Bác cho gọi gặp Bác. Người hỏi đồng chí ấy đã có khi nào la mắng cấp trên chưa. Đồng chí ấy thưa với Bác chưa dám như vậy. Thế là Bác nhẹ nhàng phân giải: Không chỉ cấp trên mới tôn trọng mà phải tôn trọng cấp dưới nữa. Có như vậy cấp dưới mới trọng quý mình, mới nghe và tự giác tuân theo mệnh lệnh của mình đưa ra.

– Thủ tướng Phạm Văn Đồng là người gần gũi Bác nhất, ông thường ăn cơm với Bác, Bác rất quý mến ông. Không chỉ tình thầy trò, đồng chí, cấp dưới trực tiếp làm việc gần Bác hiểu Bác nhất mà Bác cũng hiểu Thủ tướng nhất. Bác thương hoàn cảnh của Thủ tướng ở chuyện gia đình. Vợ của Thủ

(1) Sách đã dẫn, tr 210.

tướng Phạm Văn Đồng bị bệnh rối loạn tâm thần. Dù được Đảng, Nhà nước cho qua Liên Xô trị bệnh nhưng không khỏi. Thủ tướng chỉ có một con trai sinh lúc ở Sơn Dương nên ông đặt tên Phạm Sơn Dương. Để động viên thanh niên ra trận, ông không như người khác cho con ra nước ngoài học tập. Thủ tướng đưa con đi chiến đấu trong miền Nam. Sau khi công việc xong, ông luôn luôn về nhà chăm sóc người vợ gần như mất trí ấy rất ân cần, yêu thương; đúng mực trách nhiệm người chồng. Hoàn cảnh ấy làm cho Bác càng yêu quý Thủ tướng hơn.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng là người đầu tiên viết nhiều sách về Bác Hồ. Những trang sách nói lên kính trọng, yêu quý Bác, Ông viết: “Bình sinh Hồ Chủ tịch là người giản dị, lão thực. Vĩ nhân, thật vĩ nhân bao giờ cũng giản dị, lão thực”. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết một loạt tác phẩm: Hồ Chí Minh – một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp; Hồ Chí Minh, quá khứ, hiện tại và tương lai; Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên đường dân giàu nước mạnh... Về cư xử của Bác với ông, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng kể lại: “ một lỗi lầm của tôi có ảnh hưởng không hay đến một việc Bác dự định làm. Mặc dù vậy, Bác chỉ nói với tôi vồn vện một câu: “Chú làm hỏng việc”. Chính thái độ này là một bài học mãi mãi ghi sâu trong ký ức tôi.”⁽¹⁾

Một đồng chí bảo vệ ở Phủ Chủ tịch. Một lần Bác gọi đến gặp Bác. Do run khếp nép thế nào mà làm rớt trái lựu đạn xuống sàn nhà sát chân Bác. Tình thế ấy làm cho đồng

(1) Theo nhà văn Sơn Tùng, sách “Trái tim quả đất”.

chí bảo vệ chết trân, vì quá sợ. Nhưng Bác nhẹ nhàng nói: lần sau chú phải cẩn thận đấy.

Bác xử sự với những người phản bội

Lịch sử còn ghi về Hội nghị thường kỳ của Quốc hội cuối năm 1946. Lúc ấy, Bác vừa ở Pháp về sau những ngày đấu tranh ngoại giao quyết liệt với bọn thực dân Pháp đầy tham vọng.

“Kỳ họp khai mạc ngày 28 tháng 11 tại Nhà hát lớn, thành phố Hà Nội. Nhiều đại biểu vắng mặt. Trong số 70 ghế dành cho đại diện các đảng phái Việt quốc, Việt cách, gần một nửa bỏ trống. Họ bỏ Tổ quốc chạy theo quân Tưởng, trong đó có Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thân, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam, Phó Chủ tịch Quân ủy Vũ Hồng Khanh.

Có đại biểu chất vấn Chính phủ sẽ đối xử như thế nào với những người đó. Cụ Hồ chân thành bày tỏ ý kiến:

– Các ông ấy không có mặt tại đây... Lúc nước nhà đương gặp khó khăn, quốc dân tin tưởng, trao cho công việc lớn mà các ông ấy lại bỏ đi thì các ông ấy phải tự hỏi lương tâm thế nào? Những người đã bỏ việc đi kia, họ không muốn gánh việc nước nhà hoặc không đủ năng lực mà gánh vác! Nay chúng ta không có họ ở đây, chúng ta cũng cứ gánh vác được như thường.

Tiếng vỗ tay đồng tình vang dội. Chủ tịch Hồ Chí Minh giơ tay đề nghị im lặng, rồi nói tiếp:

– Nhưng nếu các anh em ấy biết nghĩ lại, đối không nổi với lương tâm, với đồng bào, với Tổ quốc mà trở về, thì chúng ta vẫn hoan nghênh.

Những tràng vỗ tay nổi lên.

Cụ Hồ là như thế.

Đối với kẻ phản bội rõ ràng mà vẫn đối xử có tình, có lý như vậy”.

Có câu chuyện về cư xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với ông Nguyễn Hải Thần. Chuyện kể rằng: Nguyễn Hải Thần chạy theo quân Tưởng Giới Thạch sang Trung Quốc năm 1946, khi họ rút về nước. Năm 1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc giải phóng lục địa, quân Tưởng Giới Thạch chạy sang Đài Loan, ông Nguyễn Hải Thần không theo kịp hay Tưởng Giới Thạch không đưa đi nên ở lại lục địa, cuộc sống rất khổ cực. Biết tin ấy Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị với lãnh đạo Trung Quốc chi cho Nguyễn Hải Thần mỗi tháng một khoản tiền cho ông chi dùng tới khi mãn phần. Số tiền ấy trừ vào tiền Trung Quốc viện trợ cho Việt Nam.

Đọc câu chuyện này tôi thật xúc động về cư xử của Bác Hồ đối với ông Nguyễn Hải Thần. Trên thế giới có nhiều lãnh tụ nổi tiếng, nhưng không mấy người có tấm lòng nhân ái như Bác Hồ của chúng ta. Bác thật là một con người luôn vì người khác, rất đáng cho mọi người kể cả những người từng là kẻ thù kính trọng.

Bác đối xử với kẻ thù khi bị bắt

Chuyện khi Bác đi chiến dịch Biên giới năm 1950. Chiến dịch thắng lợi lớn, ta bắt được nhiều tù binh, trong đó có hai sĩ quan chỉ huy binh đoàn của Pháp là Lơ Pa Giơ (Maurice Le Page), trung tá và Sác Tông (Pierre Charton), đại tá. Bác

chỉ thị cán bộ giam giữ tù binh đối xử nhân đạo với họ. Bác gặp trường hợp cán bộ ta bắt tù binh cởi giày mang ở cổ, Bác gọi đồng chí Cao Pha – Trưởng ban quân báo đến bảo: “Sao chú cho lột giày tù binh rồi treo lên cổ họ? Đối với người phương Tây, không có giày dép họ đi lại rất khó khăn, khổ sở. Nếu sợ tù binh chạy trốn thì chí ít chú phải cho họ đi tất chứ!”. Bác dặn phải chăm sóc tù binh, chữa vết thương, cho ăn uống chu đáo, đối xử như người dân của Pháp. Chính vì vậy y tá của ta chăm sóc họ đàng hoàng. Khi trao trả tù binh bị thương cho Pháp, một thương binh nằm trên cáng xin được ở lại đi chuyển sau và xin được gặp người cán bộ quân đội Việt Nam phụ trách việc trao trả tù binh và nói: “Tôi suốt đời sống cô đơn, xung quanh tôi chỉ là sự lừa gạt. Tôi căm ghét tất cả, kể cả đàn bà đẹp. Vì thế tôi vào lính lê dương để bắn giết, để trả thù đời. Đêm hôm qua tôi không ngủ. Tôi kêu khát năm lần. Cả năm lần cô y tá đều mang nước đến cho tôi với vẻ mặt dịu hiền. Tôi hỏi cô vì sao cô không căm ghét tôi? Cô trả lời: Nếu gặp anh ngoài mặt trận, tôi sẽ bắn anh như bắn một con chó dại. Nhưng ở đây, anh là kẻ bại trận, anh đã bị thương, chúng tôi đối xử với anh như những con người”.

Bác Hồ đã che hàm râu khi tiếp xúc với hai sĩ quan cao cấp của Pháp bị bắt làm tù binh (Lơ Pa Giơ và Sác Tông). Qua cách cư xử, nói chuyện của Bác, họ đã thốt lên những cảm kích kính trọng Bác, dù họ chỉ biết ông cụ này là cố vấn cấp cao, người từ Pháp về nên nói tiếng Pháp như người Pháp.

Thắng lợi to lớn ở chiến dịch Biên giới 1950 có nhiều ý nghĩa về quân sự, chính trị, ngoại giao và cả trong công tác binh địch vận đối với tù binh Pháp. Cũng là dịp thể hiện

chính sách nhân đạo của Đảng và Bác Hồ đối với “người bên kia” khi bị bắt.

Chiến dịch Điện Biên Phủ, bộ đội ta bắt được một nữ y tá tên Geneviève de Galard. Biết tin, Bác Hồ chỉ thị ta trao trả cô này trong đợt đầu khi trả tù binh thương binh cho Pháp.

Chính cách cư xử của Bác đã lay động sâu sắc tình cảm của nhiều người từng là kẻ thù rất ác đã quay sang ủng hộ cuộc chiến đấu của nhân dân ta thời kỳ chống Mỹ sau này. Và cũng chính chính cách cư xử nhân đạo của Bác Hồ đối với tù binh nên nhiều phi công Mỹ bị bắt họ hiểu được cuộc chiến đấu của chúng ta, họ đã trở thành người tích cực ủng hộ Việt Nam.

Chỉ có người như Bác Hồ kính yêu của chúng ta mới có tấm lòng yêu thương, vị tha, luôn muốn mọi người đều có ích cho sự nghiệp giành độc lập dân tộc; dạy dỗ mọi người như cha dạy con, mẹ yêu con, chỉ dùng tình cảm thuyết phục, không bao giờ nặng lời với bất cứ ai kể cả kẻ thù khi họ đã đầu hàng.

Chúng ta phải nỗ lực học và làm theo những đức tính tốt ấy của Bác để góp phần cho sự thành công trong nhiệm vụ chung, trong cuộc sống riêng tư. Học và làm theo Bác không bao giờ gọi là đủ.

ĐỌC, VIẾT VỀ BÁC HỒ LÀ NIỀM HẠNH PHÚC

Thưa quý độc giả,

Xin cho tôi được bày tỏ đôi điều tự sự ở bài viết này nhân dịp kỷ niệm 70 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ai trong chúng ta cũng hiểu, có được độc lập, tự do hôm nay là nhờ công lao của hàng triệu cán bộ chiến sĩ, những người đã hy sinh xương máu mình đem lại. Những người chiến sĩ ấy không phải tự nhiên họ làm được như thế. Phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức, dẫn đường chỉ lối mới nên. Ai cũng biết người khai sinh ra Đảng Cộng sản Việt Nam là Hồ Chí Minh, người đã vì dân vì nước suốt đời hy sinh cho lợi ích dân tộc, giai cấp, lãnh đạo giành và xây dựng chính quyền của một nước Việt Nam mới từ tháng Tám 1945 cho đến hôm nay và mai sau.

Những con người được cách mạng, Đảng, Bác Hồ dẫn dắt ấy luôn biết ơn công lao của Bác. Tôi thuộc thế hệ tham

gia cách mạng thời kỳ sau 1954 ở miền Nam, học văn hóa nhà trường chế độ cũ, khi tham gia cách mạng quá trình công tác, học tập, Đảng giáo dục, việc giác ngộ hiểu biết về giai cấp về Đảng, Bác ngày nâng thêm. Tôi ý thức rõ mình phải tự cải tạo, xóa đi những điều không tốt do ảnh hưởng trong nhà trường cũng như ngoài xã hội cũ, rèn luyện để xứng đáng là người đảng viên của Đảng. Do chiến tranh ác liệt lại phải trải qua thời gian tù đày dưới chế độ Mỹ – nguy, điều kiện đọc về Hồ Chủ tịch rất ít. Sau khi miền Nam được giải phóng, công tác, học tập nhiều hơn nhưng cũng chưa có thì giờ đọc nhiều về Bác. Cho đến khi nghỉ hưu điều kiện chủ quan có nhiều thời gian hơn, điều kiện khách quan tài liệu, sách báo viết về Bác rất nhiều, lại có Internet nữa nên tôi đọc khá nhiều về Bác. Mỗi lần đi nhà sách việc đầu tiên tôi tìm chọn mua sách viết về Bác Hồ của các tác giả trong và ngoài nước. Không những sách mà các tạp chí có bài về Bác Hồ tôi đều lưu giữ cẩn thận để khi cần lấy ra sử dụng. Tài liệu về Bác tôi có tương đối nhiều. Càng đọc về Bác, tôi nhận thức càng sâu hơn phẩm chất, đạo đức, tác phong, sinh hoạt của Người. Nhờ vậy, việc học tập, làm theo đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh trong tôi rất tự nhiên, là nhu cầu phải có, như máu trong huyết quản phải lưu thông về tim rồi đưa ra nuôi cơ thể vậy.

Nhớ ngày mới tham gia kháng chiến, chúng tôi in ảnh Bác Hồ trong thư chúc mừng năm mới, học những bài hát về Bác Hồ, học thuộc những bài thơ của một số tác giả viết về Bác. Lần đầu tại một lớp học sư phạm trong rừng già Tây Ninh, thầy Thanh Sơn đưa bình giảng bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” của Thanh Huệ, chúng tôi những người trai trẻ

theo cách mạng mới mấy năm như được nhà trường cho uống những giọt sữa yêu thương từ lãnh tụ mình tôn kính. Bài thơ gây cho chúng tôi niềm xúc động dâng trào khi đọc tới đoạn:

“Lần thứ ba thức dậy/ Anh hốt hoảng giật mình/ Bác vẫn ngồi đình ninh/ Chòm râu im phăng phắc... – Chú cứ ngủ ngon/ Ngày mai đi đánh giặc/ Bác thức thì mặc Bác/ Bác ngủ không an lòng. Bác thương đoàn dân công/ Đêm nay ngủ ngoài rừng/ Rải cây làm chăn chiếu/ Manh áo phủ làm chăn...”

Một lãnh tụ gắn gũi với chiến sĩ, chăm lo từng miếng ăn, giấc ngủ cho bộ đội như người cha đối với từng đứa con thân yêu. Đây là phong cách thường ngày của Bác chứ không hề tô vẽ của tác giả: “Rồi Bác đi đêm chẵn/ Từng người từng người một/ Sợ cháu mình giật thột/ Bác nhón chân nhẹ nhàng...”

Chúng tôi được hiểu về Bác Hồ đầu tiên như thế. Ai mà không xúc động, không kính yêu Bác như người cha – hơn cả người cha của mình!

Khi đã có điều kiện, càng đọc về Bác tình yêu Bác trong tôi càng lớn nhanh, thôi thúc tôi phải bày tỏ tình cảm của mình qua những bài viết về Bác. Vậy là tôi bắt đầu có những “công trình” về Bác Hồ kính yêu. Từ những tài liệu sưu tập ấy cho tôi khai thác đề tài về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Càng viết tôi như có thêm sức viết hăng hơn, hứng thú hơn. Đọc những cuốn sách, bài viết của các tác giả, nhất là những người nước ngoài ai ai cũng kính trọng, yêu quý Bác Hồ lãnh tụ của dân tộc Việt Nam, tôi càng sung sướng, hạnh phúc khi mình là thế hệ học trò nhỏ của Bác.

Có rất nhiều bài viết của các tác giả trong và ngoài nước về Bác Hồ, điều chúng ta có quyền tự hào về lãnh tụ của mình.

Xin mời các bạn đọc một đoạn sau của bà J. Stenson: ...
 “Duy chỉ có Nguyễn Tất Thành đến xem thần Tự do, nhưng chỉ nhìn dưới chân và ghi: “Ánh sáng trên đầu thần Tự do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng thần Tự do thì người da đen bị chà đạp; số phận người phụ nữ bị chà đạp. Bao giờ có sự bình đẳng giữa các dân tộc? Và bao giờ phụ nữ được bình đẳng với nam giới?”

Duy nhất chỉ có Nguyễn Tất Thành nhìn xuống chân thần Tự do và ghi lại những ý kiến trên. Nguyễn Tất Thành nhìn số phận con người không chiêm ngưỡng hào quang tỏa sáng từ bức tượng thần Tự do. Chính vì thế mà hôm nay tôi đến đây tìm đến con người này – Hồ Chí Minh – để xem giữa lời nói và việc làm của ông có tương phản không?

Hồ Chí Minh quả thật con người nói và làm đi đôi. Tôi đã vào nhà ông. Ông không có cửa riêng. Thật rất lạ và hiếm thấy, chính khách nào khi cầm quyền đều ban hành sắc lệnh tôn trọng và bình đẳng cho phụ nữ nhưng khi sắc lệnh ký xong thì bản thân lại vào nhà thổ, cho phép phát triển kỹ nghệ “đàn bà”. Thậm chí có một vị Tổng thống có đến 3 – 4 tình nhân. Duy nhất chỉ có Nguyễn Tất Thành đứng trước tượng thần Tự do ghi những điều trên khi mình còn lắm than, rồi khi làm Chủ tịch một nước và khi qua đời, trên giường ông vẫn vắng hơi ấm đàn bà. Con người khi làm Chủ tịch nước 24 năm đến lúc qua đời trên giường không có hơi ấm đàn bà.

Hồ Chí Minh là một con người cộng sản vĩ đại, là một siêu nhân, ông càng vĩ đại hơn ở chỗ ông là một con người bình thường sống hòa lẫn vào trong cuộc sống của xã hội chứ không phải siêu phàm⁽¹⁾.

Và bài: “Tuy là Chủ tịch nước... tâm hồn tôi vẫn tâm hồn của anh Nguyễn năm xưa”:

“Đồng chí F. Bi-u, đại biểu Đảng cộng sản Pháp sang dự đại hội Đảng lần thứ III của Đảng ta. Trong suốt thời gian Đại hội, Đồng chí Bi-u đều ở biệt thự Hồ Tây.

Tôi được giao nhiệm vụ phải lo sinh hoạt cho đồng chí ấy. Trong vòng hai tuần Bác đã lên thăm đồng chí Bi-u tới hai lần. Vì tôi biết tiếng Pháp do đó lần nào cũng nghe được những lời thân ái của Bác đối với đồng chí Bi-u.

Lần thứ nhất Bác lên khi đồng chí Bi-u vừa đến chiều hôm trước. Tôi nhớ rất rõ buổi hôm đó là ngày 3-9-1960, trời đã sang thu, nhưng không khí còn oi bức. Khoảng 8 giờ thì Bác tới. Bác đi thẳng tới biệt thự thứ 2, vì Bác biết phái đoàn Pháp đang ở đó. Bác mặc giản dị, một bộ đại cán trắng, chân đi dép cao su.

Vì Bác đi rất nhẹ nhàng và đột ngột, nên các đồng chí trong phái đoàn Pháp vừa vui mừng sung sướng, vừa bối rối. Biết được điều đó, Bác chủ động xin lỗi, vì bận nhiều công việc nên không đặt lịch để báo trước được. Các đồng chí đại biểu Pháp lại rất thích thú vì sự đường đột đó.

(1) Trích bài “Người trung thực đều kính yêu Hồ Chí Minh”, Tuần báo Việt Nam. TP. HCM, số 349, ngày 16-4-2015

Bác mời mọi người ngồi sa lông nói chuyện thân mật như anh em lâu ngày mới gặp nhau. Đồng chí nữ đại biểu còn trẻ, tỏ ra rụt rè, Bác mời đồng chí ngồi ngay sát mình, một bên là trưởng đoàn Bi-u.

Bác bỏ mọi thể thức ngoại giao, kể lại những kỷ niệm về những năm tháng Người đã sống ở Pháp, về những bà con ở quanh ngõ Công-poanh, về lần gặp Anbe Xarô và những người bạn vô cùng thân thiết như Vayăng Cutuariê, về tòa báo *Người cùng khổ*, về cuộc đi thăm nước Pháp năm 1946 và những người bạn Pháp đã ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam như Hăngri Máctanh, Raymông Điện,... Các bạn Pháp chăm chú và thích thú ngồi nghe, như nghe một người anh cao tuổi xa nhà lâu ngày trở về.

Say sưa và thân mật đến quên cả lễ nghi, các đồng chí Pháp cũng kể đủ chuyện cho Bác nghe: Nào sông Xen vẫn êm đềm và thơ mộng như xưa, nào tháp Ép-phen hàng ngày vẫn đón hàng ngàn khách du lịch đến tham quan. Nào những thay đổi tên đường phố Paris, những ông tư sản, bà triệu phú ăn mặc sang trọng đi trên đường và những người nghèo thất nghiệp không nhà, không cửa, ngủ ngay trên hè phố, những người an nhàn và những công nhân khuôn vác ngày đêm vất vả với công việc...

Kết thúc buổi nói chuyện, Bác thốt lên: Ôi! Paris xinh đẹp và thương mến biết bao! Và chào tạm biệt các bạn Pháp ra về...

Lần thứ hai, vào ngày 14-9-1960, lúc này các bạn Pháp đã dự Đại hội Đảng, đã đi thăm một số danh lam thắng cảnh của nước ta.

Bác đã gọi điện thoại hẹn trước với đồng chí Bi-u. Vào khoảng 8 giờ kém 15 phút, tôi đã thấy các bạn Pháp chuẩn bị đón tiếp Bác lên thăm rất chu đáo. Nữ đồng chí đoàn viên còn sửa lại lọ hoa của anh chị em phục vụ đưa đến vốn đã cắm rất công phu. Đúng 8 giờ mặt trời trải vàng trên những lùm cây, xuyên qua kẽ lá in trên nền thảm cỏ xanh mượt của biệt thự Hồ Tây những chùm hoa ánh sáng tuyệt đẹp.

Bác vào biệt thự số 2 vẫn với bộ đồ giản dị và đôi dép cao su. Đồng chí Bi-u và nữ đồng chí đoàn viên ra hiên đón Bác. Nữ đồng chí đoàn viên nói một câu rất hay: “Trông xa, đồng chí như một ông già tự nhiên xuất hiện để làm điều thiện trong những câu chuyện cổ tích của Pháp, mà bà ngoại tôi kể cho tôi nghe suốt thời thơ ấu”.

Bác cảm ơn, khen nữ đồng chí giàu trí tưởng tượng theo kiểu Pháp và nói: “Tuy là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng tâm hồn tôi vẫn là tâm hồn anh Nguyễn thợ ảnh, sống ở ngõ Công-poanh trong những năm 1920, 1921”.

Các đồng chí Pháp cười giòn tan.

Các đồng chí Pháp lại ngồi quanh Bác chuyện trò vui vẻ, quên cả uống cà phê. Tôi không có nhiệm vụ nên ra ngoài, nhưng vẫn nghe tiếng cười nói ríu rít từ biệt thự vọng ra. Tôi cảm giác đây là một gia đình mới sum họp, vui như ngày tết⁽¹⁾.

Bác không làm gì hao tổn tiền bạc của nhân dân mà còn lấy toàn bộ tiền tiết kiệm mua nước cho bộ đội phòng không

(1) Nguyễn Văn kể, Hồ Vũ ghi, từ sách “Bác Hồ con người & phong cách, tác giả Nguyễn Văn Khoan, Nxb Trẻ, tháng 10-2007.

trên sân thượng hội trường Ba Đình uống trong những ngày nắng nóng lo canh giữ bầu trời Hà Nội chống lại sự đánh phá của máy bay xâm lược Mỹ.

Càng đọc càng nhận thức, hiểu sâu hơn về sự vĩ đại của Bác. Từ đó tôi như được chấp cánh bay bổng, có nhiều hứng thú trong việc viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi coi đây là nhiệm vụ của mình mong góp một chút hiểu biết về Bác với mọi người. Và cũng từ việc làm này tôi sống vui hơn, hạnh phúc đến với một người tuổi cổ lai hy như tôi; ngày nào còn khỏe tôi nguyện tiếp tục tìm hiểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều hơn nữa để cống hiến cho bạn đọc kính mến.

Cũng xin một lời tâm tình với các bạn: Đọc những bài viết về Bác Hồ rất bổ ích cho chúng ta, dù là cán bộ hay người bình thường đều tìm thấy ở Bác vô số điều ta cần học tập và làm theo Người – học suốt đời cũng không hết...

Tôi nghĩ rằng dân tộc Việt Nam quả thật may mắn có được người lãnh tụ như Hồ Chí Minh...

Xin trích Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đọc tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, ngày 9-9-1969 để kết bài viết này:

“Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra HỒ CHỦ TỊCH, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”.

HỒ CHÍ MINH MỀM MỎNG VÀ KIÊN QUYẾT

Tìm hiểu về tài lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy Người là một lãnh tụ đã gặp những tình huống vô cùng khó khăn, bất lợi do kẻ thù gây ra, Người đã xử trí hóa giải, vượt qua được tất cả không phải một mà nhiều lần tưởng chừng không thể giải quyết được.

Năm 1946, Bác Hồ qua Pháp theo lời mời của Chính phủ nước này, tiễn Bác tại sân bay Gia Lâm, cụ Huỳnh Thúc Kháng hỏi Bác cho ý kiến xử lý công việc ở nhà, Bác nói một câu ngắn gọn: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Câu nói ấy cũng là phương châm, là nguyên tắc hành động suốt cả cuộc đời của Bác. Khi dùng “ứng vạn biến” chúng ta thấy Người rất mềm mỏng. Mềm mỏng để thuyết phục, tranh thủ đối phương bớt chống đối, thậm chí khiến cho họ bớt tàn ác với nhân dân và cả với cán bộ chiến sĩ của ta không may bị địch bắt. Mềm mỏng của Bác Hồ có từ cái tâm của Bác, từ nhận thức bớt thù thêm bạn.

Tình hình sau ngày độc lập 2 tháng 9 năm 1945, “thù trong”, “giặc ngoài” dồn dập gây ra biết bao khó khăn cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Bọn Tàu Tưởng đề ra khẩu hiệu “Diệt Cộng cầm Hồ” tiếp sức các đảng phái phản động như Việt Quốc, Việt Cách... đòi hỏi rất nhiều điều phi lý, chúng muốn “vô hiệu hóa” Chính phủ để lật đổ Nhà nước Cách mạng còn non trẻ. Bác lãnh đạo giải quyết “nhân nhượng” một số việc trong phạm vi “ứng vạn biến” như: đối với Tàu Tưởng, Người chấp nhận cung cấp lương thực thực phẩm cho quân lính của họ... Thậm chí phải tử hình một cán bộ của ta vì người này đã giết quân của chúng, làm cho bọn chúng phản ứng muốn lấy cớ đó lật đổ Chính phủ ta. Việc nhân nhượng ấy có nhiều cán bộ thắc mắc, Người giải thích cho mọi người hiểu: không vì giận con chuột mà đập vỡ cái bình quý. Đối với các đảng Việt Cách, Việt Quốc, Người nhượng bộ rất lớn: nào là cho họ 70 ghế ở Quốc hội mà trước đó họ tẩy chay không ứng cử. Tiến hành cải cách Chính phủ nhiều lần, các cán bộ của ta phải rút ra nhường cho họ một số chức vụ quan trọng. Như với Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch Quốc Hội, Nguyễn Tường Tam làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Vũ Hồng Khanh, Phó Chủ tịch kháng chiến ủy viên hội. (Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, thành lập ngày 2-3-1946).

Từ Hiệp định Sơ bộ mong 6 tháng 3 năm 1946, tới khi hội nghị Fontainebleau thất bại, Bác ở lại nước Pháp tranh thủ ký tạm ước với Marius Moutet, Bộ Trưởng thuộc địa Pháp (ngày 14-9-1946) đều thể hiện mong muốn của Bác là giữ cho được hòa hoãn, làm chậm lại một cuộc chiến tranh đẫm máu sẽ xảy ra.

Tóm lại, để hóa giải sự chống phá của kẻ “thù trong” nước, Bác đã chấp nhận chia sẻ quyền lực cho họ ở mức độ có thể chấp nhận được để tránh mâu thuẫn gay gắt nhất. Đối với “giặc ngoài” Người đã nhường nhịn từ giặc Tàu Tưởng rồi tới giặc Pháp nhiều điều, cả phải lùi lại chấp nhận nước ta được tự do thay vì độc lập – về chữ nghĩa – nhưng trong nội dung ký kết vẫn có những điều nước ta độc lập như vẫn để tài chánh, có quân đội riêng... Những “ứng vạn biến” ấy vì lợi ích tối cao là giữ cho được độc lập, tự chủ, một nguyên tắc không thể nhượng bộ – tức “Dĩ bất biến”. Ứng vạn biến ấy là “một bước lùi” để tiến lên nhiều bước về sau.

Cố gắng mềm mỏng kéo dài cho đến ngày 19 tháng 12 năm 1946. Khi “ta càng nhân nhượng”, “thực dân Pháp càng lấn tới”, không thể nhân nhượng thêm nữa, nếu để cho Pháp lấn thêm là xâm phạm đến “Dĩ bất biến” là độc lập, tự do mà biết bao nhiêu xương máu đã đổ xuống mới giành được. Vì thế, chỉ còn một con đường phải chọn, lúc này Người không dùng cái mềm mỏng nữa mà đưa Kiên Quyết ra:

“Hồi tất cả đồng bào cả nước, chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, giặc Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa... Dù phải gian khổ kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định thuộc về dân tộc ta”.

Ngày nay, trong điều kiện nước nhà đã giành được độc lập thống nhất, xây dựng phát triển kinh tế xã hội hơn 40 năm, với thời gian thật sự yên bình chỉ 25 năm, thế và lực nước ta đã khác năm 1946 rất nhiều. Trong những năm qua nước ta vẫn gặp và phải xử lý mối quan hệ với một số nước

gần xa một cách khôn khéo để giữ hòa bình ổn định. Những điều Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ứng xử nay các nhà lãnh đạo đất nước lại áp dụng: Mềm mỏng và Kiên quyết. Điều này thấy rất rõ trong việc ứng xử với Trung Quốc.

Để giữ tình hữu nghị giữa hai Đảng và nhân dân hai nước, từ năm 1990, sau khi mối quan hệ giữa hai nước được lập lại bình thường, mặc dù Trung Quốc đã nhiều lần ngăn cản, bắt bớ ngư dân nước ta đánh bắt cá trên biển thuộc chủ quyền của Việt Nam, họ cắt cả cáp của tàu Bình Minh 2 đang làm nhiệm vụ trên biển của ta... Những việc làm ấy là vi phạm chủ quyền của Việt Nam, nhưng ta cố nhịn, chỉ ra tuyên bố phản đối ở các cơ quan cấp thấp, cao nhất là người phát ngôn của Bộ Ngoại giao. Như vậy lãnh đạo ta đã mềm mỏng vì đại cuộc, lợi ích lớn của đất nước, không vì chuyện nhỏ mà làm phát sinh phức tạp hơn trong quan hệ với Trung Quốc.

Nhưng khi Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương 981 hạ đặt trái phép trong vùng biển của nước ta thì sự việc đã nghiêm trọng, vì họ vi phạm chủ quyền của ta. Đến mức này thì không thể mềm mỏng được nữa, lãnh đạo nước ta phải tỏ thái độ cứng rắn cương quyết phản đối hành động này của Trung Quốc.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nói rõ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam với ông Dương Khiết Trì tại buổi tiếp kiến ông ta: “Lập trường về chủ quyền của Việt Nam với Hoàng Sa, Trường Sa và trên Biển Đông là “không thay đổi và không thể thay đổi”.

Chủ tịch nước Trương Tấn Sang ngày 20-6-2014, trả lời phỏng vấn của Thông tấn xã Việt Nam cũng nói rõ ý chí của

toàn thể BCH Trung ương Đảng đã thảo luận nhất trí tại hội nghị lần thứ 9 mới diễn ra trong tháng 5 năm nay và ý kiến cá nhân của Chủ tịch nước: Không để mất một tấc đất tấc biển bị xâm phạm. Ông còn nhắc lời của vua Lê Thánh Tông: “Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Người phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu người dám đem một thước núi, một tấc đất của Thái tổ làm mối cho giặc, thì tội phải tru di”. Chủ tịch nước nhắc lại lời vua xưa để cho con cháu dòng giống Lạc Hồng nhớ lấy mà giữ gìn đất đai rừng biển Tổ quốc. Người dân cả nước vui mừng và hưởng ứng, đồng lòng với Chủ tịch nước Trương Tấn Sang.

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng đã phát biểu rất mạnh mẽ tại Manila Philippines: “Việt Nam kiên quyết bảo vệ chủ quyền và lợi ích chính đáng của mình, bởi vì chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo là thiêng liêng. Chúng tôi luôn mong muốn có hòa bình, hữu nghị nhưng phải trên cơ sở đảm bảo độc lập, tự chủ, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, vùng biển và nhất định không chấp nhận đánh đổi điều thiêng liêng đó để lấy một thứ hòa bình, hữu nghị viển vông, lệ thuộc nào đó”.

Như vậy, các nhà lãnh đạo đất nước hôm nay đã học và làm đúng theo tư tưởng Hồ Chí Minh: lúc nào mềm mỏng, lúc nào kiên quyết; cương nhu đều có tính toán nhằm yêu cầu giữ vững hòa bình, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền của đất nước.

Nhân dân Việt Nam rất hoan nghênh sự kiên quyết và triệt để tin tưởng, ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI MỘT TRÍ THỨC

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường, sinh năm 1909 tại Từ Liêm, Hà Nội. Năm 1932 ông nổi tiếng cả ở Việt Nam và Pháp vì bảo vệ xuất sắc luận án Tiến sĩ Luật học về đề tài: “Cá nhân trong xã hội cổ nước Nam, tổng luận về Luật nhà Lê” khi ông mới 23 tuổi. Và chỉ hai tháng sau, ông bảo vệ thành công tiếp luận án Tiến sĩ thứ hai về Văn chương với đề tài “Luận về giá trị trình diễn và kịch bản của Alfred Musset”.

Cho đến nay, ngay tại nước Pháp chưa xuất hiện lần thứ hai một thanh niên 23 tuổi hoàn thành hai luận án Tiến sĩ trong cùng một năm. Năm 1946, ông được tham dự cuộc Hội nghị Đà Lạt đấu tranh bảo vệ chủ quyền và nền độc lập của Việt nam trước mưu đồ trở lại xâm lăng nước ta của thực dân Pháp.

Mùa Xuân 1952 ông dự Đại hội Anh hùng và chiến sĩ thi đua tại Việt Bắc. Ông Tường đã được Hồ Chủ tịch lắng nghe ý kiến và ông có nhận xét về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc ta.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường qua đời ngày 13-6-1997, tại Hà Nội.

Xin trích bài viết của Luật sư Nguyễn Mạnh Tường tự kể về cuộc trao đổi đó.

“Hồ Chủ tịch hỏi tôi, Đại hội đã gây cho tôi cảm tưởng gì? Tôi trả lời Người:

“Thưa Chủ tịch, một cảm tưởng mà tôi buộc phải coi là cực kỳ đặc biệt. Làm sao tôi có thể tưởng tượng cây người có thể sản sinh ra những bông hoa tuyệt mỹ như vậy, làm sao con người bằng xương bằng thịt có thể đạt tới đỉnh cao như vậy của chủ nghĩa anh hùng và lòng cao thượng? Và khi trong mạch máu của họ chảy cùng một dòng máu đang chảy trong mạch máu của tôi, làm sao tôi có thể cưỡng lại niềm tự hào húng và niềm tự kiêu dồn dập trào tới tràn ngập lòng tôi, làm tôi ngạt thở, hòa loãng tâm hồn tôi trong một cơn say mà tôi chưa hề biết tới như vậy. Trước kia tôi tưởng thời oanh liệt đã qua rồi, cho rằng Việt Nam bị nô dịch đã hơn một thế kỷ, chờ đợi mãi mà cũng chẳng có kết quả gì, việc tái sinh những anh hùng huyền thoại thời xưa sẽ chiến đấu mang lại tự do và độc lập cho đất nước.

Thế mà, những anh hùng đó đã đến: Tôi trông thấy họ xung quanh tôi, tôi chú ý nghe chiến công của họ với bao niềm vui và cảm phục. Nếu trước kia, trước khi rời đi chiến đấu, tôi đã hiến tất cả tài sản cho nhân dân, tôi mang theo trong lòng một sự thỏa mãn đã hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng với Tổ quốc, nhưng tôi không hề thấy lóe ra trong tôi một chút hy vọng nào là sẽ chiến thắng trở về từ một cuộc chiến tranh mà tôi cho rằng sẽ thua ngay từ đầu. Bây giờ,

trái lại, những nam nữ anh hùng mà tôi nuốt từng lời nói, đã nhóm lên trong tôi ngọn lửa của niềm tin và chiến thắng trong tương lai”.

Hồ Chủ tịch nghe tôi nói, con mắt mơ màng phóng ra đằng xa, rồi Người nhìn thẳng vào tôi với khoe nhìn lóng lánh niềm vui, và tay vuốt bộ râu cằm, Người hỏi tôi một câu:

“Con đường mà chú đã trải qua để đi đến kết luận như hiện nay quả là khó khăn và tôi ca ngợi sự thành thật của chú. Con đường đi tới một chân lý càng khó thì khi đi tới chân lý đó, người ta càng tin tưởng. Đối với những anh hùng mà chú ngưỡng mộ, và là người đã thổi vào tâm trí chú niềm tin vào chiến thắng cuối cùng, chú có thấy gì đặc biệt ở họ?”

- Thừa Chủ tịch, đó là nguồn gốc nông dân của họ. Từ trước cho tới cuộc kháng chiến này, tôi đã sống chốn thị thành, giờ tôi thấy xấu hổ và thừa nhận rằng tôi chẳng biết tí gì về nông thôn và về người nông dân. Chút hiểu biết gì về nông thôn và nông dân tôi đã thu nhận được chỉ là sách vở và méo mó. Chính ở chiến khu, hành nghề luật sư và đi khắp các tỉnh miền Bắc và miền Trung, tôi đã được sống trong môi trường nông thôn, được tiếp xúc với người nông dân và được hiểu biết họ, bù đắp lại những chỗ hỏng, sửa chữa những sai lầm và thành kiến của tôi, đưa lại cho bản thân tôi một hình ảnh trực diện, đầy đủ và đúng đắn về dân tộc mà tôi tự hào là thành viên dân tộc đó. Mới gần đây thôi, hình ảnh nhân dân mà các tỉnh hướng trong cuộc sống đặt ra trước mắt tôi đã bị cắt xén, gây tổn thương, què quặt, tầm nhìn của giai cấp tiểu tư sản hạn chế con mắt tôi, che mắt tôi không thấy rõ sức mạnh vô biên của quần chúng nông dân.

Bây giờ cái nhìn của tôi về Tổ quốc mình và những người con của Tổ quốc đó, đã được hoàn toàn thiết lập lại trong thực tế đầy đủ của nó. Một sự cân đối đã được hình thành trong tâm trí tôi và đem lại cho tôi những thú vị mới, chưa hề biết tới và vô giá.

Nhưng thưa Chủ tịch, tôi phải thú nhận rằng những người nông dân này mà tôi quý mến đức độ và bỏ qua những thiếu sót, tôi không thể tưởng tượng sao họ có thể nâng cao khả năng đến mức thực hiện được những chiến công như chúng ta đã biết. Vậy mà những hiện tượng phi thường đó đã diễn ra và tôi hoàn toàn ngạc nhiên. Tôi xin gửi đến Chủ tịch và Đảng của Người lòng tôn kính đã có khả năng nhóm lên ngọn lửa yêu nước của nông dân mà cả nước đang chờ mong những kết quả kỳ diệu.

“Tôi sung sướng được nghe ý kiến của chú. Bây giờ, theo chú ta nên hướng chính sách của ta như thế nào?”

– Đó là một vấn đề cực kỳ tế nhị, tôi sẽ chỉ dám đề cập đến vấn đề đó, nếu được Chủ tịch cho hoàn toàn tự do tư tưởng. Về nội dung, tôi có nhiều ý kiến theo hướng của Chủ tịch, nhưng có những điểm quan trọng tôi cầu mong Người có những suy nghĩ mới.

Chúng ta cùng một điểm xuất phát: quần chúng lao động bao gồm nông dân, công nhân, trí thức, cấu thành hầu hết dân số nước ta. Tất cả mọi chính sách không tính đến sự thật quá rõ ràng đó, chắc chắn sẽ thất bại ngay từ đầu. Lợi ích của nhân dân lao động phải là mối quan tâm thường xuyên của chúng ta. Mà họ không đòi hỏi cái không hề có, họ chỉ mong muốn được thỏa mãn ở mức tối thiểu những

nhu cầu của một con người văn minh, nhu cầu về cơ thể, về trái tim, về khối óc, và tất nhiên nhờ lao động chân tay hay trí óc của họ. Họ chỉ chờ đợi ở công quyền được phép sống một cuộc sống của con người.

Việc làm để họ có phương tiện sống một cuộc sống của con người, phải được đề cập tới trên hai phương diện. Việc làm đó phải làm tự do, không cưỡng bức, chỉ có việc làm tự do mới đem lại hiệu quả cho người lao động và cho xã hội. Ngoài ra, người lao động không phải để chơi, mà phải có lợi. Lợi đó là phải được hưởng thụ thành quả lao động của mình. Trước mắt là để chi tiêu về ăn uống, may mặc, nhà ở, học hành, văn hóa. Về tương lai là để đề phòng mọi rủi ro trong cuộc sống mà đáng lo ngại là thất nghiệp, bệnh tật và tuổi già. Nhưng cũng để đảm bảo cho con cháu, trong chừng mực có thể, những điều kiện thuận lợi để có khởi đầu tốt đẹp bước vào đời. Tiền tiết kiệm dành ra được từ lao động không những kích thích sự hoạt động cần cù của con người, mà còn dạy cho người ta ý thức dự phòng, tôn trọng tiền bạc kiếm ra một cách lương thiện, và tốt nhất là tăng cường và phát triển sự đoàn kết gia đình, tình yêu sáng suốt của bố mẹ với con cái.

Quyền tự do lao động, quyền sở hữu cá nhân về tài sản do lao động kiếm ra một cách hợp pháp, đó là hai nguyên tắc người lao động rất quan tâm.

Trong lĩnh vực công cộng, cơ chế Nhà nước phải tôn trọng những nguyên tắc khác để đảm bảo việc thực thi tốt chức năng của Nhà nước. Nguyên tắc thứ nhất là tôn trọng luật pháp. Một sự lẩn lộn tai hại đang diễn ra giữa quyền

lực và quyền. Tất cả các cơ quan từ cấp phường xã đến cấp trung ương đều tưởng mình có quyền làm tất cả, nhất là xâm phạm quyền tự do của công dân, và có quyền sử dụng những khoản tiền khổng lồ của công quỹ. Tôi không nói những vi phạm luật pháp khác mà tính chất vi phạm rất rõ nét, ở đó những sự phản kháng là vô tội không được chú ý nghe như trong các trường hợp ranh giới giữa quyền lực và quyền không rõ ràng. Vì vậy nguyên tắc chung cần phải công bố là tất cả mọi người, kể cả những người có một chút quyền lực, đều phải tuân theo pháp luật, đó là ý nguyện của nhân dân và là công cụ giữ gìn trật tự công cộng.

Nguyên tắc đó bao giờ cũng kèm theo hậu quả tất yếu của nó là: Tất cả mọi vi phạm pháp luật phải dẫn tới trách nhiệm không chỉ chính trị (khai trừ Đảng), hành chính (cách chức, hạ chức, cho nghỉ việc), mà còn cả hình sự (tịch thu, phạt tiền, án tù). Phải quyết định trách nhiệm bao giờ cũng là cá nhân, vì trách nhiệm tập thể là vô nghĩa. Mọi quyết định đều mang một chữ ký, người ký tên chính là người phải đưa ra xét xử.

Sự độc quyền tuyệt đối về quyền lực tự nó một mình không thể thực thi được nếu không có sự góp sức của cả một đội quân trợ lý và người thừa hành, mà giá trị tài năng thường đáng xem xét, để mắc sai lầm đủ kiểu, thường khi không chủ tâm, nhưng rất hiếm vô tư. Đội quân đó kèm thêm một đội quân khác quan trọng hơn gấp hai lần, bao gồm những kẻ tay sai, xu nịnh hèn hạ thêm khát bổng lộc, tiền bạc, danh vọng, cổ lương cao, làm ít.

Bị giam hãm trong những thành người như vậy, làm sao chế độ độc quyền quyền lực có thể thực thi và đề ra những quyết định sáng suốt, thích hợp, có hiệu quả? Và còn trong trạng thái bị mê hoặc vì tự mãn, say sưa về sức mạnh, thiếu chinh phục trí thức rộng rãi, không có được một sự tiếp cận thích hợp, khách quan về thực tế, chế độ chuyên quyền tha hồ chủ quan, tự do duy ý chí và làm luật lệ lung tung, trái khoa học, trái lẽ phải, tác động đến uy tín của chính quyền và hạnh phúc của quần chúng rất bất bình với biết bao hành động thiếu đạo đức và ngu dốt. Giải pháp duy nhất của sự khôn ngoan là mở rộng tai nghe, mở rộng cửa cho người thứ ba, cho tiếng nói từ ngoài vào hoặc từ nhân dân đưa lên.

Thưa Chủ tịch, tôi xin lỗi đã lạm dụng sự kiên nhẫn của Người. Nhưng tôi đã được Chủ tịch cho phép. Vì tôi thiết nghĩ sẽ không còn bao giờ tôi có dịp nói chuyện với Chủ tịch về những vấn đề mà tôi cũng như Chủ tịch đều quan tâm vì nó liên quan đến hạnh phúc và số phận tương lai của nhân dân và vì thời gian nói chuyện với Chủ tịch không bị hạn chế, tôi tranh thủ có được vinh dự này để trình bày với Người một số ý kiến xuất phát từ đầu óc một người trí thức yêu nước và chăm chú theo dõi quá trình những biến đổi đang diễn ra trong đất nước ta. Như Chủ tịch đã nhận thấy những suy nghĩ của tôi không phải bắt nguồn từ một học thuyết có giá trị và nổi tiếng như thế nào. Tôi không bị giam mình trong một đảng phái chính trị nào, không bị gò bó trong một giáo lý cứng nhắc nào, tôi có thể giữ được độc lập suy nghĩ của mình và để tâm nghiên cứu tình hình hiện nay, để rút ra những chỗ không hay cần kịp thời sửa chữa trước khi nó có thể gây ra tác hại xấu và dẫn đến hành động phá hoại. Với

tất cả tấm lòng chân thành và thiện ý, tôi đã đề nghị một số biện pháp điều trị về chính trị và xã hội. Những biện pháp đó không mang dấu ấn lý thuyết chính thống hiện nay và có thể làm cho không ít những người đang nắm quyền lực bị sốc và bức dọc. Mặc kệ, thưa Chủ tịch, dù là phượng hoàng bay lượn trên trời cao, hay con giun bò trên mặt đất, tất cả đều phải chịu trách nhiệm trước nhân dân và trước lịch sử”.

Tôi quan sát Chủ tịch trong khi Người ngồi sâu trong chiếc ghế bành bằng mây, thỉnh thoảng hít một hơi thuốc lá, nghe tôi nói với một sự chú ý làm tôi cảm động. Con mắt Người mơ màng, tưởng như bay bổng xa nơi trần thế. Điều thuốc lá tàn, Người tựa tay lên thành ghế bành, một tay vuốt ve chùm râu nhỏ. Suốt buổi thuyết trình của tôi, Người không tỏ một sự phản ứng nào, hoặc tán thành, hoặc không tán thành. Có lẽ Người muốn cân nhắc sự suy xét của Người, chọn lọc cái hay và cái dở, giữ một thái độ trung lập và khách quan, một thái độ cẩn thận và kín đáo, để phân tích tốt hơn nội dung những lời tôi nói, để thấu hiểu ý nghĩa đã diễn tả rõ ràng, và cả những ẩn ý trong từng câu, từng chữ – Trước mặt tôi là một nhân vật quan trọng hiểu rõ giá trị một cử chỉ, một ý định, và trên cương vị một lãnh tụ, chịu trách nhiệm về số phận của cả một dân tộc, mà vì vậy không tự cho phép mình, qua một giọng nói nào, một nét mặt nào, một động thái nào của con mắt hoặc bàn tay, biểu thị một dấu hiệu vội vã, nhẹ dạ, tự phát, thiếu suy nghĩ, không tự kìm chế được và bật ra từ bề sau tình cảm. Nhân vật đó giữ được tự chủ một cách tuyệt vời và có một bản lĩnh hoàn hảo.”⁽¹⁾

(1) Trích Hồi ký của LS Nguyễn Mạnh Tường “Con đường đi tới một chân lý càng khó thì khi đi tới chân lý đó, người ta càng tin tưởng”, Tạp chí

Lời Bình:

– Không chỉ đối với ông Nguyễn Mạnh Tường mà với nhiều trí thức khác, Bác Hồ tiếp xúc, luôn lắng nghe ý kiến của họ một cách trân trọng. Chính cách cư xử của Bác đã thuyết phục rất nhiều trí thức theo Người, chấp nhận hy sinh, gian khổ trong suốt chín năm kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ kéo dài 20 năm mới giành thắng lợi hoàn toàn.

– Với ông Nguyễn Mạnh Tường, một trí thức không đảng phái đi kháng chiến từ năm 1946, ông nhiệt tình phục vụ cách mạng cho tới ngày giành nửa nước trở về Thủ đô. Do có những bài viết trong tạp chí Nhân văn Giai phẩm, phát biểu tại cuộc họp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội vào ngày 30-10-1956, sau bài phát biểu ấy ông phải ngừng ngay mọi hoạt động chuyên môn. Tháng 7-1958 thì bị cắt chức Giáo sư Đại học và chuyển về Bộ Giáo dục. Tháng 12-1970 thì chính thức nghỉ hưu. Ông Nguyễn Mạnh Tường phải chịu đựng khó khăn sau khi nghỉ hưu từ năm 1970 đến 1990. Thời gian này ông đã viết bốn quyển sách về nền văn minh nhân loại trải dài đến thời hiện đại mà Việt Nam mới chỉ có thể được tiếp xúc với các hậu duệ của nó là chủ nghĩa thực dân Pháp vào nửa sau thế kỷ XIX, đến đầu thế kỷ XX thì các trí thức Nho học ở ta mới biết đến, để có được phương sách và phương tiện cứu nước.

Xưa & Nay, số 286 tháng 6 năm 2007.

Phần bình luận có sử dụng tư liệu trong bài: “Nguyễn Mạnh Tường – Một chân dung và một hành trình như tôi hiểu” của GS Phong Lê, Tạp chí Xưa & Nay, Tết Canh Dần 2010.

Một lần ông nói: phát biểu về vấn đề dân chủ của ông đúng, nhưng không đúng lúc. Chính thấy điều này nên ông không bất mãn như những người khác.

– Mỗi con người kể cả trí thức ai cũng có điểm yếu, hạn chế do chưa có điều kiện nhận thức toàn diện, nhất là vấn đề chính trị, giai cấp. Chỉ những người được rèn luyện trong đấu tranh Cách mạng, được tổ chức Đảng, tập thể giáo dục, rèn giũa thì mới có được quan điểm sâu sắc về chính trị. LS Nguyễn Mạnh Tường không vào Đảng khó tránh khỏi hạn chế đó. Cuộc đời của LS Nguyễn Mạnh Tường chịu nhiều sóng gió, thiệt thòi, ông không phải là đảng viên nhưng sự trung thành với con đường đã chọn, hơn nhiều người là đảng viên cùng diện trí thức, nhưng không giữ được như ông. Cuối đời ông vẫn là người thủy chung với chế độ.

Năm 1989, LS Nguyễn Mạnh Tường có một chuyến trở lại Pháp, sau 60 năm. Cuối năm 1989 chính là lúc thế giới Đông Âu đang sôi sục những cuộc chính biến, rồi dẫn tới sự tan rã của phe xã hội chủ nghĩa. Ông được nhiều nhà báo phỏng vấn, trong đó có câu: “Việt Nam rồi sẽ ra sao?”. Và ông đã trả lời: “Tôi không làm nghề chiêm tinh học, và cũng không bói bài. Kiên tâm, kiên tâm trong không trung! Mỗi nguyên tử của yên lặng sẽ là cơ may cho một quả chín” (Patience, patience/Patience dans l’azur/Chaque atome de silence/ Est la chance d’un fruit mur).

Và sau đó, cuối năm 1994, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đến thăm ông ở nhà riêng.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường là một con người trung trực, cương nghị, tự trọng, luôn giữ cho mình đúng là một trí thức đáng cho mọi người nể trọng.

ANH HÙNG BẤT ĐẮC DĨ

Trên trang Sách hiếm vừa đăng bài của Mike Wilson có nhan đề nêu trên đây. Xin chép lại nguyên văn, có cả lời Tòa soạn kèm theo và đôi điều bình luận của một độc giả là tôi nhằm góp thêm tiếng nói cùng tác giả.

LTS: Người ta thường nói “thời thế tạo anh hùng”. Những bước đi ngặt nghèo, bất đắc dĩ, đã thử thách ông Hồ cho đến hết cuộc đời, để rồi lịch sử ghi ông là một nhà lãnh đạo kiệt xuất của thời đại. Cụm từ “Anh hùng bất đắc dĩ” thoát nghe có vẻ lạ tai, nhưng nghĩ ra ý nghĩa rất chính xác.

Mà thật ra, những trường hợp “bất đắc dĩ” thường khiến nhiều người trung bình mau mắn biến thành “kẻ gian”, dễ hơn. Thí dụ chạy theo kẻ mạnh để làm tôi tớ hay tay sai trung thành, hoặc làm con rối cho ngoại cường thống trị trên đầu, dễ hơn là tìm con đường khác, dù gian khổ, nhưng giữ được niềm tự hào cho con Lạc cháu Hồng. Ông Hồ đã chọn cách thứ hai.

Với những nhận xét lịch sử độc đáo trong một văn phong gọn ghẽ, tác giả Mike Wilson đã trình bày một số tình cảnh

của “thế bí” trên bàn cờ quốc tế đã buộc ông Hồ phải vắt hết trí não để ứng phó với từng cột mốc của thời cuộc (SH):

Ông Hồ là một vị anh hùng bất đắc dĩ, được biết chi tiết nhất trong lịch sử Việt Nam cận đại.

Ông tha thiết cầu hòa, ông bất đắc dĩ làm anh hùng, vì những lý do sau:

1. Ông chỉ muốn nước Việt Nam được độc lập, bang giao hòa bình hữu nghị với mọi quốc gia, kể cả Trung Quốc, Nhật, Pháp, Mỹ.

2. Ông nhượng bộ Tàu Tưởng, 1945.

3. Ông nhượng bộ Pháp, 1945 và chỉ muốn Việt Nam được độc lập trong khối Liên Hiệp Pháp!

4. Ông 8 lần viết văn thư đến chính phủ Mỹ để đề xuất cho Việt Nam-Mỹ được bang giao và mưu cầu lợi ích chung, nhưng Chính phủ Mỹ, sau khi dùng Việt Minh để chống Nhật tại Việt Nam, đã quay lưng lại, bỏ quên ông.

6. Ông chấp nhận Tổng Tuyển Cử hòa bình 1956 nhưng bị từ chối – đồng bào ông bị săn lùng và thảm sát tại Nam Việt Nam!

7. Ông hứa trả thảm đở tiễn lính Mỹ về nước để mưu cầu hòa bình cho Việt Nam, nhưng vẫn bị xâm lăng, – lại còn đe dọa bỏ bom biển Bắc Việt thành bãi đá vụn!

8. Mọi nỗ lực cầu hòa của ông đều bị đáp trả bằng chiến tranh xâm lược!

9. Khi xuôi tay nằm xuống, trên người ông không hề có một tấm huy chương, kể cả những huy chương cao quý nhất,

vì ông không cần tôn vinh của đồng loại từ khắp nơi trên thế giới.

10. Ông chỉ để lại vài bộ quần áo vải, đôi dép, và một số tiền không đáng giao cho thư ký Vũ Kỳ giữ!

11. Ông tuyên bố trước thế giới Việt Nam độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 và ông già từ thế gian đúng vào ngày 2 tháng 9 (1969).

12. Để đánh dấu chấm dứt một đời người – hy sinh tất cả cho dân tộc – vì đại nghĩa độc lập, chủ quyền, đuổi giặc, thống nhất Tổ quốc! Ngày lễ Độc lập của Việt Nam cũng là ngày giỗ dương lịch của ông để toàn dân nhớ ơn một thiên tài vì đại nghĩa mà làm anh hùng bất đắc dĩ...

13. Phải vài trăm năm Việt Nam mới có được một thiên tài như vậy!

VÀI Ý KIẾN SAU KHI ĐỌC BÀI NÀY:

Trước tiên, có một lỗi: không có số 5, số 4 rồi số 6. Như vậy, bài chỉ có 12 điểm, không phải 13 như đã thấy. Tôn trọng bản chính, tôi vẫn giữ theo bản trên Sachhiem.

Tôi không biết tác giả, ông là người nước ngoài hay người Việt ở ngoài nước dùng tên như trên. Tác giả tỏ ra nghiên cứu hiểu biết khá về lịch sử Việt Nam cận đại, đặc biệt những sử liệu có liên quan với Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Điểm 12, cho người đọc nhận rõ, tác giả dành sự trân trọng cao đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc Việt Nam. Thật thú vị khi đọc ý kiến ông ở điểm này. Ngày Bác

Hồ mất trùng vào ngày lễ Độc lập của nước Việt Nam, đó là một ngẫu nhiên về cuộc đời Bác, nhưng lại tạo ra điều tất nhiên hằng năm khi cứ đến ngày 2-9, người dân Việt kỷ niệm Độc lập cũng là nhớ làm giỗ vị lãnh tụ thiên tài đã đưa dân tộc này đến bờ bến vinh quang hôm nay.

Không ít gia đình Việt Nam đã thờ Hồ Chủ tịch cùng một bàn thờ Tổ quốc.

Tác giả nhận định phải vài trăm năm nữa Việt Nam mới có được một lãnh tụ thiên tài như Bác Hồ không có gì quá đáng. Thật ra, lịch sử Việt Nam cho chúng ta thấy rõ tiến trình lập nước, giữ nước có nhiều lãnh tụ tài giỏi như: Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v... Không thể so sánh vì mỗi người sinh ra ở thời khác nhau, hoàn cảnh đất nước khác nhau... Song chúng ta nhận rõ Hồ Chí Minh hội đủ phẩm chất một nhân vật thiên tài, vì Người không chỉ biết thừa kế tinh hoa của cha ông ta mà còn thu nhận tinh hoa của loài người cho bản thân và cho dân tộc để đưa một nước dân không đông, nghèo nàn, khoa học kỹ thuật lạc hậu dám đương đầu và giành chiến thắng trước những nước giàu mạnh, siêu cường. Hồ Chí Minh còn là một con người luôn bên vực cho những dân tộc bị áp bức, Người quyết giành độc lập cho Tổ quốc mình và ủng hộ mạnh mẽ độc lập của các dân tộc khác trên thế giới... Vì vậy, ảnh hưởng của Hồ Chí Minh với nhiều nước rất lớn. Điều này, các lãnh tụ của Việt Nam xưa, ngoài Trần Hưng Đạo, chưa có ai như Hồ Chí Minh. Đây là điều khác nhau không chỉ do thời đại quy định mà còn do bản thân Hồ Chí Minh tạo ra.

Trở lại đầu để tác giả dùng cụm từ Anh hùng “bất đắc dĩ” ở trường hợp với Bác Hồ mới nghe có vẻ khó chấp nhận.

Nhưng đây là những từ ngữ chỉ đúng phẩm chất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tháng 1 năm 1946, trả lời các nhà báo nước ngoài Hồ Chủ tịch nói: *“Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh, nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi”*. Lời nói ấy của Bác hoàn toàn từ tư tưởng thật phát ra, nó được chứng minh cả cuộc đời Người luôn chống lại đặc quyền đặc lợi, những thứ mọi người dành ưu tiên cho mình. Không chỉ người Việt Nam hiểu lãnh tụ của mình, nhiều người nước ngoài cũng hiểu rõ Hồ Chí Minh như vậy. Nhà thơ Đagiô (Indonesia) đã viết:

*“Người không màng danh dự ghé suy tôn
Ngồi vào đấy, với Người không có nghĩa
Khi đức độ đã ngời như ngọc quý
Thì có nghĩa gì, chiếc ghế phủ nhung êm”...*

Có thể nói trong lịch sử Việt Nam rất, rất ít lãnh tụ có được sự vĩ đại như Hồ Chí Minh... Không biết vài trăm năm nữa Việt Nam có được một lãnh tụ thiên tài và phẩm hạnh như Hồ Chí Minh?

THƠ NGUYỄN TẮT THÀNH ĐẾN THƠ HỒ CHÍ MINH

Nhà văn Sơn Tùng, người đã dành thời gian dài tìm hiểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh từ việc tiếp xúc với những người thân của Bác là bà Nguyễn Thị Thanh - chị ruột, cụ Nguyễn Sinh Khiêm - Nguyễn Tất Đạt, anh cả của Bác Hồ; sau ngày giải phóng miền Nam, Sơn Tùng đã vào Huế, Phan Thiết, Đồng Tháp, Bà Rịa gặp nhiều người biết về Nguyễn Tất Thành lúc Người vào Nam và biết cụ Nguyễn Sinh Huy - cha Bác Hồ để ghi nhận làm tài liệu về Bác. Ông đã kể lại cho chúng ta nhiều điều về Nguyễn Tất Thành lúc mới lên 5 lên 10 tuổi, trong đó có những bài thơ Bác ứng khẩu khi tiếp xúc với những hình ảnh hiện ra trước mắt mình.

Cha của Bác là ông Nguyễn Sinh Sắc sau đổi tên là Nguyễn Sinh Huy, mẹ Bác là bà Hoàng Thị Loan con cụ Hoàng Xuân Đường, một nhà Nho nổi tiếng ở Nghệ An. Khi Bác Hồ mới sinh, chính ông ngoại (Hoàng Xuân Đường) đã

đặt tên cho Bác là Nguyễn Sinh Coong (Cung), tự Tất Thành có nghĩa sau này sẽ thành công trong đường sự nghiệp.

Năm 1895, ông bà Nguyễn Sinh Huy và Hoàng Thị Loan phải vào kinh đô Huế, để con gái lớn là bà Thanh ở nhà với bà ngoại, đưa Tất Đạt (Nguyễn Sinh Khiêm) và Tất Thành cùng theo. Thời ấy việc đi lại rất khó khăn, thường phải đi bộ theo đường mòn thiên lý. Tất Thành còn nhỏ được cha cõng trên vai. Bà Loan thì gồng gánh những vật dụng sinh hoạt cho con và vợ chồng ông bà, Tất Đạt lớn hơn phải tự đi không có ai cõng. Đến những chỗ nghỉ chân Tất Đạt mệt mỏi nên ngồi im còn Tất Thành được cha cõng không mệt nên nhảy nhót hăng hái nhìn ngó mọi bề chung quanh rất thích thú.

Khi dừng chân nghỉ dưới chân đèo Ngang, Tất Thành nhìn thấy con đường mòn uốn lượn nơi sườn núi liền hỏi: Thưa cha, cái gì ở trên kia màu đỏ mà lại ngoằn ngoèo như rứa? Cụ Nguyễn Sinh Huy nói với con đó là con đường cắt qua đèo, tí nữa ta phải đi leo trèo qua đó, lên cái đường mòn đó để sang bên kia núi đó con.

Tất Thành liền ứng khẩu đọc mấy câu thơ cho cha mẹ và anh cả nghe:

“Núi cõng con đường mòn

Cha thì cõng theo con

Núi nằm ì một chỗ

Cha đi cúi lom khom

Đường bám lì lưng núi

Con tập chạy lon ton

*Cha siêng hơn hòn núi
Con đường lười hơn con”.*

Khi lên đỉnh đèo Tất Đạt cũng lại ngồi nghỉ chân không quan tâm cảnh vật chung quanh, còn Tất Thành lại tung tăng vui cười, nhìn ra phía Đông thấy biển liền hỏi cha cái ao sao lớn quá vậy, lại có những con bò lội ở dưới nữa. Cụ Nguyễn Sinh Huy nói cho Tất Thành biết đó là biển chứ không phải là cái ao, những cái trên biển không phải con bò mà là những chiếc thuyền buồm đó con. Nghe cha nói xong Tất Thành lại thốt ra một bài thơ khác:

*“Biển là ao lớn
Thuyền là con bò
Bò ăn gió no
Lội trên mặt nước
Em nhìn thấy trước
Anh trông thấy sau
Ta lớn mau mau
Vượt qua ao lớn”.*

Ông Nguyễn Sinh Khiêm tặng cho nhà văn Sơn Tùng cuốn sách của ông viết có tên “Tất Đạt tự ngôn” trong đó có ghi lại hai bài thơ của em mình vừa nêu ở trên.

Ông Khiêm còn nói với Sơn Tùng, chú Thành như có một dự báo về cuộc đời mình thể hiện trong bài thơ ứng khẩu nơi đỉnh đèo Ngang lúc mới 5 tuổi.

“Ta lớn mau mau/ Vượt qua biển lớn”, chú ấy đúng là đã vượt biển lớn đi tìm đường cứu nước.

Bà Thanh cũng kể cho nhà văn Sơn Tùng biết nhiều việc về Tất Thành, trong đó bà nói Tất Đạt đã cho bà nghe một bài thơ lúc hai anh em Tất Đạt, Tất Thành theo cha đi thăm bạn của cụ.

Nguyễn Tất Thành và anh là Nguyễn Tất Đạt thường được cha cho theo “hầu táp” khi cụ Nguyễn Sinh Huy đi thăm bạn hữu. Một lần cụ Nguyễn Sinh Huy tới dinh cụ Thượng thư Hồ Đắc Trung, Tất Thành được theo cha, trong khi hai cụ vui chuyện thì Tất Thành được cậu ấm Hồ Đắc Khải (con cụ Hồ Đắc Trung) đưa tới tiền sảnh cùng chơi. Lần đầu tiên Thành nhìn thấy đồng hồ quả lắc như cái tủ đứng, quả lắc là hình người lính thủy đứng trên cái mỏ neo đu đưa, cậu Thành ứng khẩu luôn:

*“Chú lính đánh đu
 Từ trái sang phải
 Lúc la lúc lắc
 Tích tắc, tích tắc...
 Chắc là mệt lắm
 Chú lính khóc to
 Boong... boòn... từng tiếng
 Boong... boòn... từng tiếng.*

Nói rằng Nguyễn Tất Thành đã có năng khiếu bẩm sinh xuất khẩu thành thơ từ nhỏ không hề sai. Không chỉ có thơ mà còn hội họa Người cũng “khéo tay” như một họa sĩ thực thụ. Chúng ta đã thấy Bác vẽ ký họa cảnh một phu xe kéo chở một “quan Tây” đăng báo những năm cách mạng còn trong bóng tối chứng tỏ điều này. Từ đó về sau năng khiếu thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng bộc lộ rõ hơn,

Người thường xuất khẩu thành thơ trong rất nhiều trường hợp khác nhau. Thơ của Bác khi viết cho nhân dân đọc thì từ ngữ rất bình dân, thường viết theo thể lục bát, ai đọc cũng hiểu được dễ dàng.

Năm 1940, trên đường về nước Bác đóng vai nhà báo Hồ Quang đang móc liên lạc với “Hải ngoại bộ” ở Xi Xuyên trên tuyến đường sắt Côn Minh (Trung Quốc) đi Lào Cai (Việt Nam) thì máy bay Nhật bỏ bom chết hơn 60 người ở khu nhà Bích Sắc Trại của phu phen người Việt Nam, Bác đã nhận làm thầy cúng cầu siêu cho người chết ở đó. Chúng ta nghe một bài thơ Bác đọc khi Người cúng vái:

*Nam mô Phật tổ Như Lai
Chúng sinh nheo nhóc dưới trời Tây phương
Trăm tầng áp bức thảm thương
Thân gầy như củi, xác nhường thầy ma
Thù nhà, nợ nước đôi đường
Đã vì người chết càng thương giống nòi
Đừng tin vào số mệnh trời
Mà do quân Nhật giết người gây nên
Hồn ơi, hồn có linh thiêng
Hãy cùng người sống báo đến nước non
Người còn thì nước phải còn...*

Khi cần mượn thú ngôn ngữ ít từ nhiều ý thì Bác làm thơ Đường luật chữ Hán để thể hiện. Những bài thơ ấy chứng tỏ sự uyên bác của Hồ Chí Minh như tập Nhật ký trong tù...

Báo Cứu quốc Liên khu IV ngày 19-5-1949, đăng bài thơ Nguyên Tiêu của Bác. Đêm rằm tháng Giêng, Hồ Chủ tịch

cùng các cán bộ tùy tùng đi thăm trận địa bằng thuyền trên sông. Giữa dòng Bác căn dặn Ban chỉ huy phải động viên chiến sĩ thi đua giết giặc lập công, phải đối xử nhân đạo với tù binh... Gần khuya, trăng lạnh, sương nhiều, đoàn thuyền thông thả trở về. Nhìn trăng, Hồ Chủ tịch đọc:

*“Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên
Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên
Yên ba thân xứ đàm quân sự
Bán dạ quy lai nguyệt mãn thuyền”.*

Ông Xuân Thủy cùng đi với Bác, xin Bác cho dịch ra quốc ngữ để đăng báo. Bác nói trong thơ có chữ xuân thủy vậy Xuân Thủy dịch đi. Ông Xuân Thủy dịch liền ngay sau đó:

*“Rằm xuân trăng đẹp trăng tươi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân
Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền”.*

Mọi người vỗ tay khen ông Xuân Thủy dịch nhanh.

Chúng ta thấy thơ của Hồ Chủ tịch từ ngày còn nhỏ cho tới khi Bác đã 79 tuổi đời - như bài thơ Bác chúc Tết năm 1969 - luôn thể hiện tính hiện thực sâu sắc, xuất phát từ những điều “tai nghe mắt thấy”, từ yêu cầu cuộc sống, mang tính chiến đấu, tính quần chúng dễ thấm vào lòng người hơn các loại thơ “mơ mộng” “mây gió trăng hoa”, như của một số người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc Việt Nam một di sản vô giá về chính trị, quân sự, ngoại giao, phong cách,

đạo đức, văn hóa, v.v... Những bài thơ của Bác đã góp một phần để tổ chức UNESCO công nhận Người là danh nhân văn hóa. Cùng với công lao lãnh đạo giành độc lập cho đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng được tổ chức này công nhận là Anh hùng giải phóng dân tộc, đem vinh dự cho Tổ quốc ta, nhân dân ta.

Thật vinh dự cho mọi con dân Việt có một vị lãnh tụ như Hồ Chí Minh.

Nguồn: Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử

ĐẢNG TA LÀ ĐẠO ĐỨC,
LÀ VĂN MINH, LÀ THỐNG NHẤT,
ĐỘC LẬP, LÀ HÒA BÌNH, ẤM NO*

(Hồ Chí Minh)



ĐÔI ĐIỀU BÀN VỀ TÍNH ĐẢNG

Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức tập hợp những người ưu tú nhất của giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và các tầng lớp lao động khác. Mỗi đảng viên phải có đầy đủ tính chiến đấu, tiên phong, gương mẫu, ý thức tổ chức kỷ luật, giác ngộ cao về lý tưởng cộng sản... Nhờ vậy, Đảng ta lãnh đạo nhân dân đánh thắng các kẻ thù xâm lược, giành độc lập, thống nhất đất nước. Và cũng chỉ có thể như vậy, Đảng mới lãnh đạo được nhân dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tính chiến đấu của người đảng viên thể hiện trong đấu tranh chống quân thù, vượt mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ của Đảng giao cho. Tính chiến đấu còn được tỏ rõ trong đấu tranh xây dựng nội bộ, phát huy cái tốt, đả phá những tư tưởng, hành động sai trái có hại đến lợi ích của Đảng. Tính tiên phong thể hiện người đảng viên luôn đi đầu trong mọi công tác của Đảng, Nhà nước giao cho, không thoái thác trách nhiệm, không kèn cựa, so đo. Ngay cả những công tác gian nan, nguy hiểm, có thể hy sinh đến tính mạng

cũng không từ nan. Tính gương mẫu của người đảng viên luôn làm những điều tốt về phẩm chất đạo đức, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm gương tốt cho người khác, cho quần chúng noi theo. Tính kỷ luật thể hiện ở chỗ người đảng viên luôn nói và làm theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; không phát ngôn, không làm theo ý muốn cá nhân mình; chấp hành sự phân công, tổ chức của Đảng; không vi phạm quy định những điều đảng viên không được làm...

Tóm lại, người đảng viên phải sống có tổ chức và chấp hành các quy định của tổ chức đảng để ra, không chỉ trong công tác mà còn trong sinh hoạt. Họ phải chấp hành nghị quyết của tập thể chi bộ và cấp trên một cách tuyệt đối. Đây là kỷ luật vừa tự giác, vừa bắt buộc mỗi người đảng viên phải tuân thủ.

Nhưng trong thực tế không phải người đảng viên nào cũng có đầy đủ các đức tính nêu trên. Có người mạnh mẽ này, yếu mẽ khác, do quá trình được giáo dục của Đảng và sự rèn luyện của cá nhân người đó chưa đủ... Mỗi đảng viên cần tự nhận thấy mặt hạn chế của mình để khắc phục; mỗi tổ chức đảng cần giúp đỡ đảng viên phát huy mặt mạnh và sửa chữa các khuyết điểm, sai sót.

Hiện nay, do tác động từ nhiều luồng quan điểm ngược lại quan điểm chính thống của Đảng, tư tưởng một số đảng viên có những diễn biến khá phức tạp. Việc đấu tranh xây dựng nội bộ trong Đảng cần phải được cấp ủy ở từng chi bộ quan tâm đúng mức, nhất là đấu tranh chống lại những tư tưởng sai trái, “tự diễn biến” trong mỗi đảng viên. Khi trong

chi bộ có đảng viên vi phạm, cấp ủy phải sử dụng công cụ tự phê bình và phê bình để đấu tranh, giúp đỡ đồng chí tận tình, kịp thời và hữu hiệu. Đây là công tác xây dựng nội bộ thường xuyên, phải phát huy tính chiến đấu giữa đồng chí với nhau để cùng nhau giữ gìn phẩm chất người cộng sản. Đấu tranh xây dựng phải thấu tình, đạt lý, không quá nặng tình dẫn đến nể nang, xuê xoa, hữu khuynh. Cũng không được quá thiên về lý để dẫn đến cứng nhắc, quy chụp, tả khuynh, làm cho đồng chí có khuyết điểm khó tiếp thu, sửa chữa.

Hiện nay, ở một số chi bộ, việc đấu tranh tự phê bình và phê bình không được thực hiện thường xuyên; tình trạng né tránh, ngại đụng chạm, không kịp thời phê phán, uốn nắn khuyết điểm của đồng chí mình. Vì vậy, ở một số tổ chức đảng, đảng viên có sai phạm nhưng tổ chức không biết hoặc biết nhưng không uốn nắn, khắc phục kịp thời, dẫn đến hậu quả đáng tiếc, không chỉ đối với đảng viên đó mà còn đối với tổ chức.

Gần đây, có đảng viên phát ngôn tùy tiện, bừa bãi, nói những điều bất lợi đối với Đảng, thậm chí nói xấu Đảng... Điều đó thể hiện tính đảng của đảng viên bị phai nhạt, thậm chí bị suy thoái. Với những đảng viên này, nếu chi bộ đấu tranh, giúp đỡ nhiều lần không kết quả thì phải xử lý, tùy theo khuyết điểm mà có hình thức kỷ luật phù hợp. Tổ chức đảng cần phải giữ sự trong sạch về phẩm chất chính trị cho mình, giữ nghiêm kỷ luật nên không thể dung thứ những người đã mất hết tính đảng.

Khi có tư tưởng diễn biến phức tạp trong đảng viên, chi bộ phải có cách xử sự cho phù hợp. Không sử dụng tốt

và đúng vũ khí chiến đấu để xây dựng nội bộ Đảng, cứ để những người có tư tưởng lệch lạc, thậm chí chống đối còn tồn tại trong Đảng, sẽ gây ra những hệ quả lây lan làm ảnh hưởng đến sức mạnh và tính chiến đấu của Đảng.

Đảng ta bao giờ cũng cần những con người hết lòng vì Đảng, vì nhân dân, biết đặt lợi ích chung của đất nước, của Đảng lên trên lợi ích cá nhân. Với những người không thể hiện được tính đảng, không vì lợi ích của đất nước, của Đảng, của nhân dân thì cần phải được đấu tranh không khoan nhượng để loại ra khỏi tổ chức đảng.

VỀ VIỆC HỌC TẬP CỦA ĐẢNG VIÊN

Để có kiến thức, nâng cao trình độ, năng lực, làm việc có hiệu quả cao, ai cũng cần phải học tập. Khi còn trẻ thì học văn hóa, nó là chìa khóa cho con người mở những cánh cửa, đi vào ngành nghề. Khi đã có nghề còn phải tiếp tục học để nâng cao tay nghề cả về lý thuyết cũng như kinh nghiệm thực hành. Càng học trình độ chuyên môn sẽ càng cao. Nếu lúc nào đó mà nói học như vậy là đủ rồi, không cần phải học nữa, thì sớm muộn gì cũng hỏng. Với một đảng viên thì bao nhiêu đó vẫn còn thiếu, vẫn còn nhiều điều phải học lắm.

Đảng ta nói: “**Hồng thắm, chuyên thâm**”; một cán bộ, đảng viên cần phải có đủ cả hai. Chuyên môn giỏi mới chỉ có một, phải có “**hồng thắm**” nữa mới đạt yêu cầu. Mà để có “**hồng thắm**” đòi hỏi mỗi người phải nỗ lực học tập, rèn luyện không kém phần gian khổ. Tiêu chuẩn một cán bộ, đảng viên được cho là “**hồng thắm**” rất cao về nhiều mặt.

Trước tiên là giác ngộ cao về lý tưởng cộng sản. Đó là người luôn đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, tức là

họ gạt bỏ được chủ nghĩa cá nhân, không lấy của công làm của riêng. Điều này nói thì dễ nhưng làm không dễ, nhất là khi người ta có chức có quyền, những cám dỗ đến từ chủ quan, khách quan luôn xảy ra, rất dễ khiến người ta sa ngã. Để giữ được mình, mỗi người phải đấu tranh với bản thân quyết liệt mới chiến thắng được kẻ thù “nội xâm” trong con người mình. Gian khổ là chỗ ấy.

Điều thứ hai là lập trường, tư tưởng phải kiên định. Người có lập trường, tư tưởng vững chỉ nói và làm theo chủ trương, nghị quyết của Đảng, không làm những điều có hại cho uy tín của Đảng, lợi ích của nhân dân. Để được như vậy phải biết bồi bổ niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng. Phải vững vàng trước những tác động của kẻ xấu. Phải có trình độ lý luận, có hiểu biết thực tiễn để giải thích, thuyết phục người nghe làm theo mình thì chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mới đi vào quần chúng được. Người đảng viên mà không hiểu biết bằng (hoặc hơn) quần chúng thì làm sao lãnh đạo họ? Người có lập trường vững sẽ có cách nhìn, có quan điểm đánh giá vấn đề đúng đắn. Và để có cái nhìn đúng phải có trình độ, kiến thức về lĩnh vực đó.

Phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng cũng như với người dân thật tốt, trong sáng. Bác Hồ từng dạy, phải giữ gìn đoàn kết như giữ gìn con ngươi của mắt mình, cho thấy sự quan trọng của đoàn kết như thế nào. Nhưng không phải để đoàn kết mà xuê xoa, không làm tốt tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống những sai trái của bản thân, của đồng chí; phải tạo sự thống nhất nội bộ để củng cố, tăng cường đoàn kết một cách thực chất chứ không phải tạo ra sự “bằng mặt” mà không “bằng lòng”. Nếu có được sự vô tư, khách quan, động

cơ trong sáng, vì lợi ích chung, tôn trọng đồng chí và có phương pháp phê bình đúng thì việc phê bình, góp ý đó sẽ có tác dụng tốt, đồng chí được góp ý sẽ “tâm phục, khẩu phục”.

Một tiêu chuẩn nữa cũng vô cùng quan trọng, không thể thiếu của người cán bộ đảng viên, là tính tổ chức, kỷ luật, luôn gắn bó với tập thể, tính trung thực với tổ chức, với đồng chí, gia đình và ngay với cả bản thân nữa. Người đảng viên phải là người có tính tự giác cao...

Cán bộ, đảng viên cũng phải có tinh thần tôn trọng và học tập tập thể, học tập quần chúng, nhân dân. Phải giữ gìn uy tín của Đảng và của mình thật tốt... Phải có lối sống giản dị, lành mạnh, nghĩa tình, yêu thương đồng chí, đồng đội, đồng bào; “mình vì mọi người” thì mới có quyền nghĩ đến “mọi người vì mình”...

Tóm lại, đảng viên có những đặc tính mà người bình thường không có – hoặc có mặt này mà thiếu mặt khác. Đó là tính tiên phong, tính gương mẫu, tính chiến đấu, tính kỷ luật, tính quần chúng...

Tất cả những điều nêu trên, người cán bộ, đảng viên phải học tập rèn luyện thật tích cực, lâu bền chứ không phải ngày một ngày hai mà có được. Học ở đâu? Học ở trường, ở sách báo, học ở đồng chí, ở nhân dân và cả từ kinh nghiệm của bản thân.

Việc rèn luyện phẩm chất, đạo đức ở mỗi người khác nhau có thể nhanh hay chậm khác nhau nhưng ai cũng phải có quá trình học tập phấn đấu chứ không dễ mà có ngay.

Không có gì hay và thiết thực hơn là chúng ta học những tấm gương tiêu biểu về phẩm chất người cộng sản. Một tấm gương hàng đầu cho ta học tập là Bác Hồ. Học ở Bác theo những chủ đề Đảng đang hướng dẫn và cả những điều từng người thấy cần, có ích cho mình. Chúng ta còn có rất nhiều anh hùng là những tấm gương sáng nên học ở họ. Đó là những người kiên trung, giữ tròn phẩm chất người chiến sĩ cách mạng, người cộng sản, thực hiện xuất sắc nhiệm vụ của mình, khó khăn không sờn lòng, hiểm nguy không khuất phục... Nhờ có họ mà Đảng ta mới giành được những thắng lợi to lớn như hôm nay...

Việc học tập của cán bộ, đảng viên phải thường xuyên, học suốt đời, còn sống là còn học. Tùy từng người, từng lúc mà đề ra yêu cầu học cái gì để phù hợp với mình. Người còn làm việc có yêu cầu học tập khác với người đã nghỉ hưu, người trẻ tuổi khác với người lớn tuổi..., nhưng ai cũng nên học. Học để làm việc, học để làm người, sự học ấy không bao giờ gọi là đủ.

Mỗi đảng viên phải không ngừng rèn luyện và học tập. Có vậy mới đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, mới giữ vững và nâng cao phẩm chất, đạo đức.

ĐẢNG VỚI MÙA XUÂN DÂN TỘC

Cứ mỗi độ Xuân về Tết đến, ta lại nghe vui rộn ràng lời hát: “Đảng đã cho ta một mùa xuân đầy ước vọng. Một mùa xuân tươi tràn ánh sáng khắp nơi. Đảng đã đem lại tuổi xuân cho nước non...”. Bài “Đảng đã cho ta một mùa Xuân” của Phạm Tuyên được nhiều người hát, sôi nổi, khí thế nhất để vui đón Xuân.

Đất nước Việt Nam yêu dấu của chúng ta có sự trùng hợp thú vị. Đảng ta ra đời mùa xuân 1930. Từ đó, cứ mỗi lần đất nước vào Xuân cũng là lúc ta mừng Đảng thêm một tuổi, mùa xuân càng thêm tươi sắc, bội phần ý nghĩa – nhất là từ khi nước nhà sạch bóng quân thù.

Từ mùa Xuân 1930 trở đi, có Đảng lãnh đạo, đất nước ta có những kỳ tích làm dày thêm trang lịch sử nước nhà.

Xuân năm 1941, có một người con của dân tộc trước đó 30 năm ra đi tìm đường cứu nước trở về.

*“Bác đã về đây Tổ quốc ơi
Nhớ thương hòn đất ấm hơi Người*

*Ba mươi năm ấy chân không nghỉ
Mà đến bây giờ mới tới nơi...”*

(Theo Chân Bác – Tố Hữu).

Xuân 1942: Giữa núi rừng Việt Bắc, Bác Hồ viết cuốn lịch sử Việt Nam vào tháng 2-1942, Người đã báo trước “Việt Nam độc lập 1945”.

Mùa xuân 1946, tháng 1 ngày 6, toàn dân đi bỏ phiếu bầu Quốc hội đầu tiên để lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Bác Hồ – vị lãnh tụ tối cao của dân tộc đã trúng cử với số phiếu cao nhất là 98,4%. Đó là “xuân” đưa quốc dân ta lên con đường mới mẻ, là xuân đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng quyền dân chủ của mình, là Xuân “mỗi người nên vui vẻ hưởng quyền lợi của một người dân tộc độc lập, tự do”.

Mùa xuân 1951: Đảng ta tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II. Đó là Đại hội:

- Xây dựng một Đảng Lao động Việt Nam rất mạnh mẽ.
- Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.
- Xây dựng Việt Nam dân chủ mới.
- Góp sức vào việc giữ gìn dân chủ thế giới và hòa bình lâu dài.

Xuân Mậu Thân 1968, đã đi vào lịch sử, đó là mùa Xuân Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt của quân dân miền Nam tạo ra một bước ngoặt lịch sử trong cuộc chiến tranh, buộc địch phải lùi vào chiến lược phòng ngự trên toàn chiến

trường. Cuộc tổng tiến công này là bước tập dợt cho cuộc Tổng tiến công toàn thắng mùa Xuân 1975. Vì thế, đất nước vào Xuân 1968 như Bác Hồ có thơ chúc Tết:

*Xuân này hơn hẳn mấy năm qua
Thắng lợi tin vui khắp nước nhà
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta.*

Xuân 1975: Cuộc tổng tiến công với chiến dịch mang tên người Anh hùng dân tộc vĩ đại Hồ Chí Minh, đã đánh bại đế quốc Mỹ, đưa giang sơn về một mối, cả nước chung sức, chung lòng bảo vệ độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Mùa Xuân 2000: Đó là mùa xuân cuối cùng của thế kỷ 20, thế kỷ mà với dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam dưới sự dẫn dắt của người anh hùng vĩ đại Hồ Chí Minh thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng: Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước. Đó là mùa Xuân Đảng Cộng sản Việt Nam Quang Vinh kỷ niệm 70 tuổi, tổng kết đợt 1 của công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng để Đảng làm tròn sứ mệnh của Đảng cầm quyền, tiếp tục lãnh đạo dân tộc, đất nước và cùng với đất nước, dân tộc bước sang thế kỷ XXI, đi vào xây dựng cơ đồ Việt Nam đàng hoàng, to đẹp, văn minh hơn.

Mùa Xuân 2001: Đảng ta tiến hành Đại hội IX – Đại hội phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mùa Xuân 2011: Ngày 21 tháng 1, Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Đại hội XI:

– Bổ sung và phát triển cương lĩnh 1991. Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh, bền vững. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao hiệu quả khoa học, công nghệ; phát triển kinh tế tri thức. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị – xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.

– Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tiếp tục đổi mới, nâng cao công tác cán bộ; thường xuyên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết đã có Ban Chấp hành Trung ương Hội nghị lần thứ tư về “Một số vấn đề cấp bách và xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay” nhằm đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một số bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Chúng ta tin tưởng qua tự phê bình và phê bình từ Bộ Chính trị, Ban Bí thư xuống từng đảng viên, mỗi người sẽ gột rửa được tính ích kỷ, cơ hội, danh lợi, tiền tài, địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc – lối sống theo chủ nghĩa cá nhân – ảnh hưởng vô cùng tai hại đến uy tín của Đảng với nhân dân.

Mùa Xuân 2016, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XII họp tại Hà Nội, từ ngày 20 đến 28 tháng 01 năm 2016, là Đại hội có sự chuẩn bị kỹ về nội dung và nhân sự, nhằm chọn lựa những người có đủ năng lực, phẩm chất chính trị vào cơ quan lãnh đạo cao nhất của đất nước.

Cuộc sống của Đảng ta gắn liền với lợi ích nhân dân ta, dân tộc ta. Lịch sử sẽ còn tiếp nối những trang ghi nhớ những sự kiện hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn với mùa Xuân dân tộc, đi tới tương lai, ở những mùa xuân mới tươi đẹp, đem hạnh phúc cho mọi người dân Việt.

Đầu tháng 1-2016

MỪNG XUÂN, NHỚ ƠN ĐẢNG

Mỗi lần mùa Xuân về đều mang theo những cột mốc dấu ấn của đất nước, con người. Mùa Xuân này kỷ niệm 85 năm thành lập Đảng, 40 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, nó có ý nghĩa là cột mốc quan trọng của toàn Đảng, toàn quân toàn dân Việt Nam. Ngày nay người dân Việt được sống trong thanh bình, được hưởng tự do, độc lập, có cuộc sống hạnh phúc là nhờ có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo chống xâm lược, đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, giành lại non sông gấm vóc của con Hồng cháu Lạc.

Đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta bị thực dân Pháp bắt đầu đánh vào Đà Nẵng từ năm 1858. Khi hoàn tất việc chiếm đóng, chúng đặt hệ thống cai trị vô cùng tàn ác suốt hơn tám mươi năm. Nhiều sĩ phu yêu nước đứng lên khởi nghĩa mong giành lại chủ quyền cho dân tộc. Nhưng những cuộc kháng chiến ấy liên tiếp bị đế quốc Pháp dim trong biển máu. Cảnh đời người dân bị nô lệ tăm tối không tìm thấy được con đường cứu lấy nước nhà.

Trong lúc bế tắc ấy thì có một người thanh niên sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo ở Nghệ An là Nguyễn Tất Thành ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Người tìm thấy, chọn lựa theo chủ nghĩa Mác-Lênin, đưa về nước, tổ chức ra Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương), để tập hợp quần chúng, nhân dân đấu tranh giành lại độc lập. Đầu năm 1941, Người về nước lấy tên mới là Hồ Chí Minh, chuẩn bị lực lượng, lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền trong tay quân phiệt Nhật ngày 19 tháng Tám 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2/9/1945 với Bản Tuyên ngôn Độc lập bất hủ đọc tại vườn hoa Ba Đình Hà Nội.

Nhưng rồi đế quốc Pháp trở lại xâm chiếm nước ta một lần nữa. Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ lại lãnh đạo toàn dân đứng lên làm cuộc kháng chiến trường kỳ chín năm giành được nửa nước độc lập ở phía Bắc.

Thay chân Pháp sau Hiệp định Genève, đế quốc Mỹ lập chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm rồi Nguyễn Văn Thiệu làm tay sai chống lại cách mạng Việt Nam. Thấy bọn tay sai không thể thực hiện được việc chống lại công cuộc giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền Mỹ phải đưa quân trực tiếp chiến đấu với Quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Đế quốc Mỹ đã dùng tất cả các loại vũ khí hiện đại nhất tính đến thời đó, rải cả chất độc da cam ở miền Nam, (chỉ chưa dám dùng vũ khí hạt nhân), đánh phá cả hai miền Nam Bắc nước ta. Chúng gây không biết bao nhiêu tội ác cho đồng bào ta... Nhưng không một sức mạnh nào có thể khuất phục được ý chí chống ngoại xâm của người dân Việt yêu nước. Cuối cùng Mỹ phải ký Hiệp định Paris cuốn cờ về

nước. Hai năm sau ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Một học giả người Nhật Bản tên Shingo Shibata đã nhận định:

“Rồi đây nhân loại trên thế giới không biết còn cần bao nhiêu thiên niên kỷ nữa thì mới có thể cắt nghĩa được vì sao Việt Nam thắng đế quốc Mỹ. Vì sao cực nghèo thắng cực giàu, cực nhỏ thắng cực lớn, cực lạc hậu thắng cực tiên tiến...? Theo ông, “Ngoài con người Việt Nam thì có lẽ Việt Nam không có gì để thắng Mỹ”. Ông Shibata nói đúng nhưng chưa đủ. Cũng con người Việt Nam, nhưng tám mươi năm bị Pháp đô hộ, nhiều cuộc khởi nghĩa đều thất bại. Chỉ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có lãnh tụ Hồ Chí Minh thì mới thực hiện được việc giành được độc lập, thống nhất đất nước. Điều đó cho chúng ta thấy nhờ có sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Bác Hồ, biết tổ chức, huy động toàn dân đánh ngoại xâm, biết tranh thủ sự ủng hộ của các nước và nhân dân tiến bộ trên thế giới... mới giải phóng được đất nước. Công lao là của Nhân dân yêu nước, nhưng người chỉ đạo, tổ chức cho mọi người thực hiện thắng lợi là của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập ngày 3-2-1930, vào dịp Tết Âm lịch. Vì vậy, hàng năm khi Xuân về Tết đến cũng là dịp cả nước mừng Xuân, mừng Đảng thêm một tuổi mới. Trong không khí ấm áp của những ngày Xuân tươi thắm năm nay 2015, đánh dấu quá trình lãnh đạo giành độc lập và phát triển đất nước của Đảng ta, vào tuổi 85, cái tuổi với con người là đã già, nhưng với một đảng như Đảng Cộng

sản Việt Nam thì sức sống càng mạnh mẽ hơn, vì Đảng luôn có lực lượng trẻ tiếp nối, số lượng đảng viên ngày càng đông, ai cũng được đào tạo qua các Trường, Học viện Chính trị, chuyên môn lớn, để trình độ đủ theo kịp đà phát triển của thời đại ngày nay thế giới đang thay đổi rất sôi động, nhanh chóng.

Mừng Xuân, mừng Đảng Xuân này, mọi người chúng ta lại nhớ công ơn trời biển của Đảng và Bác Hồ đã đưa dân tộc ta đến bến bờ vinh quang, hạnh phúc, để mỗi người con đất Việt có được như hôm nay. Chúng ta cùng nhau phấn đấu xây dựng kinh tế, phát triển đất nước ngày một giàu mạnh, có đủ sức bảo vệ nền độc lập, tự chủ, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo, tài sản quý giá và thiêng liêng mà cha ông để lại, không cho bất cứ thế lực nào xâm lấn.

VÌ SAO PHẢI CHỐNG ĐA ĐẢNG

Một số người ở nước ngoài và cả trong nước họ đòi Việt Nam phải đa đảng, có đa đảng mới “cạnh tranh” nhau mà lãnh đạo đất nước “tốt” hơn độc đảng hiện nay. Họ đã ký kiến nghị đòi sửa đổi Hiến pháp, lấy lại tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thời Cách mạng Tháng Tám 1945. Vì thời đó Cụ Hồ chấp nhận “bắt tay” với các đảng phái đối lập như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đảng Đại Việt v.v...

Chúng ta hãy trở lại thời điểm 1945-1946 của đất nước xem lúc ấy tình hình “đa đảng” có làm cho đất nước mạnh hay làm cho rối rắm thêm, ảnh hưởng như thế nào trong việc đối phó với “giặc ngoài”?

1. Trước tiên, phải xem lại lịch sử của nước ta giai đoạn từ khi Pháp đánh chiếm và đô hộ nước ta cho đến khi có Đảng Cộng sản Việt Nam (sau đổi thành Đảng Cộng sản Đông Dương) ra đời và làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, giành chính quyền về tay nhân dân.

Nhiều cuộc nổi dậy của các sĩ phu yêu nước nào là Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân... có phạm vi nhỏ riêng lẻ chưa đủ sức mạnh nên bị thực dân Pháp dìm trong biển máu. Cho tới năm 1930, Việt Nam Quốc Dân Đảng do Nguyễn Thái Học là Đảng trưởng làm cuộc khởi nghĩa Yên Bái cũng thất bại thảm hại, 13 liệt sĩ lên đoạn đầu đài. Một số người chạy trốn qua Trung Quốc như Vũ Hồng Khanh... cũng không thể làm được gì dù từ tháng 3-1945, Nhật đã hất cẳng Pháp ở Đông Dương. Những người tự xưng là nhà cách mạng ấy vẫn theo bọn Tàu Tưởng chờ đến khi họ vào miền Bắc Việt Nam để giải giáp quân phiệt Nhật mới theo về nước.

Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập từ năm 1930, có cơ sở của đảng ở cả ba kỳ. Năm 1941, khi Nguyễn Ái Quốc về nước, Đảng Cộng sản Đông Dương họp Hội nghị lần thứ 8, xác định đường lối cách mạng và cho ra đời Mặt trận Việt Minh tập hợp tất cả mọi lực lượng yêu nước thì sức mạnh đã chuyển thành một khối thống nhất vượt qua tất cả những lực lượng giả hiệu cách mạng khác chỉ cát cứ ở một số địa phương hạn hẹp như Cao Đài, Hòa Hảo trong Nam, Quốc Dân Đảng, Đại Việt... phía Bắc.

2. Do chuẩn bị chủ động nên Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chớp thời cơ cướp chính quyền trong tay quân phiệt Nhật, trong thời điểm Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh ngày 15-8-1945 thì ngày 19-8-1945 ta đã giành chính quyền ở Hà Nội, sau đó ngày 23-8, ở Huế, (Bảo Đại phải Tuyên bố thoái vị ngày 25-8, ông nói: “Muốn được làm Dân một nước tự do, hơn làm vua một nước bị trị), chậm nhất ở

Sài Gòn cũng chỉ đến 25-8-1945, đã giành xong chính quyền cũng từ tay quân Nhật.

Cụ Hồ Chí Minh là nhà lãnh đạo tài năng xuất chúng đã chuẩn bị từ trước nên chiều ngày 2-9-1945, tại vườn hoa Ba Đình Hà Nội, Chính phủ Cách mạng Lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch đã làm lễ long trọng Tuyên bố Việt Nam độc lập với toàn thể đồng bào trong nước và các nước trên thế giới. Sau khi nước Việt Nam Tuyên bố độc lập, theo phân công của Đồng Minh thảng phát xít Đức - Ý - Nhật, quân đội Tưởng Giới Thạch vào giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra, bọn Việt Nam Quốc dân đảng, Đại Việt... mới theo đám người nước ngoài về nước dựa vào họ gây sức ép với Chính phủ Cách mạng Lâm thời của Cụ Hồ đòi chia phần lãnh đạo! Có phải là bọn họ là một lũ người “nằm chờ sung rụng” mà hưởng không?

Để tránh tình trạng các đảng phái gây ra những điều bất lợi cho chính quyền còn non trẻ, đất nước vừa trải qua cơn đại nạn, quân Nhật đã vơ vét thóc gạo khiến cho hơn hai triệu người một số tỉnh miền Bắc bị chết đói, Cụ Hồ và Đảng Cộng sản đã nhường cho họ những chức vụ quan trọng như: Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh đều được ưu tiên đảm đương chức vụ cao là Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Nguyễn Tường Tam là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Chưa hết, họ không ra ứng cử nhưng cũng dành cho họ 70 ghế đại biểu Quốc hội đương nhiên để cho họ tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trước thế lực quân Pháp đang trở lại xâm chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ một lần nữa. Những người có công cướp Chính quyền của Việt Minh phải nhường ghế cho họ cũng vì

quyền lợi tối thượng đất nước và để thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tất cả các đảng phái, các tầng lớp, các tôn giáo miễn là họ thật sự vì độc lập tự do cho dân tộc,

Nhưng...

Trước sự nhân nhượng và thành tâm của Đảng Cộng sản, của lực lượng Việt Minh – người có công giành Chính quyền – thì các đảng phái phản động chống phá quyết liệt, họ cấu kết với quân của Tưởng Giới Thạch muốn lật đổ Chính phủ của Cụ Hồ, nhưng không làm được. Khi quân Tàu Tưởng rút về nước họ lại cấu kết với quân Pháp nhằm tạo ra một sự cố nhân kỷ niệm ngày Quốc khánh Pháp 14-7-1789, khi quân Pháp diễu hành kỷ niệm lễ tại Hà Nội. Do Chính phủ ta nắm được âm mưu của hai đảng Đại Việt và Việt Nam Quốc dân đảng lập kế hoạch bắn ném lựu đạn và đoàn quân Pháp diễu hành để cấu kết lật đổ Chính phủ của ta, Công an Bắc Bộ và Công an Hà Nội đã kịp phá án vào ngày 12-7, trước đó có hai ngày, vô hiệu hóa các âm mưu thâm độc của chúng.

Họ (những đảng phái đối lập) này đâu có cộng tác với Việt Minh, họ chỉ muốn xóa bỏ chính quyền do Việt Minh lập ra. Trong phiên họp Quốc hội lần thứ hai tại Hà Nội, ngày 28-10-1946, hai đảng Việt Nam Quốc dân đảng và Đại Việt không tán thành lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cách, bài Tiến quân ca làm Quốc kỳ và Quốc ca của nước Việt Nam độc lập. Họ muốn dùng lá cờ của Quốc dân đảng thì làm sao những người Việt Minh chấp nhận. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên quyết bảo vệ và tuyên bố: Không ai có quyền

thay đổi lá cờ đỏ sao vàng đã từng thấm máu của nhân dân Nam bộ trong cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ 1940.

3. Những người đòi trở lại thời kỳ những năm 1945-1946, đa đảng là những ai, họ có là người yêu nước như họ “gào thét” không?

Khảo sát xem những người từng to tiếng yêu cầu đa đảng này chúng ta thấy rõ họ là những hạng người sau:

– Bọn nguy quân, nguy quyền từng làm tay sai cho thực dân rồi để quốc cướp nước ta. Chúng nhiều thế hệ: ông, cha rồi tới con nối nhau làm tay sai cho nước ngoài. Khi thua cuộc năm 1975, tháo chạy hay được Nhà nước cho ra định cư nước ngoài, họ còn nướn tiếc một thời ăn bơ sữa cặn nên mong có ngày lật đổ chế độ do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

– Những kẻ bất mãn chế độ này, bao gồm những người có phết từ thời còn chiến tranh và những người thuộc diện ngày nay không được chế độ trọng dụng, trong đó có những người thuộc hàng con cháu của những người có công thời dựng nước. Còn có những người nay không còn giữ chức quyền nên bất mãn, thối mắc kiểu “không ăn được thì đập đổ”.

Tất cả bọn họ chỉ là những kẻ chỉ vì quyền lợi cá nhân chứ chẳng có ai thật sự là người vì dân, không phải là người yêu nước thật sự.

Họ luôn tìm những khiếm khuyết của Đảng, Nhà nước, hơn thế chúng còn bịa đặt, xuyên tạc những điều “ít xít cho nhiều” để nói xấu Đảng Cộng sản, nhằm hạ uy tín trong nhân dân. Nếu Đảng Cộng sản mạnh, vững chắc thì chúng

khó thực hiện được ý đồ, âm mưu đen tối, nên muốn Đảng Cộng sản yếu. Và cái mấu chốt mà họ mong là có đa đảng để họ tranh giành quyền lãnh đạo bằng cách lật đổ chế độ hiện nay.

Cho đa đảng chắc chắn sẽ gây ra cảnh tranh giành, thậm chí những kẻ cơ hội, bọn phản động sẽ không chừa tội ác nào, giết hại những người yêu nước chân chính để thỏa mãn những ham muốn cá nhân của họ.

Do vậy, để bảo vệ chế độ, Đảng ta phải đấu tranh khắc phục những khiếm khuyết, chống tham nhũng cho mạnh, trừng trị những kẻ lợi dụng chức quyền tham lam làm tổn hại thanh danh, uy tín của Đảng. Chúng ta phải đoàn kết, giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, của Nhà nước hiện tại. Có vậy mới giữ ổn định xã hội, người dân mới có được yên vui hạnh phúc.

SUY NGHĨ NHÂN NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG

Trong bài thơ *Ba mươi năm đời ta có Đảng*, Tố Hữu viết năm 1960, có đoạn:

... “Ôi nhớ những năm nào thuở trước
Xóm làng ta xơ xác héo hon
Nửa đêm thuế thúc, trống dồn
Sân đình máu chảy, đường thôn lính đầy..
Con đói lả ôm lưng mẹ khóc
Mẹ đợ con đấu thóc cầm hơi
Kiếp người cơm vãi, cơm rơi
Biết đâu nẻo đất phương trời mà đi...”.

Trước ngày độc lập 2-9-1945, đất nước ta chìm đắm trong đêm dài nô lệ. Đoạn thơ trên cho ta biết thực trạng xã hội Việt Nam dưới thời thuộc Pháp và phong kiến, người dân khổ đau cùng cực như thế nào.

Nhận lãnh sứ mạng dẫn đường cho giai cấp và dân tộc đứng lên đấu tranh đập tan xích xiềng nô lệ, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Quá trình tranh đấu với quân thù đã có biết bao người con của Đảng như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai và nhiều người khác đã bị địch bắt bớ, tù đày, đưa ra pháp trường... Dẫu xương tan thịt nát nhưng những người cộng sản quyết không lùi bước, người trước ngã xuống hy sinh, hàng ngàn hàng vạn người sau tiếp nối đứng lên theo con đường đấu tranh của Đảng. Họ nhường cơm sẻ áo cho nhau, tình đồng chí thương yêu thật cao thượng; lòng trung thành, thủy chung với Đảng, kiên cường như gan đồng dạ sắt, không kẻ thù nào khuất phục nổi.

... “Tù lao, máy chém, chiến trường
 Dẫu tan nát thịt còn vương vấn hồn
 Chết nằm xuống còn hôn cờ Đảng
 Chết còn trao súng đạn, quên đau
 Chết còn trút áo cho nhau
 Miếng cơm dành để người sau ấm lòng..”

(Ba mươi năm đời ta có Đảng – Tố Hữu)

Kỷ niệm ngày thành lập Đảng năm nay, đất nước ta hoàn toàn độc lập, hòa bình, thống nhất đã hơn 35 năm, chúng ta đang công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, dân chủ – công bằng – văn minh. Nhiệm vụ cách mạng đã thay đổi yêu cầu tiêu chuẩn người đảng viên cũng khác với thời kháng chiến. Trong chiến tranh, ai dũng cảm, diệt nhiều địch, người đó được tuyên dương, sớm được đứng vào đội ngũ của Đảng.

Trong xây dựng đất nước, để nắm vững, ứng dụng tốt khoa học kỹ thuật, đòi hỏi phải có lực lượng cán bộ, đảng viên có trình độ học vấn cao, có chuyên môn giỏi, phải được đào tạo bài bản thì mới đáp ứng được nhiệm vụ đang đặt ra. Ai học giỏi, lập thành tích xuất sắc trong lĩnh vực công việc đảm nhiệm thì được tuyên dương, khen thưởng, được bồi dưỡng đưa vào đội ngũ của Đảng, trở thành lớp người kế thừa cho tương lai. Đó là đúng với quy luật của sự phát triển mà đất nước đang cần.

Ngày xưa trong kháng chiến, người chiến sĩ thiếu thốn đủ điều, ăn đói mặc rách, đầu trần chân đất. Người cán bộ, đảng viên phải đồng cam cộng khổ với mọi người, “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” để có ngày toàn thắng. Ngày nay người cán bộ, đảng viên sống với gia đình riêng, có điều kiện lo cho mình, không ít người có nhà cao cửa rộng. Tư tưởng cá nhân chủ nghĩa có đất sống mạnh mẽ, ngự trị, chi phối từng ngày, từng giờ trong họ. Chính nó đã đẩy họ làm nhiều việc sai trái như tranh giành địa vị, ganh tị, chèn ép đồng chí mình, kết bè kéo cánh, tạo ô dù, chạy chọt đủ cách. Đã có không ít cán bộ, đảng viên vi phạm, sai trái nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng trong nhân dân.

Vì vậy, thời hòa bình phải cần giáo dục đảng viên nhiều hơn nữa, rèn luyện tư tưởng, đạo đức cách mạng, luôn đặt lợi ích của Đảng, của dân lên trên lợi ích riêng. Người cán bộ, đảng viên – nhất là đảng viên có chức, có quyền – phải nhớ và làm theo lời Bác Hồ dạy: “Lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, “khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ mình trước, khi

hưởng thụ thì mình nên đi sau”⁽¹⁾. “Việc gì có lợi cho dân thì dù ít cũng làm, việc gì có hại cho dân thì dù nhỏ cũng hết sức tránh, nhờ có thế mới được lòng dân”⁽²⁾. Cán bộ phải là công bộc của dân. Bác Hồ từng phê phán, yêu cầu các cấp chính quyền phải xử lý kỷ luật thật nghiêm với các “quan cách mạng”.

Trước khi đi xa, Người đã dặn dò trong Di chúc: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đẩy tớ thật trung thành của nhân dân”. Khi Đảng cầm quyền, người đảng viên có chức vụ, được giao cho quyền, nếu thiếu tu dưỡng rất dễ thoái hóa, biến chất. Đây là điều Bác Hồ đã thấy trước. Người nhắc nhở, giáo dục chúng ta rất nhiều.

Chúng ta xây dựng đất nước, kinh tế có phát triển nhưng chưa phải là nước giàu, đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều thiếu thốn, khó khăn, thu nhập rất thấp. Học Bác Hồ về tiết kiệm, đừng lãng phí tiền bạc của dân cũng là một việc làm rất có lợi cho mọi cán bộ, đảng viên, nhất là những người nắm và chi tiền của quốc gia. Phải luôn tự nhắc nhở mình: bớt lòng ham muốn cá nhân một chút và luôn vì lợi ích chung. Hãy sống, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh một cách nghiêm túc, chân thành để trở thành người cán bộ, đảng viên

(1) Đấy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia, 2007, tr.35

(2) Hồ Chí Minh, sự hình thành một nhân cách lớn, Trần Thanh Bình, NXB Trẻ, 2009, tr.130

tốt, làm tròn nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao cho. Phải sống cho xứng đáng với những người đã hy sinh.

Dù là cán bộ, đảng viên hay một người dân bình thường, ngày nay được sống trong thanh bình, tự do, được tự hào là người Việt Nam, ai cũng hiểu rõ đó là nhờ có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, chiến đấu, nhờ Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời hy sinh vì dân tộc mà có. Chúng ta luôn ghi nhớ công ơn sâu nặng và làm theo lời Người dạy.

Xin phép được thay một từ trong một câu thơ *Ba mươi năm đời ta có Đảng* của nhà thơ Tố Hữu, làm lời kết của bài viết này:

*“... Người đi trước, nghìn sương muôn tuyết
Đất dàu dân, nước Việt Nam ta
Bạc phơ mái tóc người cha
“Tám mốt” năm Đảng nở hoa tặng Người”.*

VỀ TINH THẦN LẠC QUAN CÁCH MẠNG

Lạc quan là người có cách nhìn, thái độ tin tưởng ở tương lai tốt đẹp. Thí dụ: Sống lạc quan yêu đời.

Lạc quan cách mạng là người cách mạng luôn tin tưởng vào tiến đồ tương lai xán lạn của cách mạng. Lạc quan cách mạng có cơ sở khoa học, không phải lạc quan vô căn cứ. Những người tin tưởng vào những điều không thực tế thường bị cho là lạc quan tếu.

Bất cứ sự vật nào cũng phải được xây dựng trên cơ sở nhận thức của con người. Lạc quan cách mạng cũng vậy. Nhưng, những người cách mạng khác với con người bình thường ở việc nhận thức được quy luật phát sinh, phát triển của xã hội loài người. Vì vậy, có những việc họ nhìn thấy xa hơn ở tương lai nên niềm tin giúp cho họ vượt qua mọi gian nan nguy hiểm, cả hi sinh mạng sống của mình phấn đấu cho tương lai của đất nước, dân tộc. Người chiến sĩ cộng sản Việt Nam đầu tiên Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, là nhà cách

mạng luôn lạc quan trong mọi hoàn cảnh. Khi Người sang Trung Quốc, bị quân Tưởng bắt giam đày qua hàng chục nhà tù, chịu bao gian nan, vất vả, nhưng Người vẫn thể hiện tinh thần lạc quan: “Ngâm thơ ta vốn không ham/ Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây/ Ngày dài ngâm ngợi cho khuây/ Vừa ngâm “vừa đợi đến ngày tự do” (Khai quyển – Nhật ký trong tù), hay: “Ngoại cảm’ trời Hoa cơn nóng lạnh/ “Nội thương” đất Việt cảnh lâm than/ Ở tù mắc bệnh càng cay đắng/ Đáng khóc mà ta cứ hát tràn!” (Ốm nặng – Nhật ký trong tù)...

Suốt thời gian bị giam, Bác vẫn giữ phong cách ung dung của một chiến sĩ cách mạng là luôn tin tưởng ngày trở về với đồng chí, đồng bào.

Về nước, Người phải sống trong hang Cốc Bó, thiếu thốn gian khổ đủ bề, nhưng Bác vẫn lạc quan cách mạng: “Sáng ra bờ suối tối vào hang/ Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng/ Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng/ Cuộc đời cách mạng thật là sang!” (Tức cảnh Pác Bó).

Chúng ta biết những nhà cách mạng tiền bối như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai... trước khi hi sinh luôn tin tưởng cách mạng sẽ giành thắng lợi cuối cùng. Ngay như anh Nguyễn Văn Trỗi, người thanh niên công nhân mới tham gia cách mạng vài năm, khi bị bắt, địch tra tấn dã man, đưa ra pháp trường nhưng anh vẫn hiên ngang hô to “Hồ Chí Minh”. Trong kháng chiến, sống trong rừng, đói cơm, thiếu muối, gian khổ vô cùng, bom đạn thù luôn trút xuống hy sinh bất cứ lúc nào, nhưng người chiến sĩ cách mạng vẫn luôn lạc quan tin tưởng tuyệt đối sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo sẽ giành toàn thắng.

Một tấm gương lạc quan cách mạng nhiều người biết là đồng chí Phạm Hồng Sơn (1922 – 1967), Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 307 anh hùng, một tiểu đoàn nổi tiếng nhiều phen làm quân Pháp phải bạt vía kinh hồn; anh đã cùng đồng đội lập nên nhiều chiến công. Nhưng không may trong trận cuối cùng chống giặc càn tại Long Châu Hà, anh bị thương do dính mảnh đạn vào cột sống. Ra miền Bắc năm 1954, anh được điều trị tại Quân y viện 103. Liệt nửa người, đại tiện, tiểu tiện không làm chủ, thường xuyên sốt cao và chịu những cơn đau buốt giằng xé, lở loét nửa thân người dưới, chịu cuộc sống nặng nề. Một lần, Chính ủy Cục Quân y tới thăm, ông gợi ý anh em có thể tự học ngoại ngữ tạo niềm vui trên giường bệnh và khỏi bỏ phí thời gian. Cả phòng hưởng ứng, lao vào học. Được vài tuần, mọi người lần lượt bỏ hết. Riêng Phạm Hồng Sơn là trụ được. Từ sáng sớm đến chiều tối, với một ngọn đèn tù mù, mỗi ngày Sơn học thuộc 40 từ, sau nâng lên 50, 60 từ. Thời gian như ngừng lại, không lê thê như trước. Tư tưởng bi quan không còn chỗ đứng. Càng học càng thấy khó, nhưng Sơn đã vượt qua cái khó này và cả sự đau đớn của những cơn đau hành hạ, nhất là mùa Đông giá rét tê cóng thấu xương. Và Phạm Hồng Sơn đã trở thành một dịch giả, chuyển ngữ nhiều tác phẩm văn học của Nga được các nhà xuất bản trân trọng in phát hành. Một tờ báo của Liên Xô lúc đó đã có bài viết ca ngợi Phạm Hồng Sơn và tặng anh danh hiệu “Paven Corsagin của Việt Nam”...

Công tác tư tưởng đã góp phần rất quan trọng trong việc xây dựng và giữ vững tinh thần lạc quan ấy. Một trong những loại hình nghệ thuật góp phần to lớn là âm nhạc. Có thể nói mà không quá lời, có những bản nhạc tạo sức mạnh

như cả một sư đoàn; có những bài hát làm xao xuyến, rung động bao trái tim, thúc giục bao người hăng say chiến đấu không sợ hy sinh, gian khổ.

Ngày xưa trong kháng chiến, tư tưởng lạc quan cách mạng là vũ khí sắc bén của người cán bộ, chiến sĩ. Ngày nay, trong hòa bình, tinh thần lạc quan cách mạng vẫn là tài sản không thể thiếu với tất cả mọi người. Ai cũng cần có niềm tin, lúc nào cũng cần có niềm tin và sự lạc quan, nhưng lạc quan cách mạng phải được xây dựng có căn cứ, có cơ sở vững chắc. Như vậy, lạc quan cách mạng không phải là mơ hồ, là lạc quan tếu.

Mỗi người cần xây đắp cho mình tinh thần lạc quan cách mạng để có thêm sức mạnh trên cho đường đi tới. Lạc quan cách mạng là vốn quý của mỗi cán bộ, đảng viên, khi lạc quan yêu đời sẽ hăng hái khi làm việc và có năng suất, hiệu quả cao. Lạc quan cách mạng cần được nuôi dưỡng trong tư tưởng, tình cảm của mỗi người.

ĐÔI ĐIỀU VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA

Năm 1977, từ một cán bộ tôi được đề bạt làm Phó ban Tổ chức Huyện ủy kiêm nhiệm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy. Cả hai công việc đều chưa được đào tạo về chuyên môn, nên tôi vừa làm vừa tìm tòi tự học về nghiệp vụ. Tôi đọc được một bài viết về công tác kiểm tra. Có thể nói tài liệu đó quan trọng đứng thứ hai sau bài học “Năm bước công tác” mà tôi đọc lúc mới hoạt động cách mạng bí mật ở Sài Gòn. Nó đã giúp cho tôi hiểu biết cơ bản về công tác kiểm tra, hình thành tư duy đúng đắn, dẫn đường thành qua quá trình công tác về sau.

Xin ngắn gọn mấy điểm:

1. *Kiểm tra trước*: Trước khi tiến hành làm một công việc đều phải có bước chuẩn bị chu đáo. Để nắm chắc việc chuẩn bị đến đâu ta phải thực hiện công tác kiểm tra. Kiểm tra kỹ, đầy đủ để thấy có gì thiếu sót cần bổ sung, có gì cần điều chỉnh... Khi đã yên tâm với kết quả chuẩn bị thì triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra.

Chúng ta vẫn thường nói: “Chuẩn bị kỹ, thực hiện tốt”. Công tác kiểm tra phục vụ cho việc chuẩn bị đó gọi là kiểm tra trước.

2. *Kiểm tra lúc đang thực hiện*: Dù cho công việc lớn hay nhỏ, thời gian dài hay ngắn, khi đang thực hiện ta cũng phải nắm chắc những việc đang làm ra sao, có đảm bảo đúng với yêu cầu đã đặt ra hay không. Vậy nên việc phải làm là kiểm tra. Đối với những việc có quy mô lớn, dài ngày, kế hoạch đề ra có sơ kết thì việc kiểm tra sẽ giúp ta đánh giá đúng bản chất; trên cơ sở đó rút kinh nghiệm, bổ sung cho những việc sẽ làm tiếp theo...

3. *Kiểm tra sau*: Khi công việc sắp xong hoặc đã xong ta phải đánh giá kết quả đã thực hiện như thế nào. Để giúp cho việc đánh giá đúng, chính xác, nhất thiết phải kiểm tra lại những gì đã kiểm tra. Đây là kiểm tra sau hay kiểm tra kết thúc một công việc, một đợt công tác, một công trình...

Xin lấy ví dụ: Muốn phát triển một đảng viên ta phải kiểm tra lý lịch, nhận thức, giác ngộ, động cơ vào Đảng... của người cảm tình Đảng đó để báo cáo với chi bộ và cấp trên (kiểm tra trước). Khi đảng viên mới đó được kết nạp, suốt thời gian dự bị, đồng chí đảng viên giới thiệu phải gần gũi giúp đỡ, giáo dục, uốn nắn... để đảng viên mới đủ tiêu chuẩn khi xét chuyển Đảng chính thức. Đó là kiểm tra đang thực hiện của người đảng viên dự bị. Khi xét đề nghị chính thức, tất nhiên phải kiểm tra xem đồng chí ấy phấn đấu các mặt như thế nào, đã tiến bộ ra sao... Đây là kiểm tra sau.

Như vậy, ta hiểu rằng công tác kiểm tra vô cùng quan trọng, nó cần thiết phải tiến hành từ khi chuẩn bị, trong thời

gian đang làm và cả khi công việc kết thúc, không thể bỏ qua bước nào cả.

Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, có nói rằng: “Lãnh đạo mà không kiểm tra coi như không có lãnh đạo”. Chúng ta thấy trong thực tế rất đúng như vậy. Không ít vụ việc nơi này, nơi khác từ cấp cao đến cơ sở do buông lỏng kiểm tra nên xảy ra tiêu cực, khuyết điểm, sai phạm nặng nề.

Chính câu nói của đồng chí Lê Duẩn đã dạy cho cán bộ, đảng viên biết cách làm việc, dự đoán, lựa chọn việc gì cần làm (kiểm tra), làm thế nào cho tốt.

Không chỉ có cấp trên kiểm tra cấp dưới mà tự mình phải kiểm tra công việc đang làm. Điều này là vô cùng cần thiết, nó giúp ta nắm chắc, tự đánh giá kết quả chính xác, hơn nữa còn tạo cho mình tính cẩn thận, trách nhiệm với công việc tự tin với bản thân. Qua đó lãnh đạo, tập thể tin tưởng, yên tâm khi giao việc cho mình.

Công tác kiểm tra giúp người lãnh đạo nắm bắt vấn đề kịp thời, sâu sát thực tiễn, từ đó đề ra chủ trương đúng đắn. Ta thấy rất rõ phong cách lãnh đạo sâu sát của đồng chí Võ Văn Kiệt. Đồng chí thường đi cơ sở, trực tiếp làm việc tại chỗ, tai nghe mắt thấy và hỏi rất kỹ, chi tiết. Cách làm này vừa nắm bắt tình hình từ cơ sở để định ra chủ trương phù hợp, vừa làm cho cán bộ cấp dưới phải nắm chắc vấn đề mới báo cáo. Cách kiểm tra của đồng chí Võ Văn Kiệt nhẹ nhàng, cán bộ cấp dưới thoải mái, còn lãnh đạo thì hiểu vấn đề tường tận, đánh giá được năng lực cán bộ để có hướng sử dụng.

Người lãnh đạo không thể kiểm tra tất cả mọi việc mà phải nghe báo cáo tình hình qua cán bộ chuyên môn. Người cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra là những người được tin cậy, đã qua đào tạo nghiệp vụ mới làm tròn công việc được giao.

Về phương pháp kiểm tra, tùy trường hợp, công việc mà để ra kế hoạch cho phù hợp. Phải đảm bảo dân chủ, tôn trọng nơi được kiểm tra. Người, nơi được kiểm tra phải báo cáo trung thực, chính xác những việc đang cần kiểm tra để người kiểm tra tiếp cận dễ dàng, thuận lợi. Người làm kiểm tra phải đánh giá khách quan, vô tư, không thiên vị...

Trong đời sống làm việc của một con người bình thường hoặc một giáo viên, cán bộ, đảng viên, bí thư chi bộ, bí thư đảng ủy tới người lãnh đạo cấp cao, trong làm việc đều phải làm công việc kiểm tra. Tùy cương vị công tác mà áp dụng kiểm tra khác nhau. Ở vị trí lãnh đạo cao thường kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm. Người làm trực tiếp thì kiểm tra thường hơn. Cán bộ cơ sở hay cán bộ chuyên môn thì phải kiểm tra kỹ việc mình đang làm... Có thể nói kiểm tra luôn là “bạn đường” đồng hành với công việc. Ai biết và làm tốt công tác kiểm tra và tự kiểm tra sẽ thành công. Ai lơ là, bỏ ngỏ, không kiểm tra việc mình và cấp dưới làm thì sớm hay muộn gì cũng “gật” phải khuyết điểm, thậm chí thất bại!... Vì vậy, với cán bộ quản lý, không kiểm tra ắt không thể quản lý tốt.

BÀN VỀ HỒNG VÀ CHUYÊN

“**H**ồng” là từ để chỉ một người giác ngộ cao, trình độ hiểu biết chuyên sâu về chính trị, mang tính giai cấp, ở đây có nghĩa là người giác ngộ cao về chủ nghĩa cộng sản.

“Chuyên” là trình độ chuyên môn về một ngành nghề nào đó, là năng lực để thực hiện một nhiệm vụ, một chức trách nào đó.

Đảng ta yêu cầu một cán bộ phải có đủ trình độ cả hai lĩnh vực chính trị và chuyên môn, trong đó cái gốc là chính trị, chuyên môn là quan trọng. Tại sao chính trị quan trọng hơn chuyên môn? Câu nói “hồng trước chuyên sau”, “hồng thấm thì chuyên mới thâm” không phải chỉ là tiêu chuẩn cho một cán bộ thời chiến mà ngày nay trong hòa bình xây dựng, trình độ khoa học kỹ thuật phát triển cao, một cán bộ tốt vẫn phải có đủ hai yếu tố hồng và chuyên. Nếu chỉ có hồng mà không có chuyên sẽ không đáp ứng được nhu cầu phục vụ hay lãnh đạo. Nếu chỉ đơn thuần chuyên môn mà không có trình độ chính trị thì không khác gì con người chỉ đứng một

chân, sẽ không vững vàng. Có trình độ chính trị là điều kiện cho chuyên môn phát triển.

Chúng ta đều hiểu rõ, chính trị là sự giác ngộ về giai cấp, xác định chỗ đứng của người cán bộ phục vụ nhân dân, phục vụ giai cấp. Người cán bộ cách mạng là công bộc của dân, luôn đặt mình toàn tâm toàn ý vì nhân dân phục vụ. Những người có tinh thần giác ngộ cao, được tổ chức giáo dục và rèn luyện lâu năm mới có được tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc. Người chưa giác ngộ, chưa được giáo dục đúng mức có thể động cơ, mục đích của họ làm việc chỉ để lãnh lương, làm cho xong việc, có khi chất lượng không cao. Vì vậy, người có chuyên môn thôi chưa đủ mà phải học tập, rèn luyện nâng cao trình độ giác ngộ về chính trị, để có thái độ làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Vì vậy, song song với chuyên môn, người đó phải có hồng nên đủ cả hai: vừa hồng vừa chuyên.

Khi Cách mạng tháng Tám mới thành công, đa số các cán bộ chiến sĩ xuất thân từ công nông, họ có giác ngộ về giai cấp nhưng trình độ văn hóa còn thấp nên hạn chế khả năng làm việc. Để khắc phục, Đảng ta đã tổ chức bồi dưỡng nâng trình độ văn hóa và chuyên môn, qua đó dần đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng đang đòi hỏi. Ngược lại, có một số trí thức có trình độ học vấn cao, nhưng giác ngộ chính trị còn thấp thì Đảng đã đưa họ tham gia công tác, “ba cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) với công nhân và người lao động để góp phần nâng giác ngộ giai cấp cho họ. Cách làm ấy sẽ khắc phục được mặt yếu kém cho từng đối tượng, tạo cho cán bộ một năng lực mới đảm bảo vừa hồng vừa chuyên.

Ngày nay, thanh niên có điều kiện học tập để có trình độ văn hóa nghiệp vụ, bắt kịp trình độ khoa học kỹ thuật ở tầm cao, đáp ứng nhiệm vụ thời đại mới. Đây là một lợi thế so với các thế hệ cha anh trước kia. Có người quan niệm rằng, tốt nghiệp đại học có trình độ chuyên môn, là trí thức rồi, chỉ cần trau dồi thêm nâng cao chuyên môn cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) là đủ, không cần trở thành người đảng viên, không vững về chính trị cũng không sao. Quan niệm này không đúng. Chuyện phấn đấu trở thành đảng viên không chỉ đơn thuần là giác ngộ chính trị mà còn giúp cá nhân trở thành một người sống có lý tưởng, có phẩm chất đạo đức (đạo đức cộng sản), một nhân cách tốt (tư cách đảng viên).

Một cán bộ tốt đủ chuẩn chất phải vừa hồng vừa chuyên, nghĩa là nếu chỉ chịu thực hiện đúng luật công chức chỉ mới được điều kiện “cần”, phải khép mình sống trong tổ chức tiên phong gương mẫu của Đảng nữa mới có “đủ” tiêu chuẩn một cán bộ công chức của chế độ. Hơn nữa, khi trở thành người đảng viên rồi còn phải tiếp tục rèn luyện, phấn đấu nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo để đáp ứng nhiệm vụ được cấp trên giao theo yêu cầu của Đảng. Tức phải được đào tạo nâng cao trình độ lý luận, có nhân sinh quan đúng, có quan điểm quần chúng, nhận thức đúng dẫn những vấn đề đang diễn ra, có phương pháp làm việc tốt, phương thức lãnh đạo một đơn vị, ngành nghề...; đồng thời không ngừng tự học, tự rèn luyện để dần nâng mình lên.

Mặt khác, người cán bộ có trình độ chính trị thấp, không tương xứng với trình độ chuyên môn, có thể người đó sẽ không vững vàng về tư tưởng, lập trường cách mạng theo

yêu cầu một cán bộ trong hệ thống chính trị của đất nước. Không chỉ vậy, nếu bản thân không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện mà bị tác động, lôi kéo hoặc “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” thì với trình độ chuyên môn sẵn có có thể gây hại cho tổ chức, cho Đảng, cho chế độ không nhỏ. Do vậy, phải đào tạo song song để một người phát triển đủ hai yếu tố hồng và chuyên mới đảm bảo yêu cầu một cán bộ vì dân, phục vụ nhân dân. Hệ thống chính trị của chế độ ta đòi hỏi một người phải có “hồng” và “chuyên” mới có đủ chuẩn chất cơ bản.

Trong thực tế, có một số người có trình độ học vấn cao, có chuyên môn cao, đã đứng vào hàng ngũ của Đảng, nhưng họ không thường xuyên rèn luyện, phấn đấu nên “sắc hồng” trong họ dần dần phai nhạt và dẫn đến việc họ xa rời, thậm chí phản bội lại tổ chức. Cũng có không ít người có trình độ học vị cao, nhưng không có trình độ chính trị, người đó thường dễ mơ hồ trong nhận thức, đôi khi có phát biểu và hành động không hợp chuẩn. Không chỉ vậy, cũng có người có học vị cao, nhưng nhận thức chính trị lệch lạc, trở thành kẻ tiếp tay cho các thế lực chống phá Đảng và Nhà nước ta, thậm chí đứng hẳn về phía đối lập.

Trong giai đoạn hiện nay, đối với cán bộ công chức, đảng viên, yêu cầu quan trọng là phải tăng cường giáo dục, nâng cao trình độ chính trị; mặt khác còn phải qua bố trí công tác, thử thách từ thực tiễn cuộc sống, giúp họ có lập trường chính trị vững vàng, đạo đức lối sống phù hợp. Bên cạnh đó, thực tế khách quan luôn tác động cả mặt tốt lẫn xấu vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm từng người; có người hôm qua biểu hiện tích cực, nhưng hôm nay có biểu hiện lệch lạc. Làm sao giữ cho họ được “hồng” càng ngày càng

thấm, “chuyên” càng ngày càng sâu, là yêu cầu quan trọng trong việc giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên. Bản thân mỗi người phải luôn nỗ lực rèn luyện không ngừng để trau dồi cả về chính trị và chuyên môn. Mặt khác, tập thể, tổ chức phải chú ý giúp đỡ, uốn nắn cho đồng chí mình khi thấy có những lệch lạc về nhận thức, những diễn biến về tư tưởng với phương châm “trị bệnh cứu người” kịp thời thì sẽ giữ được cán bộ, bảo vệ sự trong sáng của mỗi đảng viên, tức là bảo vệ sự trong sạch của Đảng.

CHỮ KÝ VÀ TRÁCH NHIỆM

Người cán bộ được Đảng, Nhà nước bổ nhiệm giao cho chức vụ, khi nhậm chức, công việc trước tiên là lấy chữ ký “mẫu” để thông báo đến các địa phương, các cơ quan có quan hệ công tác. Từ đó, người thủ trưởng (hoặc thủ phó) này bắt đầu ký các văn bản theo thẩm quyền.

Chữ ký thể hiện cho một quyết định, hoặc ghi nhận một trách nhiệm của tập thể hoặc cá nhân về một vấn đề, một sự việc. Do vậy, điều vô cùng quan trọng là quá trình ra quyết định. Quyết định đúng làm tăng giá trị, quyết định sai sẽ làm giảm, thậm chí mất uy tín người có chữ ký đó. Dù đó là quyết định tập thể hay cá nhân thì người ký vẫn phải chịu trách nhiệm trước tiên.

Những chữ ký không để lại hậu quả, khi nó ra được quyết định đúng với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; phù hợp với thực tế cuộc sống, vì lợi ích chung của nhân dân. Đó là tính “hợp pháp” và “hợp lý” của một văn

bản. Nhưng, việc “vận hành” guồng máy không phải lúc nào cũng trơn tru, giúp người có trách nhiệm ra quyết định đúng đắn cả. Không ít trường hợp ra quyết định sai, người ký phải lãnh trách nhiệm, tạm phân ra các trường hợp:

Trường hợp thứ nhất: có thể do thiếu thông tin hoặc xử lý thông tin không tốt, không sâu sát thực tế, bị bệnh quan liêu gây ra. Nói chung là do trình độ năng lực yếu kém mà ra quyết định sai. Trường hợp này đã xảy ra nơi này, nơi khác. Nhưng thật đáng trách với những người khi được giao chức vụ thì vui mừng, hồ hởi. Khi làm sai, bị kiểm điểm thì nói là do trình độ hạn chế, tìm cách đổ lỗi cho khách quan, này nọ để chống chế hòng làm giảm nhẹ trách nhiệm. Phải chi họ từ chối không nhận lãnh chức vụ để khỏi gây hậu quả.

Trường hợp thứ hai: những giấy tờ thuộc “thủ tục hành chính” được người giúp việc làm sẵn, trình ký. Hồ sơ nhiều, dồn ứ, thời gian ít, người ký tin cấp dưới... thiếu kiểm tra. Khi phát hiện sai thì đã trót rồi.

Do đó, tùy tính chất quan trọng thế nào, người có trách nhiệm phải đọc kỹ rồi mới ký.

Trường hợp thứ ba: do nể nang mà ký. Trường hợp này không nhiều, nhưng có xảy ra. Tôi có quen một đồng chí trưởng phòng, bí thư chi bộ một sở ở Thành phố Hồ Chí Minh. Do nể nhau, cũng vì thân tình mà ký xác nhận sai nội dung, và thẩm quyền (trách nhiệm này là của trưởng phòng khác) trong hồ sơ cảm tình Đảng. Khi bị phát hiện, anh bị kỷ luật cảnh cáo và đưa ra khỏi diện quy hoạch phó giám đốc sở.

Trường hợp thứ tư: do phẩm chất đạo đức người có quyền hạn sa sút, dùng chữ ký của mình để làm điều sai trái. Tùy theo cương vị mỗi người, tính chất, mức độ sự việc lớn nhỏ mà tác hại nặng nhẹ khác nhau. Điều này không chỉ xảy ra trong lĩnh vực kinh tế mà ở cả các lĩnh vực khác. Những sai phạm đó không phải dễ phát hiện ngay để ngăn chặn. khi “thấy” thì khối “u nhọt” đã quá to. Cũng không ít vụ việc chưa lộ diện vì được “che đậy” quá kỹ.

Trường hợp này là đáng lo ngại nhất.

Để ngăn ngừa những “chữ ký” có hại, công việc vô cùng quan trọng là lựa chọn người (công tác cán bộ). Cần phải xem xét, đánh giá một con người hết sức khách quan, vô tư, hiểu đúng, có niềm tin ở họ khi trao chức vụ.

Đề nghị nên chú trọng tiêu chuẩn chọn người có trách nhiệm cao, làm việc thận trọng, biết cân nhắc đắn đo trước một sự việc: nên hay không nên. Ký có lợi gì, không ký có hại gì cho lợi ích chung và ngược lại – chú không vì tư lợi... Và cũng không được thiếu yếu tố tập thể, cơ quan cấp trên hay cơ quan có thẩm quyền giám sát, “nhòm ngó” để ngăn chặn kịp thời.

Ông cha ta xưa có câu “bút sa, gà chết”. Ngày nay, bút sa không phải “gà chết”, mà là “người chết”!

Vì vậy, hãy cẩn trọng trước khi hạ bút ký một văn bản quan trọng. Phải có trách nhiệm cao trong việc sử dụng chữ ký của mình, đối với nhiệm vụ chung và cả việc riêng.

VẤN ĐỀ VỀ QUAN ĐIỂM

Quan điểm, nói nôm na là cách người ta nhìn nhận, suy nghĩ về một sự vật, một vấn đề, một con người. Trong bài này, xin bàn đôi điều về vấn đề quan điểm và cách cư xử trong cuộc sống, trong công tác.

Quan điểm của một người luôn bị chi phối bởi lập trường, quyền lợi, giai cấp. Do đó, cùng một vấn đề nhưng với lợi ích khác nhau, góc nhìn khác nhau thì nhìn nhận khác nhau. Nhiều khi, vì sự khác nhau đó mà đôi bên có mâu thuẫn đối kháng với nhau mặt mắt một còn.

Quan điểm do tư tưởng lập trường chi phối, nhưng cũng có trường hợp từ quan điểm làm cho con người thay đổi lập trường. Xem quan điểm ta biết lập trường người đó thế nào, tốt hay xấu, ta hay địch. Quan điểm còn bị chi phối bởi những chủ trương của người lãnh đạo, của tổ chức... Khi đó, nó không còn là quan điểm cá nhân nữa mà là quan điểm của tập thể, của tổ chức. Tất nhiên quan điểm – cách nhìn nhận, giải quyết vấn đề – đúng hay sai là do người ta nhìn

nhận vấn đề đó có sát, hiểu đúng hay chưa. Quan điểm đúng sẽ để ra chủ trương đúng và ngược lại.

Ngay những người cùng chung một chế độ, cùng lý tưởng cũng không phải không có sự nhìn nhận vấn đề và có cách giải quyết khác nhau. Đó là những trường hợp do trình độ, hiểu biết và có khi do động cơ khác nhau mà họ nhìn nhận một vấn đề, một sự việc khác nhau. Cũng có khi chỉ do phương pháp làm việc không giống nhau cũng dẫn đến bất đồng, tranh cãi, phải có người khác phân định ai đúng ai sai. Những việc nhỏ nếu không khéo giải quyết, có khi thành bất đồng lớn hơn, không dung hòa được, thành ra mất đoàn kết. Nếu là mất đoàn kết giữa cá nhân với cá nhân thường không gây hại lớn, chứ bất đồng giữa nhiều người với chế độ thì tai hại sẽ không nhỏ.

Trong tình hình hiện nay, con người bị tác động nhiều chiều từ cuộc sống, xã hội, tư duy được cởi mở hơn, người ta muốn “tự do tư tưởng” theo cá nhân, cách tiếp cận vấn đề không còn thuần như trước, những khuynh hướng tư tưởng, quan điểm lệch lạc nảy sinh ở nhiều người. Một số người phát ngôn bừa bãi, vô kỷ luật, hòa theo những kẻ sai trái, chống đối, gây bất lợi cho lợi ích chung của đất nước.

Trong cuộc sống có vô vàn sự việc thể hiện vấn đề quan điểm của con người nhìn vấn đề, từ đại sự quốc gia cho đến việc nhỏ ở địa phương, của một vài cá nhân. Xin nêu vài thí dụ. Thời kỳ sau ký Hiệp định Paris, trong khi nhiều địa phương không tích cực đánh trả lại quân đội Sài Gòn lấn chiếm đất vùng giải phóng, thì dưới sự chỉ đạo của Khu ủy, quân dân Khu 9 kiên quyết đánh trả những đợt giặc càn lấn

chiếm và ta giữ được đất, địch phải thoái lui. Đây là cách nhìn nhận, đánh giá địch đúng đắn, từ đây giúp cho lãnh đạo nhìn nhận đúng vấn đề ta – địch; và người chỉ huy quân sự của Khu 9, đồng chí Lê Đức Anh, được phong vượt cấp từ Đại tá lên Trung tướng.

Gần đây, khi Nhà nước vận động nhân dân đóng góp ý kiến về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992, nhiều người, trong đó không ít trí thức, có người từng giữ chức vụ cao trong hệ thống lãnh đạo đất nước, với những động cơ, nhìn nhận khác nhau, đã có những đòi hỏi vô lý. Trung ương Đảng, Quốc hội lắng nghe, cân nhắc ra các quyết định có lợi nhất cho đất nước.

Vấn đề quan điểm thường dễ gây tranh cãi nhất. Phải xem sự việc đó nằm trong phạm vi thế nào, rộng tầm quốc gia, địa phương hay vụ việc nhỏ. Phải xem vấn đề mâu thuẫn đến đâu mà có cách giải quyết cho phù hợp. Nếu đến mức có hại cho lợi ích quốc gia, ta phải đấu tranh quyết liệt, thậm chí một mất một còn để bảo vệ quyền của dân tộc. Nếu chỉ ở mâu thuẫn nhỏ, nội bộ, ta cần đấu tranh làm rõ đúng sai cho bên sai nhận thấy, đồng thuận. Tránh “nâng quan điểm” với một việc đơn giản, làm vấn đề thêm trầm trọng, có khi dẫn đến sai lầm nghiêm trọng hoặc đẩy người trong cuộc đến chỗ tiêu cực. Có những việc phải có sự chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, có sự lãnh đạo của Đảng...

Tóm lại, trong công việc cũng như cuộc sống hiện tại, trong sinh hoạt đảng hay ứng xử, giao tiếp với nhau, có thể có cách nhìn nhận vấn đề khác nhau giữa người này người khác. Trong một số vấn đề có tính nguyên tắc như lợi ích

của đất nước, của dân tộc, mục tiêu, lý tưởng của Đảng... cần thiết phải làm cho những người khác nhau đó có nhận thức đúng như nhau, nhất là với cán bộ, đảng viên. Muốn vậy, phải có phương pháp giáo dục, xây dựng, thậm chí đấu tranh, thực sự phù hợp mới đạt kết quả. Với một số sự việc, không được đồng thuận, cần có ý kiến chỉ đạo của cấp ủy có thẩm quyền. Đó là sự chỉ đạo, lãnh đạo cần thiết để thống nhất quan điểm.

Ai xa rời sự lãnh đạo của Đảng, thì dễ mắc sai phạm, có khi nghiêm trọng, không chỉ không tốt cho bản thân mà có thể gây hại cho Đảng, cho đất nước, cho nhân dân.

ĐỨC TÍNH TRUNG THỰC, TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẢNG VIÊN

Chủ đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, chuyên đề năm 2015 là: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về trung thực, trách nhiệm; gắn bó với nhân dân; đoàn kết xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”.

Đặt trung thực trong chủ đề học tập và làm theo Bác năm 2015 lên hàng đầu vì trung thực là cái cốt lõi của đạo đức. Đó là trung thực với Đảng, với nhân dân, trung thực với anh em đồng đội, trung thực với chính bản thân mình.

Trung thực để tự đánh giá, tự phê bình, để thực hiện phê bình. Trung thực để chống lại sự giả dối. Trung thực còn chống lại cả chủ nghĩa cơ hội. Người có đạo đức phải là người trung thực. Trung thực từ suy nghĩ, đến việc làm, hành động, ứng xử. Quan trọng nhất là trung thực với chính nhân dân của mình. Nhân dân là người chủ, cán bộ đảng viên là đầy tớ, công bộc của dân. Người trung thực là người

biết nhận lỗi, dũng cảm nhận lỗi và có quyết tâm sửa lỗi. Nhân dân coi đó là thước đo tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với người dân như thế nào. Người trung thực thì sẽ có lòng tự trọng, biết trọng danh dự, trọng liêm sỉ, trọng khí tiết. Như thế mới chống được tham nhũng, bởi tham nhũng xảy ra với người có chức, có quyền. Trung thực còn có tác dụng giúp cho Đảng ta đẩy mạnh giáo dục đạo đức, hỗ trợ việc chống tham nhũng có hiệu quả.

Người trung thực là người biết trọng chân lý và trọng đạo lý, biết nhận ra lẽ phải và sai trái, biết phê phán cái sai, khẳng định cái đúng. Hiệu quả sâu xa là bảo vệ lợi ích và quyền lợi của người dân, chống lại tất cả những gì vi phạm quyền làm chủ của dân. Đó cũng là tính trách nhiệm.

Người cán bộ, đảng viên phải gần dân, gần bó với nhân dân, dựa vào sức mạnh sáng tạo, học nhân dân, hành động thiết thực đem lại lợi ích cho dân. Muốn gần bó với dân, phải luôn đề cao trách nhiệm. Phải tự chịu trách nhiệm với công tác, với tổ chức, với con người, với chính bản thân mình. Yếu tố trách nhiệm này cũng là một trong những biểu hiện của đạo đức cách mạng.

Chủ đề học tập và làm theo Bác năm nay gắn với lời dạy của Bác Hồ: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Trong Di chúc, Bác căn dặn: “Từ Trung ương tới chi bộ phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”. Bác chọn vấn đề đầu tiên trong Di chúc là Đảng. Bác lại chọn đoàn kết là vấn đề đầu tiên trong Đảng. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng thì phải củng cố đoàn kết. Từ kinh nghiệm thực tiễn cho thấy,

người không vượt qua được chủ nghĩa cá nhân, vướng vào vòng danh lợi, ích kỷ, bon chen, vụ lợi thì dễ xảy ra mất đoàn kết. Đoàn kết phải thật sự bằng hành động chứ không phải bằng lời nói suông. Đây cũng là cách để sửa chữa những sai lầm đã mắc phải, phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, nêu cao năng lực cán bộ, đảng viên, mục đích phục vụ nhân dân tốt hơn, hiệu quả hơn.

Để học tập và làm theo đạo đức của Bác có kết quả, mỗi đảng viên cần phải: tự mình học tập nghiên cứu, đọc những bài viết, bài nói của Bác, phải thấy được Bác đã thực hành trung thực, trách nhiệm như thế nào trong suốt cuộc đời, học như thế nào để nâng cao nhận thức. Đây là tiền đề cho mọi hành động.

Bên cạnh đó, từng tổ chức đảng phải có chương trình hành động, mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, người lao động cũng phải vạch ra chương trình phấn đấu của cá nhân thiết thực, cụ thể, xuất phát từ công việc được giao, từ chuyên môn, từ cương vị của mình để thực hiện một cách tốt nhất theo phương châm “nói ít, làm nhiều”, chủ yếu là hành động; luôn luôn không quên lời Bác dặn là nêu gương.

Đảng ta đã có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về đổi mới và nâng cao hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Cơ sở là nơi gần dân nhất. Trong Nghị quyết này, có một đoạn nói về tư cách của người đảng viên trong sự nghiệp đổi mới. Nghị quyết chỉ ra mỗi cán bộ, đảng viên phải thể hiện được 3 tư cách:

Một là, phải là người lao động giỏi. Người lao động giỏi mới nêu gương cho nhân dân.

Hai là, phải là người công dân gương mẫu. Đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng như một bộ luật của Đảng. Đồng thời đảng viên cũng là công dân, nhưng phải là công dân gương mẫu, sống, làm việc tuân thủ đúng luật pháp. Đảng viên giữ cương vị và trách nhiệm cao, càng phải là một công dân gương mẫu.

Ba là, mỗi đảng viên phải là một chiến sĩ tiên phong trong công cuộc đổi mới, thực hiện được mục tiêu của công cuộc đổi mới là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Tiên phong của đảng viên trong đổi mới trước hết là tư duy đổi mới, chống giáo điều, trì trệ, bảo thủ, tiên phong trong hành động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Tiên phong trong việc xây dựng khối đoàn kết trong Đảng, trong dân để củng cố sự đồng thuận trong xã hội và cũng là động lực để phát triển. Bây giờ, thiết thực nhất là tiên phong trong phòng chống các tiêu cực và tệ nạn xã hội, nhất là tham nhũng, để đất nước phát triển tốt đẹp.

Trong giai đoạn hiện nay, đó chính là 3 tư cách của người đảng viên phải nỗ lực phấn đấu thực hiện. Đó cũng là cách thiết thực nhất để làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Tính trung thực, trách nhiệm, gắn bó với nhân dân, đoàn kết xây dựng Đảng, là yêu cầu cần thiết đối với từng cán bộ, đảng viên, là tiêu chuẩn mỗi người phải phấn đấu rèn luyện, tu dưỡng suốt đời. Có như vậy họ mới xứng đáng là người đảng viên.

TÂM TÌNH CỦA MỘT ĐẢNG VIÊN

1- Cách mạng tháng Tám thành công tôi vừa 5 tuổi, được sống trong xã hội mới của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Lớn lên đi học chỉ biết tội ác thực dân, phong kiến qua sách vở. Đến thời chống Mỹ tai nghe mắt thấy cảnh bất công, tàn ác dã man của chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm, tôi chọn con đường theo kháng chiến do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, vì tin rằng Cách mạng sẽ đem lại công bằng, dân chủ cho mọi người. Sự lựa chọn ấy là đúng đắn. Tôi trở thành người đảng viên của Đảng.

Học tập, tìm hiểu lịch sử đấu tranh của Đảng, tôi nhận thức rõ Đảng ta là một đảng chiến đấu vì lợi ích giai cấp vô sản, người lao động và dân tộc. Điều này từ trước chưa có chế độ nào, đảng nào làm. Đảng đào tạo được nhiều cán bộ, đảng viên tài năng, kiên cường bất khuất trước quân thù, sẵn sàng hy sinh cá nhân bảo vệ Đảng, vì lợi ích của nhân dân. Sự nghiệp của Đảng thật vĩ đại.

Nhiều thế hệ con yêu của Đảng, của dân tộc đã đổ xương máu để có ngày “Mỹ cút” rồi “ngụy nhào”, đất nước được liền một dải, giải phóng miền Nam, giải phóng cho tôi⁽¹⁾.

(1) Tôi bị Mỹ bắt giam tại Nhà tù Phú Quốc, được trao trả sau Hiệp định Paris 1973.

2- Đảng ta có lãnh tụ tài ba xuất chúng là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người suốt đời quên cá nhân mình, chỉ biết vì dân vì nước. Người dạy cán bộ, đảng viên phải biết lo cho dân, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, “khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”⁽¹⁾. Câu nói “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” của Người là phương châm hành động của Người, của Đảng. Người đã tập hợp ngày càng đông đảo lực lượng theo cách mạng...

Cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh giản dị hơn tất cả mọi sự giản dị của người đời, thanh bạch trong sáng hơn cả gương soi. Bác khéo từ chối Huân chương của Đảng, Nhà nước Liên Xô, Huân chương của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vì rằng: để đến khi giải phóng miền Nam rồi nhân dân miền Nam trao cho Bác. Bác luôn vì miền Nam, thương nhớ, đau đớn vì còn chịu đọa đày của quân xâm lược và tay sai. Khi Người nằm xuống, chỉ có bộ quần áo mặc thường ngày và đôi dép cao su từng băng đồng lợi suốt lúc sinh thời. Không chỉ Đảng ta, dân tộc ta ca ngợi Người mà hầu hết những người tiến bộ trên thế giới cũng hết lời ca tụng Người là vị lãnh tụ xuất chúng. Nhiều người từng là kẻ thù như De Gaulle, Salan, McNamara... đều kính trọng Người khi họ viết, nói về Bác. Sainteny viết trong hồi ký: “Do hiểu biết rộng, ứng xử thông minh, hoạt động rất tích cực, tuyệt đối không nghĩ đến riêng tư, Người đã được nhân dân tin yêu, không ai sánh kịp”.

(1) Sách *Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, NXB Chính trị Quốc gia 1-2007, trang 35.

3- Ngày nay, Đảng lãnh đạo đất nước tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa, là bạn với tất cả các nước, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đất nước đã thay da đổi thịt, đời sống người dân được cải thiện, lòng dân yên hơn, tin Đảng hơn. Những thành tựu to lớn ấy đã khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta hoàn toàn đúng đắn.

Mặt trái của kinh tế thị trường cũng gây ra không ít vấn đề chúng ta không mong muốn, nhưng chưa ngăn ngừa, phòng chống, diệt trừ được. Điều này đã gây băn khoăn lo lắng trong tâm tư, nguyện vọng của nhiều người. Tình trạng tiêu cực, xa hoa lãng phí, tư tưởng hưởng thụ ngoài xã hội đã len lỏi vào trong không ít đảng viên.

Việc khuyến khích làm giàu chân chính là đúng. Vì dân giàu, nước sẽ mạnh. Song, không ít người giàu từ chủ trương bất cập (ở địa phương), những sơ hở trong chính sách, yếu kém về quản lý, luật pháp chưa hoàn chỉnh. Họ lợi dụng triệt để điều ấy để “chạy chọt” làm giàu bất chính. Cũng không ít người giàu có nhờ vào “chênh lệch địa tô” mà họ “tước đoạt” của nông dân – với giá rẻ mạt. Chuyện đất đai, quy hoạch có người giàu lên, đồng thời cũng làm cho không ít trường hợp người có đất bị thu hồi phải nghèo khổ, phát sinh bất công. Chênh lệch về đời sống, thu nhập trong dân ngày càng xa cách lớn thêm. Trong xã hội hình thành “tầng lớp trên” trong đó không ít người là cán bộ, đảng viên có chức có quyền. Chắc ít nhiều đã có đảng viên thoái hóa đến độ trong lòng họ xa rời Đảng, trở thành “quan cách mạng”.

Không thể hiểu được những người đó họ học và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh kiểu gì?

4- Con người là cá thể độc lập, dù họ sống trong tổ chức nhưng vẫn có cái “riêng” trong cái “chung”. Khi người ta để lòng ham muốn quá lớn vượt xa phạm vi được phép, họ đã có sự thay đổi về chất (rất kín đáo đâu dễ thấy!). Tôi nghĩ Đảng không chỉ giáo dục chính trị mà cần phải “tiếp sức” cho cán bộ, đảng viên bằng nhiều biện pháp hữu hiệu khác nữa.

Nhân nào quả đó. Trong gia đình cha mẹ có mẫu mực, nghiêm khắc răn dạy thì con cái mới nên người. Ở phạm vi quốc gia cũng vậy. Kỷ cương phép nước nghiêm – đúng nghĩa – thì cán bộ, đảng viên sẽ tự giữ mình tốt. Cán bộ làm sai tùy theo mức độ phải xử cho “thấu tình, đạt lý” chứ không vì quen thân mà xuê xoa, người không ưa thì trừ dập. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói trong thư gửi các đồng chí Bắc Bộ: “Nhiều nơi các đồng chí phạm lỗi, nhưng không bị trừng phạt xứng đáng, có đồng chí bị hạ tầng công tác nơi này, đi nơi khác lại ở nguyên cấp cũ hay chỉ bị hạ tầng công tác theo hình thức, nhưng vẫn ở cấp cũ làm việc.

Có đồng chí đáng phải trừng phạt, nhưng vì cảm tình nể nang chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa cho xong chuyện. Thậm chí còn có nơi che đậy cho nhau, tha thứ lẫn nhau, lừa dối cấp trên, giấu giếm đoàn thể. Thi hành kỷ luật như vậy làm cho đồng chí không những không biết sửa lỗi mình mà còn khinh thường kỷ luật. Tai hại hơn nữa nếu kỷ luật của Đoàn thể lỏng lẻo, những phần tử phản động sẽ có cơ hội chui vào hàng ngũ ta để phá hoại Đoàn thể ta”⁽¹⁾.

(1) Hồ Chí Minh toàn tập. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995, tập 5, trang 71-75.

Trong kháng chiến chống Pháp, án tử hình Cục trưởng Trần Dụ Châu về tội tham ô đã có tác dụng giáo dục ngăn ngừa người khác, đã gián tiếp trang bị “vũ khí” cho người chiến sĩ cách mạng “đánh” thắng kẻ thù “nội xâm” trong lòng họ. Ngày nay Đảng, Nhà nước ta cần xử lý thật nghiêm để kẻ có tư tưởng “hy sinh đời bố, củng cố đời con” từ bỏ tham vọng làm giàu bất chính.

5- Trước kia tôi tin tưởng đi theo Đảng. Nay tôi vẫn tin và nguyện trung thành với Đảng đến ngày xuôi tay nhắm mắt. Tôi tin rằng Đảng ta luôn là đảng vì giai cấp công – nông, bên vực người nghèo khổ. Đảng khuyến khích, tạo thuận lợi cho bất cứ ai có tài năng làm giàu chính đáng. Đảng cũng sẽ sửa đổi những chủ trương chưa sát cuộc sống để người dân không bị thiệt thòi.

Hiện tiêu cực ẩn nấp, che giấu phía sau, chắc Đảng ta phải ngăn và diệt, không để nó vượt lên phía trước. Đảng phải tự sửa mình, không để già cỗi, giữ vững vai trò lãnh đạo đất nước.

Tôi tin Đảng vẫn theo đúng đường lối của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra. Vì “Lúc nào Đảng ta và nhân dân ta thực hiện đúng tư tưởng chỉ đạo của Người thì lúc ấy, chúng ta đã giành được thắng lợi to lớn. Ngược lại, lúc nào xa rời tư tưởng của Người, không nói và làm như Người chỉ dẫn, là chúng ta không tránh được những sai lầm nghiêm trọng, hại cho Đảng cho dân.”⁽¹⁾

(1) Sách Hồ Chí Minh, sự hình thành một nhân cách lớn, tác giả Trần Thái Bình, NXB Trẻ, 5-2009, trang 218.

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG TRẠI GIAM TÙ BINH Ở PHÚ QUỐC

Các trại giam tù binh địch không chỉ giam giữ những nhân viên quân sự mà có cán bộ dân – chính – đảng và cả thường dân nữa. Ở Phú Quốc, nơi Mỹ ngụy giam giữ phần lớn tù binh, ngay từ đầu, địch đã giam anh em sĩ quan, trí thức người miền Bắc và những người “hồi kết” riêng một phân khu (B2). Từ giữa năm 1969, địch tách hạ sĩ quan, người miền Bắc, miền Nam, người dân tộc, người già; du kích, cán bộ dân sự và dân thường người miền Nam ra giam riêng. Đây là âm mưu thâm độc của địch nhằm có “đối sách” từng loại cụ thể để thực hiện chủ trương tiêu diệt sinh mạng chính trị của chiến sĩ cách mạng. Chúng tuyên bố: “Không diệt được tư tưởng thì đánh cho tàn phế để về đời, cộng sản không còn dùng được tụi bây nữa”.

Tất cả cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên đều được giáo dục, trong chiến đấu nếu không may bị địch bắt phải giữ vững khí tiết cách mạng, giữ bí mật cơ quan, đơn vị, tổ chức và cả lý lịch bản thân. Đại đa số anh em đều làm được điều nói trên, bịa ra họ tên, quê quán, công việc mình làm,

giữ được bí mật tổ chức. Vào tù, anh chị em đều ý thức rằng phải chiến đấu với quân thù. Phải giữ phẩm chất bản thân và đồng chí, đồng đội mình, lấy nhà tù của địch làm trường học của ta, đào tạo đội ngũ cán bộ vững vàng để sau này trở về phục vụ cách mạng. Họ nhận thức ở đâu có quần chúng, có đảng viên, ở đó cần có tổ chức của Đảng để lãnh đạo. Trong tù, càng cần có tổ chức để thống nhất ý chí và hành động, có sức mạnh để đối phó mọi âm mưu thâm độc của quân thù. Anh em tìm hiểu nhau thành lập chi bộ, cử chi ủy, đảng ủy là những người có trình độ, có lập trường, tư tưởng vững vàng vào các chức vụ này để lãnh đạo tù binh trong phân khu.

Nhiệm vụ chính của tổ chức đảng trong nhà tù là bảo toàn lực lượng cho cách mạng. Đây là nhiệm vụ trung tâm, thường trực và quan trọng nhất. Một công việc có lúc gặp không ít khó khăn vì phải thường xuyên đối phó với nhiều thủ đoạn tàn bạo, dã man, nham hiểm và ác độc của quân thù. Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng; tổ chức học văn hóa, chính trị, kỷ niệm các ngày lễ... đều là nhiệm vụ từng lúc theo tình hình, điều kiện từng phân khu, có tác dụng hỗ trợ đắc lực nhiệm vụ chính. Việc tổ chức vượt ngục trở về đời tiếp tục công tác là yêu cầu bức thiết, nhưng không phải ai cũng làm được. Đây là nhiệm vụ từng nơi, từng lúc khi tạo được thời cơ đối với một số anh em.

Do trình độ cán bộ, chiến sĩ từng trại không đều, tù nhận thức chủ quan khác nhau, quan điểm đấu tranh ta – địch có người cũng khác nhau. Điều đó đã nảy sinh một phân khu có nhiều tổ chức đảng, phân tán, chia lực lượng làm suy yếu ta (như ở trại 2 Hồ Nai – Biên Hòa, sau tổng tiến công Tết Mậu

Thân, địch đưa ra phân khu A2 Phú Quốc). Một bên, đảng ủy kia chủ trương sản xuất (trồng rau, nuôi vịt) để cải thiện. Một bên, đảng ủy này kiên quyết đấu tranh đòi địch phải cung cấp đủ tiêu chuẩn cho tù binh theo công ước Genève.

Thật ra đó là biểu hiện của tư tưởng co thủ, không dám đấu tranh với địch. Một người đảm trách chức vụ bí thư đảng ủy mà hằng ngày ra ngoài làm thợ mộc, gắn gùi giám thị, vót ống điếu, làm đồ mỹ nghệ cho bọn quân cảnh để kiếm thuốc lá, liệu khi giám thị bảo vót chày vỡ cho chúng dùng đánh tù thì có từ chối được không? Liệu người ấy có vững về lập trường, tư tưởng ta – địch, như vậy có xứng đáng là người lãnh đạo không? Đây là biểu hiện tư tưởng “tiến công hay co thủ” mà trong nanh vuốt kẻ thù, ta lùi thì địch lấn tới. Như vậy làm sao không ảnh hưởng đến tư tưởng đảng viên bên dưới? Cũng từ quan điểm nói trên, đảng ủy kia đã tập hợp một số người không đủ phẩm chất, khi địch khủng bố ác liệt đã có người của tổ chức này ngã gục, đầu hàng, khai báo với giặc, chạy qua khu Tần sinh hoạt.

Trong tù cũng như ngoài chiến trường, nơi nào tổ chức Đảng mạnh thì đảng viên dũng cảm, kiên cường, chiến đấu giỏi, thắng địch. Ngược lại, nếu tập hợp những đảng viên sa sút phẩm chất khi bị bắt; thời gian sinh hoạt trong tù không được giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng và bị tấm gương không tốt của cấp trên tác động sẽ làm ảnh hưởng đến tính chiến đấu của đảng viên, quần chúng tốt của cách mạng.

Trong trại giam tù binh, công tác xây dựng Đảng, trình độ, phẩm chất, lập trường tư tưởng của tù binh (hay phân loại đảng viên, chiến sĩ) có nhiều loại khác nhau. Phần đông

tích cực, hăng hái đấu tranh, bất khuất trước quân thù. Các đồng chí lớn tuổi thì chín chắn, thận trọng, cân nhắc, lựa chọn cách thức đấu tranh với địch. Các anh em trẻ tuổi thì hăng hái, tích cực, nhưng không ít người bỗng bột, xốc nổi, dễ bị kích động, thậm chí có người manh động, gây bất lợi cho ta. Thí dụ: Tại phân khu A2 sau cuộc đấu tranh ngày 23-11-1968 thắng lợi, đuổi được tên giám thị Hương ác ôn đi nơi khác, địch nhượng bộ cho ta bầu đại diện, trưởng phòng, tự quản lý nhà bếp, được học văn hóa, ta trấn áp bọn làm tay sai ngấm cho địch, khí thế phong trào lên cao..., một ít thanh niên dẫm ra kiêu căng, tỏ thái độ khiêu khích với lính quân cảnh, coi thường giám thị ra mặt... Điều đó dễ bị địch lấy cớ bắt đi đánh đập, khai thác tình hình, lộ bí mật trong trại, bất lợi cho ta. Đảng ủy phát hiện nên lãnh đạo, uốn nắn ngay, không để xảy ra tổn thất.

Bên cạnh đó, còn có diện lưng chừng, khi tình hình có thuận lợi thì tích cực, lúc khó khăn thì co thủ, không dám đấu với địch. Một số ít thuộc diện cầu an bảo mạng, sợ chết. Ngoài ra, còn có diện xấu. Đây là những người có khai báo, đầu hàng khi bị bắt, vào tù tiếp tục sa sút tinh thần, hoặc người tư tưởng lập trường không vững vàng, vào tù, họ chấp nhận làm tay sai, chỉ điểm cho địch. Những người này được bọn giám thị dùng công khai hoặc bí mật theo dõi anh em ta hoạt động trong phân khu rồi báo cho chúng. Ở những phân khu lực lượng ta yếu thì chúng ra mặt, thậm chí cầm cây, gây trực tiếp đánh tù binh. Số này khi địch lập khu Tân sinh hoạt đã chạy sang đó ở. Anh em còn lại là các cán bộ, đảng viên, đoàn viên và thanh niên vững vàng, phẩm chất rất tốt, gạc cội của cách mạng.

Trại nào lực lượng trung kiên đông, có tổ chức đảng, đảng ủy mạnh – có quan điểm đúng, đề ra chủ trương phù hợp từng lúc, lãnh đạo nhạy bén – thì trại đó mạnh, địch có phần nể sợ.

Tất cả các phân khu giam tù binh Phú Quốc đều có tổ chức đảng: đảng ủy hoặc liên chi ủy. Dưới đảng ủy là các chi bộ, chi đoàn thanh niên. Sự đấu tranh mạnh hay yếu khác nhau, nhưng nhìn chung đa số làm được nhiệm vụ chính trị của mình: giữ gìn lực lượng cho Đảng, cho cách mạng. Với 26.880 nhân viên quân sự, 5.081 nhân viên dân sự... ta đòi địch phải trả, đa số là tù binh. Địch giam ở Phú Quốc khoảng trên 30.000 người, đó là chưa kể hơn 4.000 anh em ta hy sinh. Những người được trao trả đã được trui rèn thử thách trong ác liệt. Không ít đồng chí đã được kết nạp Đảng trong tù do có thành tích xuất sắc trong đấu tranh với địch; nhiều đồng chí được nâng trình độ văn hóa lên 3, 4 lớp, có cơ sở sau này học lên đại học.

Số vào khu Tân sinh hoạt là 10.973 người, Nguyễn Văn Thiệu ký quyết định chuyển qua Bộ Chiêu hồi ngày 27-1-1973 và được phóng thích trước khi hai bên trao trả tù binh. Trong số này, có không ít người do sợ đánh đập không trụ lại nổi khu tù binh chứ không phải tất cả đều phản lại cách mạng, từng làm tay sai cho địch. Có một ít người bị ép vào khu tân sinh hoạt đã đấu tranh, tìm cách trở về khu tù binh, còn nhiều người khác muốn ra khỏi khu Tân sinh hoạt mà không thành.

Trại giam tù binh Phú Quốc với quy mô 12 khu (khu 1 và 2 là khu đôi mỗi phân khu có 18 phòng, các khu còn lại

mỗi khu có 4 phân khu, mỗi phân khu có 9 phòng – khu (chiếc) trải dài độ 5km, rộng hơn 400ha, địch giam giữ trên 30.000 người⁽¹⁾. Mỗi phân khu gần nhất cách nhau hai khoảng đất và các lớp rào kẽm gai, người đứng sát rào bên này cũng chỉ nói đôi tiếng với người bên kia, vì lính gác ngăn cấm tù giữa hai phân khu nói chuyện với nhau. Một số anh em viết thư cột đá ném sang phân khu bạn, cũng chỉ hỏi thăm nhau có tính cá nhân. Đã có trường hợp thư bị vướng kẽm gai (do quá cao) rớt bên trong các lớp rào, lính gác trên “lồng cu” trông thấy báo giám thị tìm bắt người có tên trong thư đánh đập, quy tội liên hệ cấu kết đấu tranh. Giữa hai đảng ủy khó mà đặt mối quan hệ vì rất dễ lộ. Giữa các khu cũng không liên lạc được với nhau. Thậm chí anh em đi tạp dịch gần nhau cũng không thể nói chuyện mà chỉ thông tin bằng ánh mắt mà thôi. Mỗi đảng ủy của phân khu tự độc lập tranh đấu. Do vậy, ta chưa tạo được sự liên kết, hỗ trợ cho nhau, tạo thêm sức mạnh. Chủ trương đấu tranh đảng ủy mỗi phân khu đề ra căn cứ thực tế nơi mình ở. Thái độ của giám thị, lính gác giúp ta phán đoán tình hình, âm mưu của địch mà đề ra chủ trương đấu tranh cho phù hợp. Đó là hạn chế lớn nhất trong việc xây dựng tổ chức đảng ở nhà tù Phú Quốc.

Bên cạnh đó, cũng không có sự chỉ đạo của Đảng ở ngoài vào, công tác binh địch vận cũng khó phát huy vì lính quân cảnh là sắc lính được ngụy quyền chọn lựa rất kỹ. Đa số họ có hận thù với cách mạng, mặt khác còn sợ chỉ huy,

(1) Các số liệu trong bài được rút từ sách “Trại giam tù binh Phú Quốc 1967 – 1973, những trang sử đẫm máu” của Trần Văn Kiêm, Ban Liên lạc Cựu tù binh Việt Nam chống Mỹ và NXB Tổng hợp TP.HCM ấn hành, tháng 8-2009.

không dám tiếp xúc với tù, ta rất khó khai thác tin tức bên ngoài. Thông tin qua báo chí Sài Gòn cũng rất hạn hữu, anh em đi tạp dịch cho lính bảo an, hải quân thì thoàng lượm được một mảnh nhỏ cũng cố giấu đem về trại cho lãnh đạo xem, vì rất quý. Ngay cả khi phái đoàn ta ra thăm tù binh sau khi Hiệp định Paris ký kết, địch không cho đi nhiều nơi mà chỉ gặp gỡ có tính đại diện nên đa số tù binh các phân khu cũng không biết tin tức quan trọng ấy.

Tóm lại, công tác tổ chức xây dựng Đảng trong các trại giam tù binh thời chống Mỹ, đặc biệt ở Phú Quốc, đã góp phần rất quan trọng trong việc bảo vệ, giữ gìn một lực lượng cán bộ, chiến sĩ của cách mạng. Những anh em này là vốn quý, khi trở về đã rất tích cực công tác. Nhiều người trở thành cán bộ cao cấp của Đảng, của Nhà nước, của quân đội...

NGÀY VỀ

1. Cuộc đời mỗi con người có những chuyến đi định trước ngày về, cũng có những chuyến đi không dự tính được ngày về dù sự chủ động không phải lệ thuộc hoàn toàn vào khách quan. Và có những chuyến đi không biết ngày nào được trở về, vì vận mệnh những con người đó hoàn toàn lệ thuộc vào vận mệnh của đất nước. Bản thân tôi là một trong những người như vậy...

Ai đi xa lâu ngày khi trở về cũng đầy náo nức, hào hứng. Đối với những người đi chiến đấu không may bị địch bắt làm tù binh chỉ khi đất nước giành được thắng lợi họ mới được về, sự trở về đó vô cùng quý giá. Chỉ có sự kiên cường, quyết sống mái với quân thù, giữ vững khí tiết cách mạng, thì ngày sum họp đoàn viên với đại gia đình cách mạng, với nhân dân làm tăng gấp bội niềm vui, náo nức so với những sự trở về thông thường khác.

Bị địch bắt, người chiến sĩ cách mạng bắt đầu bước vào một cuộc chiến đấu mới không cân sức, không có vũ khí

nhưng phải giữ vững “trận địa”, không được phép rút lui và cũng không được để thất bại. Ngay thời khắc đầu tiên họ phải vượt qua thử thách mà trước đó chưa từng trải qua. Nhiệm vụ là phải giữ bí mật cơ quan, đơn vị, tổ chức cách mạng, giấu cả lý lịch cá nhân dù bị địch tra tấn, đánh đập, khai thác. Kế tiếp là những tháng năm dài đấu tranh trong trại giam chống lại những thủ đoạn thâm độc của quân thù nhằm tiêu diệt sinh mạng chính trị người cách mạng. Thử thách nối tiếp thử thách, liên tục, hết đợt này đến đợt khác, lần nào cũng ác liệt, nhất là thời gian từ năm 1969 trở đi, địch chủ trương phân loại tù, chúng xếp diện du kích, người miền Nam riêng và khủng bố mạnh nhất, ép tù vào khu Tân sinh hoạt – một hình thức chiêu hồi trá hình. Địch phát động hàng loạt đợt khủng bố, tra tấn đánh đập, tung tin tâm lý chiến, cho quân cảnh tràn vào trại giam ban đêm đánh sát rạt và kêu gọi tù qua khu Tân sinh hoạt, chúng bắn cả đại liên vào trại giam vô cùng dã man, tàn ác để khủng bố tinh thần người tù. Chỉ có xác định “thà chết quyết không đầu hàng” mới giữ vững được khí tiết người chiến sĩ cách mạng. Hàng chục năm sau khi đã hòa bình, thống nhất đất nước chúng tôi vẫn còn mơ thấy địch tra tấn. Lòng căm thù giặc của người tù sâu như biển, không thể nào quên. Vậy mà hòa bình rồi, gặp lại những tên ác ôn như thượng sĩ Nhu – kẻ nổi tiếng tàn ác nhất trại giam Phú Quốc, anh em tù binh xưa từng bị Nhu tra tấn đều sẵn lòng tha thứ. Chỉ những con người cách mạng được Đảng giáo dục, học và làm theo đạo đức bao dung của Hồ Chí Minh mới có lòng vị tha ấy.

2. Những ngày cuối tháng 1-1973, trại giam tù binh Phú Quốc vẫn như bao ngày, lính quân cảnh vẫn canh gác, tù

binh vẫn sinh hoạt không có một hiện tượng nào cho thấy tình hình thời sự bên ngoài đã có chuyển biến mang tính quyết định vận mạng hàng vạn người tù đang bị giam giữ ở đây. Bọn quân cảnh rất kín tiếng, chúng không hề hé răng để lộ thời cuộc bên ngoài. Trại giam chúng tôi ở không biết được tin Hiệp định Paris đã được ký kết. Địch rất thâm độc, chúng giữ kín tin hòa bình đã lập lại để còn tính toán âm mưu này nọ, hoặc ít ra cũng để phòng tù binh đấu tranh đòi hỏi thi hành đúng công ước Geneva về tù binh mà chúng không thực hiện. Nhưng nhìn hiện tượng, thái độ của lính quân cảnh giữ tù, giám thị, đặc biệt là xe nhà binh (GMC) liên tục chở tù từ các khu Tân sinh hoạt, rồi tù binh (quần áo khác nhau: tù Tân sinh hoạt mặc đồ đen, tù binh màu nâu) đi về hướng sân bay dã chiến An Thới. Đảng ủy trại giam nhận định địch sẽ trao trả tù binh. Đến khi quân cảnh từ Ban điều hành trại giam đến gọi tên xếp tốp 100 người, hai ngày sau kê trả đồ cá nhân (khi Mỹ bắt họ thu giữ) thì việc địch chuẩn bị trao trả đã rõ ràng. Đảng ủy lựa chọn đảng viên trong số đó có tôi, giao phụ trách, quản lý 100 người trong tốp có mình để phòng địch trộn người xấu trên đường đi hoặc đưa đi giam giữ nơi khác, phải bảo vệ nhau trong mọi tình huống.

Sáng ngày 15-3-1973, địch đưa xe GMC đến gọi tên chở ra sân bay, tất cả ngồi trên sàn chiếc C47 có quân cảnh cầm súng lăm lăm như lúc ở đất liền bị dày ra đảo trước kia. Máy bay bay khá lâu, có lúc lắc, nhôi, dù không thấy bên ngoài nhưng chúng tôi nghĩ đang bay dọc biển. Đáp xuống sân bay,

chưa kịp nhìn là ở đâu thì phải lên xe chạy về hướng Bắc⁽¹⁾. Dọc đường thấy xe chở lính ngự chạy ngược lại. Xe dừng trên bến sông, anh em chúng tôi ngồi xếp hàng chờ xuống xà lan chở qua sông. Cảnh vật chung quanh còn in dấu tàn phá nặng nề của cuộc chiến. Khi người lính quân cảnh kêu anh em đứng lên cúng tôi không chui dưới cổng chào có treo cờ ba sọc của chính quyền Sài Gòn mà lách đi bên ngoài đã có những đoàn đi trước. Ra giữa sông, tôi lấy lá cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng giấu trong người ra giơ cao, chỉ huy anh em cởi bỏ quần áo nhảy xuống sông, chạy vô bờ Bắc. Các đồng chí đón tiếp trên bờ lội xuống bến sông dìu chúng tôi vào, tay bắt mặt mừng, ôm nhau như người ruột thịt. Cả toán 100 người hô khản cả giọng các khẩu hiệu: Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất muôn năm, Hồ Chủ tịch muôn năm, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam muôn năm... Thật trùng hợp, khẩu hiệu chúng tôi hô theo chỉ đạo của Đảng ủy đúng với các khẩu hiệu treo trên các băng rôn dọc điểm đón tiếp. Mỗi người được phát ngay quần áo, mũ cối, dép cao su, vật dụng cá nhân đựng trong một ba lô như trang bị của một chiến sĩ. Việc làm trước tiên là ai biết bạn bè, đồng đội quan trọng phải ghi tên vô sổ để ban đón tiếp theo dõi, đòi địch phải trao trả nếu chưa thấy về.

Xe ca chở chúng tôi về trạm đầu tiên trên đất Quảng Bình, đêm sau nghỉ ở Hà Tĩnh, ngày sau về tới Sầm Sơn. Điểm nào anh em cũng được đón tiếp thật chu đáo, những bài hát sôi nổi, không khí chiến thắng vang vang từ các loa

(1) Về sau biết đó là sân bay Phú Bài, Thừa Thiên – Huế. Địa điểm trao trả: sông Thạch Hãn, Quảng Trị.

phóng thanh *Tiếng đàn Talu, Việt Nam quê hương tôi, Bác cùng chúng cháu hành quân, Cùng anh tiến quân trên đường dài...* làm náo nức lòng người trở về, thật ấm áp, thân thiết và sôi động. Bà con Sầm Sơn gọi chúng tôi là “đoàn quân chiến thắng” một cách trìu mến như con em ruột thịt từ ngục tù về với gia đình.

3. Cuộc đời con người ai cũng có lúc gặp khổ đau và hạnh phúc. Với tôi, đau khổ nhất là ngày bị địch bắt (11-9-1967), thần kinh như muốn vỡ tung, miệng đắng nghét, đầu óc suy nghĩ căng như dây đàn, chuẩn bị đối đầu với quân thù... Tôi cũng có hai lần hạnh phúc. Lần đầu tiên khi được giao liên đưa vô vùng giải phóng, chính thức nhận công tác cách mạng, hoạt động trong cánh học sinh sinh viên nội thành Sài Gòn. Và lần sau lớn gấp bội phần, được về với Đảng, với nhân dân sau hơn 5 năm 6 tháng tù đày – đó là thời gian sống chết trước quân thù, bị tra tấn, đánh đập nhiều lần, ngồi cả biệt giam hai nơi nổi tiếng ác liệt nhất tại nhà tù Phú Quốc. Sự đón tiếp của Đảng, Nhà nước dành cho anh em ở tù ra thật thân thiết, tình đồng chí vô cùng cảm động. Đúng như câu nói “trống rung, cờ mở” đón ngày hội ngộ lớn, mừng vui chiến thắng của những người con yêu phải sống trong “nanh vuốt quân thù” nay được “sổ lồng” về với tổ ấm. Đây là lần trở về sung sướng nhất, hạnh phúc nhất và duy nhất, có một không hai của cả đời người, nó không bao giờ phai nhạt và góp phần củng cố tư tưởng lập trường, quan điểm tuyệt đối trung thành của cá nhân tôi đối với Đảng, với nhân dân.

Như câu nói: “Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại”. Từ ngục tù trở về trong khí thế của người chiến thắng thì còn gì

vinh quang và sung sướng, hạnh phúc hơn? Chủ tịch Hồ Chí Minh có bài thơ *Nghe tiếng già gạo* trong tập *Nhật ký trong tù* nói về sự trưởng thành của người tù rất đúng với hoàn cảnh chúng tôi:

*“Gạo đem vào già bao đau đớn
Gạo già xong rồi trắng tựa bông
Sống ở trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công!”*

Trong cái rủi có cái may, rủi bị tù, may không chết còn sống trở về⁽¹⁾. Trong cái mất có cái được, mất tự do, được qua thử thách ác liệt trong tù, đã rèn luyện được tính chịu đựng kham khổ, sống giản dị, giúp tôi sau này vượt qua mọi cám dỗ của tiền tài, vật chất; không đua đòi danh vọng, làm bất cứ việc gì Đảng cần, với tinh thần tích cực nhất để đền đáp công ơn của Đảng, của nhân dân và khỏi hổ thẹn với đồng đội đồng chí đã ngã xuống trong ngục tù Mỹ - ngụy.

*(Kỷ niệm 43 năm ngày ký Hiệp định Paris 1973,
trao trả tù binh)*

*** Chú thích:**

Những bài trong sách này đã đăng trong Tạp chí *Sổ tay Xây dựng Đảng* thuộc Ban Tuyên giáo Thành ủy, Tuần báo Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Dịch tra tấn đánh đập, bắn cả đại liên vào trại giam giết hơn 4.000 tù binh, trong thời gian từ giữa năm 1966 đến đầu năm 1973.

Lời cảm ơn

Tác giả chân thành cảm ơn:
Cty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn
(HOTRACO), đã nhiệt tình giúp đỡ kinh phí
cho việc in ấn, phát hành tập sách này.

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2016

Nguyễn Hải Phú



Phụ chú:

Do khuôn khổ cuốn sách có hạn, còn một số bài (bút danh Nguyễn Xuân Ba) như: Hồ Quang là ai? Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc; Người trung thực luôn kính yêu Hồ Chí Minh; Ai hèn với giặc? Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cách mạng tháng Tám; Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về chính quyền dân chủ nhân dân; Tố Hữu viết về Bác Hồ; Về hai bản Tuyên ngôn Độc lập; Về tác giả tập thơ Nhật ký trong tù; Bác Hồ muôn năm, Hồ Chí Minh từ góc nhìn của học giả Hoàng Xuân Hãn, Bác Hồ với Bác Tôn, Cụ Huỳnh Thúc Kháng...

Các bài trên có ở báo VN.TPHCM, 81, Trần Quốc Thảo Q3.

MỤC LỤC

LỜI TÁC GIẢ.....	7
------------------	---

BÁC HỒ LUÔN Ở TRONG TRÁI TIM TÔI

❖ BÁC HỒ LUÔN Ở TRONG TRÁI TIM TÔI.....	11
❖ BÁC HỒ VÀ BÔNG SEN.....	17
❖ TÌM HIỂU TUYẾN NGỒN ĐỘC LẬP.....	21
❖ BÀI THƠ XUÂN ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ.....	26
❖ BÁC HỒ Ở PÁC BÓ.....	29
❖ BÁC HỒ VỚI MIỀN NAM, MIỀN NAM VỚI BÁC HỒ.....	37
❖ VỤ ÁN NGUYỄN ÁI QUỐC Ở HỒNG KÔNG.....	62
❖ NGUYỄN ÁI QUỐC TÌM ĐƯỜNG VỀ NƯỚC.....	75
❖ TÌM HIỂU TƯ DUY NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH.....	100
❖ NGUYỄN ÁI QUỐC NGƯỜI CỘNG SẢN VIỆT NAM.....	113
❖ HỒ CHÍ MINH - VỊ LÃNH TỤ THIÊN TÀI.....	119
❖ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - VÍ NHÂN CỦA THẾ GIỚI.....	132
❖ ĐỘC ĐÁO HỒ CHÍ MINH.....	152
❖ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG.....	161
❖ HỒ CHÍ MINH NGƯỜI TRỌN NGHĨA VỆN TÌNH.....	164

❖ NGHĨ VỀ VIỆC “LÀM NGƯỜI HỌC TRÒ NHỎ” CỦA BÁC HỒ.....	177
❖ HỌC CÁCH BÁC HỒ CƯ XỬ	181
❖ ĐỌC, VIẾT VỀ BÁC HỒ LÀ NIỀM HẠNH PHÚC	190
❖ HỒ CHÍ MINH MỀM MỎNG VÀ KIÊN QUYẾT.....	198
❖ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI MỘT TRÍ THỨC.....	203
❖ ANH HÙNG BẤT ĐẮC DĨ.....	213
❖ THƠ NGUYỄN TẤT THÀNH ĐẾN THƠ HỒ CHÍ MINH	218

ĐẢNG TA LÀ ĐẠO ĐỨC, LÀ VĂN MINH, LÀ THỐNG NHẤT, ĐỘC LẬP, LÀ HÒA BÌNH, ẤM NO

❖ ĐÒI ĐIỀU BÀN VỀ TÍNH ĐẢNG.....	227
❖ VỀ VIỆC HỌC TẬP CỦA ĐẢNG VIÊN.....	231
❖ ĐẢNG VỚI MÙA XUÂN DÂN TỘC.....	235
❖ MỪNG XUÂN, NHỚ ƠN ĐẢNG.....	240
❖ VÌ SAO PHẢI CHỐNG ĐA ĐẢNG	244
❖ SUY NGHĨ NHÂN NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG	250
❖ VỀ TINH THẦN LẠC QUAN CÁCH MẠNG	255
❖ ĐÒI ĐIỀU VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA.....	259
❖ BÀN VỀ HỒNG VÀ CHUYÊN	263
❖ CHỮ KÝ VÀ TRÁCH NHIỆM.....	268
❖ VẤN ĐỀ VỀ QUAN ĐIỂM	271
❖ ĐỨC TÍNH TRUNG THỰC, TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẢNG VIÊN.....	275
❖ TÂM TÌNH CỦA MỘT ĐẢNG VIÊN.....	279
❖ TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG TRẠI GIAM TÙ BINH Ở PHÚ QUỐC.....	284
❖ NGÀY VỀ	291

NGUYỄN LÀM
NGƯỜI HỌC TRÒ NHỎ
của
BÁC HỒ

NGUYỄN HẢI PHÚ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – VĂN NGHỆ TP. HCM
HOCHIMINH CITY CULTURE-LITERATURE AND ARTS PUBLISHING HOUSE

88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 – TP. HCM

ĐT: (08)38216009 – 39142419 – Fax: (08) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvanhovannghe.org.vn

nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn

Website và bán hàng trực tuyến: nxbvanhoavannghe.org.vn

Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM

Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Huỳnh Thị Xuân Hạnh

Biên tập: Khuu Thế Quang

Sửa bản in: Trọng Tâm

Trình bày & bìa: Ngọc Huệ

Liên kết xuất bản:

Tác giả

Số lượng: 300 cuốn, khổ 14,5x20,5cm. Tại Xí nghiệp in FAHASA.

Địa chỉ: 774 đường Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, Tp. HCM.

Số đăng ký KHXB: 913-2016/CXBIPH/4-36/VNTPHCM.

Quyết định xuất bản số: 127-QĐ/NXBVHVN, ký ngày 6/04/2016.

Mã số ISBN: 978-604-68-2878-5

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2016.